(12) BẢN MÔ TẢ SÁNG CHẾ THUỘC BẰNG ĐỘC QUYỀN SÁNG CHẾ

(19) **Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (VN)**
CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ

(11) **1-0044859**

(51)[2020.01] **A01C 1/06**; A01H 5/10; A01M 1/20; A01N 43/50; A01N 43/54; A01N 43/58; A01N 43/653; A01N 43/707; A01N 43/90; A01P 7/00; A01P 7/04; A61K 31/4725; A61K 31/502; A61K 31/517; A61K 31/519; A61K 31/53; A61K 45/00; A61P 33/14; A61P 43/00; C07D 401/04; C07D 471/04; C07D 487/04; C07D 519/00; A01C 1/08

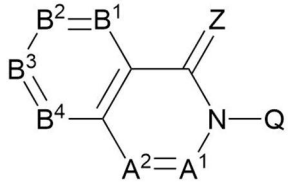
(13) **B**

(21) 1-2021-06877 (22) 27/03/2020
(86) PCT/JP2020/014004 27/03/2020 (87) WO2020/203763 08/10/2020
(30) 2019-066002 29/03/2019 JP; 2019-235932 26/12/2019 JP
(45) 25/04/2025 445 (43) 27/12/2021 405A
(71) SUMITOMO CHEMICAL COMPANY, LIMITED (JP)
27-1, Shinkawa 2-chome, Chuo-ku, Tokyo 1048260, Japan
(72) Takeshi TSURUDA (JP); Yoshihiko NOKURA (JP); Yasumasa SAITO (JP).
(74) Công ty TNHH một thành viên Sở hữu trí tuệ VCCI (VCCI-IP CO.,LTD)

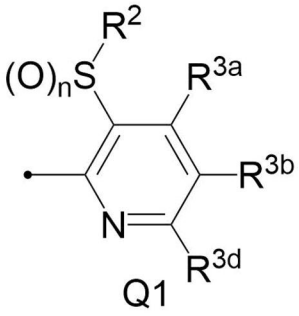
(54) HỢP CHẤT DỊ VÒNG VÀ CHẾ PHẨM KIỂM SOÁT ĐỘNG VẬT CHÂN ĐỐT GÂY HẠI CHỨA HỢP CHẤT NÀY

(21) 1-2021-06877

(57) Sáng chế đề cập đến hợp chất có hiệu quả vượt trội để chống lại các động vật chân đốt gây hại, mà có công thức (I) (trong đó: Q là nhóm có công thức Q1 v.v., Z là nguyên tử oxy v.v., A^1 là CR^{4a} v.v., A^2 là nguyên tử nitơ v.v., B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a} v.v., B^2 là CR^1 v.v., B^3 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6c} v.v., B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d} v.v., R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 v.v., R^2 là nhóm C1-C6 alkyl v.v., R^{3a}, R^{3b} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 v.v., R^{4a}, R^{6a}, R^{6c} và R^{6d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 v.v. và n là 0, 1 hoặc 2) hoặc N-oxit của nó và chế phẩm kiểm soát động vật chân đốt gây hại chứa hợp chất này và phương pháp kiểm soát các động vật chân đốt gây hại bằng cách sử dụng hợp chất này.



(I),



Lĩnh vực kỹ thuật được đề cập

[0001]

Sáng chế đề cập đến loại hợp chất dị vòng xác định và chế phẩm kiểm soát động vật chân đốt gây hại chứa hợp chất này.

Tình trạng kỹ thuật của sáng chế

[0002]

Cho đến nay, để kiểm soát động vật chân đốt gây hại thì một số hợp chất đã được nghiên cứu. Ví dụ như, loại hợp chất xác định đã biết có hiệu quả kiểm soát sâu bệnh (xem tài liệu Patent 1).

Danh sách trích dẫn

Tài liệu Patent

[0003]

Tài liệu Patent 1: WO 2016/129684

Bản chất kỹ thuật của sáng chế

Vấn đề cần được giải quyết bởi sáng chế

[0004]

Mục đích của sáng chế là đề xuất hợp chất có hiệu quả vượt trội trong việc kiểm soát các động vật chân đốt gây hại.

Cách thức giải quyết vấn đề

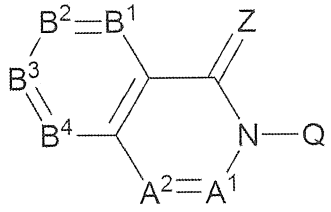
[0005]

Các tác giả sáng chế đã nghiên cứu chuyên sâu để tìm ra các hợp chất có hiệu quả vượt trội trong việc kiểm soát các động vật chân đốt gây hại, và kết quả là các tác giả sáng chế thấy rằng hợp chất có công thức (I) được nhắc đến sau đây có hiệu quả vượt trội trong việc kiểm soát các động vật chân đốt gây hại.

[0006]

Nghĩa là, sáng chế bao gồm như sau.

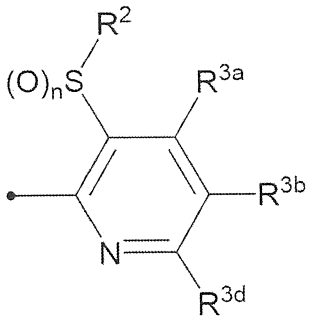
[1] Hợp chất có công thức (I):



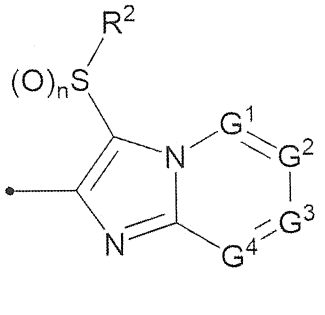
(I)

[trong đó

Q là nhóm có công thức Q1 hoặc nhóm có công thức Q2,



Q1



Q2

Z là nguyên tử oxy hoặc nguyên tử lưu huỳnh,

hỗn hợp của A1 và A2 là

hỗn hợp trong đó A^1 là CR^{4a} và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{4b}; hoặc

hỗn hợp trong đó A^1 là nguyên tử nitơ và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{4b},

hỗn hợp của B^1, B^2, B^3 và B^4 là,

hỗn hợp trong đó B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a}, B^2 là CR^1, B^3 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6c} và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d};

hỗn hợp trong đó B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a}, B^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6b}, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d};

hỗn hợp trong đó B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a}, B^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6b}, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^1;

hỗn hợp trong đó B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a}, B^2 là CR^{6b}, B^3 là

nguyên tử nitơ và B^4 là CR^1; hoặc

hỗn hợp trong đó B^1 là CR^{6a}, B^2 là nguyên tử nitơ, B^3 là nguyên tử nitơ và B^4 là CR^1,

R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8, nguyên tử halogen hoặc $OS(O)_2R^8$,

m là 0, 1 hoặc 2,

R^8 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; hoặc nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen,

R^{4a}, R^{4b}, R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, NR^9R^{10}, $C(O)R^7$, $C(O)NR^{19}R^{20}$, $NR^9C(O)R^{18}$, $NR^9C(O)OR^{18}$, $NR^9C(O)NR^{19}R^{20}$, nhóm xyano, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^9 và R^{19} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^{10} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm C3-C7 xycloalkenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nguyên tử hyđro hoặc $S(O)_2R^{21}$,

R^{21} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D,

R^7, R^{18} và R^{20} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J hoặc nguyên tử hyđro,

n là 0, 1 hoặc 2,

R^2 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl hoặc nhóm xyclopropylmetyl,

G^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3a},

G^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3b},

G^3 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3c},

G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d},

R^{3a}, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm B, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm E, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H, OR^{12}, $NR^{11}R^{12}$, $NR^{11a}R^{12a}$, $NR^{24}NR^{11}R^{12}$, $NR^{24}OR^{11}$, $NR^{11}C(O)R^{13}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)R^{13}$, $NR^{11}C(O)OR^{14}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)OR^{14}$, $NR^{11}C(O)NR^{31}R^{32}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)NR^{31}R^{32}$, $N=CHNR^{31}R^{32}$, $N=S(O)_pR^{15}R^{16}$, $C(O)R^{13}$, $C(O)OR^{17}$, $C(O)NR^{31}R^{32}$, $C(O)NR^{11}S(O)_2R^{23}$, $CR^{30}=NOR^{17}$, $NR^{11}CR^{24}=NOR^{17}$, $S(O)_qR^{23}$, nhóm xyano, nhóm nitro, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen,

p là 0 hoặc 1,

q là 0 hoặc 1,

R^{30} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen OR^{35}, $NR^{36}R^{37}$ hoặc nguyên tử hyđro,

R^{35} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

R^{17} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử

halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D hoặc nguyên tử hyđro,

R^{11}, R^{24}, R^{36} và R^{37} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^{12} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm C3-C7 xycloalkenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nguyên tử hyđro hoặc $S(O)_2R^{23}$,

R^{23} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D,

R^{11a} và R^{12a} kết hợp cùng với nguyên tử nitơ mà chúng gắn vào là nhóm dị vòng không thơm có từ 3 đến 7 cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm E,

R^{13} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D hoặc nguyên tử hyđro,

R^{14} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl C1-C3 alkyl {gốc phenyl trong nhóm phenyl C1-C3 alkyl có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D},

R^{15} và R^{16} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

R^{31} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc

nguyên tử hyđro,

R^{32} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J hoặc nguyên tử hyđro,

khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào là vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng oxadiazol, vòng thiadiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin, vòng pyrazin {vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin và vòng pyrazin đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H} hoặc vòng triazol tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm I,

Nhóm B: nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfanyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfinyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm D: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc

nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfanyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfinyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm E: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy, nhóm oxo và nguyên tử halogen,

Nhóm F: nhóm bao gồm nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều

nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm H: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm (C1-C6 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm I: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C2-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm (C1-C6 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

Nhóm J: nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm amino, nhóm xyano và nguyên tử halogen]

(sau đây, được gọi là "hợp chất sáng chế P" hoặc "hợp chất P theo sáng chế") hoặc N-oxit của nó (sau đây, hợp chất có công thức (I) hoặc N-oxit của nó được gọi chung là "hợp chất sáng chế X" hoặc "hợp chất X theo sáng chế").

[2] Hợp chất theo mục [1], trong đó:

hỗn hợp của A^1 và A^2 là

hỗn hợp trong đó A^1 là CR^{4a} và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{4b}; hoặc

hỗn hợp trong đó A^1 là nguyên tử nitơ và A^2 là CR^{4b},

R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8 hoặc $OS(O)_2R^8$

(sau đây, được gọi là "hợp chất sáng chế N" hoặc "hợp chất N theo sáng chế") hoặc N-oxit của nó (sau đây, hợp chất có công thức (I) hoặc N-oxit của nó được gọi chung là "hợp chất sáng chế" hoặc "hợp chất theo sáng chế")

[3] Hợp chất theo mục [1] hoặc [2] hoặc N-oxit của nó, trong đó:

R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, CR^{30}=NOR^{17}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, và khi Q là nhóm có công thức Q1, và R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen {vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có

một hoặc nhiều nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen).

[4] Hợp chất theo mục [1] hoặc [2] hoặc N-oxit của nó, trong đó:

R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, và khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen).

[5] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [4] hoặc N-oxit của nó, trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[6] Hợp chất theo mục [1] hoặc [2] hoặc N-oxit của nó, trong đó Q là nhóm có công thức Q1 và R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro.

[7] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [4] hoặc N-oxit của nó, trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[8] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [7] hoặc N-oxit của nó, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^{6d}; hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^1 và B^4 là CR^{6d}; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^1.

[9] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [4], [7] hoặc [8] hoặc N-oxit của nó, trong đó G^1 là nguyên tử nitơ hoặc CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[10] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [4], [6] hoặc [7] hoặc N-oxit của nó, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[11] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [10] hoặc N-oxit của nó, trong đó R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; nguyên tử halogen; hoặc OR^8.

[12] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [10] hoặc N-oxit của nó,

trong đó R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; hoặc OR^8.

[13] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [12] hoặc N-oxit của nó, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[14] Hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [13] hoặc N-oxit của nó, trong đó Z là nguyên tử oxy.

[15] Chế phẩm kiểm soát động vật chân đốt gây hại chứa hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [14] hoặc N-oxit của nó.

[16] Chế phẩm bao gồm một hoặc nhiều thành phần được chọn từ nhóm bao gồm nhóm (a), nhóm (b), nhóm (c) và nhóm (d) sau đây, và hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [14] hoặc N-oxit của nó (sau đây, được gọi là "chế phẩm sáng chế" hoặc "chế phẩm theo sáng chế"):

nhóm (a): nhóm bao gồm các thành phần trừ sâu, các thành phần trừ nhện và các thành phần trừ tuyến trùng;

nhóm (b): các thành phần diệt nấm,

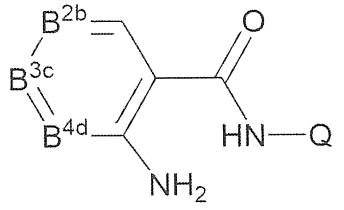
nhóm (c): các thành phần điều biến tăng trưởng thực vật; và

nhóm (d): các thành phần trừ rệp.

[17] Phương pháp kiểm soát động vật chân đốt gây hại bao gồm sử dụng lượng hữu hiệu hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [14] hoặc N-oxit của nó hoặc lượng hữu hiệu chế phẩm theo mục [16] cho động vật chân đốt gây hại hoặc môi trường sống nơi mà động vật chân đốt gây hại sống.

[18] Hạt giống hoặc cơ quan sinh sản sinh dưỡng mang lượng hữu hiệu hợp chất theo mục bất kỳ trong số các mục từ [1] đến [14] hoặc N-oxit của nó hoặc lượng hữu hiệu chế phẩm theo mục [16].

[19] Hợp chất có công thức (II):



(II)

(trong đó,

hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là

hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6cc}, và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd};

hỗn hợp trong đó B^{2b} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1, và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc

hỗn hợp trong đó B^{2b} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6bb}, B^{3c} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6cc}, và B^{4d} là CR^1.

R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro và

các ký hiệu khác giống như các ký hiệu được định nghĩa ở mục [1])

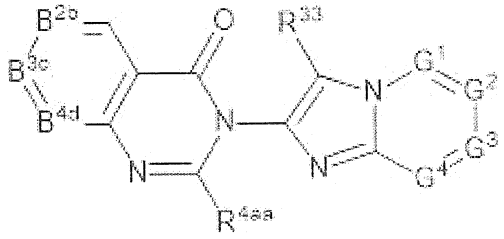
(sau đây, được gọi là "hợp chất trung gian C") hoặc các muối của nó.

[20] Hợp chất theo mục [19] trong đó:

R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8 hoặc $OS(O)_2R^8$

(sau đây, được gọi là "hợp chất trung gian A") hoặc các muối của nó.

[21] Hợp chất có công thức (III):



(III)

(trong đó:

R^{33} là nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen,

hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là

hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6cc}, và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd};

hỗn hợp trong đó B^{2b} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1, và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc

hỗn hợp trong đó B^{2b} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6bb}, B^{3c} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6cc}, và B^{4d} là CR^1;

R^{4aa}, R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro và

các ký hiệu khác giống như các ký hiệu được định nghĩa ở mục [1].),

(sau đây, được gọi là "hợp chất trung gian D").

[22] Hợp chất theo mục [21], trong đó R1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8 hoặc $OS(O)_2R^8$

(sau đây, được gọi là "hợp chất trung gian B").

Hiệu quả của sáng chế

[0007]

Sáng chế có thể kiểm soát động vật chân đốt gây hại.

Mô tả chi tiết sáng chế

[0008]

(Các) nhóm thế được mô tả ở đây được giải thích như sau.

Thuật ngữ "nguyên tử halogen" là nguyên tử flo, nguyên tử clo, nguyên tử brom hoặc nguyên tử iot.

Khi các nhóm thế có hai hoặc nhiều nguyên tử halogen, các nguyên tử halogen này có thể giống nhau hoặc khác nhau.

Ký hiệu "CX-CY" được sử dụng ở đây biểu thị số nguyên tử cacbon là từ X đến Y. Ví dụ như, ký hiệu "C1-C6" biểu thị rằng số nguyên tử cacbon là từ 1 đến 6.

Thuật ngữ "nhóm mạch hyđrocacbon" là nhóm alkyl, nhóm alkenyl hoặc nhóm alkynyl.

Ví dụ về "nhóm alkyl" bao gồm nhóm metyl, nhóm etyl, nhóm propyl, nhóm isopropyl, nhóm 1,1-đimetylpropyl, nhóm 1,2-đimetylpropyl, nhóm 1-etylpropyl, nhóm butyl, nhóm sec-butyl, nhóm tert-butyl, nhóm pentyl và nhóm hexyl.

Ví dụ về "nhóm alkenyl" bao gồm nhóm vinyl, nhóm 1-propenyl, nhóm 2-propenyl, nhóm 1-metyl-1-propenyl, nhóm 1-metyl-2-propenyl, nhóm 1,2-đimetyl-1-propenyl, nhóm 1-etyl-1-propenyl, nhóm 3-butenyl, nhóm 4-pentenyl và nhóm 5-hexenyl.

Ví dụ về "nhóm alkynyl" bao gồm nhóm etynyl, nhóm 1-propynyl, nhóm 2-propynyl, nhóm 1-metyl-2-propynyl, nhóm 1,1-đimetyl-2-propynyl, nhóm 1-etyl-2-propynyl, nhóm 2-butynyl, nhóm 4-pentynyl và nhóm 5-hexynyl.

Các ví dụ về "nhóm alkoxy" bao gồm nhóm methoxy, nhóm ethoxy, nhóm propoxy, nhóm isopropoxy, nhóm butoxy, nhóm tert-butoxy, nhóm pentoxy và nhóm hexyloxy.

Các ví dụ về "nhóm alkenyloxy" bao gồm nhóm 2-propenyloxy, nhóm 2-butenyloxy và nhóm 5-hexenyloxy.

Các ví dụ về "nhóm alkynyloxy" bao gồm nhóm 2-propynyloxy, nhóm 2-butynyloxy và nhóm 5-hexynyloxy.

Các ví dụ về "nhóm floalkyl" bao gồm nhóm triflometyl, nhóm 2,2,2-trifloetyl,

nhóm pentafloetyl, nhóm 2,2,3,3,3-pentaflopropyl, nhóm 1,1,1-triflopropan-2-yl và nhóm heptaflopropyl.

Các ví dụ về "nhóm floalkoxy" bao gồm nhóm flomethoxy, nhóm điflomethoxy, nhóm triflomethoxy, nhóm 2,2,2-trifloethoxy, nhóm perfloethoxy và nhóm perflopropoxy.

[0009]

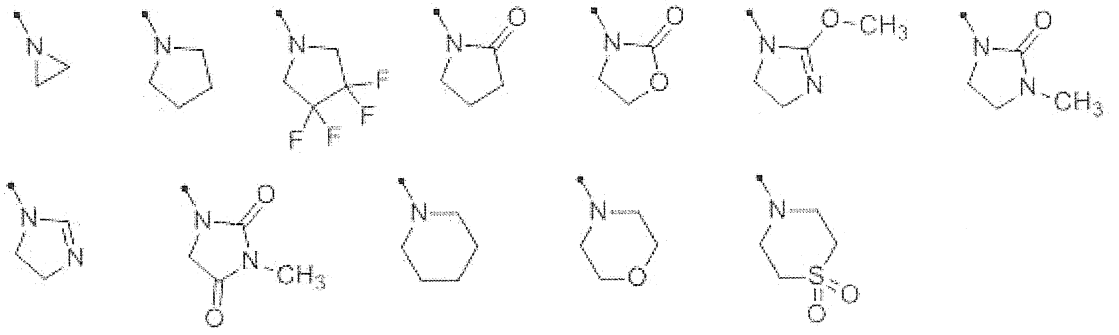
Các ví dụ về "nhóm xycloalkyl" bao gồm nhóm xyclopropyl, nhóm xyclobutyl, nhóm xyclopentyl, nhóm xyclohexyl và nhóm xycloheptyl.

Các ví dụ về "nhóm xycloalkenyl" bao gồm nhóm xyclopropenyl, nhóm xyclobutenyl, nhóm xyclopentenyl, nhóm xyclohexenyl và nhóm xycloheptenyl.

[0010]

Các ví dụ về "nhóm dị vòng không thơm có từ 3 đến 7 cạnh" bao gồm vòng aziridin, vòng azetidin, vòng pyrrolidin, vòng imidazolin, vòng imidazolidin, vòng piperidin, vòng tetrahydropyrimidin, vòng hexahydropyrimidin, vòng piperazin, vòng azepan, vòng oxazolidin, vòng isoxazolidin, vòng 1,3-oxazinan, vòng morpholin, vòng 1,4-oxazepan, vòng thiazolidin, vòng isothiazolidin, vòng 1,3-thiazinan, vòng thiomorpholin và vòng 1,4-thiazepan.

Các ví dụ về nhóm dị vòng không thơm có từ 3 đến 7 cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm E bao gồm như sau:



[0011]

Thuật ngữ "nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh" là nhóm dị vòng thơm năm (5) cạnh hoặc nhóm dị vòng thơm sáu (6) cạnh, và các ví dụ về nhóm dị

vòng thơm năm (5) cạnh bao gồm nhóm pyrrolyl, nhóm furyl, nhóm thienyl, nhóm pyrazolyl, nhóm imidazolyl, nhóm triazolyl, nhóm tetrazolyl, nhóm oxazolyl, nhóm isoxazolyl, nhóm thiazolyl, nhóm isothiazolyl, nhóm oxadiazolyl và nhóm thiadiazolyl. Các ví dụ về nhóm dị vòng thơm sáu (6) cạnh bao gồm nhóm pyridyl, nhóm pyridazinyl, nhóm pyrimidinyl, nhóm pyrazinyl, nhóm triazinyl và nhóm tetrazinyl.

[0012]

Các ví dụ về "nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen" bao gồm nhóm xyclopropylmetyl, nhóm (2-floxyclopropyl)metyl, nhóm xyclopropyl(flo)metyl và nhóm (2-floxyclopropyl)(flo)metyl.

[0013]

Các ví dụ về "nhóm phenyl C1-C3 alkyl {gốc phenyl trong nhóm phenyl C1-C3 alkyl có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D}" bao gồm nhóm benzyl, nhóm 2-flobenzyl, nhóm 4-clobenzyl, nhóm 4-(trifometyl)benzyl và nhóm 2-[4-(triflometyl)phenyl]etyl.

[0014]

Các thuật ngữ "nhóm alkylsulfanyl", "nhóm alkylsulfinyl" và "nhóm alkylsulfonyl" tương ứng là nhóm alkyl chứa gốc S(O)z.

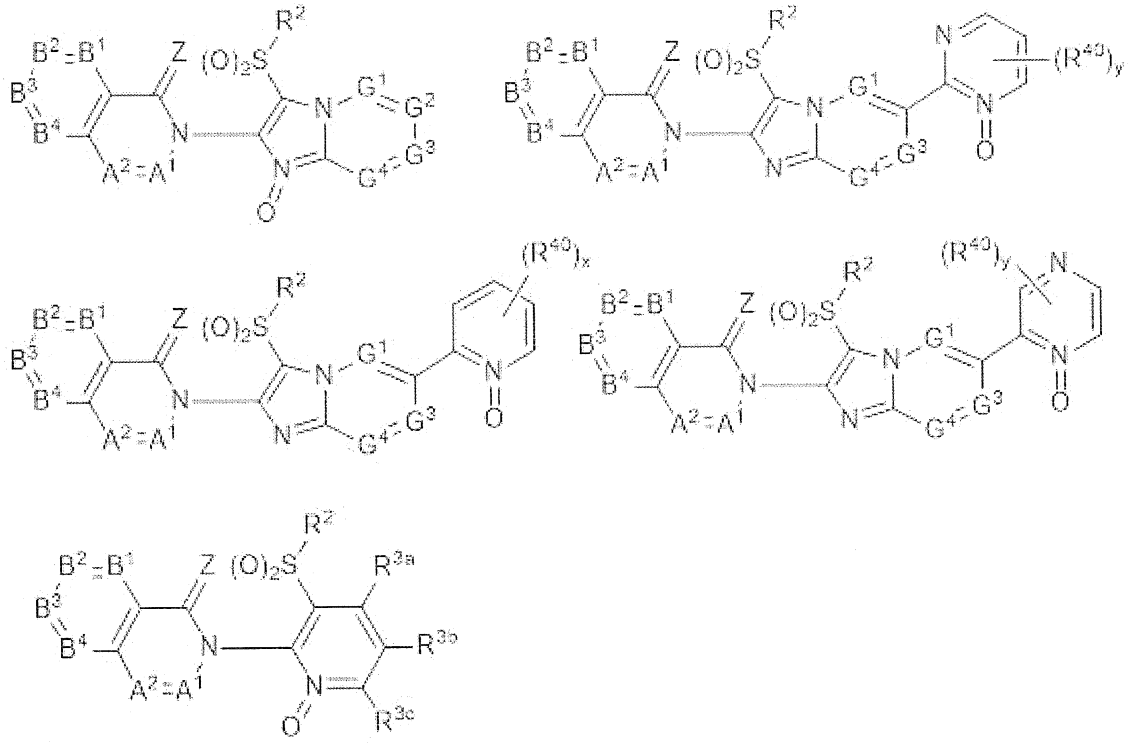
Ví dụ như, các ví dụ về "alkylsulfanyl" khi z là 0 bao gồm nhóm metylsulfanyl, nhóm etylsulfanyl, nhóm propylsulfanyl và nhóm isopropylsulfanyl.

Ví dụ như, các ví dụ về "alkylsulfinyl" khi z là 1 bao gồm nhóm metylsulfinyl, nhóm etylsulfinyl, nhóm propylsulfinyl và nhóm isopropylsulfinyl.

Ví dụ như, các ví dụ về "alkylsulfonyl" khi z là 2 bao gồm nhóm metylsulfonyl, nhóm etylsulfonyl, nhóm propylsulfonyl và nhóm isopropylsulfonyl.

[0015]

Các ví dụ về "N-oxit của hợp chất có công thức (I)" bao gồm các hợp chất có các công thức như sau.



(trong đó: R^{40} là nhóm thế bất kỳ được chọn từ nhóm H, x là 0, 1, 2, 3 hoặc 4, y là 0, 1, 2 hoặc 3 và các ký hiệu khác giống với các ký hiệu đã được định nghĩa.)

[0016]

Hợp chất sáng chế X, hợp chất trung gian C và hợp chất trung gian D có thể tồn tại dưới dạng một hoặc nhiều chất đồng phân lập thể. Các ví dụ về chất đồng phân lập thể bao gồm chất đồng phân đối quang, chất đồng phân không đối quang và chất đồng phân hình học. Từng chất đồng phân lập thể và (các) hỗn hợp chất đồng phân lập thể theo tỷ lệ bất kỳ của chúng được bao gồm trong hợp chất sáng chế X, hợp chất trung gian C và hợp chất trung gian D.

[0017]

Hợp chất sáng chế X và hợp chất trung gian C có thể tạo thành các muối cộng axit. Các ví dụ về axit để tạo thành muối cộng axit bao gồm các axit vô cơ như là hyđro clorua, axit phosphoric, axit sulfuric; và các axit hữu cơ như là axit axetic, axit trifloaxetic, axit benzoic, axit p-toluensulfonic. Muối cộng axit có thể thu được bằng cách trộn hợp chất sáng chế X hoặc hợp chất trung gian C với axit.

[0018]

Các ví dụ về phương án của hợp chất sáng chế N bao gồm sau đây.

[0019]

[Phương án 1] Hợp chất sáng chế N trong đó R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, $CR^{30}=NOR^{17}$, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, và khi Q là nhóm có công thức Q1, và R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào là vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nguyên tử halogen).

[Phương án 2] Hợp chất sáng chế N trong đó R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, và khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào là vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có các nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen).

[Phương án 3] Hợp chất sáng chế N trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án 4] Hợp chất theo phương án 1 trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án 5] Hợp chất theo phương án 2 trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án 6] Hợp chất sáng chế N trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án 7] Hợp chất theo phương án 1 trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án 8] Hợp chất theo phương án 2 trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án 9] Hợp chất sáng chế N trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế

được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, CR^{30}=NOR^{17}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án 10] Hợp chất sáng chế N trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án 11] Hợp chất sáng chế N trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng oxadiazol, vòng thiadiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin, vòng pyrazin (vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin và vòng pyrazin đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H) hoặc vòng triazol tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm I.

[Phương án 12] Hợp chất sáng chế N trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen).

[Phương án 13] Hợp chất sáng chế N trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án 14] Hợp chất sáng chế N trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là GR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 15] Hợp chất sáng chế N trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là GR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 16] Hợp chất sáng chế N trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 17] Hợp chất theo phương án 1 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án 18] Hợp chất theo phương án 2 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CH.

[Phương án 19] Hợp chất theo phương án 3 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án 20] Hợp chất theo phương án 4 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án 21] Hợp chất theo phương án 5 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án 22] Hợp chất theo phương án 1 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 23] Hợp chất theo phương án 2 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 24] Hợp chất theo phương án 3 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 25] Hợp chất theo phương án 4 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 26] Hợp chất theo phương án 5 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 27] Hợp chất theo phương án 1 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là

CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 28] Hợp chất theo phương án 2 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 29] Hợp chất theo phương án 3 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 30] Hợp chất theo phương án 4 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 31] Hợp chất theo phương án 5 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 32] Hợp chất theo phương án 1 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án 33] Hợp chất theo phương án 2 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 34] Hợp chất theo phương án 3 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 35] Hợp chất theo phương án 4 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 36] Hợp chất theo phương án 5 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 37] Hợp chất sáng chế N trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 38] Hợp chất sáng chế N trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 39] Hợp chất theo phương án 1 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 40] Hợp chất theo phương án 2 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 41] Hợp chất theo phương án 3 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 42] Hợp chất theo phương án 4 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 43] Hợp chất theo phương án 5 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 44] Hợp chất theo phương án 6 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 45] Hợp chất theo phương án 7 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 46] Hợp chất theo phương án 8 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 47] Hợp chất theo phương án 9 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 48] Hợp chất theo phương án 10 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 49] Hợp chất theo phương án 11 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 50] Hợp chất theo phương án 12 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 51] Hợp chất theo phương án 13 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 52] Hợp chất theo phương án 14 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 53] Hợp chất theo phương án 15 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 54] Hợp chất theo phương án 16 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 55] Hợp chất theo phương án 17 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 56] Hợp chất theo phương án 18 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 57] Hợp chất theo phương án 19 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 58] Hợp chất theo phương án 20 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 59] Hợp chất theo phương án 21 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 60] Hợp chất theo phương án 22 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 61] Hợp chất theo phương án 23 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 62] Hợp chất theo phương án 24 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 63] Hợp chất theo phương án 25 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 64] Hợp chất theo phương án 26 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 65] Hợp chất theo phương án 27 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 66] Hợp chất theo phương án 28 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 67] Hợp chất theo phương án 29 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 68] Hợp chất theo phương án 30 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 69] Hợp chất theo phương án 31 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 70] Hợp chất theo phương án 32 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 71] Hợp chất theo phương án 33 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 72] Hợp chất theo phương án 34 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 73] Hợp chất theo phương án 35 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 74] Hợp chất theo phương án 36 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án 75] Hợp chất theo phương án 1 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 76] Hợp chất theo phương án 2 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 77] Hợp chất theo phương án 3 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 78] Hợp chất theo phương án 4 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 79] Hợp chất theo phương án 5 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 80] Hợp chất theo phương án 6 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 81] Hợp chất theo phương án 7 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 82] Hợp chất theo phương án 8 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 83] Hợp chất theo phương án 9 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 84] Hợp chất theo phương án 10 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 85] Hợp chất theo phương án 11 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 86] Hợp chất theo phương án 12 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 87] Hợp chất theo phương án 13 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 88] Hợp chất theo phương án 14 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 89] Hợp chất theo phương án 15 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 90] Hợp chất theo phương án 16 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 91] Hợp chất theo phương án 17 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 92] Hợp chất theo phương án 18 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 93] Hợp chất theo phương án 19 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 94] Hợp chất theo phương án 20 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 95] Hợp chất theo phương án 21 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 96] Hợp chất theo phương án 22 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 97] Hợp chất theo phương án 23 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 98] Hợp chất theo phương án 24 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 99] Hợp chất theo phương án 25 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 100] Hợp chất theo phương án 26 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 101] Hợp chất theo phương án 27 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 102] Hợp chất theo phương án 28 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 103] Hợp chất theo phương án 29 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 104] Hợp chất theo phương án 30 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 105] Hợp chất theo phương án 31 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 106] Hợp chất theo phương án 32 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 107] Hợp chất theo phương án 33 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 108] Hợp chất theo phương án 34 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 109] Hợp chất theo phương án 35 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 110] Hợp chất theo phương án 36 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án 111] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; hoặc OR^8 và R^8 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano.

[Phương án 112] Hợp chất theo phương án 111 trong đó A^1 là CR^{4a}, A^2 là nguyên tử nitơ, R^{4a} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, và R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án 113] Hợp chất theo phương án 111 trong đó R^{4a} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, B^1 là CR^{6a}, và hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CR^{6c} và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d}; hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d}; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^1, và R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án 114] Hợp chất theo phương án 113 trong đó A^1 là CR^{4a} và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 115] Hợp chất theo phương án 111 trong đó A^1 là CH, A^2 là nguyên tử nitơ, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1.

[Phương án 116] Hợp chất theo phương án 111 trong đó R^{4a} và R^{4b} là nguyên tử hyđro, B^1 là CH, và hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1.

[Phương án 117] Hợp chất theo phương án 111 trong đó A^1 là CH, A^2 là nguyên tử nitơ, B^1 là CH, và hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1.

[Phương án 118] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)_mCF_3$, và R^{4a} và R^{4b} là nguyên tử hyđro.

[Phương án 119] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4

là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH, B^4 là CR^1 và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)_mCF_3$, và R^{4a} và R^{4b} là nguyên tử hyđro.

[Phương án 120] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)_mCF_3$, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 121] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)_mCF_3$, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 122] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, B^4 là nguyên tử nitơ, hỗn hợp của B^2 và B^3 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1 và B^3 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH và B^3 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)_mCF_3$, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 123] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, A^1 là CH, A^2 là nguyên tử nitơ, và R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là nguyên tử hyđro.

[Phương án 124] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, và R^{4a} và R^{4b} là nguyên tử hyđro.

[Phương án 125] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 126] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl và R^{4a} và R^{4b} là nguyên tử hyđro.

[Phương án 127] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, B^4 là nguyên tử nitơ, hỗn hợp của B^2 và B^3 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1 và B^3 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH và B^3 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 128] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp của B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án 129] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ 1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế N, trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 130] Hợp chất theo phương án 111 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 131] Hợp chất theo phương án 112 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 132] Hợp chất theo phương án 113 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 133] Hợp chất theo phương án 114 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 134] Hợp chất theo phương án 115 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 135] Hợp chất theo phương án 116 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 136] Hợp chất theo phương án 117 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 137] Hợp chất theo phương án 118 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 138] Hợp chất theo phương án 119 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 139] Hợp chất theo phương án 120 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 140] Hợp chất theo phương án 121 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 141] Hợp chất theo phương án 122 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 142] Hợp chất theo phương án 123 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 143] Hợp chất theo phương án 124 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 144] Hợp chất theo phương án 125 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 145] Hợp chất theo phương án 126 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 146] Hợp chất theo phương án 127 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 147] Hợp chất theo phương án 128 trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án 148] Hợp chất sáng chế N trong đó Z là nguyên tử oxy, A^1 là CH, A^2 là nguyên tử nitơ, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm triflometyl, R^2 là nhóm etyl, G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, G^4 là CH, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm xyclopropyl, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro và R^{3d} là nguyên tử hyđro.

[0020]

Các ví dụ về phương án của hợp chất sáng chế P bao gồm sau đây.

[0021]

[Phương án P1] Hợp chất sáng chế P trong đó R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen).

[Phương án P2] Hợp chất sáng chế P trong đó R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào là vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen).

[Phương án P3] Hợp chất sáng chế P trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án P4] Hợp chất theo phương án P1 trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án P5] Hợp chất theo phương án P2 trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án P6] Hợp chất sáng chế P trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án P7] Hợp chất theo phương án P1 trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án P8] Hợp chất theo phương án P2 trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án P9] Hợp chất sáng chế P trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, $CR^{30}=NOR^{17}$, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án P10] Hợp chất sáng chế P trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án P11] Hợp chất sáng chế P trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào tạo thành vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng oxadiazol, vòng thiadiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin, vòng pyrazin (vòng

benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin và vòng pyrazin đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H} hoặc vòng triazol tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm I.

[Phương án P12] Hợp chất sáng chế P trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen).

[Phương án P13] Hợp chất sáng chế P trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án P14] Hợp chất sáng chế P trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P15] Hợp chất sáng chế P trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P16] Hợp chất sáng chế P trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P17] Hợp chất sáng chế P trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án P18] Hợp chất theo phương án P2 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc H; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CH.

[Phương án P19] Hợp chất theo phương án P3 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án P20] Hợp chất theo phương án P4 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn

hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án P21] Hợp chất theo phương án P5 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án P22] Hợp chất theo phương án P1 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P23] Hợp chất theo phương án P2 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P24] Hợp chất theo phương án P3 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P25] Hợp chất theo phương án P4 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P26] Hợp chất theo phương án P5 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P27] Hợp chất theo phương án P1 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P28] Hợp chất theo phương án P2 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P29] Hợp chất theo phương án P3 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P30] Hợp chất theo phương án P4 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P31] Hợp chất theo phương án P5 trong đó G^1 là nguyên tử nitơ, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án P32] Hợp chất theo phương án P1 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P33] Hợp chất theo phương án P2 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là

CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P34] Hợp chất theo phương án P3 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P35] Hợp chất theo phương án P4 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P36] Hợp chất theo phương án P5 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P37] Hợp chất sáng chế P trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P38] Hợp chất sáng chế P trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P39] Hợp chất theo phương án P1 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P40] Hợp chất theo phương án P2 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P41] Hợp chất theo phương án P3 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P42] Hợp chất theo phương án P4 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P43] Hợp chất theo phương án P5 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P44] Hợp chất theo phương án P6 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P45] Hợp chất theo phương án P7 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P46] Hợp chất theo phương án P8 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P47] Hợp chất theo phương án P9 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P48] Hợp chất theo phương án P10 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P49] Hợp chất theo phương án P11 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P50] Hợp chất theo phương án P12 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P51] Hợp chất theo phương án P13 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P52] Hợp chất theo phương án P14 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P53] Hợp chất theo phương án P15 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P54] Hợp chất theo phương án P16 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P55] Hợp chất theo phương án P17 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P56] Hợp chất theo phương án P18 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P57] Hợp chất theo phương án P19 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P58] Hợp chất theo phương án P20 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P59] Hợp chất theo phương án P21 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P60] Hợp chất theo phương án P22 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P61] Hợp chất theo phương án P23 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P62] Hợp chất theo phương án P24 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P63] Hợp chất theo phương án P25 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P64] Hợp chất theo phương án P26 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P65] Hợp chất theo phương án P27 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P66] Hợp chất theo phương án P28 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P67] Hợp chất theo phương án P29 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P68] Hợp chất theo phương án P30 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P69] Hợp chất theo phương án P31 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P70] Hợp chất theo phương án P32 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P71] Hợp chất theo phương án P33 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P72] Hợp chất theo phương án P34 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P73] Hợp chất theo phương án P35 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P74] Hợp chất theo phương án P36 trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án P75] Hợp chất theo phương án P1 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P76] Hợp chất theo phương án P2 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P77] Hợp chất theo phương án P3 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P78] Hợp chất theo phương án P4 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P79] Hợp chất theo phương án P5 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P80] Hợp chất theo phương án P6 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P81] Hợp chất theo phương án P7 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P82] Hợp chất theo phương án P8 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P83] Hợp chất theo phương án P9 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P84] Hợp chất theo phương án P10 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P85] Hợp chất theo phương án P11 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P86] Hợp chất theo phương án P12 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P87] Hợp chất theo phương án P13 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P88] Hợp chất theo phương án P14 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P89] Hợp chất theo phương án P15 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P90] Hợp chất theo phương án P16 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P91] Hợp chất theo phương án P17 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P92] Hợp chất theo phương án P18 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P93] Hợp chất theo phương án P19 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P94] Hợp chất theo phương án P20 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P95] Hợp chất theo phương án P21 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P96] Hợp chất theo phương án P22 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P97] Hợp chất theo phương án P23 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P98] Hợp chất theo phương án P24 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P99] Hợp chất theo phương án P25 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P100] Hợp chất theo phương án P26 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P101] Hợp chất theo phương án P27 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P102] Hợp chất theo phương án P28 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P103] Hợp chất theo phương án P29 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P104] Hợp chất theo phương án P30 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P105] Hợp chất theo phương án P31 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P106] Hợp chất theo phương án P32 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P107] Hợp chất theo phương án P33 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P108] Hợp chất theo phương án P34 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P109] Hợp chất theo phương án P35 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P110] Hợp chất theo phương án P36 trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P111] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó R1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; hoặc OR^8, R^8 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano.

[Phương án P112] Hợp chất theo phương án P111 trong đó A^1 là CR^{4a}, A^2 là nguyên tử nitơ, R^{4a} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án P113] Hợp chất theo phương án P111 trong đó R^{4a} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, B1 là CR^{6a}, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CR^{6c}, B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d}; hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d}; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^1, và R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án P114] Hợp chất theo phương án P113 trong đó A^1 là CR^{4a} và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P115] Hợp chất theo phương án P111 trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1.

[Phương án P116] Hợp chất theo phương án P111 trong đó R^{4a} và R^{4b} là nguyên tử hyđro, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1.

[Phương án P117] Hợp chất theo phương án P111 trong đó A^1 là CH, A^2 là nguyên tử nitơ, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1.

[Phương án P118] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1, B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, và R^{4a} và R^{4b} là nguyên tử hyđro.

[Phương án P119] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_mCF_3$, và R^{4a} và R^{4b} là nguyên tử hyđro.

[Phương án P120] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P121] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_mCF_3$, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P122] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó B^1 là CH, B^4 là nguyên tử nitơ, hỗn hợp của

B^2 và B^3 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1 và B^3 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH và B^3 là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P123] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_mCF_3$, A^1 là CH, A^2 là nguyên tử nitơ, và R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là nguyên tử hyđro.

[Phương án P124] Hợp chất theo phương án P111 trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ, R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án P125] Hợp chất theo phương án P124 trong đó B^1 là CR^{6a}, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CR^{6c} và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d}; hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, và B^3 là CR^1, và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d}; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^1.

[Phương án P126] Hợp chất theo phương án P124 trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1.

[Phương án P127] Hợp chất theo phương án P124 trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1.

[Phương án P128] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1 và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl.

[Phương án P129] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong

đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1 và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_mCF_3$.

[Phương án P130] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ, B^1 là CH, B^4 là nguyên tử nitơ, hỗn hợp của B^2 và B^3 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1 và B^3 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH và B^3 là CR^1, và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl.

[Phương án P131] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến P110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_mCF_3$ và R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là nguyên tử hyđro.

[Phương án P132] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P1 đến 110 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó z là nguyên tử oxy.

[Phương án P133] Hợp chất theo phương án P111 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P134] Hợp chất theo phương án P112 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P135] Hợp chất theo phương án P113 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P136] Hợp chất theo phương án P114 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P137] Hợp chất theo phương án P115 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P138] Hợp chất theo phương án P116 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P139] Hợp chất theo phương án P117 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P140] Hợp chất theo phương án P118 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P141] Hợp chất theo phương án P119 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P142] Hợp chất theo phương án P120 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P143] Hợp chất theo phương án P121 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P144] Hợp chất theo phương án P122 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P145] Hợp chất theo phương án P123 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P146] Hợp chất theo phương án P124 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P147] Hợp chất theo phương án P125 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P148] Hợp chất theo phương án P126 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P149] Hợp chất theo phương án P127 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P150] Hợp chất theo phương án P128 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P151] Hợp chất theo phương án P129 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P152] Hợp chất theo phương án P130 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[Phương án P153] Hợp chất theo phương án P131 hoặc hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy.

[0022]

[Phương án P2-1] Hợp chất sáng chế P trong đó Z là nguyên tử oxy, B^1 là CH, hỗn

hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1, B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, $S(O)mR^8$, OR^8 hoặc nguyên tử halogen, R^8 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 có một hoặc nhiều nguyên tử halogen.

[Phương án P2-2] Hợp chất theo phương án P2-1 trong đó hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH.

[Phương án P2-3] Hợp chất theo phương án P2-1 trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[Phương án P2-4] Hợp chất theo phương án P2-2 trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[Phương án P2-5] Hợp chất theo phương án P2-1 trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P2-6] Hợp chất theo phương án P2-2 trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P2-7] Hợp chất sáng chế P trong đó R^2 là nhóm etyl, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm P}, OR^{12}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, R^{12} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, G^4 là CR^{3d} hoặc nguyên tử nitơ, khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm P,

Nhóm P: nhóm bao gồm nhóm C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử

halogen, nhóm C1-C3 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen.

[Phương án P2-8] Hợp chất sáng chế P trong đó R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm P}, OR^{12}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, R^{12} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, G^4 là CH hoặc nguyên tử nitơ.

[Phương án P2-9] Hợp chất theo phương án P2-7 trong đó Z là nguyên tử oxy, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH và B^4 là CR^1, R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8 hoặc nguyên tử halogen, R^8 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 có một hoặc nhiều nguyên tử halogen.

[Phương án P2-10] Hợp chất theo phương án P2-8 trong đó Z là nguyên tử oxy, B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CH, B^4 là CR^1, R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8 hoặc nguyên tử halogen và R^8 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C3 có một hoặc nhiều nguyên tử halogen.

[Phương án P2-11] Hợp chất theo phương án P2-7 trong đó hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH.

[Phương án P2-12] Hợp chất theo phương án P2-8 trong đó hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CH, B^3 là CR^1 và B^4 là CH.

[Phương án P2-13] Hợp chất theo phương án P2-7 trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[Phương án P2-14] Hợp chất theo phương án P2-8 trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[Phương án P2-15] Hợp chất theo phương án P2-9 trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[Phương án P2-16] Hợp chất theo phương án P2-10 trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[Phương án P2-17] Hợp chất theo phương án P2-11 trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[Phương án P2-18] Hợp chất theo phương án P2-7 trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P2-19] Hợp chất theo phương án P2-8 trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P2-20] Hợp chất theo phương án P2-9 trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P2-21] Hợp chất theo phương án P2-10 trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P2-22] Hợp chất theo phương án P2-11 trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ.

[Phương án P2-23] Hợp chất sáng chế P hoặc hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P2-1 đến P2-22 trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án P2-24] Hợp chất sáng chế P hoặc hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P2-1 đến P2-22 trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án P2-25] Hợp chất sáng chế P hoặc hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P2-1 đến P2-22 trong đó Q là nhóm có công thức Q1 và R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P2-26] Hợp chất sáng chế P hoặc hợp chất theo phương án bất kỳ trong

số các phương án từ P2-1 đến P2-22 trong đó Q là nhóm có công thức Q2 và R^2 là nhóm etyl.

[Phương án P2-27] Hợp chất sáng chế P hoặc hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P2-1 đến P2-22 trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^2 là nhóm etyl và n là 2.

[Phương án P2-28] Hợp chất sáng chế P hoặc hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ P2-1 đến P2-22 trong đó Q là nhóm có công thức Q2, R^2 là nhóm etyl và n là 2.

[0023]

[Phương án P3-1] Hợp chất sáng chế P trong đó hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CH và B^4 là CH.

[Phương án P3-2] Hợp chất sáng chế P trong đó A^1 là CH và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

[Phương án P3-3] Hợp chất sáng chế P trong đó A^1 và A^2 là nguyên tử nitơ.

[0024]

Các ví dụ về phương án của hợp chất trung gian A bao gồm sau đây.

[0025]

[Phương án A1] Hợp chất trung gian A trong đó R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, CR^{30}=NOR^{17}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, khi Q là nhóm có công thức Q1 và R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và

nguyên tử halogen).

[Phương án A2] Hợp chất trung gian A trong đó R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, khi Q là nhóm có công thức Q1, và R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nguyên tử halogen).

[Phương án A3] Hợp chất theo phương án A1 trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án A4] Hợp chất theo phương án A2 trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án A5] Hợp chất theo phương án A1 trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án A6] Hợp chất theo phương án A2 trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án A7] Hợp chất trung gian A trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}.

[Phương án A8] Hợp chất trung gian A trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án 9] Hợp chất trung gian A trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào tạo thành vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng oxadiazol, vòng thiadiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin, vòng pyrazin (vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng

oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin và vòng pyrazin đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H} hoặc vòng triazol tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm I.

[Phương án A10] Hợp chất trung gian A trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nguyên tử halogen).

[Phương án A11] Hợp chất trung gian A trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án A12] Hợp chất trung gian A trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án A13] Hợp chất theo phương án A1 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án A14] Hợp chất theo phương án A2 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CH.

[Phương án A15] Hợp chất theo phương án A3, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án A16] Hợp chất theo phương án A4, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CH.

[Phương án A17] Hợp chất theo phương án A1, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án A18] Hợp chất theo phương án A2, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án A19] Hợp chất theo phương án A3, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án A20] Hợp chất theo phương án A4, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án A21] Hợp chất trung gian A, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A22] Hợp chất trung gian A trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A23] Hợp chất theo phương án A1, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A24] Hợp chất theo phương án A2, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A25] Hợp chất theo phương án A3, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A26] Hợp chất theo phương án A4, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A27] Hợp chất theo phương án A5, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A28] Hợp chất theo phương án A6, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A29] Hợp chất theo phương án A7, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A30] Hợp chất theo phương án A8, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A31] Hợp chất theo phương án A9, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A32] Hợp chất theo phương án A10, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A33] Hợp chất theo phương án A11, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A34] Hợp chất theo phương án A12, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A35] Hợp chất theo phương án A13, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A36] Hợp chất theo phương án A14, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A37] Hợp chất theo phương án A15, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A38] Hợp chất theo phương án A16, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A39] Hợp chất theo phương án A17, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A40] Hợp chất theo phương án A18, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A41] Hợp chất theo phương án A19, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A42] Hợp chất theo phương án A20, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án A43] Hợp chất theo phương án A1, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A44] Hợp chất theo phương án A2, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A45] Hợp chất theo phương án A3, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A46] Hợp chất theo phương án A4, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A47] Hợp chất theo phương án A5, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A48] Hợp chất theo phương án A6, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A49] Hợp chất theo phương án A7, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A50] Hợp chất theo phương án A8, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A51] Hợp chất theo phương án A9, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A52] Hợp chất theo phương án A10, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A53] Hợp chất theo phương án A11, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A54] Hợp chất theo phương án A12, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A55] Hợp chất theo phương án A13, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A56] Hợp chất theo phương án A14, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A57] Hợp chất theo phương án A15, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A58] Hợp chất theo phương án A16, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A59] Hợp chất theo phương án A17, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A60] Hợp chất theo phương án A18, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A61] Hợp chất theo phương án A19, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A62] Hợp chất theo phương án A20, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án A63] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ A1 đến A62 hoặc hợp chất trung gian A, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1, R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao

gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; hoặc OR^8, R^8 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano.

[Phương án A64] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ A1 đến A62 hoặc hợp chất trung gian A, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1, R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)mCF_3$.

[Phương án A65] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ A1 đến A62 hoặc hợp chất trung gian A, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR1 và B^{4d} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)_mCF_3$.

[Phương án A66] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ A1 đến A62 hoặc hợp chất trung gian A, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl.

[Phương án A67] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ A1 đến A62 hoặc hợp chất trung gian A, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1 và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl.

[Phương án A68] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ A1 đến A62 hoặc hợp chất trung gian A, trong đó B^{4d} là nguyên tử nitơ, hỗn hợp của B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1 và B^{3c} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH

và B^{3c} là CR^1 và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl.

[Phương án A69] Hợp chất trung gian A, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm triflometyl, R^2 là nhóm etyl, G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm xyclopropyl, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro và R^{3d} là nguyên tử hyđro.

[0026]

Các ví dụ về phương án của hợp chất trung gian B bao gồm sau đây.

[0027]

[Phương án B1] Hợp chất trung gian B, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1, hỗn hợp R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; hoặc OR^8, R^8 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano và R^{4aa} là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án B2] Hợp chất trung gian B trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1; R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)_m CF^3$ và R^{4aa} là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án B3] Hợp chất trung gian B trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là

hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1 và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl hoặc $S(O)_m CF_3$.

[Phương án B4] Hợp chất trung gian B trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl và R^{4aa} là nguyên tử hyđro.

[Phương án B5] Hợp chất trung gian B trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl và R^{4aa} là nguyên tử hyđro.

[Phương án B6] Hợp chất trung gian B trong đó B^{4d} là nguyên tử nitơ, hỗn hợp của B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1 và B^{3c} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH và B^{3c} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl và R^{4aa} là nguyên tử hyđro.

[Phương án B7] Hợp chất trung gian B trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án B8] Hợp chất trung gian B trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án B9] Hợp chất theo phương án B1 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án B10] Hợp chất theo phương án B2 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án B11] Hợp chất theo phương án B3 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó

G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án B12] Hợp chất theo phương án B4 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án B13] Hợp chất theo phương án B5 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án B14] Hợp chất theo phương án B6 trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án B15] Hợp chất theo phương án B1 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án B16] Hợp chất theo phương án B2 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án B17] Hợp chất theo phương án B3 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án B18] Hợp chất theo phương án B4 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án B19] Hợp chất theo phương án B5 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án B20] Hợp chất theo phương án B6 trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án B21] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ B1 đến B20 hoặc hợp chất trung gian B, trong đó R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl,

nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, CR^{30}=NOR^{17}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án B22] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ B1 đến 20 hoặc hợp chất trung gian B, trong đó R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án B23] Hợp chất trung gian B, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm triflometyl, G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, G^4 là CH, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm xyclopropyl, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^{3d} là nguyên tử hyđro và R^{4aa} là nguyên tử hyđro.

[Phương án B24] Hợp chất theo phương án B21, trong đó R^{33} là nguyên tử halogen.

[Phương án B25] Hợp chất theo phương án B21, trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro.

[Phương án B26] Hợp chất theo phương án B22, trong đó R^{33} là nguyên tử halogen.

[Phương án B27] Hợp chất theo phương án B22, trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro.

[Phương án B28] Hợp chất theo phương án B23, trong đó R^{33} là nguyên tử halogen.

[Phương án B29] Hợp chất theo phương án B23, trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro.

[0028]

Các ví dụ về phương án của hợp chất trung gian C bao gồm sau đây.

[0029]

[Phương án C1] Hợp chất trung gian C, trong đó R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm

pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, CR^{30}=NOR^{17}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nguyên tử halogen).

[Phương án C2] Hợp chất trung gian C, trong đó R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nguyên tử halogen).

[Phương án C3] Hợp chất theo phương án C1, trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án C4] Hợp chất theo phương án C2, trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

[Phương án C5] Hợp chất theo phương án C1, trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án C6] Hợp chất theo phương án C2, trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

[Phương án C7] Hợp chất trung gian C, trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có

thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}.

[Phương án C8] Hợp chất trung gian C, trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án C9] Hợp chất trung gian C, trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào tạo thành vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng oxadiazol, vòng thiadiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin, vòng pyrazin (vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin và vòng pyrazin đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H} hoặc vòng triazol tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm I.

[Phương án C10] Hợp chất trung gian C, trong đó Q là nhóm có công thức Q1, R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nguyên tử halogen).

[Phương án C11] Hợp chất trung gian C, trong đó Q là nhóm có công thức Q1, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án C12] Hợp chất trung gian C, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án C13] Hợp chất theo phương án C1, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án C14] Hợp chất theo phương án C2, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c},

hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CH.

[Phương án C15] Hợp chất theo phương án C3, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án C16] Hợp chất theo phương án C4, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, hỗn hợp của G1 và G4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CH và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CH.

[Phương án C17] Hợp chất theo phương án C1, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án C18] Hợp chất theo phương án C2, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án C19] Hợp chất theo phương án C3, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án C20] Hợp chất theo phương án C4, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án C21] Hợp chất trung gian C, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C22] Hợp chất trung gian C, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C23] Hợp chất theo phương án C1, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C24] Hợp chất theo phương án C2, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C25] Hợp chất theo phương án C3, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C26] Hợp chất theo phương án C4, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C27] Hợp chất theo phương án C5, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C28] Hợp chất theo phương án C6, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C29] Hợp chất theo phương án C7, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C30] Hợp chất theo phương án C8, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C31] Hợp chất theo phương án C9, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C32] Hợp chất theo phương án C10, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C33] Hợp chất theo phương án C11, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C34] Hợp chất theo phương án C12, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C35] Hợp chất theo phương án C13, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C36] Hợp chất theo phương án C14, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C37] Hợp chất theo phương án C15, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C38] Hợp chất theo phương án C16, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C39] Hợp chất theo phương án C17, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C40] Hợp chất theo phương án C18, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C41] Hợp chất theo phương án C19, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C42] Hợp chất theo phương án C20, trong đó R^2 là nhóm C1-C6 alkyl.

[Phương án C43] Hợp chất theo phương án C1, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C44] Hợp chất theo phương án C2, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C45] Hợp chất theo phương án C3, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C46] Hợp chất theo phương án C4, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C47] Hợp chất theo phương án C5, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C48] Hợp chất theo phương án C6, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C49] Hợp chất theo phương án C7, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C50] Hợp chất theo phương án C8, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C51] Hợp chất theo phương án C9, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C52] Hợp chất theo phương án C10, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C53] Hợp chất theo phương án C11, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C54] Hợp chất theo phương án C12, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C55] Hợp chất theo phương án C13, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C56] Hợp chất theo phương án C14, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C57] Hợp chất theo phương án C15, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C58] Hợp chất theo phương án C16, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C59] Hợp chất theo phương án C17, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C60] Hợp chất theo phương án C18, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C61] Hợp chất theo phương án C19, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C62] Hợp chất theo phương án C20, trong đó R^2 là nhóm etyl.

[Phương án C63] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ C1 đến C62 hoặc hợp chất trung gian C, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1, R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; hoặc OR^8, R^8 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano.

[Phương án C64] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ C1 đến C62 hoặc hợp chất trung gian C, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1, R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_m CF_3$.

[Phương án C65] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ C1 đến C62 hoặc hợp chất trung gian C, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_m CF_3$.

[Phương án C66] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ C1 đến C62 hoặc hợp chất trung gian C, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH, B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^{2b}

là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1 và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_mCF^3$.

[Phương án C67] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ C1 đến C62 hoặc hợp chất trung gian C, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1 và R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_mCF_3$.

[Phương án C68] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ C1 đến C62 hoặc hợp chất trung gian C, trong đó B^{4d} là nguyên tử nitơ, hỗn hợp của B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1 và B^{3c} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH và B^{3c} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_m CF_3$.

[0030]

Các ví dụ về phương án của hợp chất trung gian D bao gồm sau đây.

[0031]

[Phương án D1] Hợp chất trung gian D, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1, R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; hoặc OR^8, R^8 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano và R^{4aa} là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án D2] Hợp chất trung gian D, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc hỗn

hợp trong đó B^{2b} là CR^{6bb}, B^{3c} là CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1, R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_mCF_3$ và R^{4aa} là nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro.

[Phương án D3] Hợp chất trung gian D, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_m CF_3$.

[Phương án D4] Hợp chất trung gian D, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_m CF_3$ và R^{4aa} là nguyên tử hyđro.

[Phương án D5] Hợp chất trung gian D, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH và B^{4d} là CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_m CF_3$ và R^{4aa} là nguyên tử hyđro.

[Phương án D6] Hợp chất trung gian D, trong đó B^{4d} là nguyên tử nitơ, hỗn hợp của B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1 và B^{3c} là CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH và B^{3c} là CR^1, R^1 là nhóm C1-C3 floalkyl, nhóm C1-C3 floalkoxy hoặc $S(O)_m CF_3$ và R^{4aa} là nguyên tử hyđro.

[Phương án D7] Hợp chất trung gian D, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, và hỗn hợp của G^1 và G^4 trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án D8] Hợp chất trung gian D, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án D9] Hợp chất theo phương án D1, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, và

hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án D10] Hợp chất theo phương án D2, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án D11] Hợp chất theo phương án D3, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án D12] Hợp chất theo phương án D4, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án D13] Hợp chất theo phương án D5, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án D14] Hợp chất theo phương án D6, trong đó G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c}, và hỗn hợp của G^1 và G^4 là hỗn hợp trong đó G^1 là CR^{3a} và G^4 là CR^{3d}; hoặc hỗn hợp trong đó G^1 là nguyên tử nitơ và G^4 là CR^{3d}.

[Phương án D15] Hợp chất theo phương án D1, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án D16] Hợp chất theo phương án D2, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án D17] Hợp chất theo phương án D3, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án D18] Hợp chất theo phương án D4, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án D19] Hợp chất theo phương án D5, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án D20] Hợp chất theo phương án D6, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3

là CR^{3c} và G^4 là CH.

[Phương án D21] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ D1 đến D20 hoặc hợp chất trung gian D, trong đó R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, CR^{30}=NOR^{17}, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án D22] Hợp chất theo phương án bất kỳ trong số các phương án từ D1 đến D20 hoặc hợp chất trung gian D, trong đó R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen.

[Phương án D23] Hợp chất trung gian D, trong đó hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là CH, B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CR^1, B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CH; hoặc hỗn hợp trong đó B^{2b} là CH, B^{3c} là CH và B^{4d} là CR^1, R^1 là nhóm triflometyl, G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm xyclopropyl, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro, R^{3d} là nguyên tử hyđro và R^{4aa} là nguyên tử hyđro.

[Phương án D24] Hợp chất theo phương án D21, trong đó R^{33} là nguyên tử halogen.

[Phương án D25] Hợp chất theo phương án D21, trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro.

[Phương án D26] Hợp chất theo phương án D22, trong đó R^{33} là nguyên tử halogen.

[Phương án D27] Hợp chất theo phương án D22, trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro.

[Phương án D28] Hợp chất theo phương án D23, trong đó R^{33} là nguyên tử halogen.

[Phương án D29] Hợp chất theo phương án D23, trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro.

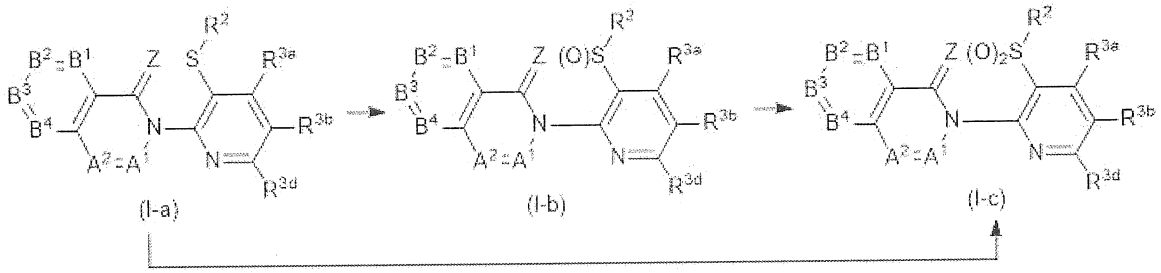
[0032]

Tiếp theo, quy trình điều chế hợp chất X theo sáng chế được giải thích.

[0033]

Quy trình 1

Hợp chất có công thức (I-b) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-b)) hoặc hợp chất có công thức (I-c) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-c)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (I-a) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-a)) với chất oxy hóa.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

[0034]

Đầu tiên, quy trình điều chế hợp chất (I-b) từ hợp chất (I-a) được mô tả.

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các hyđrocacbon halogen hóa như là điclometan và clorofom (sau đây, được gọi chung là các hyđrocacbon halogen hóa); các nitril như là axetonitril (sau đây được gọi chung là các nitril); các rượu như là metanol và etanol (sau đây, được gọi chung là các rượu); axit axetic; nước; và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất oxy hóa được sử dụng trong phản ứng bao gồm natri periodat, axit m-cloperoxybenzoic (sau đây, được gọi là mCPBA) và hyđro peroxit.

Khi hyđro peroxit được sử dụng là chất oxy hóa, bazơ hoặc chất xúc tác có thể được bổ sung khi cần.

Các ví dụ về bazơ bao gồm natri cacbonat.

Khi bazơ được sử dụng trong phản ứng, thì bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 1 tỷ lệ phân tử, đối với 1 mol hợp chất (I-a).

Các ví dụ về chất xúc tác được sử dụng trong phản ứng bao gồm axit tungstic

và natri tungstat. Khi chất xúc tác được sử dụng trong phản ứng, thì chất xúc tác thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 0,5 tỷ lệ mol đối với mol hợp chất (I-a).

Trong phản ứng, chất oxy hóa thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 1,2 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (I-a).

Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ -20 đến 80°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 12 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và nếu cần, các lớp hữu cơ được rửa bằng dung dịch chất khử chứa nước (như là natri sulfit và natri thiosulfat) và dung dịch bazơ chứa nước (như là natri hyđro cacbonat). Làm khô và cô đặc các lớp hữu cơ hình thành để thu được hợp chất (I-b).

[0035]

Tiếp theo, quy trình điều chế hợp chất (I-c) từ hợp chất (I-b) được mô tả.

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các hyđrocacbon halogen hóa, các nitril, các rượu, axit axetic, nước và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất oxy hóa được sử dụng trong phản ứng bao gồm mCPBA và hyđro peroxit.

Trong phản ứng, chất oxy hóa thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 2 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (I-b).

Khi hyđro peroxit được sử dụng là chất oxy hóa, thì bazơ hoặc chất xúc tác có thể được bổ sung khi cần.

Các ví dụ về bazơ được sử dụng trong phản ứng bao gồm natri cacbonat.

Khi bazơ được sử dụng trong phản ứng, bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 1 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (I-b).

Các ví dụ về chất xúc tác được sử dụng trong phản ứng bao gồm natri tungstat.

Khi chất xúc tác được sử dụng trong phản ứng, bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 0,5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (I-b).

Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ -20 đến 120°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 12 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và nếu cần, các lớp hữu cơ được rửa bằng dung dịch chất khử chứa nước (như là natri sulfit và natri thiosulfat) và dung dịch bazơ chứa nước (như là natri hyđro cacbonat). Làm khô và cô đặc các lớp hữu cơ hình thành để thu được hợp chất (I-c).

[0036]

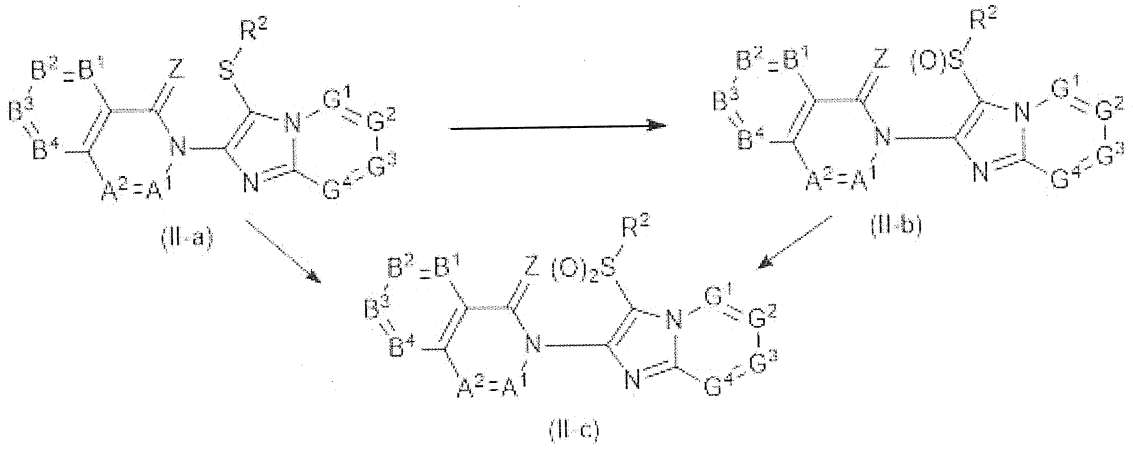
Cũng như vậy, hợp chất (I-c) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (I-a) với chất oxy hóa trong một bước (một chỗ).

Phản ứng này có thể được thực hiện bằng cách sử dụng chất oxy hóa theo tỷ lệ từ 2 đến 5 tỷ lệ moltỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (I-a) theo quy trình để điều chế hợp chất (I-c) từ hợp chất (I-b).

[0037]

Quy trình 2

Hợp chất có công thức (II-b) (sau đây, được gọi là hợp chất (II-b)) hoặc hợp chất có công thức (II-c) (sau đây, được gọi là hợp chất (II-c)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (II-a)) (sau đây, được gọi là hợp chất (II-a)) với chất oxy hóa.



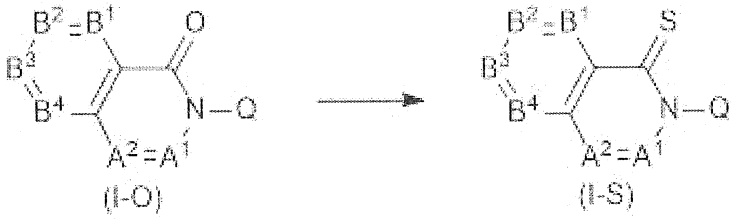
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Các phản ứng này có thể được thực hiện theo quy trình 1.

[0038]

Quy trình 3

Hợp chất có công thức (I-S) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-S)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (I-O) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-O)) với chất lưu huỳnh hóa.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng được thực hiện với sự có mặt hoặc không có mặt của dung môi. Các ví dụ về dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các ete như là tetrahyđrofuran (sau đây, được gọi là THF), 1,2-đimethoxyetan (sau đây, được gọi là DME), metyl tert-butyl ete (sau đây, được gọi là MTBE) và đietyl ete (sau đây, được gọi chung là các ete), các hyđrocacbon halogen hóa: các hyđrocacbon thơm như là toluen và xylen (sau đây, được gọi là các hyđrocacbon thơm); các nitril; các hợp chất thơm chứa nitơ như là pyridin, picolin, lutidin và quinolin (sau đây, được gọi chung là các hợp chất thơm chứa nitơ); và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất lưu huỳnh hóa được sử dụng trong phản ứng bao gồm ddiphospho pentasulfua, thuốc thử Lawesson (2,4-bis-(4-methoxyphenyl)-1,3-đithia-2,4-điphosphetan 2,4-đisulfua) và tương tự.

Trong phản ứng, chất lưu huỳnh hóa thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 3 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (I-O).

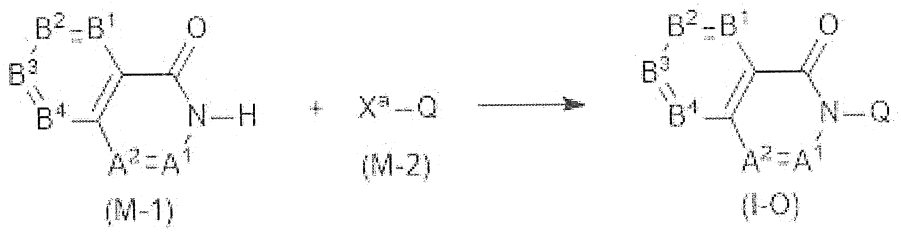
Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0 đến 200°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 1 đến 24 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các lớp hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (I-S).

[0039]

Quy trình 4

Hợp chất (I-O) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-1) (sau đây, gọi là hợp chất (M-1)) với hợp chất có công thức (M-2) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-2)) với sự có mặt của bazơ.



[trong đó, X^a là nguyên tử halogen và các ký hiệu khác giống với các ký hiệu đã được định nghĩa trên đây.]

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các ete; các hyđrocacbon thơm; các nitril; các dung môi phân cực aprotic như là đimetylformamit (sau đây, được gọi là DMF), N-metyl pyrrolidon (sau đây, được gọi là NMP) và đimetyl sulfoxit (sau đây, được gọi là DMSO) (sau đây, được gọi chung là các dung môi phân cực aprotic); và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về bazơ bao gồm các bazơ hữu cơ như là trietylamin, điisopropyletylamin, pyridin và 4-đimetylaminopyridin (sau đây, được gọi chung là các bazơ hữu cơ); các cacbonat của kim loại kiềm như là natri cacbonat và kali cacbonat (sau đây, được gọi chung là các cacbonat của kim loại kiềm); và các hyđrua của kim loại kiềm như là natri hyđrua (sau đây, được gọi chung là các hyđrua của kim loại kiềm).

Trong phản ứng, hợp chất (M-2) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,8 đến 1,2 tỷ lệ mol và bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 3 tỷ lệ mol

đối với 1 mol hợp chất (M-1).

Trong phản ứng, chất xúc tác kim loại có thể được sử dụng khi cần. Các ví dụ về chất xúc tác kim loại bao gồm các chất xúc tác đồng như là đồng(I) iođua, đồng(I) bromua, đồng(I) bromua, đồng(I) oxit, phức chất đồng(I) triflometansulfonat benzen, tetrakis(axetonitril)đồng(I) hexaflophosphat và đồng(I) 2-thiophencacboxylat; và các chất xúc tác niken như là bis(xyclooctađien)niken(0) và niken(II) clorua; các chất xúc tác paladi như là paladi(II) axetat, tetrakis(triphenylphosphin)paladi(0) và tris(đibenzylidenaxeton)đipaladi(II).

Khi chất xúc tác kim loại được sử dụng trong phản ứng, chất xúc tác kim loại thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 0,5 tỷ lệ moltỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-1).

Trong phản ứng, phối tử có thể được sử dụng khi cần. Các ví dụ về phối tử bao gồm triphenylphosphin, 4,5-bis(đihenylphoshino)-9,9-đimetylxanthen (sau đây, được gọi là Xantphos), 2,2'-bis(điphenylphoshino)-1,1'-binaphtyl, 1,1'-bis(điphenylphoshino)ferrocen, 2-đixyclohexylphosphino-2',4',6'-triisopropylbiphenyl, 2-đixyclohexylphosphino-2',6'-đimethoxybiphenyl, 1,2-bis(điphenylphosphino)etan, 2,2'-bipyridin, 2-aminoetanol, 8-hyđroxyquinolin, 1,10-phenanthrolin, trans-1,2-xyclohexanđiamin, trans-N,N'-đimetylhexan-1,2-điamin, N,N'-đietylenđiamin và tương tự.

Khi phối tử được sử dụng trong phản ứng, thì phối tử được sử dụng nằm trong khoảng 0,01 đến 0,5 tỷ lệ moltỷ lệ mol đối với 1mol hợp chất (M-1).

Nhiệt độ phản ứng thường nằm trong khoảng từ -20 đến 150°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,5 đến 24 giờ.

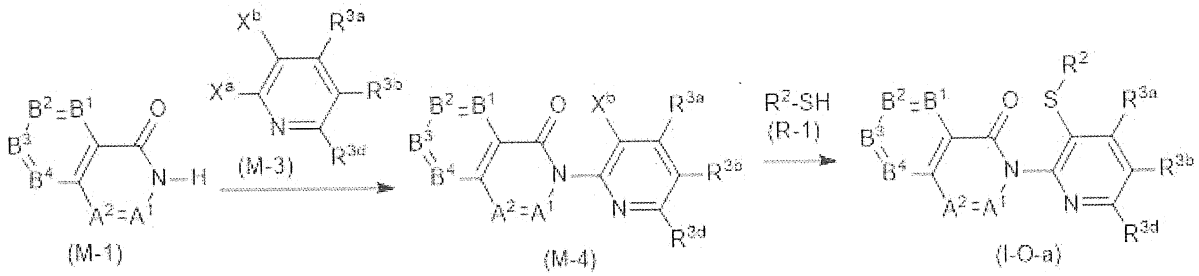
Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các dung môi hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (I-O).

Hợp chất (M-1) là hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được theo phương pháp đã biết.

[0040]

Quy trình 5

Hợp chất có công thức (I-O-a) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-O-a)) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



[trong đó, X^b là nguyên tử flo, nguyên tử clo hoặc nguyên tử brom và các ký hiệu khác giống với các ký hiệu đã được định nghĩa trên đây.]

[0041]

Hợp chất có công thức (M-4) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-4)) có thể được điều chế bằng cách sử dụng hợp chất có công thức (M-3) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-3)) thay cho hợp chất (M-2) theo quy trình 4.

Hợp chất (M-3) đã được biết đến công khai hoặc có thể được điều chế theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, WO 2015/187845.

[0042]

Hợp chất (I-O-a) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-4) với hợp chất có công thức (R-1) (sau đây, được gọi là hợp chất (R-1)) với sự có mặt của bazơ.

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các ete, các hyđrocacbon thơm, các nitril, các dung môi phân cực aprotic, nước và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về các bazơ được sử dụng trong phản ứng bao gồm các cacbonat của kim loại kiềm, các hyđrua của kim loại kiềm và các bazơ hữu cơ.

Trong phản ứng, hợp chất (R-1) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1

đến 3 tỷ lệ mol và bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 3 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-4).

Nhiệt độ phản ứng thường nằm trong khoảng từ -20 đến 150°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,5 đến 24 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các dung môi hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (I-O-a).

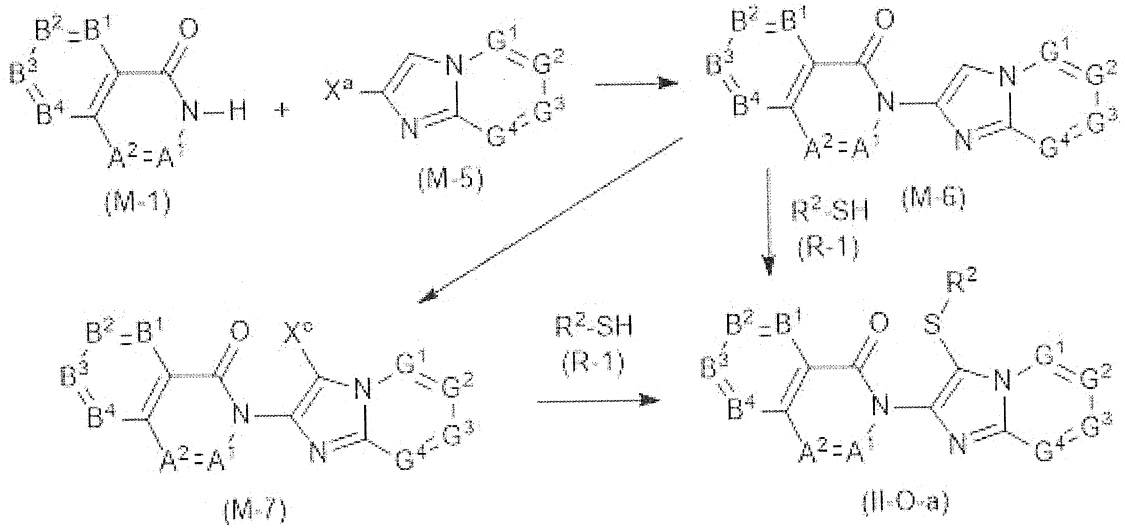
Hợp chất (R-3) là

Hợp chất (R-3) là hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được theo phương pháp đã biết.

[0043]

Quy trình 6

Hợp chất có công thức (II-O-a) (sau đây, được gọi là hợp chất (II-O-a)) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



[trong đó, X^c là nguyên tử clo, nguyên tử brom hoặc nguyên tử iot và các ký hiệu khác giống như trên đây.]

[0044]

Hợp chất có công thức (M-6) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-6)) có thể được điều chế bằng cách sử dụng hợp chất có công thức (M-5) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-5)) thay cho hợp chất (M-2) theo quy trình 4.

Hợp chất (M-5) đã được biết đến công khai hoặc có thể được điều chế theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, WO 2015/157093, WO 2016/109706, Tạp chí Organic & Biomolecular Chemistry, 2017, 15, 4199, và Tạp chí Europian Journal of Medicinal Chemistry, 2016, 123, 916.

[0045]

Hợp chất có công thức (M-7) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-7)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-6) với chất halogen hóa.

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về dung môi bao gồm các rượu, các nitril, các ete, các hyđrocacbon thơm, các ete, các hyđrocacbon thơm, các dung môi phân cực aprotic, các hyđrocacbon halogen hóa, nước và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất halogen hóa bao gồm clo, brom, iot, N-closucxinimit, N-bromsucxinimit và N-iotsucxinimit.

Trong phản ứng, chất halogen hóa thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 20 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-6).

Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ -20 đến 200°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 72 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các dung môi hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (M-7).

[0046]

Hợp chất (II-O-a) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-6), hợp chất (R-1) và chất halogen hóa.

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về dung môi bao gồm các rượu, các nitril, các ete, các hyđrocacbon thơm, các ete, các hyđrocacbon thơm, các dung môi phân cực aprotic, các hyđrocacbon halogen hóa, nước và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất halogen hóa bao gồm clo, brom, iot, N-closucxinimit, N-

bromsucxinimit và N-iotsucxinimit.

Trong phản ứng, hợp chất (R-1) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 20 tỷ lệ mol và chất halogen hóa thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 20 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-6).

Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ -20 đến 200°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 72 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các dung môi hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (II-O-a).

[0047]

Hợp chất (II-O-a) cũng có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-7) với hợp chất (R-1) với sự có mặt của chất xúc tác kim loại và bazơ.

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các rượu, các nitril, các ete, các hyđrocacbon thơm, các dung môi phân cực aprotic, nước và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất xúc tác kim loại được sử dụng trong phản ứng bao gồm các chất xúc tác paladi như là tetrakis(triphenylphosphin)paladi(0), 1,1'-bis(điphenylphosphino)ferrocen paladi(II) điclorua, tris(đibenzylidenaxeton)đipaladi(0) và paladi(II) axetat; các chất xúc tác niken như là bis(xyclooctađien)niken(0) và niken(II) clorua; và chất xúc tác đồng như là đồng(I) iođua và đồng(I) clorua.

Các ví dụ về bazơ được sử dụng trong phản ứng bao gồm các hyđrua của kim loại kiềm, các cacbonat của kim loại kiềm và các bazơ hữu cơ.

Phối tử có thể được sử dụng trong phản ứng. Các ví dụ về phối tử được sử dụng trong phản ứng bao gồm triphenylphosphin, Xantphos, 2,2'-bis(điphenylphoshino)-1,1'-binaphtyl, 1,1'-bis(điphenylphoshino)ferrocen, 2-đixyclohexylphosphino-2',4',6'-triisopropylbiphenyl, 2-đixyclohexylphosphino-2',6'-đimethoxybiphenyl, 1,2-

bis(điphenylphosphino)etan, 2,2'-bipyridin, 2-aminoetanol, 8-hyđroxyquinolin và 1,10-phenanthrolin.

Trong phản ứng, hợp chất (R5) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 20 tỷ lệ mol, chất xúc tác kim loại thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 0,5 tỷ lệ mol, phối tử thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 1 tỷ lệ mol và bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,1 đến 5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-6).

Khi phối tử được sử dụng trong phản ứng, phối tử thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 1 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-7).

Trong phản ứng, hợp chất (R-1) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 20 tỷ lệ mol, chất xúc tác kim loại thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 0,5 tỷ lệ mol và bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,1 đến 5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-7).

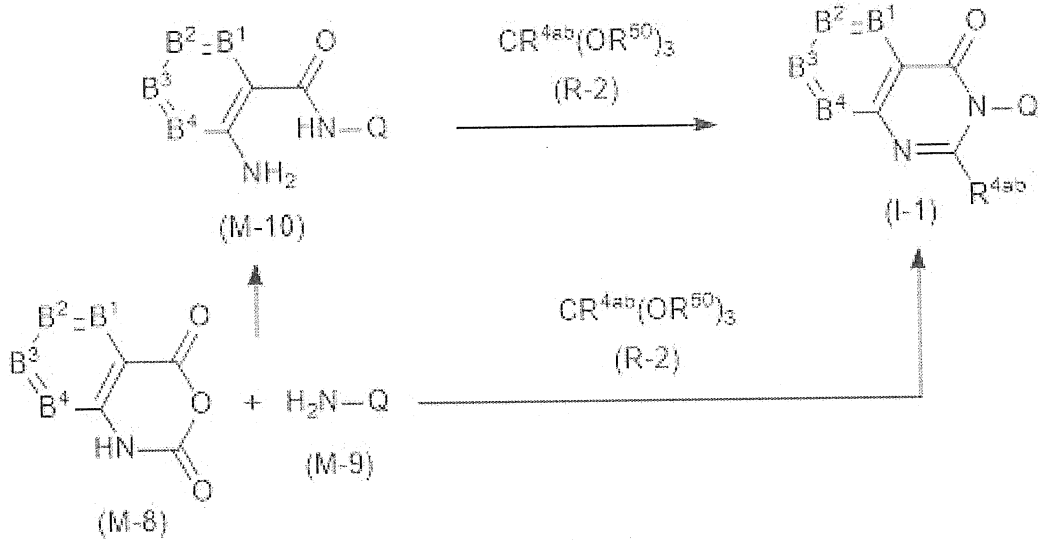
Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ -20 đến 200°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 72 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các dung môi hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (II-O-a).

[0048]

Quy trình 7

Hợp chất có công thức (I-1) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-1)) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



[trong đó, R^{50} là nhóm metyl hoặc nhóm etyl, R^{4ab} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro và các ký hiệu khác giống với các ký hiệu đã được định nghĩa trên đây.]

[0049]

Hợp chất có công thức (M-10) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-10)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-8) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-8)) với hợp chất có công thức (M-9) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-9)).

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các rượu, các ete, các hyđrocacbon thơm, các nitril, các dung môi phân cực aprotic và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Bazơ có thể được sử dụng trong các phản ứng khi cần. Các ví dụ về bazơ bao gồm các bazơ hữu cơ. Khi bazơ được sử dụng trong phản ứng, bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-8).

Trong phản ứng, hợp chất (M-9) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-8).

Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0 đến 150°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,5 đến 12 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các dung môi hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (M-10).

Hợp chất (M-8) có thể được điều chế theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như Tạp chí hóa học sinh học (Jounal of Biological Chemistry), 2016, 291, 14146.

[0050]

Hợp chất (I-1) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-10) với hợp chất có công thức (R-2) (sau đây, được gọi là hợp chất (R-2)).

Phản ứng được thực hiện với sự có mặt hoặc không có mặt của dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các ete, các hyđrocacbon thơm, các hyđrocacbon halogen hóa, các nitril, các dung môi phân cực aprotic và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Trong phản ứng, hợp chất (R-2) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 50 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-10).

Axit hoặc bazơ có thể được sử dụng trong phản ứng khi cần.

Các ví dụ về axit được sử dụng trong phản ứng bao gồm các axit sulfonic như là axit para-toluensulfonic; các axit cacbonic như là axit axetic; và các axit polyphosphoric.

Các ví dụ về bazơ được sử dụng trong phản ứng bao gồm các bazơ hữu cơ.

Khi axit hoặc bazơ được sử dụng trong phản ứng, axit thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 5 tỷ lệ mol và bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-10).

Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0 đến 150°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,5 đến 24 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các lớp hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (I-1).

Hợp chất (M-1) là hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được

theo phương pháp đã biết.

[0051]

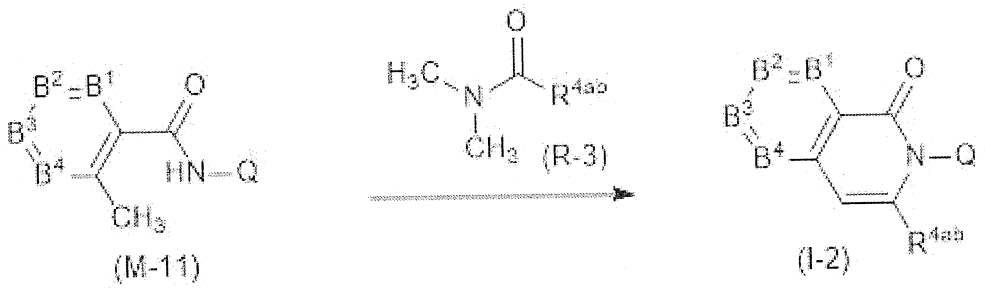
Cũng như vậy, hợp chất (I-1) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-8), hợp chất (M-9) và hợp chất (R-2) trong một bước (một chỗ).

Trong phản ứng, hợp chất (M-9) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 5 tỷ lệ mol và hợp chất (R-2) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 50 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-8), theo phương pháp này để điều chế hợp chất (I-1) từ hợp chất (M-10).

[0052]

Quy trình 8

Hợp chất có công thức (I-2) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-2) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-11) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-11)) với hợp chất có công thức (R-3) (sau đây, được gọi là hợp chất (R-3)) với sự có mặt của bazơ.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các ete, các hyđrocacbon thơm và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về bazơ được sử dụng trong phản ứng bao gồm butyl liti, s-butyl liti, t-butyl liti, liti điisopropylamit, liti bis(trimetyhylsilyl)amit, natri bis(trimetylsilyl)amit; và kali bis(trimetylsilyl)amit.

Trong phản ứng, hợp chất (R-3) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 15 tỷ lệ mol và bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 5 tỷ lệ mol

đối với 1 mol hợp chất (M-11).

Nhiệt độ phản ứng thường nằm trong khoảng từ -78 đến 25°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,5 đến 12 giờ.

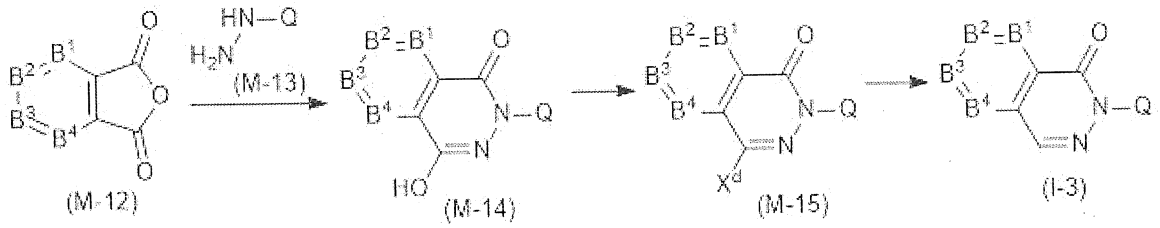
Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các lớp hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (I-2).

Hợp chất (R-3) là hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được theo phương pháp đã biết.

[0053]

Quy trình 9

Hợp chất có công thức (I-3) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-3)) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



[trong đó X^d là nguyên tử clo hoặc nguyên tử brom và các ký hiệu khác giống với các ký hiệu đã được định nghĩa trên đây.]

[0054]

Hợp chất có công thức (M-14) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-14)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-12) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-12)) với hợp chất có công thức (M-13) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-13)). Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, Tạp chí Journal of Medicinal Chemistry, 2011, 54, 2102.

[0055]

Hợp chất có công thức (M-15) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-15)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-14) với chất halogen hóa.

Phản ứng được thực hiện với sự có mặt hoặc không có mặt của dung môi. Các

ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các ete, các hyđrocacbon thơm, các hyđrocacbon halogen hóa và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất halogen hóa được sử dụng trong phản ứng bao gồm thionyl clorua, oxalyl clorua, phospho oxyclorua, phospho triclorua, phospho pentaclorua, thionyl bromua, phospho oxybromua, phospho tribromua và phospho pentaclorua.

Trong phản ứng, chất halogen hóa thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 30 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-14).

Nhiệt độ phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0 đến 100°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 24 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các lớp hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (M-15).

[0056]

Hợp chất (I-3) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-15) với hyđro với sự có mặt của chất xúc tác.

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi dưới áp suất từ 1 đến 100 bar của khí quyển hyđro. Các ví dụ về dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các ete; các este (như là etyl axetat và butyl axetat) (sau đây, được gọi chung là các este); các rượu; nước; và các dung môi hỗn hợp chứa hai chất hoặc nhiều hơn trong số chúng.

Các ví dụ về các chất xúc tác được sử dụng trong phản ứng bao gồm paladi cacbon.

Trong phản ứng, chất xúc tác thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,001 đến 0,5 tỷ lệ molđối với 1 mol hợp chất (M-15).

Axit hoặc bazơ có thể được sử dụng trong phản ứng khi cần.

Các ví dụ về axit được sử dụng trong phản ứng bao gồm axit axetic và axit clohyđric và các ví dụ về bazơ được sử dụng trong phản ứng bao gồm các amin bậc 3

như là trietylamin. Khi axit được sử dụng trong phản ứng, axit thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,1 đến 5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-15). Khi bazơ được sử dụng trong phản ứng, bazơ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,1 đến 5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-15).

Nhiệt độ phản ứng thường nằm trong khoảng từ -20 đến 100°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 24 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, các hỗn hợp phản ứng được lọc và khi cần, được chiết bằng (các) dung môi hữu cơ và các lớp hữu cơ thu được được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (I-3).

[0057]

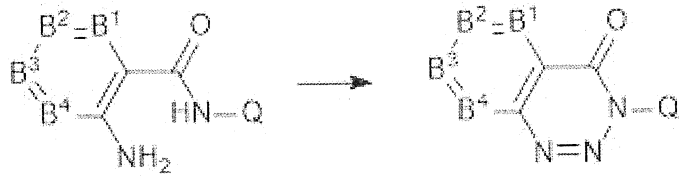
Quy trình 10

Oxit của hợp chất có công thức (I) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (I) với chất oxy hóa. Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, quy trình 1, công bố bằng sáng chế Mỹ số 2018/0009778 hoặc công bố quốc tế WO 2016/121970.

[0058]

Quy trình 11

Hợp chất có công thức (I-4) (sau đây, được gọi là hợp chất (I-4)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-10) với natri sulfit với sự có mặt của chất halogen hóa.



(M-10) (I-4)

Phản ứng được thực hiện với sự có mặt hoặc không có mặt của dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các nitril, các dung môi phân cực aprotic và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất halogen hóa được sử dụng trong phản ứng bao gồm clo, brom, iot, N-closucxinimit, N-bromsucxinimit và N-iotsucxinimit.

Trong phản ứng, natri sulfit thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 10 tỷ lệ mol và chất halogen hóa thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,1 đến 5 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-10).

Nhiệt độ phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0 đến 100°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,5 đến 12 giờ.

Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các lớp hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (I-4).

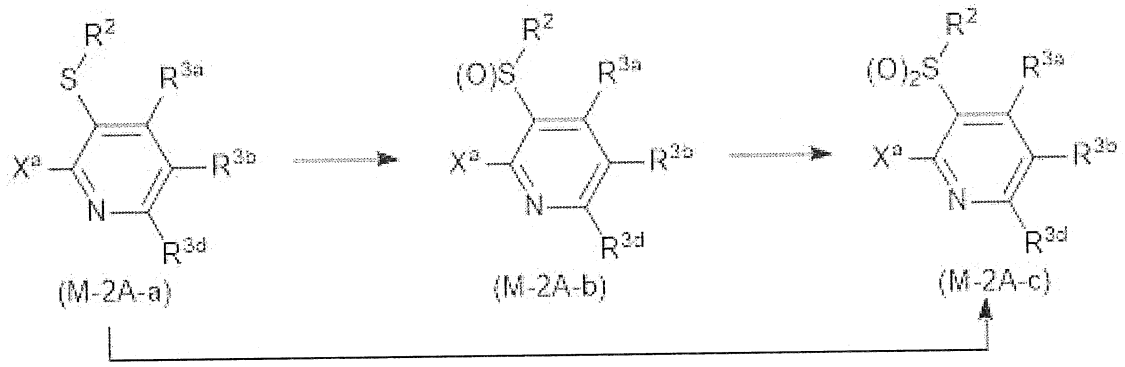
[0059]

Tiếp theo, quy trình điều chế hợp chất trung gian được mô tả.

[0060]

Quy trình tham khảo 1

Hợp chất có công thức (M-2A-b) và hợp chất có công thức (M-2A-c) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-2A-a) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-2A-a)) với chất oxy hóa.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

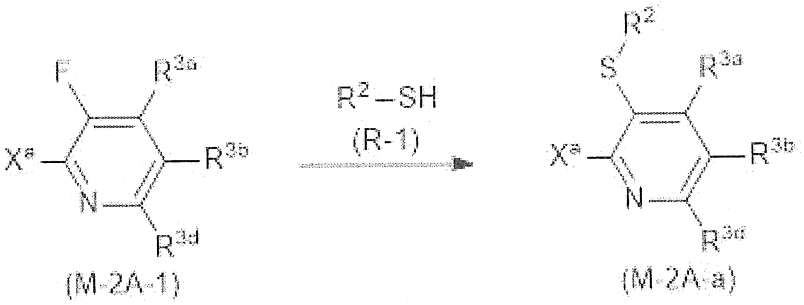
Các phản ứng này có thể được thực hiện theo quy trình 1.

[0061]

Quy trình tham khảo 2

Hợp chất (M-2A-a) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công

thức (M-2A-1) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-2A-1)) với hợp chất (R-1) với sự có mặt của bazơ.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

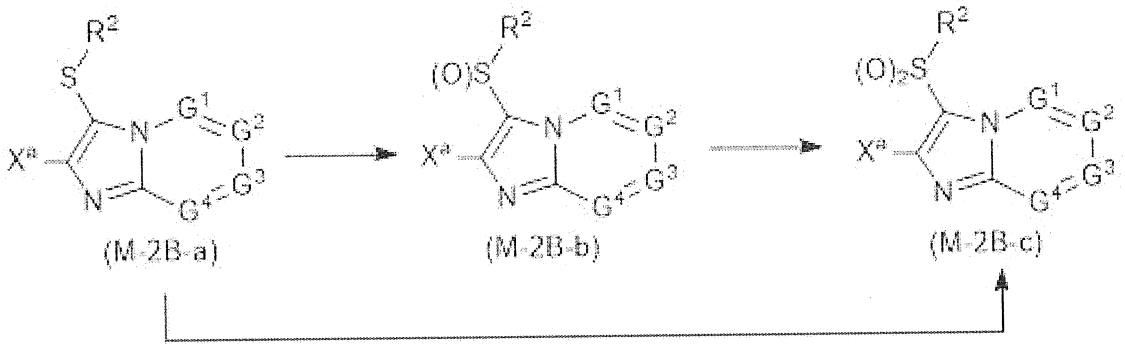
Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở quy trình 5 để điều chế hợp chất (I-O-a) từ hợp chất (M-4).

Hợp chất (M-2A-1) là hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được theo phương pháp đã biết.

[0062]

Quy trình tham khảo 3

Hợp chất có công thức (M-2B-b) và hợp chất có công thức (M-2B-c) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-2B-a) với chất oxy hóa.



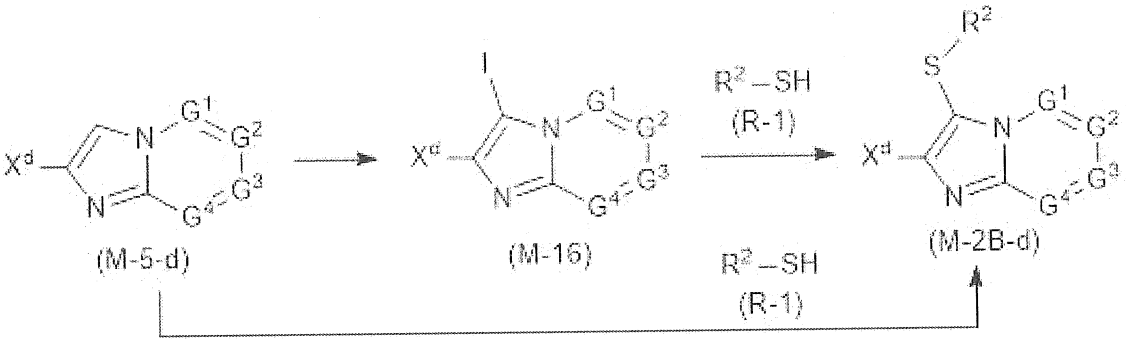
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Các phản ứng này có thể được thực hiện theo quy trình 1.

[0063]

Quy trình tham khảo 4

Hợp chất có công thức (M-2B-d) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

[0064]

Hợp chất có công thức (M-16) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-16)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-5-d) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-5-d)) với N-iotsucxinimit. Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở quy trình 6 để điều chế hợp chất (M-7) từ hợp chất (M-6).

[0065]

Hợp chất (M-2B-d) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-16) hoặc hợp chất (M-5-d) với hợp chất (R-1). Các phản ứng này có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở quy trình 6 để điều chế hợp chất (II-O-a) từ hợp chất (M-6) hoặc hợp chất (M-7).

[0066]

Quy trình tham khảo 5

Hợp chất có công thức (M-2B-f) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-2B-e) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-2B-e)) với bạc florua với sự có mặt của chất xúc tác kim loại.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

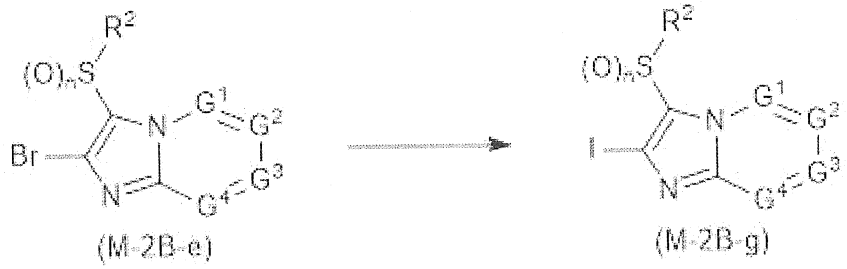
Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, Tạp

chí Journal of the American Chemical Society, 2014, 136, 3792.

[0067]

Quy trình tham khảo 6

Hợp chất có công thức (M-2B-g) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-2B-e) với natri iođua với sự có mặt của chất xúc tác kim loại.



(M-2B-e) (M-2B-g)

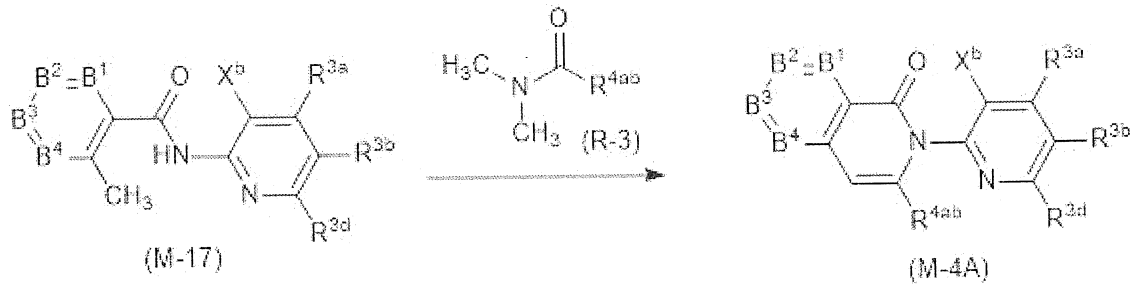
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, Journal of the American Chemical Society, 2002, 124, 14844.

[0068]

Quy trình tham khảo 7

Hợp chất có công thức (M-4A) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-4A)) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-17) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-17)) với hợp chất (R-3) với sự có mặt của bazơ.



(M-17) (R-3) (M-4A)

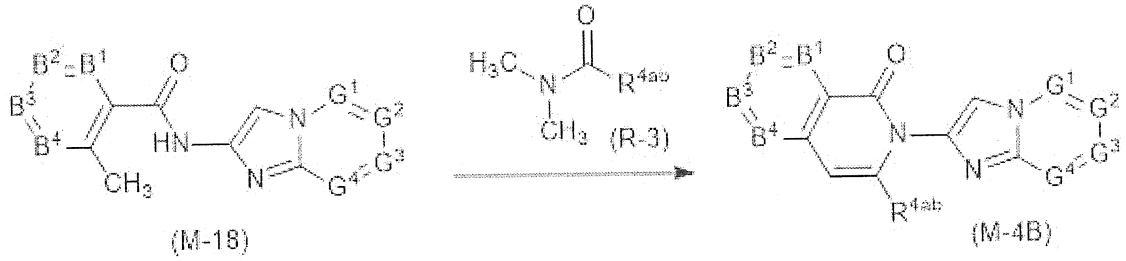
[trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây]

Phản ứng có thể được thực hiện bằng cách sử dụng hợp chất (M-17) thay cho hợp chất (M-11) theo quy trình 8.

[0069]

Quy trình tham khảo 8

Hợp chất (M-4B) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-18) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-18)) với hợp chất (R-3) với sự có mặt của bazơ.



(M-18) (R-3) (M-4B)

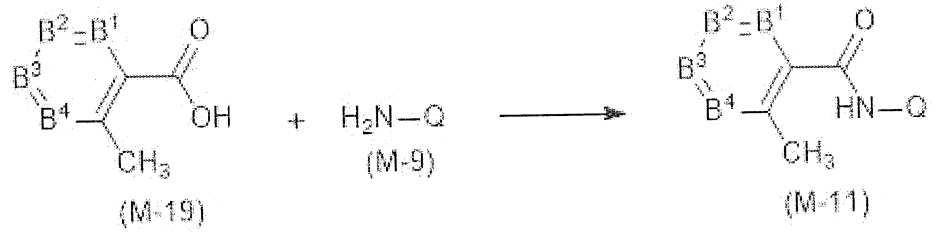
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng có thể được thực hiện bằng cách sử dụng hợp chất (M-18) thay cho hợp chất (M-11) theo quy trình 8.

[0070]

Quy trình tham khảo 9

Hợp chất (M-11) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-19) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-19)) với hợp chất (M-9) với sự có mặt của chất ngưng tụ.



(M-19) (M-9) (M-11)

(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng thường được thực hiện trong dung môi. Các ví dụ về các dung môi được sử dụng trong phản ứng bao gồm các ete, các hyđrocacbon halogen hóa, các hyđrocacbon thơm, các este, các dung môi phân cực aprotic, các hyđrocacbon thơm chứa nitơ và các dung môi hỗn hợp của hai hoặc nhiều loại trong số các dung môi này.

Các ví dụ về chất ngưng tụ bao gồm 1-etyl-3-83-đimetylaminopropyl)cacbođiimit (sau đây, được gọi là WSC) và 1,3-đixyclohexylarbodiimit

Trong phản ứng, hợp chất (M-9) thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,8

to 1,2 tỷ lệ mol và chất ngưng tụ thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 1 đến 2 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-19).

Chất xúc tác có thể được bổ sung vào phản ứng khi cần. Các ví dụ về chất xúc tác bao gồm 1-hyđroxybenzotriazol (sau đây, được gọi là HOBt). Khi chất xúc tác được sử dụng trong phản ứng, chất xúc tác thường được sử dụng nằm trong khoảng từ 0,01 đến 1 tỷ lệ mol đối với 1 mol hợp chất (M-19).

Nhiệt độ phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0 đến 200°C. Thời gian phản ứng của phản ứng thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 24 giờ.

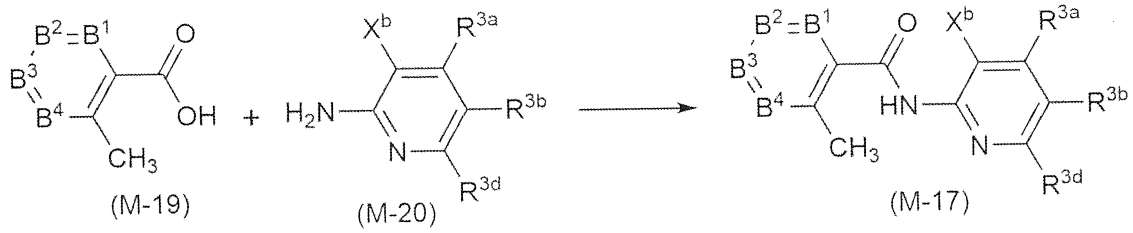
Khi phản ứng hoàn thành, bổ sung nước vào các hỗn hợp phản ứng và chiết các hỗn hợp phản ứng này bằng (các) dung môi hữu cơ và các lớp hữu cơ được xử lý (ví dụ như, làm khô và cô đặc) để thu được hợp chất (M-11).

Hợp chất (M-19) là hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được theo phương pháp đã biết.

[0071]

Quy trình tham khảo 10

Hợp chất (M-17) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-19) với hợp chất có công thức (M-20) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-20)) với sự có mặt của chất ngưng tụ.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

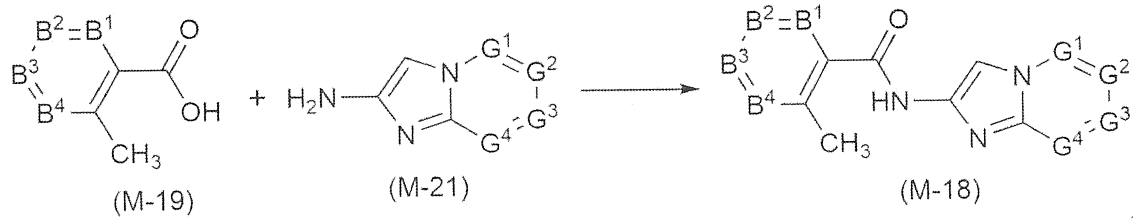
Phản ứng có thể được thực hiện bằng cách sử dụng hợp chất (M-20) thay cho hợp chất (M-9) theo quy trình tham khảo 9.

[0072]

Quy trình tham khảo 11

Hợp chất (M-18) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-19) với

hợp chất có công thức (M-21) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-21)) với sự có mặt của chất ngưng tụ.



(M-19) (M-21) (M-18)

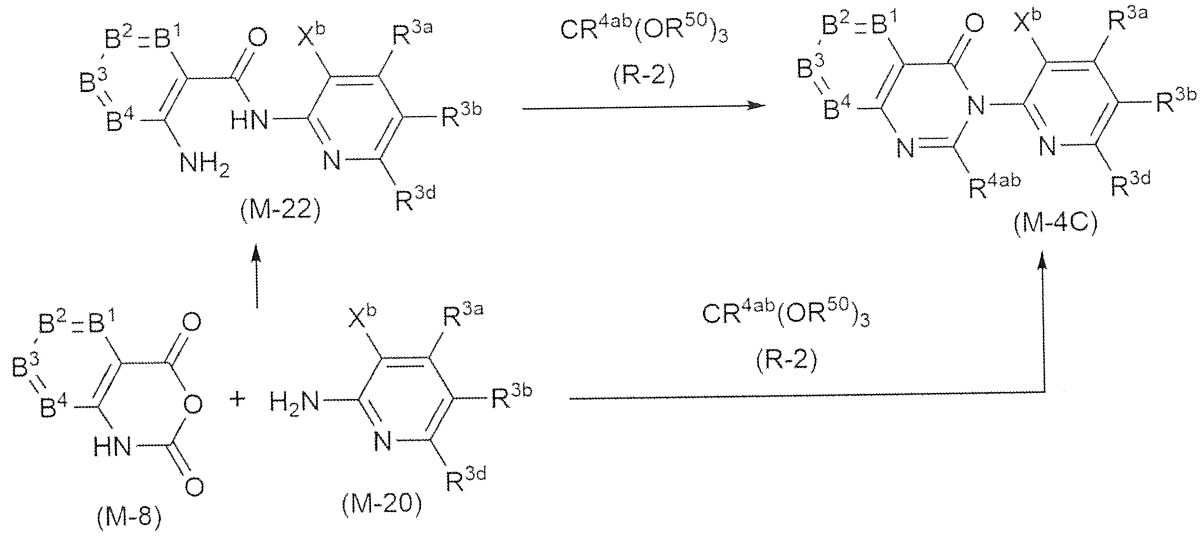
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng có thể được thực hiện bằng cách sử dụng hợp chất (M-21) thay cho hợp chất (M-9) theo quy trình tham khảo 9.

[0073]

Quy trình tham khảo 11

Hợp chất có công thức (M-4C) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



(M-22) (M-4C)

(M-8) (M-20)

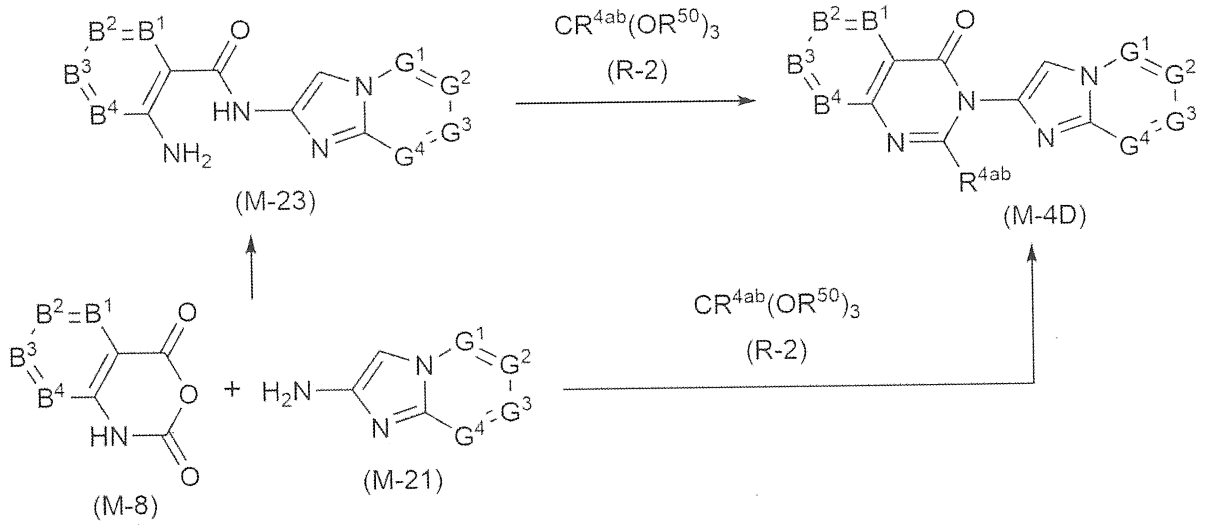
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Các phản ứng này có thể được thực hiện theo quy trình 7.

[0074]

Quy trình tham khảo 12

Hợp chất có công thức (M-4D) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



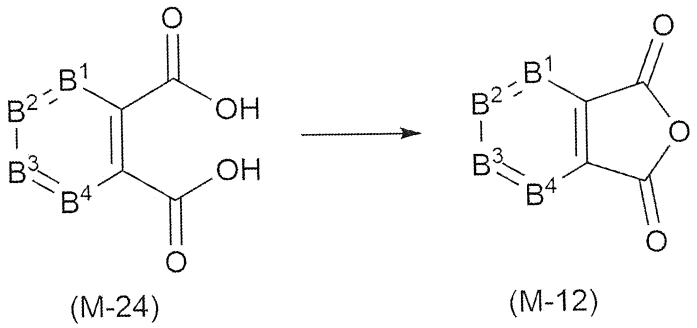
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Các phản ứng này có thể được thực hiện theo quy trình 7.

[0075]

Quy trình tham khảo 13

Hợp chất (M-12) có thể được điều chế bằng cách ngưng tụ khử nước hợp chất có công thức (M-24) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-24)).



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

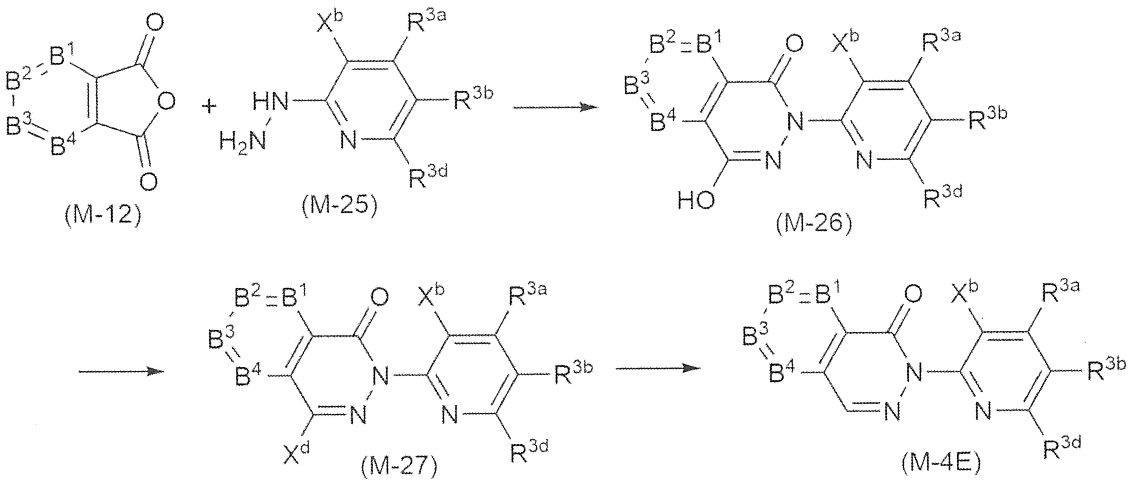
Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, Organic Letters, 2010, 12, 4796.

Hợp chất (M-24) là hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được theo phương pháp đã biết.

[0076]

Quy trình tham khảo 14

Hợp chất có công thức (M-4E) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.

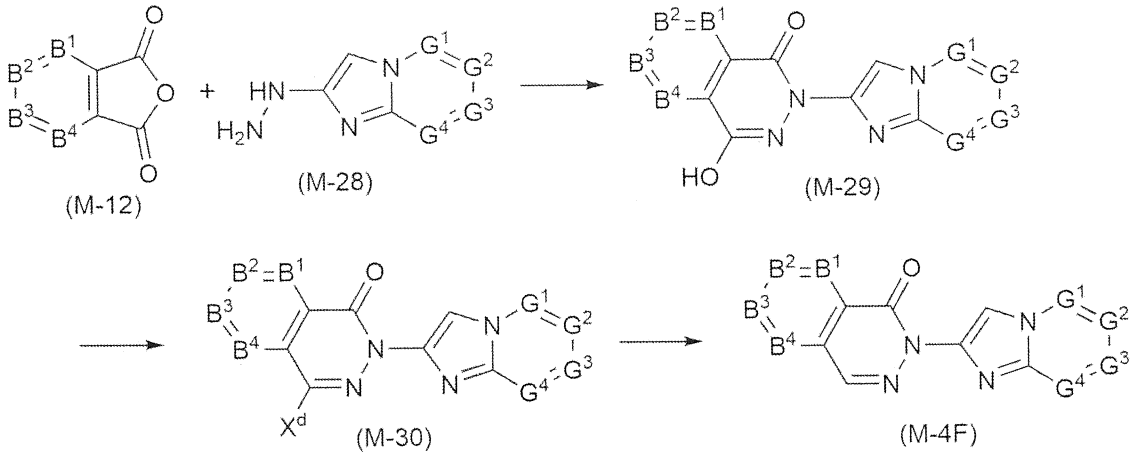


(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Các phản ứng này có thể được thực hiện theo quy trình 9.

[0077]

Hợp chất có công thức (M-4F) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



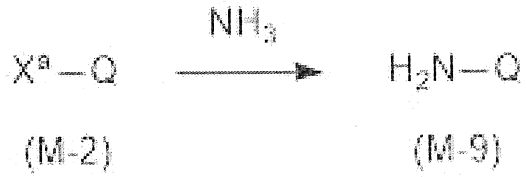
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Các phản ứng này có thể được thực hiện theo quy trình 9.

[0078]

Quy trình tham khảo 16

Hợp chất (M-9) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-2) với amoniac.



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

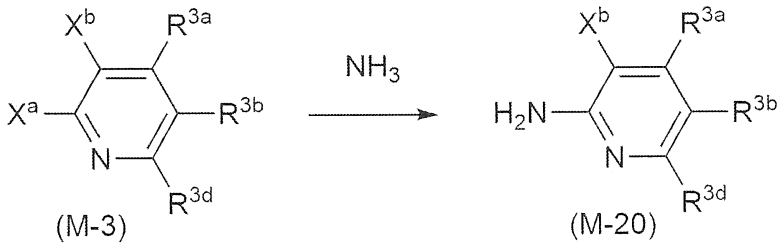
Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, Journal of Medicinal Chemistry, 1980, 23, 1376 hoặc WO 2010/130665.

Hợp chất (M-9) có thể được điều chế theo phương pháp được mô tả ở WO 2018/052136.

[0079]

Quy trình tham khảo 17

Hợp chất (M-20) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-3) với amoniac.



(M-3) (M-20)

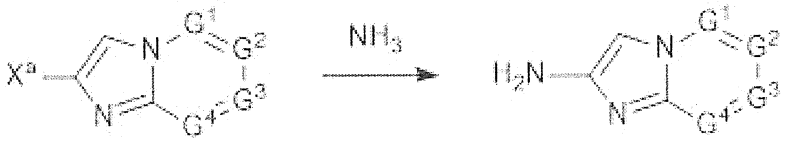
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng có thể được thực hiện theo quy trình tham khảo 16.

[0080]

Quy trình tham khảo 18

Hợp chất (M-21) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-5) với amoniac.



(M-5) (M-21)

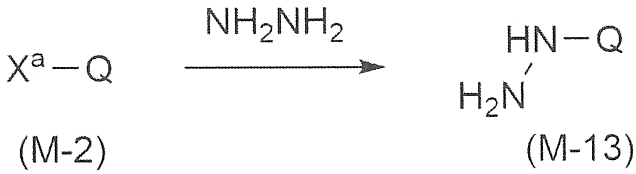
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng có thể được thực hiện theo quy trình tham khảo 16.

[0081]

Quy trình tham khảo 19

Hợp chất (M-13) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-2) với hydrazin monohydrat.



(M-2) (M-13)

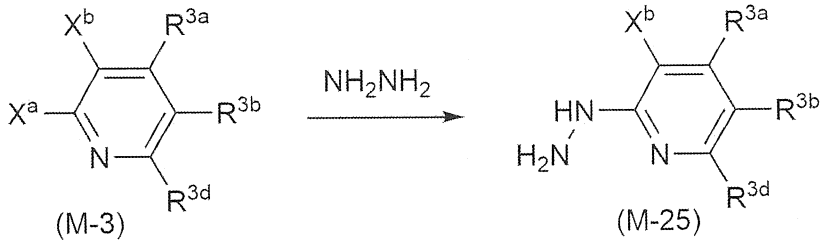
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như WO 2018/008727.

[0082]

Quy trình tham khảo 20

Hợp chất (M-25) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-3) với hydrazin monohydrat.



(M-3) (M-25)

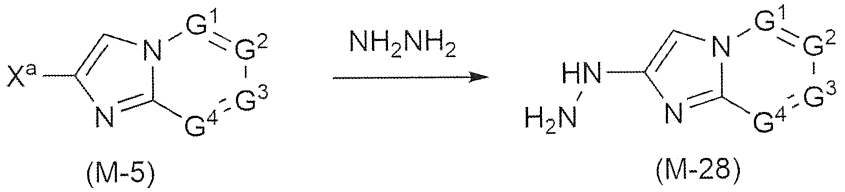
(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng có thể được thực hiện theo quy trình tham khảo 19.

[0083]

Quy trình tham khảo 21

Hợp chất (M-28) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất (M-5) với hydrazin monohydrat.



(M-5) (M-28)

(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

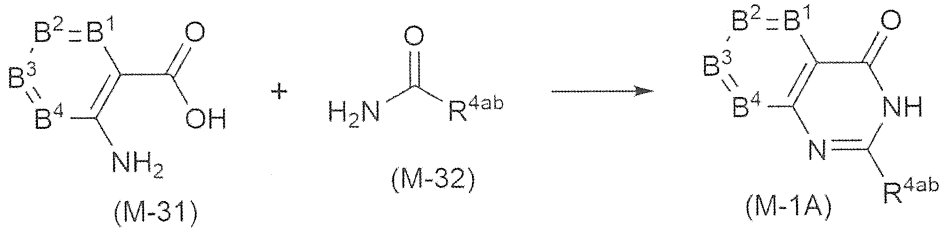
Phản ứng có thể được thực hiện theo quy trình tham khảo 19.

[0084]

Quy trình tham khảo 22

Hợp chất có công thức (M-1A) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp

chất có công thức (M-31) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-31)) với hợp chất có công thức (M-32) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-32)).



(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

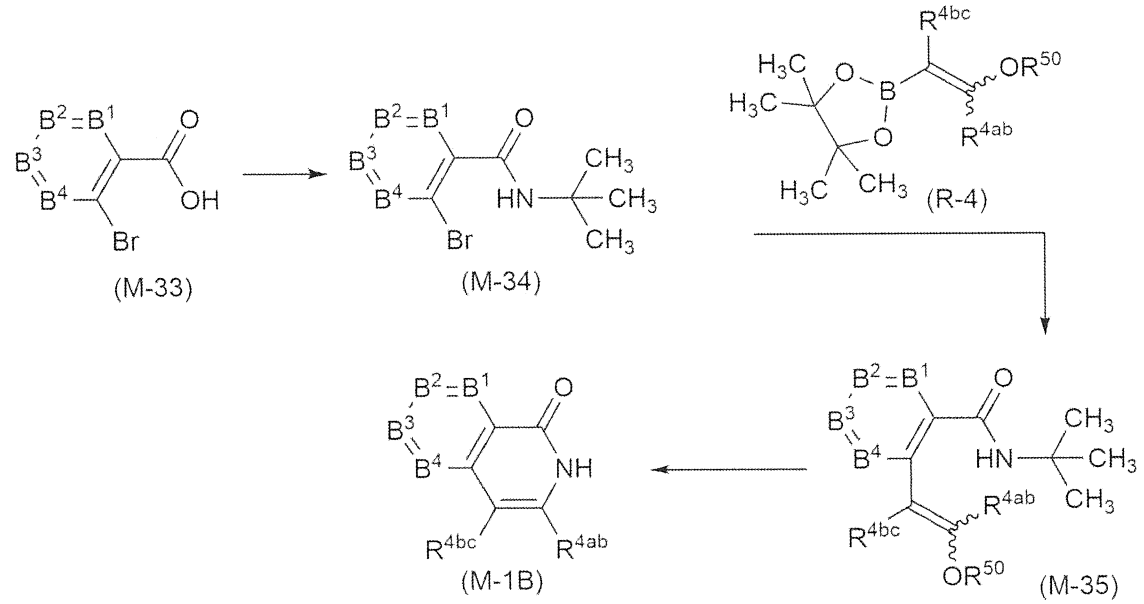
Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, European Journal of Medicinal Chemistry, 2012, 50, 264.

Hợp chất (M-31) và hợp chất (M-32) là các hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được theo phương pháp đã biết.

[0085]

Quy trình tham khảo 23

Hợp chất có công thức (M-1B) có thể được điều chế theo sơ đồ dưới đây.



[trong đó R^{4bc} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro và các ký hiệu khác giống với các ký hiệu đã được định nghĩa trên đây.

Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, Tạp

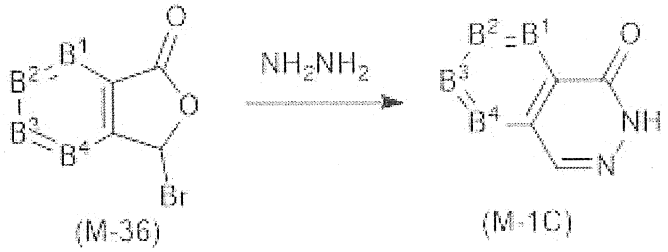
chí Hóa học Hữu cơ Châu Âu - European Journal of Organic Chemistry, 2016, 4171.

Hợp chất có công thức (M-33) và hợp chất có công thức (M-34) là các hợp chất có sẵn trên thị trường hoặc có thể điều chế được theo phương pháp đã biết.

[0086]

Quy trình tham khảo 24

Hợp chất có công thức (M-1C) có thể được điều chế bằng phản ứng giữa hợp chất có công thức (M-36) (sau đây, được gọi là hợp chất (M-36)) với hydrazin monohydrat.



(M-36) (M-1C)

(trong đó, các ký hiệu giống như đã định nghĩa trên đây)

Phản ứng có thể được thực hiện theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, WO 2011/159854.

Hợp chất (M-36) có thể được điều chế theo phương pháp được mô tả ở, ví dụ như, Tạp chí Bioorganic & Medicinal Chemistry, 2013, 23, 1063.

[0087]

Hợp chất sáng chế hoặc hợp chất sáng chế X có thể được trộn hoặc kết hợp với một hoặc nhiều loại thành phần được chọn từ nhóm bao gồm nhóm (a), nhóm (b), nhóm (c) và nhóm (d) sau đây (sau đây, được gọi là thành phần sáng chế).

Việc trộn hoặc kết hợp nêu trên là sử dụng hợp chất sáng chế hoặc hợp chất sáng chế X và thành phần sáng chế đồng thời, riêng rẽ hoặc theo các khoảng thời gian nhất định.

Khi hợp chất sáng chế hoặc hợp chất sáng chế X và thành phần sáng chế được sử dụng đồng thời, thì hợp chất sáng chế hoặc hợp chất sáng chế X và thành phần sáng chế có thể được chứa tương ứng trong các chế phẩm riêng biệt hoặc có thể được chứa trong cùng một chế phẩm.

Một khía cạnh của sáng chế là chế phẩm bao gồm một hoặc nhiều thành phần được chọn từ nhóm (a) hoặc nhóm (b) cũng như hợp chất sáng chế.

Một khía cạnh của sáng chế là chế phẩm bao gồm một hoặc nhiều thành phần được chọn từ nhóm bao gồm nhóm (a), nhóm (b), nhóm (c) và nhóm (d) sau đây cũng như hợp chất sáng chế X (sau đây, được gọi là chế phẩm A).

[0088]

Nhóm (a) là nhóm bao gồm:

từng thành phần hoạt tính là các chất ức chế axetylcholinsterase (ví dụ như, các thuốc trừ sâu carbamat hoặc các thuốc trừ sâu phosphat hữu cơ), các chất chẹn kênh clorua cổng GABA (ví dụ như, các thuốc trừ sâu phenylpyrazol), các chất điều biến kênh natri (ví dụ như, các thuốc trừ sâu pyrethroid), các chất điều biến thụ thể cạnh tranh nicotinic axetylcholin (ví dụ như, các thuốc trừ sâu neonicotinoid), các chất điều biến dị lập thể thụ thể nicotinic axetylcholin, các chất điều biến dị lập thể kênh ion clorin glutamatergic (ví dụ như, các thuốc trừ sâu macrolit), chất giả hoóc-môn kích thích lột xác, các chất ức chế nhiều vị trí, các chất điều biến kênh TRPV cơ quan dây âm, các chất ức chế sinh trưởng ve, các chất ức chế sinh tổng hợp enzym Mitochondria ATP, các chất tách cặp phosphoryl hóa oxy hóa, các chất chẹn kênh thụ thể Nicotinic axetylcholin (ví dụ như, các thuốc trừ sâu Nereistoxin), các chất ức chế tổng hợp Chitin, các chất ức chế sự lột xác, chất chủ vận thụ thể ecdyson, chất chủ vận thụ thể octopamin, các chất ức chế của phức hệ vận chuyển điện tử ty thể I, II, III và IV, các chất chẹn kênh natri phụ thuộc vào điện áp, chất ức chế axetyl CoA cacboxylaza, chất điều biến thụ thể ryanodin (ví dụ như, các thuốc trừ sâu điamit), các chất điều biến cơ quan dây âm, các thuốc trừ sâu vi sinh; và

các thành phần hoạt tính trừ sâu, trừ nhện hoặc trừ tuyến trùng khác.

Các thành phần này được phân loại thành các nhóm dựa trên cơ chế hoạt động của IRAC.

[0089]

Nhóm (b) là nhóm bao gồm:

Các chất ức chế tổng hợp axit nuleic (ví dụ như, các thuốc diệt nấm phenylamit hoặc các thuốc diệt nấm axylamino axit), các chất ức chế sự phân chia tế bào và khung tế bào (ví dụ như, các thuốc diệt nấm MBC),

Các chất ức chế hô hấp (ví dụ như, các thuốc diệt nấm QoI hoặc các thuốc diệt nấm Qil), các chất ức chế tổng hợp amino axit và tổng hợp protein (ví dụ như, các thuốc diệt nấm anilinopyridin), các chất ức chế dẫn truyền tín hiệu, các chất ức chế tổng hợp lipid và tổng hợp màng, các chất ức chế sinh tổng hợp sterol (ví dụ như, các thuốc diệt nấm DMI như là triazol), các chất ức chế tổng hợp thành tế bào, các chất ức chế tổng hợp melanin, các thuốc gây sức đề kháng cho cây, các thuốc diệt nấm hoạt tính tiếp xúc điểm hoạt động khác, các thuốc diệt nấm vi sinh và các thành phần diệt nấm khác. Các chất này được phân loại thành nhóm dựa trên cơ chế hoạt động của FRAC.

[0090]

Nhóm (c) là nhóm thành phần điều biến tăng trưởng thực vật (bao gồm nấm rễ cộng sinh và vi khuẩn nốt sần ở rễ).

[0091]

Nhóm (d) là nhóm thành phần trừ rệp.

[0092]

Các ví dụ về hỗn hợp của thành phần sáng chế và hợp chất sáng chế X được mô tả sau đây. Ví dụ như, alanycarb + SX là hỗn hợp của alanycarb và SX.

Ký hiệu "SX" là một hợp chất sáng chế X bất kỳ được chọn từ nhóm hợp chất SX_1 đến nhóm hợp chất SX_{2832}. Ngoài ra, tất cả thành phần hoạt tính sáng chế nhắc đến dưới đây là các thành phần đã biết và có sẵn trên thị trường hoặc có thể được sản xuất theo phương pháp đã biết. Nếu thành phần sáng chế là vi khuẩn, thì nó có sẵn từ cơ quan lưu ký vi khuẩn. Số bằng số trong ngoặc là CAS RN (Đăng ký nhãn hiệu).

[0093]

Hỗn hợp của thành phần sáng chế của nhóm (a) nêu trên và hợp chất sáng chế:

abamectin + SX, axephat + SX, axequinocyl + SX, axetamiprid + SX, axetoprole + SX, acrinathrin + SX, acynonapyr + SX, afidopyropen + SX, afoxolaner

+ SX, alanycarb + SX, aldicarb + SX, allethrin + SX, alpha-cypermethrin + SX, alpha-endosulfan + SX, nhôm phosphua + SX, amitraz + SX, azadirachtin + SX, azamethiphos + SX, azinphos-etyl + SX, ainphos-metyl + SX, axoxyclotin + SX, vỏ của Celastrus angulatus + SX, bendiocarb + SX, benfluthrin + SX, benfuracarb + SX, bensultap + SX, benzoximat + SX, benzpyrimoxan + SX, beta-xyfluthrin + SX, beta-cypermethrin + SX, bifenazat + SX, bifenthrin + SX, bioallethrin + SX, bioresmethrin + SX, bistrifluron + SX, borax + SX, boric axit + SX, broflanilid + SX, bromopropylat + SX, buprofezin + SX, butocarboxim + SX, butoxycarboxim + SX, cadusafos + SX, canxi phosphua + SX, carbaryl + SX, carbofuran + SX, carbosulfan + SX, cartap hydroclorua + SX, cartap + SX, chinomethionat + SX, clorantraniliprol + SX, chlordane + SX, chlorethoxyfos + SX, chlorfenapyr + SX, chlorfenvinphos + SX, chlorfluazuron + SX, chlormephos + SX, chloropicrin + SX, chlorpyrifos + SX, chlorpyrifos-metyl + SX, chromafenozide + SX, clofentezin + SX, clothianidin + SX, concanamycin A + SX, coumaphos + SX, cryolite + SX, xyanophos + SX, xyantraniliprol + SX, xycloniliprole + SX, xycloprothrin + SX, xycloxaprid + SX, cyenopyrafen + SX, cyflumetofen + SX, xyfluthrin + SX, cyhalodiamit + SX, cyhalothrin + SX, cyhexatin + SX, cypermethrin + SX, cyphenothrin + SX, cyromazine + SX, dazomet + SX, deltamethrin + SX, demeton-S-metyl + SX, diafenthiuron + SX, diazinon + SX, dichlorvos + SX, dicloromezotiaz + SX, dicofol + SX, dicrotophos + SX, diflovidazin + SX, diflubenzuron + SX, dimefluthrin + SX, dimethoate + SX, đimetylvinphos + SX, dimpropyridaz + SX, dinotefuran + SX, đinatri octaborat + SX, disulfoton + SX, DNOC(2-metyl-4,6-dinitrophenol) + SX, doramectin + SX, lá khô của Dryopteris filix-mas + SX, emamectin-benzoat + SX, empenthrin + SX, endosulfan + SX, EPN(O-etyl O-(4-nitrophenyl)phenylphosphonothioat) + SX, epsilon-metofluthrin + SX, epsilon-momflothrin + SX, esfenvalerat + SX, ethiofencarb + SX, ethion + SX, ethiprole + SX, ethoprophos + SX, etofenprox + SX, etoxazole + SX, chiết xuất ngải đắng (Artemisia absinthium) + SX, chiết xuất Cassia nigricans + SX, chiết xuất đậu biếc (clitoria

ternatea) + SX, chiết xuất liên mộc (Symphytum officinale) + SX, các chiết xuất hoặc pha trộn mô phỏng của rau muối dại (Chenopodium ambrosioides) + SX, chiết xuất cúc hương ngải (Tanacetum vulgare) + SX, chiết xuất tầm ma (Urtica dioica) + SX, chiết xuất ghi trắng (Viscum album) + SX, famphur + SX, fenamiphos + SX, fenazaquin + SX, fenbutatin oxit + SX, fenitrothion + SX, fenobucarb + SX, fenoxycarb + SX, fenpropathrin + SX, fenpyroximat + SX, fenthion + SX, fenvalerat + SX, fipronil + SX, flometoquin + SX, flonicamid + SX, fluacrypyrim + SX, fluazaindolizin + SX, fluazuron + SX, flubendiamit + SX, fluxycloxuron + SX, flucythrinat + SX, fluensulfon + SX, flufenoprox + SX, flufenoxuron + SX, flufiprole + SX, flumethrin + SX, flupyradifuron + SX, flupyrimin + SX, fluralaner + SX, fluvalinat + SX, fluxametamit + SX, formetanat + SX, fosthiazat + SX, furamethrin + SX, furathiocarb + SX, gamma-cyhalothrin + SX, GS-omega/kappa HXTX-Hv1a peptit + SX, halfenprox + SX, halofenozide + SX, heptafluthrin + SX, heptenophos + SX, hexaflumuron + SX, hexythiazox + SX, muối kali của axit hop beta + SX, hydrametylnon + SX, hydroprene + SX, imicyafos + SX, imidacloprid + SX, imidaclothiz + SX, imiprothrin + SX, indoxacarb + SX, isoxycloseram + SX, isofenphos + SX, isoprocarb + SX, isopropyl-O-(methoxyaminothiophosphoryl) salixylat + SX, isoxathion + SX, ivermectin + SX, kadethrin + SX, kappa-tefluthrin + SX, kappa-bifenthrin + SX, kinopren + SX, lambda-cyhalothrin + SX, lenoremyxin + SX, lepimectin + SX, vôi lưu huỳnh + SX, lotilaner + SX, lufenuron + SX, dầu máy + SX, malathion + SX, mecarbam + SX, meperfluthrin + SX, metaflumizon + SX, metam + SX, methamidophos + SX, methidathion + SX, methiocarb + SX, methomyl + SX, methopren + SX, methoxychlor + SX, methoxyfenozide + SX, metyl bromua + SX, metofluthrin + SX, metolcarb + SX, metoxadiazone + SX, mevinphos + SX, milbemectin + SX, milbemycin oxim + SX, momflothrin + SX, monocrotophos + SX, moxitctin + SX, naled + SX, dầu neem + SX, nicotin + SX, nicotin-sulfat + SX, nitenpyram + SX, novaluron + SX, noviflumuron + SX, dầu của hạt dầu giun (Chenopodium anthelminticum) + SX, omethoat + SX, oxamyl + SX, oxazosulfyl +

SX, oxydemeton-metyl + SX, parathion + SX, parathion-metyl + SX, permethrin + SX, phenothrin + SX, phenthoat + SX, phorat + SX, phosalon + SX, phosmet + SX, phosphamidon + SX, phosphin + SX, phoxim + SX, pirimicarb + SX, pirimiphos-metyl + SX, prallethrin + SX, profenofos + SX, profluthrin + SX, propargite + SX, propetamphos + SX, propoxur + SX, propylen glycol alginate + SX, prothiofos + SX, pyflubumide + SX, pymetrozine + SX, pyraclofos + SX, pyrethrins + SX, pyridaben + SX, pyridalyl + SX, pyridaphenthion + SX, pyrifluquinazone + SX, pyrimidifen + SX, pyriminostrobin + SX, pyriprole + SX, pyriproxyfen + SX, quinalphos + SX, resmethrin + SX, rotenone + SX, ryanodine + SX, sarolaner + SX, selamectin + SX, sigma-cypermethrin + SX, silafluofen + SX, natri borat + SX, natri metaborat + SX, spinetoram + SX, spinosad + SX, spirodiclofen + SX, spiromesifen + SX, spiropidion + SX, spirotetramat + SX, sulfluramid + SX, sulfotep + SX, sulfoxaflor + SX, sulfur + SX, sulfuryl florua + SX, tartar emetic + SX, tau-fluvalinat + SX, tebufenozide + SX, tebufenpyrad + SX, tebupirimfos + SX, teflubenzuron + SX, tefluthrin + SX, temephos + SX, terbufos + SX, các thành phần terpen của chiết xuất chenopodium ambrosioides near ambrosioides + SX, tetraclorantraniliprol + SX, tetrachlorvinphos + SX, tetradifon + SX, tetramethrin + SX, tetrametylfluthrin + SX, tetraniliprole + SX, theta-cypermethrin + SX, thiacloprid + SX, thiamethoxam + SX, thiocyclam + SX, thiodicarb + SX, thiofanox + SX, thiometon + SX, thiosultap-đinatri + SX, thiosultap-monosodium + SX, tioxazafen + SX, tolfenpyrad + SX, tralomethrin + SX, transfluthrin + SX, triazamate + SX, triazophos + SX, trichlorfon + SX, ⊦ triflumezopyrim + SX, triflumuron + SX, trimethacarb + SX, tyclopyrazoflor + SX, vamidothion + SX, chiết xuất gỗ Quassia amara + SX, XMC (3,5-đimetylphenyl N-metylcacbamat) + SX, xylylcarb + SX, zeta-cypermethrin + SX, zinc phosphua + SX, N-[3-chloro-1-(pyridin-3-yl)-1H-pyrazol-4-yl]-N-etyl-3-(3,3,3-triflopropanesulfinyl)propanamit (1477923-37-7) + SX, 4-[5-(3,5-điclophenyl)-5-(triflometyl)-4,5-đihyđro-1,2-oxazol-3-yl]-2-metyl-N-(1-oxothietan-3-yl)benzamit (1241050-20-3) + SX, 3-methoxy-N-(5- {5-(triflometyl)-5-[3-(triflometyl)phenyl]-4,5-

đihyđro-1,2-oxazol-3-yl} indan-1-yl)propanamit (1118626-57-5) + SX, N-[2-bromo-6-chloro-4-(1,1,1,2,3,3,3-heptaflopropan-2-yl)phenyl]-3- {etyl[(pyridin-4-yl)carbonyl]amino} -2-methoxybenzamit (1429513-53-0) + SX, N-[2-bromo-6-chloro-4-(1,1,1,2,3,3,3-heptaflopropan-2-yl)phenyl]-3-[etyl(4-xyanobenzoyl)amino]-2-methoxybenzamit (1609007-65-9) + SX, N-[2-bromo-6-(điflomethoxy)-4-(1,1,1,2,3,3,3-heptaflopropan-2-yl)phenyl]-3- {metyl[(pyridin-4-yl)carbonyl]amino} -2-methoxybenzamit (1630969-78-6) + SX, 1-{2-flo-4-metyl-5-[(2,2,2-trifloetyl)sulfanyl]phenyl}-3-(triflometyl)-1H-1,2,4-triazol-5-amin (885026-50-6) + SX, đạm cây trồng BT Cry1Ab + SX, đạm cây trồng BT Cry1Ac + SX, đạm cây trồng BT Cry1Fa + SX, đạm cây trồng BT Cry1A105 + SX, đạm cây trồng BT Cry2Ab + SX, đạm cây trồng BT Vip3A + SX, đạm cây trồng BT Cry3A + SX, đạm cây trồng BT Cry3Ab + SX, đạm cây trồng BT Cry3Bb + SX, đạm cây trồng BT Cry34AB1/Cry35AB1 + SX, chủng vi-rút Adoxophyes orana granulosis BV-0001 + SX, Anticarsia gemmatalis mNPV + SX, Autographa californica mNPV + SX, chủng Cydia pomonella GV V15 + SX, chủng Cydia pomonella GV V22 + SX, Cryptophlebia leucotreta GV + SX, Dendrolimus punctatus cypovirus + SX, chủng Helicoverpa armigera NPV BV-0003 + SX, Helicoverpa zea NPV + SX, Lymantria dispar NPV + SX, Mamestra brassicae NPV + SX, Mamestra configurata NPV + SX, Neodiprion abietis NPV + SX, Neodiprion lecontei NPV + SX, Neodiprion sertifer NPV + SX, Nosema locustae + SX, Orgyia pseudotsugata NPV + SX, Pieris rapae GV + SX, Plodia interpunctella GV + SX, Spodoptera exigua mNPV + SX, Spodoptera littoralis mNPV + SX, Spodoptera litura NPV + SX, Arthrobotrys dactyloides + SX, chủng Bacillus firmus GB126 + SX, chủng Bacillus firmus I-1582 + SX, Bacillus megaterium + SX, chủng Bacillus sp. AQ175 + SX, chủng Bacillus sp. AQ177 + SX, chủng Bacillus sp. AQ178 + SX, chủng Bacillus sphaericus 2362 + SX, chủng Bacillus sphaericus ABTS1743 + SX, chủng Bacillus sphaericus Serotype H5a5b + SX, chủng Bacillus thuringiensis AQ52 + SX, chủng Bacillus thuringiensis BD#32 + SX, chủng Bacillus thuringiensis CR37 1 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp.

Aizawai ABTS-1857 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Aizawai AM65-52 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Aizawai GC-91 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Aizawai Serotype H-7 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki ABTS351 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki BMP123 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki EG234 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki EG7841 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki EVB113-19 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki F810 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki HD-1 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki PB54 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki SA11 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Kurstaki SA12 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Tenebriosis NB176 + SX, chủng Bacillus thuringiensis subsp. Thuringiensis MPPL002 + SX, Bacillus thuringiensis subsp.morrisoni + SX, Bacillus thuringiensis var. colmeri + SX, chủng Bacillus thuringiensis var. darmstadiensis 24-91 + SX, Bacillus thuringiensis var. dendrolimus + SX, Bacillus thuringiensis var. galleriae + SX, chủng Bacillus thuringiensis var. israelensis BMP144 + SX, chủng Bacillus thuringiensis var. israelensis serotype H-14 + SX, chủng Bacillus thuringiensis var. japonensis buibui + SX, chủng Bacillus thuringiensis var. san diego M-7 + SX, Bacillus thuringiensis vaR7216 + SX, Bacillus thuringiensis var.aegypti + SX, Bacillus thuringiensis var. T36 + SX, chủng Beauveria bassiana ANT-03 + SX, chủng Beauveria bassiana ATCC74040 + SX, chủng Beauveria bassiana GHA + SX, Beauveria brongniartii + SX, chủng Burkholderia rinojensis A396 + SX, chủng Chromobacterium subtsugae PRAA4-1T + SX, Dactyllela ellipsospora + SX, Dectylaria thaumasia + SX, Hirsutella minnesotensis + SX, Hirsutella rhossiliensis + SX, Hirsutella thompsonii + SX, Lagenidium giganteum + SX, chủng Lecanicillium lecanii KV01 + SX, Lecanicillium lecanii conidia của chủng DAOM198499 + SX, Lecanicillium lecanii conidia của chủng DAOM216596 + SX, chủng Lecanicillium muscarium Ve6 + SX, chủng Metarhizium anisopliae F52 + SX, Metarhizium anisopliae var. acridum + SX, Metarhizium anisopliae var. anisopliae BIPESCO 5/F52

+ SX, Metarhizium flavoviride + SX, Monacrosporium phymatopagum + SX, chủng Paecilomyces fumosoroseus Apopka 97 + SX, chủng Paecilomyces lilacinus 251 + SX, chủng Paecilomyces tenuipes T1 + SX, Paenibacillus popilliae + SX, chủng Pasteuria nishizawae Pn1 + SX, Pasteuria penetrans + SX, Pasteuria usgae + SX, Pasteuria thoynei + SX, Serratia entomophila + SX, Verticillium chlamydosporium + SX, chủng Verticillium lecani NCIM1312 + SX, 2-chloro-4-flo-5- {[5-(triflometylthio)pentyl]oxy} phenyl 2,2,2-trifloetyl sulfoxit (1472050-04-6) + SX, 4-chloro-5-[2,2-diflo-2-(3,4,5-triflophenyl)ethoxy]-2-metylphenyl 2,2,2-trifloetyl sulfoxit (1632218-00-8) + SX, 4-flo-5-[2,2-diflo-2-(3,4,5-triflophenyl)ethoxy]-2-metylphenyl 2,2,2-trifloetyl sulfoxit (1632217-98-1) + SX, 2-({2-flo-4-metyl-5-[(2,2,2-trifloetyl)sulfinyl]phenyl} imino)-3-(2,2,2-trifloetyl)-1,3-thiazolidin-4-on (1445683-71-5) + SX, (1Z)-2-(4-tert-butylphenyl)-2-xyano-1-(1-etyl-3-metyl-1H-pyrazol-5-yl)ethenyl 2,2-đimetylpropanoate (1253429-01-4) + SX, N-[(1S,2S)-2-(2,4-điclophenyl)xyclobutyl]-2-(triflometyl)pyridin-3-carboxamit (1644251-74-0) + SX, (3R)-3-(2-chlorothiazol-5-yl)-8-metyl-7-oxo-6-phenyl-2,3-đihyđrothiazolo[3,2-a]pyrimidin-4-ium-5-olate (2249718-27-0) + SX.

[0094]

Hỗn hợp của thành phần sáng chế của nhóm (b) nêu trên và hợp chất sáng chế X:

acibenzolar-S-metyl + SX, aldimorph + SX, ametoctradin + SX, aminopyrifen + SX, amisulbrom + SX, anilazine + SX, azaconazol + SX, azoxystrobin + SX, đồng bazơ sulfat + SX, benalaxyl + SX, benalaxyl-M + SX, benodanil + SX, benomyl + SX, benthiavalicarb + SX, benthivalicarb-isopropyl + SX, benzovindiflupyr + SX, binapacryl + SX, biphenyl + SX, bitertanol + SX, bixafen + SX, blasticidin-S + SX, hỗn hợp Bordeaux + SX, boscalid + SX, bromothalonil + SX, bromuconazol + SX, bupirimate + SX, captafol + SX, captan + SX, carbendazim + SX, carboxin + SX, carpropamid + SX, chinomethionat + SX, chitin + SX, chloroneb + SX, chlorothalonil + SX, chlozolinat + SX, colletochlorin B + SX, đồng(II) axetat + SX, đồng(II)

hydroxit + SX, đồng oxyclorua + SX, đồng(II) sulfat + SX, coumoxystrobin + SX, cyazofamid + SX, cyflufenamid + SX, cymoxanil + SX, cyproconazol + SX, cyprodinil + SX, dichlobentiazox + SX, dichlofluanid + SX, diclocymet + SX, diclomezin + SX, dicloran + SX, diethofencarb + SX, difenoconazol + SX, diflumetorim + SX, imethachlone + SX, dimethirimol + SX, dimethomorph + SX, dimoxystrobin + SX, diniconazol + SX, diniconazol-M + SX, dinocap + SX, đikali hyđrophosphit + SX, dipymetitrone + SX, đithianon + SX, muối dodexylbenzensulphonic axit bisetyleneđiamin đồng(II) + SX, dodemorph + SX, dodine + SX, edifenphos + SX, enoxastrobin + SX, epoxiconazol + SX, etaconazol + SX, ethaboxam + SX, ethirimol + SX, etridiazol + SX, chiết xuất từ tràm trà (Melaleuca alternifolia) + SX, chiết xuất từ Reynoutria sachalinensis + SX, chiết xuất từ các lá mầm của các cây non lupine ("BLAD") + SX, chiết xuất tỏi (Allium sativum) + SX, chiết xuất cỏ tháp bút (Equisetum arvense) + SX, chiết xuất Tropaeolum majus + SX, famoxadon + SX, fenamidon + SX, fenaminstrobin + SX, fenarimol + SX, fenbuconazol + SX, fenfuram + SX, fenhexamid + SX, fenoxanil + SX, fenpiclonil + SX, fenpicoxamid + SX, fenpropidin + SX, fenpropimorph + SX, fenpyrazamin + SX, fentin axetat + SX, fentin clorua + SX, fentin hydroxit + SX, ferbam + SX, ferimzon + SX, florylpicoxamid + SX, fluazinam + SX, fludioxonil + SX, flufenoxystrobin + SX, fluindapyr + SX, flumorph + SX, fluopicolide + SX, fluopyram + SX, fluopimomit + SX, floimit + SX, fluoxapiprolin +SX, fluoxastrobin + SX, fluquinconazol + SX, flusilazol + SX, flusulfamit + SX, flutianil + SX, flutolanil + SX, flutriafol + SX, fluxapyroxad + SX, folpet+ SX, fosetyl + SX, fosetyl-nhôm + SX, fuberidazole + SX, furalaxyl + SX, furametpyr + SX, guazatine + SX, hexaconazol + SX, hymexazole + SX, imazalil + SX, imibenconazol + SX, iminoctadine + SX, iminoctadine triaxetat + SX, inpyrfluxam + SX, iodocarb + SX, ipconazol + SX, ipfentrifluconazol + SX, ipflufenoquin + SX, iprobenfos + SX, iprodione + SX, iprovalicarb + SX, isofetamid + SX, isoflucypram + SX, isoprothiolane + SX, isopyrazam + SX, isotianil + SX, kasugamycin + SX, kresoxim-metyl + SX, laminarin + SX, lá và vỏ cây sồi (Quercus)

+ SX, mancozeb + SX, mandestrobin + SX, mandipropamid + SX, maneb + SX, mefentrifluconazol + SX, mepanipyrim + SX, mepronil + SX, meptyldinocap + SX, metalaxyl + SX, metalaxyl-M + SX, metconazol + SX, methasulfocarb + SX, metiram + SX, metominostrobin + SX, metrafenone + SX, metyltetraprole + SX, các dầu khoáng + SX, myclobutanil + SX, naftifine + SX, nuarimol + SX, octhilinone + SX, ofurace + SX, orysastrobin + SX, oxadixyl + SX, oxathiapiprolin + SX, oxine-đồng + SX, oxolinic axit + SX, oxpoconazol + SX, oxpoconazol fumarate + SX, oxycarboxin + SX, oxytetracycline + SX, pefurazoat + SX, penconazol + SX, pencycuron + SX, penflufen + SX, penthiopyrad + SX, phenamacril + SX, phosphorous axit + SX, phthalide + SX, picarbutrazox + SX, picoxystrobin + SX, piperalin + SX, polyoxins + SX, kali hyđrocacbonat + SX, kali đihyđrogenphosphit + SX, probenazole + SX, prochloraz + SX, procymidone + SX, propamidine + SX, propamocarb + SX, propiconazol + SX, propineb + SX, proquinazid + SX, prothiocarb + SX, prothioconazol + SX, pydiflumetofen + SX, pyraclostrobin + SX, pyrametostrobin + SX, pyraoxystrobin + SX, pyrapropoyne + SX, pyraziflumid + SX, pyrazophos + SX, pyribencarb + SX, pyributicarb + SX, pyridachlometyl + SX, pyrifenox + SX, pyrimethanil + SX, pyrimorph + SX, pyriofenone + SX, pyrisoxazole + SX, pyroquilon + SX, chiết xuất cât Quillaja + SX, quinconazol + SX, quinofumelin + SX, quinoxyfen + SX, quintozen + SX, các Saponin của cây diêm mạch (Chenopodium quinoa) + SX, sedaxan + SX, silthiofam + SX, simeconazol + SX, natri hyđrocacbonat + SX, spiroxamin + SX, streptomycin + SX, sulfur + SX, tebuconazol + SX, tebufloquin + SX, teclofthalam + SX, tecnazen + SX, terbinafine + SX, tetraconazol+ SX, thiabendazol + SX, thifluzamit + SX, thiophanate + SX, thiophanate-metyl + SX, thiram + SX, thymol + SX, tiadinil + SX, tolclofos-metyl + SX, tolfenpyrad + SX, tolprocarb + SX, tolylfluanid + SX, triadimefon + SX, triadimenol + SX, triazoxit + SX, triclopyricarb + SX, trixyclazol + SX, tridemorph + SX, trifloxystrobin + SX, triflumizol + SX, triforin + SX, triticonazol + SX, validamycin + SX, valifenalat + SX, vinclozolin + SX, bột mù tạt vàng + SX, kẽm thiazol + SX, zineb + SX, ziram + SX,

zoxamit + SX, N'-[4-({3-[(4-chlorophenyl)metyl]-1,2,4-thiadiazol-5-yl}oxy)-2,5-đimetylphenyl]-N-etyl-N-metylmethanimidamit (1202781-91-6) + SX, 4-(2-bromo-4-flophenyl)-N-(2-chloro-6-flophenyl)-1,3-đimetyl-1H-pyrazol-5-amin (1362477-26-6) + SX, 2-[6-(3-flo-4-methoxyphenyl)-5-metylpyridin-2-yl]quinazolin (1257056-97-5) + SX, 5-flo-2-[(4-metylphenyl)methoxy]pyrimidin-4-amin (1174376-25-0) + SX, 5-flo-4-imino-3-metyl-1-tosyl-3,4-đihyđropyrimidin-2(1H)-on (1616664-98-2) + SX, N'-(2,5-đimetyl-4-phenoxyphenyl)-N-etyl-N-metylmethanimidamit (1052688-31-9) + SX, N'-{4-[(4,5-điclothiazol-2-yl)oxy]-2,5-đimetylphenyl}-N-etyl-N-metylmethanimidamit (929908-57-6) + SX, etyl (2Z)-3-amino-2-xyano-3-phenylacrylat (39491-78-6) + SX, N-[(2-chlorothiazol-5-yl)metyl]-N-etyl-6-methoxy-3-nitropyridin-2-amin (1446247-98-8) + SX, 5-(4-clobenzyl)-2-(chlorometyl)-2-metyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmetyl)xyclopentan-1-ol (1394057-11-4) + SX, (1R, 2S, 5S)-5-(4-clobenzyl)-2-(chlorometyl)-2-metyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmetyl)xyclopentan-1-ol (1801930-06-2) + SX, (1S, 2R, 5R)-5-(4-clobenzyl)-2-(chlorometyl)-2-metyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmetyl)xyclopentan-1-ol (1801930-07-3) + SX, 2-(chlorometyl)-5-(4-flobenzyl)-2-metyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmetyl)xyclopentan-1-ol (1394057-13-6) + SX, (1R, 2S, 5S)-2-(chlorometyl)-5-(4-flobenzyl)-2-metyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmetyl)xyclopentan-1-ol (1801930-08-4) + SX, (1S, 2R, 5R)-2-(chlorometyl)-5-(4-flobenzyl)-2-metyl-1-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmetyl)xyclopentan-1-ol (1801930-09-5) + SX, metyl 3-[(4-chlorophenyl)metyl]-2-hydroxy-1-metyl-2-(1H-1,2,4-triazol-1-ylmetyl)xyclopentan-1-cacboxylat (1791398-02-1) + SX, metyl ({2-metyl-5-[1-(4-methoxy-2-metylphenyl)-1H-pyrazol-3-yl]phenyl} metyl)cacbamat (1605879-98-8) + SX, 2-(điflometyl)-N-[1,1,3-trimetyl-2,3-đihyđro-1H-inden-4-yl]pyridin-3-carboxamit (1616239-21-4) + SX, 2-(diflometyl)-N-[3-etyl-1,1-đimetyl-2,3-đihyđro-1H-inden-4-yl]pyridin-3-carboxamit (1847460-02-9) + SX, 2-(diflometyl)-N-[3-propyl-1,1-đimetyl-2,3-đihyđro-1H-inden-4-yl]pyridin-3-carboxamit (1847460-05-2) + SX, (2E,3Z)-5-{[1-(4-chlorophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy}-2-(methoxyimino)-N,3-đimetylpent-3-enamit (1445331-27-0) + SX, chủng vi khuẩn Agrobacterium

radiobactor K1026 + SX, chủng vi khuẩn Agrobacterium radiobactor K84 + SX, vi khuẩn Bacillus amyloliquefaciens (Aveo(nhãn hiệu) EZ Nematicide) + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens AT332 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens B3 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens D747 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens DB101 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens DB102 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens GB03 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens FZB24 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens FZB42 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens IN937a + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens MBI600 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens QST713 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens isolate B246 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens F727 + SX, chủng Bacillus amyloliquefaciens subsp. plantarum D747 + SX, chủng Bacillus licheniformis HB2 + SX, chủng Bacillus licheniformis SB3086 + SX, chủng Bacillus pumilus AQ717 + SX, chủng Bacillus pumilus BUF-33 + SX, chủng Bacillus pumilus GB34 + SX, chủng Bacillus pumilus QST2808 + SX, chủng Bacillus simplex CGF2856 + SX, chủng Bacillus subtilis AQ153 + SX, chủng Bacillus subtilis AQ743 + SX, chủng Bacillus subtilis BU1814 + SX, chủng Bacillus subtilis D747 + SX, chủng Bacillus subtilis DB101 + SX, chủng Bacillus subtilis FZB24 + SX, chủng Bacillus subtilis GB03 + SX, chủng Bacillus subtilis HAI0404 + SX, chủng Bacillus subtilis IAB/BS03 + SX, chủng Bacillus subtilis MBI600 + SX, chủng Bacillus subtilis QST30002/AQ30002 + SX, chủng Bacillus subtilis QST30004/AQ30004 + SX, chủng Bacillus subtilis QST713 + SX, chủng Bacillus subtilis QST714 + SX, chủng Bacillus subtilis var. Amyloliquefaciens FZB24 + SX, chủng Bacillus subtilis Y1336 + SX, Burkholderia cepacia + SX, chủng Burkholderia cepacia type Wisconsin J82 + SX, chủng Burkholderia cepacia type Wisconsin M54 + SX, chủng Candida oleophila O + SX, Candida saitoana + SX, Chaetomium cupreum + SX, Clonostachys rosea + SX, chủng Coniothyrium minitans CGMCC8325 + SX, chủng Coniothyrium minitans CON/M/91-8 + SX, cryptococcus albidus + SX, chủng Erwinia carotovora subsp.carotovora CGE234M403 + SX, chủng Fusarium oxysporum Fo47 + SX, chủng Gliocladium catenulatum J1446 + SX, chủng

Paenibacillus polymyxa AC-1 + SX, chủng Paenibacillus polymyxa BS-0105 + SX, chủng Pantoea agglomerans E325 + SX, chủng Phlebiopsis gigantea VRA1992 + SX, chủng Pseudomonas aureofaciens TX-1 + SX, chủng Pseudomonas chlororaphis 63-28 + SX, chủng Pseudomonas chlororaphis AFS009 + SX, chủng Pseudomonas chlororaphis MA342 + SX, chủng Pseudomonas fluorescens 1629RS + SX, chủng Pseudomonas fluorescens A506 + SX, chủng Pseudomonas fluorescens CL145A + SX, chủng Pseudomonas fluorescens G7090 + SX, chủng Pseudomonas sp. CAB-02 + SX, chủng Pseudomonas syringae 742RS + SX, chủng Pseudomonas syringae MA-4 + SX, chủng Pseudozyma flocculosa PF-A22UL + SX, chủng Pseudomonas rhodesiae HAI-0804 + SX, chủng Pythium oligandrum DV74 + SX, chủng Pythium oligandrum M1 + SX, chủng Streptomyces griseoviridis K61 + SX, chủng Streptomyces lydicus WYCD108US + SX, chủng Streptomyces lydicus WYEC108 + SX, chủng Talaromyces flavus SAY-Y-94-01 + SX, chủng Talaromyces flavus V117b + SX, chủng Trichoderma asperellum ICC012 + SX, Trichoderma asperellum SKT-1 + SX, chủng Trichoderma asperellum T25 + SX, chủng Trichoderma asperellum T34 + SX, chủng Trichoderma asperellum TV1 + SX, chủng Trichoderma atroviride CNCM 1-1237 + SX, chủng Trichoderma atroviride LC52 + SX, chủng Trichoderma atroviride IMI 206040 + SX, chủng Trichoderma atroviride SC1 + SX, chủng Trichoderma atroviride SKT-1 + SX, chủng Trichoderma atroviride T11 + SX, chủng Trichoderma gamsii ICC080 + SX, chủng Trichoderma harzianum 21 + SX, chủng Trichoderma harzianum DB104 + SX, chủng Trichoderma harzianum DSM 14944 + SX, chủng Trichoderma harzianum ESALQ-1303 + SX, chủng Trichoderma harzianum ESALQ-1306 + SX, chủng Trichoderma harzianum IIHR-Th-2 + SX, chủng Trichoderma harzianum ITEM908 + SX, chủng Trichoderma harzianum kd + SX, chủng Trichoderma harzianum MO1 + SX, chủng Trichoderma harzianum SF + SX, chủng Trichoderma harzianum T22 + SX, chủng Trichoderma harzianum T39 + SX, chủng Trichoderma harzianum T78 + SX, chủng Trichoderma harzianum TH35 + SX, chủng Trichoderma polysporum IMI206039 + SX, trichoderma stromaticum + SX, chủng

Trichoderma virens G41 + SX, chủng Trichoderma virens GL-21 + SX, Trichoderma viride + SX, chủng Variovorax paradoxus CGF4526 + SX, Harpin protein + SX, N'-[5-choro-4-(2-flophenoxy)-2-metylphenyl)-N-etyl-N-metylmethanimidamit (2055589-28-9) + SX, N'-[2-choro-4-(2-flophenoxy)-5-metylphenyl)-N-etyl-N-metylmethanimidamit (2055756-21-1) + SX, N'-[4-(1-hydroxy-1-phenyl-2,2,2-trifloetyl)-2-metyl-5-methoxyphenyl)-N-isopropyl-N-metylmethanimidamit (2101814-55-3) + SX, N'-[5-bromo-6-(1-metyl-2-propoxyethoxy)-2-metylpyridin-3-yl)-N-etyl-N-metylmethanimidamit (1817828-69-5) + SX, 1-(2,4-diflophenyl)-2-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)-1-[1-(4-bromo-2,6-diflophenoxy)xyclopropyl]etanol (2019215-86-0) + SX, 1-(2,4-diflophenyl)-2-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)-1-[1-(4-chloro-2,6-diflophenoxy)xyclopropyl]etanol (2019215-84-8) + SX, 1-[2-(1-chloroxyclopropyl)-3-(2-flophenyl)-2-hydroxypropyl]-1H-imidazole-5-carbonitrile (2018316-13-5) + SX, 1-[2-(1-chloroxyclopropyl)-3-(2,3-diflophenyl)-2-hydroxypropyl]-1H-imidazole-5-carbonitrile (2018317-25-2) + SX, 4-({6-[2-(2,4-diflophenyl)-1,1-diflo-2-hydroxy-3-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)propyl]pyridin-3-yl} oxy)benzonitrile (2046300-61-0) + SX, 2-[6-(4-bromophenoxy)-2-(triflometyl)pyridin-3-yl]-1-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)propan-2-ol (2082661-43-4) + SX, 2-[6-(4-chlorophenoxy)-2-(triflometyl)pyridin-3-yl]-1-(1H-1,2,4-triazol-1-yl)propan-2-ol (2082660-27-1) + SX, (2E,3Z)-5-{[1-(2,4-điclophenyl)-1H-pyrazol-3-yl]oxy} -2-(methoxyimino)-N,3-đimetylpent-3-enamit (1445331-54-3) + SX, 5-chloro-4-({2-[6-(4-chlorophenoxy)pyridin-3-yl]etyl} amino)-6-metylpyrimidine (1605340-92-8) + SX, N-(1-benzyl-1,3-đimetylbutyl)-8-floquinolin-3-carboxamit (2132414-04-9), N-(1-benzyl-3,3,3-triflo-1-metylpropyl)-8-floquinolin-3-carboxamit (2132414-00-5) + SX, 4,4-đimetyl-2-({4-[5-(triflometyl)-1,2,4-oxadiazol-3-yl]phenyl}metyl)isoxaZolidin-3-on (2098918-25-1) + SX, 5,5-đimetyl-2-({4-[5-(triflometyl)-1,2,4-oxadiazol-3-yl]phenyl}metyl)isoxazolidin-3-on (2098918-26-2) + SX.

[0095]

Hỗn hợp thành phần sáng chế của nhóm (c) nêu trên và hợp chất sáng chế X:

1-metylxyclopropen + SX, 1,3-điphenylurea + SX, 2,3,5-triiodobenzoic axit + SX, IAA ((1H-indol-3-yl)axetic axit) + SX, IBA (4-(1H-indol-3-yl)butyric axit) + SX, MCPA (2-(4-chloro-2-metylphenoxy)axetic axit) + SX, MCPB (4-(4-chloro-2-metylphenoxy)butyric axit) + SX, 4-CPA (4-chlorophenoxyaxetic axit) + SX, 5-aminolevulinic axit hydroclorua + SX, 6-benzylaminopurine + SX, abscisic axit + SX, AVG (aminoethoxyvinylglycine) + SX, ancymidol + SX, butralin + SX, canxi cacbonat + SX, canxi clorua + SX, canxi format + SX, canxi peroxit + SX, canxi polysulfua + SX, canxi sulfat + SX, clormequat-clorua + SX, clorpropham + SX, choline clorua + SX, cloprop + SX, cyanamit + SX, xyclanilide + SX, daminozide + SX, decan-1-ol + SX, dichlorprop + SX, dikegulac + SX, dimethipin + SX, diquat + SX, ethephon + SX, ethychlozat + SX, flumetralin + SX, flurprimidol + SX, forchlorfenuron + SX, formononetin + SX, Gibberellin A + SX, Gibberellin A3 + SX, inabenfua + SX, Kinetin + SX, lipochitooligosaccarit SP104 + SX, maleic hydrazit + SX, mefluidide + SX, mepiquat-clorua + SX, glutathion oxy hóa + SX, pacrobutrazol + SX, pendimethalin + SX, prohexandione-canxi + SX, prohydrojasmon + SX, pyraflufen-etyl + SX, sintofen + SX, natri 1-naphthaleneaxetat + SX, natri xyanat + SX, streptmycin + SX, thidiazuron + SX, triapenthenol + SX, Tribufos + SX, trinexapac-etyl + SX, uniconazol-P + SX, 2-(naphthalen-1-yl)axetamit + SX, [4-oxo-4-(2-phenyletyl)amino]butyric axit + SX, metyl 5-(triflometyl)benzo[b]thiophene-2-cacboxylat + SX, 3-[(6-chloro-4-phenylquinazolin-2-yl)amino]-1-propanol + SX, Claroideoglomus etunicatum + SX, Claroideoglomus claroideum + SX, Funneliformis mosseae + SX, Gigaspora margarita + SX, Gigaspora rosea + SX, Glomus aggregatum + SX, Glomus deserticola + SX, Glomus monosporum + SX, Paraglomus brasillianum + SX, Rhizophagus clarus + SX, Rhizophagus intraradices RTI-801 + SX, Rhizophagus irregularis DAOM 197198 + SX, Azorhizobium caulinodans + SX, Azospirillum amazonense + SX, Azospirillum brasilense XOH + SX, Azospirillum brasilense Ab-V5 + SX, Azospirillum brasilense Ab-V6 + SX, Azospirillum caulinodans + SX, Azospirillum halopraeferens + SX, Azospirillum irakense + SX,

Azospirillum lipoferum + SX, Bradyrhizobium elkanii SEMIA 587 + SX, Bradyrhizobium elkanii SEMIA 5019 + SX, Bradyrhizobium japonicum TA11 + SX, Bradyrhizobium japonicum USDA110 + SX, Bradyrhizobium liaoningense + SX, Bradyrhizobium lupini + SX, Delftia acidovorans RAY209 + SX, Mesorhizobium ciceri + SX, Mesorhizobium huakii + SX, Mesorhizobium loti + SX, Rhizobium etli + SX, Rhizobium galegae + SX, Rhizobium leguminosarum bv. Phaseoli + SX, Rhizobium leguminosarum bv. Trifolii + SX, Rhizobium leguminosarum bv. Viciae + SX, Rhizobium trifolii + SX, Rhizobium tropici + SX, Sinorhizobium fredii + SX, Sinorhizobium meliloti + SX, chủng vi-rút Zucchini khảm vàng (Zucchini Yellow Mosaik Virus) yếu + SX.

[0096]

Hỗn hợp của thành phần sáng chế của nhóm (d) nêu trên và hợp chất sáng chế X:

anthraquinon + SX, deet + SX, icaridin + SX.

[0097]

Tỷ lệ của hợp chất sáng chế X với thành phần sáng chế bao gồm, nhưng không chỉ giới hạn ở đó, là tỷ lệ theo trọng lượng (hợp chất sáng chế X : thành phần sáng chế) 1.000:1 đến 1:1.000, 500:1 đến 1:500, 100:1 đến 1:100, 50:1, 20:1, 10:1, 9:1, 8:1, 7:1, 6:1, 5:1, 4:1, 3:1, 2:1, 1:1, 1:2, 1:3, 1:4, 1:5, 1:6, 1:7, 1:8, 1:9, 1:10, 1:20 và 1:50 và các tỷ lệ khác.

[0098]

Các ví dụ về các loài gây hại mà hợp chất sáng chế X có các hiệu quả kiểm soát chúng bao gồm các động vật chân đốt gây hại như là các côn trùng gây hại, các ve gây hại, các tuyến trùng gây hại và các động vật thân mềm gây hại. Các ví dụ cụ thể về loài gây hại bao gồm sau đây, nhưng không chỉ giới hạn ở đó.

[0099]

Loài gây hại Bộ Cánh nửa:

Từ họ Muội bay Delphacidae, ví dụ như, rầy nâu nhỏ (Laodelphax striatella),

rầy nâu (Nilaparvata lugens), rầy lưng trắng (Sogatella furcifera), rầy ngô (Peregrinus maidis), rầy ngũ cốc (Javesella pellucida), rầy mía (Perkinsiella saccharicida) và rầy lúa Tagosodes orizicolus;

Từ họ Rầy lá Cicadellidae, ví dụ như, rầy xanh hại lúa (Nephotettix cincticeps), rầy xanh đuôi đen hại lúa (Nephotettix virescens), rầy hại lúa (Nephotettix nigropictus), rầy bông zigzag (Recilia dorsalis), rầy xanh hại chè (Empoasca onukii), rầy xanh hại lá khoai tây (Empoasca fabae), rầy hại lá ngô (Dalbulus maidis) và rầy trắng lớn (Cofana spectra);

Từ họ Ve sầu bọt Cercopidae, ví dụ như, rệp hại mía Mahanarva posticata và rệp hại mía Mahanarva fimbriolata;

Từ họ Rầy mềm Aphididae, ví dụ như, rệp đậu đen (Aphis fabae), rệp đậu tương (Aphis glycines), rệp bông (Aphis gossypii), rệp táo xanh (Aphis pomi), rệp muội xanh (Aphis spiraecola), rệp đào xanh (Myzus persicae), rệp lá mận (Brachycaudus helichrysi), rệp cải bắp (Brevicoryne brassicae), rệp táo (Dysaphis plantaginea), rệp củ cải (Lipaphis erysimi), rệp khoai tây (Macrosiphum euphorbiae), rệp sáp (Aulacorthum solani), rệp rau diếp (Nasonovia ribisnigri), rệp muội (Rhopalosiphum padi), rệp ngô (Rhopalosiphum maidis), rệp muội đen (Toxoptera citricida), rệp mận (Hyalopterus pruni), rệp mía (Melanaphis sacchari), rệp đen hại rễ lúa – rệp vừng lúa (Tetraneura nigriabdominalis), rệp bông trắng hại mía (Ceratovacuna lanigera) và rệp len hại táo (Eriosoma lanigerum);

từ họ Rệp rễ nho Phylloxeridae, ví dụ như, rệp rễ nho (Daktulosphaira vitifoliae), rệp hồ đào (Phylloxera devastatrix), rệp lá hồ đào (Phylloxera notabilis) và rệp lá hồ đào phương nam (Phylloxera russellae);

từ họ Rệp bướu thông Adelgidae, ví dụ như, rệp hemlock woolly (Adelges tsugae), rệp balsam woolly (Adelges piceae) và rệp Aphrastasia pectinatae;

từ họ Bọ xít Pentatomidae, ví dụ như, bọ xít đen hại lúa (Scotinophara lurida), bọ xít đen hại lúa Mã Lai (Scotinophara coarctata), bọ xít xanh hôi thông thường (Nezara antennata), bọ xít gai chấm trắng (Eysarcoris aeneus), bọ xít gai móc

(Eysarcoris lewisi), bọ xít chấm trắng (Eysarcoris ventralis), bọ xít Eysarcoris annamita, bọ xít nâu hôi (Halyomorpha halys), bọ xít xanh (Nezara viridula), bọ xít nâu hôi (Euschistus heros), bọ xít hôi dải đỏ (Piezodorus guildinii), bọ xít Oebalus pugnax và bọ xít Dichelops melacanthus;

từ họ Bọ xít Cydnidae, ví dụ như, bọ xít nâu đào hang (Scaptocoris castanea);

từ họ Bọ xít mép Alydidae, ví dụ như, bọ xít hại đậu (Riptortus pedestris), bọ xít hại lúa corbett (Leptocorisa chinensis) và bọ xít hại lúa (Leptocorisa acuta);

từ họ Bọ xít mép Coreidae, ví dụ như, bọ xít gai chấm trắng Cletus punctiger và bọ xít chân hình lá Úc (Leptoglossus australis);

từ họ Bọ xít dài Lygaeidae, ví dụ như, bọ xít (Caverelius saccharivorus), bọ xít hạt giống (Togo hemipterus) và bọ xít lúa mì (Blissus leucopterus);

từ họ Bọ xít mù Miridae, ví dụ như, bọ xít lá lúa (Trigonotylus caelestialium), bọ xít cây cao lương (Stenotus rubrovittatus), bọ xít lá lúa mì (Stenodema calcarata) và bọ xít cây Mỹ (Lygus lineolaris);

từ họ Bọ phấn Aleyrodidae, ví dụ như, ruồi trắng nhà kính (Trialeurodes vaporariorum), bọ phấn thuốc lá (Bemisia tabaci), bọ phấn bưởi trắng (Dialeurodes citri), bọ phấn đen viền trắng (Aleurocanthus spiniferus), bọ phấn gai hại chè (Aleurocanthus camelliae) và bọ phấn Pealius euryae;

từ họ Rệp sáp vảy Diaspididae, ví dụ như, rệp Abgrallaspis xyanophylli, rệp sáp vảy đỏ (Aonidiella aurantii), rệp sáp vảy San José (Diaspidiotus perniciosus), rệp sáp dâu (Pseudaulacaspis pentagona), rệp đầu mũi tên (Unaspis yanonensis) và rệp tuyết (Unaspis citri);

từ họ Rệp sáp Coccidae, ví dụ như, rệp sáp hồng (Ceroplastes rubens);

từ họ Rệp bỏ Margarodidae, ví dụ như, rệp sáp có gân (Icerya purchasi) và rệp sáp có gân seychelles (Icerya seychellarum);

từ họ Rệp sáp giả Pseudococcidae, ví dụ như, rệp sáp hại cây cà (Phenacoccus solani), rệp sáp bông (Phenacoccus solenopsis), rệp sáp Nhật Bản (Planococcus kraunhiae), rệp đào trắng (Pseudococcus comstocki), rệp sáp cam quýt (Planococcus

citri), rệp sáp nho Hy Lạp (Pseudococcus calceolariae), rệp sáp đuôi dài (Pseudococcus longispinus) và rệp sáp (Brevennia rehi);

từ họ Rầy chổng cánh Psyllidae, ví dụ như, rầy chổng cánh (Diaphorina citri), rầy chổng cánh hai chấm (Trioza erytreae), rầy hút lê (Cacopsylla pyrisuga), rầy Cacopsylla chinensis, rầy chổng cánh khoai tây (Bactericera cockerelli) và rầy lê (Cacopsylla pyricola);

từ họ Bọ xít lưới Tingidae, ví dụ như, rệp sung dâu (Corythucha ciliata), bọ xít hoa cúc (Corythucha marmorata), rệp lê Nhật Bản (Stephanitis nashi) và rệp đỗ quyên (Stephanitis pyrioides);

từ họ Rệp Cimicidae, ví dụ như, rệp giường thông thường (Cimex lectularius);

từ họ Ve sầu Cicadidae, ví dụ như, ve sầu khổng lồ (Quesada gigas);

từ họ Bọ xít hút máu Triatoma spp., ví dụ như, Triatoma infestans;

và các họ khác.

[0100]

Các loài gây hại Bộ Cánh vẩy:

Từ họ Bướm cỏ Crambidae, ví dụ như, sâu đục thân lúa (Chilo suppressalis), sâu đục thân đầu đen (Chilo polychrysus), sâu đục thân trắng (Scirpophaga innotata), sâu đục thân lúa vàng (Scirpophaga incertulas), bướm đêm Rupela albina, sâu cuốn lá lúa (Cnaphalocrocis medinalis), sâu cuốn lá nhỏ hại lúa Marasmia patnalis, sâu cuốn lá lúa (Marasmia exigua), sâu cuốn lá bông (Notarcha derogata), sâu đục thân ngô (Ostrinia furnacalis), sâu đục thân ngô châu Âu (Ostrinia nubilalis), sâu kéo màng hại cải bắp (Hellula undalis), sâu cuốn lá nho (Herpetogramma luctuosale), sâu kéo màng hại cỏ xanh (Pediasia teterrellus), sâu phao hại lúa (Nymphula depunctalis) và sâu đục thân cây mía (Diatraea saccharalis);

Từ họ Ngài sáng Pyralidae, ví dụ như, sâu đục thân ngô nhỏ (Elasmopalpus lignosellus), sâu bướm Ấn Độ (Plodia interpunctella) và sâu đục vỏ hồng vàng (Euzophera batangensis);

Từ họ Bướm đêm Noctuidae, ví dụ như, sâu bông (Spodoptera litura), sâu keo

da láng hại củ cải (Spodoptera exigua), sâu keo hại lúa (Mythimna separata), bướm đêm hại cải bắp (Mamestra brassicae), sâu hồng đục thân (Sesamia inferens), sâu keo hại lúa (Spodoptera mauritia), sâu bướm xanh hại lúa (Naranga aenescens), sâu keo mùa thu Spodoptera frugiperda, sâu keo thực (Spodoptera exempta), sâu xám (Agrotis ipsilon), sâu củ cải (Autographa nigrisigna), sâu đo hại lúa (Plusia festucae), sâu đo hại đậu nành (Chrysodeixis includens), sâu đo Trichoplusia spp., sâu xanh Heliothis spp. (như là sâu đục chồi thuốc lá (Heliothis virescens)), sâu xanh Helicoverpa spp. (như là sâu đục chồi thuốc lá (Helicoverpa armigera) và, sâu xanh hại ngô (Helicoverpa zea)), sâu bướm hại đậu mèo (Anticarsia gemmatalis), sâu lá bông (Alabama argillacea) và sâu đục thân cây leo hoa bia (Hydraecia immanis);

Từ họ Bướm phấn Pieridae, ví dụ như, sâu cải bắp thông thường (Pieris rapae);

Từ họ Ngài cuốn lá Tortricidae, ví dụ như, ngài hại trái cây phương đông (Grapholita molesta), ngài Grapholita dimorpha, ngài hại đậu tương (Leguminivora glycinivorella), ngài Matsumuraeses azukivora, ngài hại trái cây mùa hè (Adoxophyes orana fasciata), ngài nhỏ hại chè (Adoxophyes honmai), ngài Nhật Bản hại chè (Homona magnanima), ngài táo (Archips fuscocupreanus), sâu bướm (Cydia pomonella), sâu đục chồi mía (Tetramoera schistaceana), sâu đục chồi đậu (Epinotia aporema) và sâu đục trái cây họ cam quýt (Ecdytolopha aurantiana);

Từ Họ Gracillariidae, ví dụ như, sâu cuốn lá trà (Caloptilia theivora) và sâu ăn lá táo châu Á (Phyllonorycter ringoniella);

Từ họ Carposinidae, ví dụ như, ngài hại trái cây đào (Carposina sasakii);

Từ họ Lyonetiidae, ví dụ như, sâu ăn lá cà phê (Leucoptera coffeella), sâu ăn lá đào (Lyonetia clerkella) và sâu Lyonetia prunifoliella;

Từ họ Ngài độc Lymantriidae, ví dụ như, Lymantria spp. (như là sâu róm sồi (Lymantria dispar)) và, Euproctis spp. (như là sâu hại chè (Euproctis pseudoconspersa));

Từ họ Plutellidae, ví dụ như, sâu tơ (Plutella xylostella);

Từ họ Gelechiidae, ví dụ như, ngài đào (Anarsia lineatella), sâu cuốn lá khoai

lang (Helcystogramma triannulella), sâu hồng đục quả (Pectinophora gossypiella), sâu hại khoai tây (Phthorimaea operculella) và Tuta absoluta;

Từ họ Arctiidae, ví dụ như, bướm trắng Mỹ (Hyphantria cunea);

Từ họ Castniidae, ví dụ như, sâu đục thân mía khổng lồ (Telchin licus);

từ họ Cossidae, ví dụ như, Cossus insularis;

từ họ Geometridae, ví dụ như, Ascotis selenaria;

từ họ Limacodidae, ví dụ như, ấu trùng tầm ma sọc xanh (Parasa lepida);

từ họ Stathmopodidae, ví dụ như, ngài hại trái cây hồng vàng (Stathmopoda masinissa);

từ họ Sphingidae, ví dụ như, sâu sừng thuốc lá (Acherontia lachesis);

từ họ Sesiidae, ví dụ như, Nokona feralis, sâu đục thân anh đào (Synanthedon hector) và Synanthedon tenuis;

từ họ Hesperiidae, ví dụ như, bướm nhảy hại lúa (Parnara guttata);

từ họ Tineidae, ví dụ như, ngài vải có vỏ (Tinea translucens) và ngài vải thông thường (Tineola bisselliella);

và các họ khác.

[0101]

Các loài gây hại Bộ Cánh viền Thysanoptera:

từ họ Thripidae, ví dụ như, bọ trĩ hoa phương tây (Frankliniella occidentalis), bọ trĩ phương đông (Thrips palmi), bọ trĩ chè vàng (Scirtothrips dorsalis), bọ trĩ hành (Thrips tabaci), bọ trĩ hoa phía đông (Frankliniella intonsa), bọ trĩ gạo (Stenchaetothrips biformis) và bọ trĩ Echinothrips americanus;

từ họ Phlaeothripidae, ví dụ như, bọ trĩ gạo có ngòi (Haplothrips aculeatus);

và các họ khác.

[0102]

Các loài gây hại Bộ Hai cánh Diptera:

từ họ Ruồi hoa Anthomyiidae, ví dụ như, giòi ngô hạt (Delia platura), giòi hành (Delia antiqua) và giòi đục lá củ cải (Pegomya cunicularia);

từ họ Ulidiidae, ví dụ như, giòi đục rễ củ cải đường (Tetanops myopaeformis);

từ họ Ruồi đục lá Agromyzidae, ví dụ như, giòi đục lá gạo (Agromyza oryzae), giòi đục lá cà chua (Liriomyza sativae), giòi đục lá hoa cúc (Liriomyza trifolii) và giòi đục lá đậu (Chromatomyia horticola);

từ họ Ruồi cỏ Chloropidae, ví dụ như, giòi đục thân lúa (Chlorops oryzae);

từ họ Ruồi đục quả Tephritidae, ví dụ như, ruồi đục dưa (Bactrocera cucurbitae), ruồi đục quả phương đông (Bactrocera dorsalis), ruồi đục quả Malaysia (Bactrocera latifrons), ruồi đục quả oliu (Bactrocera oleae), ruồi đục quả Queensland châu Úc (Bactrocera tryoni), ruồi đục quả Địa Trung Hải (Ceratitis capitata), giòi táo (Rhagoletis pomonella) và ruồi đục quả anh đào Nhật Bản (Rhacochlaena japonica);

từ họ Ruồi đục lá Ephydridae, ví dụ như, ruồi đục lá gạo nhỏ (Hydrellia griseola), giòi vòng xoắn (Hydrellia philippina) và giòi đục thân lúa (Hydrellia sasakii);

từ họ Ruồi giấm Drosophilidae, ví dụ như, ruồi quả anh đào (Drosophila suzukii);

từ họ Ruồi lưng gù Phoridae, ví dụ như, ruồi Megaselia spiracularis;

từ họ Ruồi cống Psychodidae, ví dụ như, ruồi Clogmia albipunctata;

từ họ Sciaridae, ví dụ như, Bradysia difformis;

từ họ Muỗi hành Cecidomyiidae, ví dụ như, ruồi nhỏ (Mayetiola destructor) và ruồi lúa (Orseolia oryzae);

từ họ Diopsidae, ví dụ như, Diopsis macrophthalma;

từ họ Ruồi hạc Tipulidae, ví dụ như, ruồi dài chân hại lúa (Tipula aino), ruồi dài chân thông thường (Tipula oleracea) và ruồi dài chân châu Âu (Tipula paludosa);

từ họ Muỗi Culicidae, ví dụ như, muỗi nhà phía nam (Culex pipiens pallens), muỗi vằn Dengue (Aedes aegypti), muỗi hổ châu Á (Aedes albopictus), muỗi gây bệnh sốt rét Trung Quốc (Anopheles hyracanus sinensis), Culex quinquefasciatus, Culex pipiens molestus Forskal và muỗi nhà màu nâu (Culex quinquefasciatus);

từ họ Ruồi đen Simulidae, ví dụ như, Prosimulium yezoensis và Simulium

ornatum;

từ họ Ruồi trâu Tabanidae, ví dụ như, Tabanus trigonus;

từ họ Ruồi nhà Muscidae, ví dụ như, ruồi nhà (Musca domestica), ruồi bền giả (Muscina stabulans), ruồi nhà cắn (Stomoxys calcitrans) và ruồi trâu (Haematobia irritans);

từ họ Ruồi trâu Tabanidae, ví dụ như, Tabanus trigonus;

từ họ Nhặng Calliphoridae;

từ họ Ruồi xám Sarcophagidae;

từ họ Ruồi Chironomidae, ví dụ như, Chironomus plumosus, Chironomus yoshimatsui và Glyptotendipes tokunagai;

từ họ Ruồi Fannidae;

và các họ khác.

[0103]

Các loài gây hại Bộ Bọ cánh cứng Coleoptera:

từ họ Ánh kim Chrysomelidae, ví dụ như, sâu hại rễ ngô phương tây (Diabrotica virgifera virgifera), sâu hại rễ ngô phía nam (Diabrotica undecimpunctata howardi), sâu hại rễ ngô phía bắc (Diabrotica barberi), sâu hại rễ ngô Mexico (Diabrotica virgifera zeae), bọ cánh cứng hại dưa chuột có dải (Diabrotica balteata), bọ cánh cứng hại bầu bí (Diabrotica speciosa), bọ cánh cứng hại lá đậu (Cerotoma trifurcata), bọ cánh cứng hại lá đại mạch (Oulema melanopus), bọ cánh cứng hại lá cây bầu bí (Aulacophora femoralis), bọ chét sọc (Phyllotreta striolata), bọ chét cải bắp (Phyllotreta cruciferae), bọ chét đen phương tây (Phyllotreta pusilla), bọ chét thân cải bắp (Psylliodes chrysocephala), bọ khoai tây Colorado (Leptinotarsa decemlineata), bọ cánh cứng hại lá lúa (Oulema oryzae), bọ nho (Colaspis brunnea), bọ chét ngô (Chaetocnema pulicaria), bọ chét khoai lang (Chaetocnema confinis), bọ chét khoai tây (Epitrix cucumeris), bọ cánh cứng hại lá lúa (Dicladispa armigera), bọ cánh cứng hại lá phía nam (Myochrous denticollis), Laccoptera quadrimaculata và bọ chét thuốc lá (Epitrix hirtipennis);

từ họ Bọ chân chạy Carabidae, ví dụ như, bọ ngô hạt (Stenolophus lecontei) và bọ ngô hạt cánh mỏng (Clivina impressifrons);

từ họ Bọ hung Scarabaeidae, ví dụ như, cupreus chafer (Anomala cuprea), bọ đậu tương (Anomala rufocuprea), bọ Anomala albopilosa, bọ Nhật Bản (Popillia japonica), bọ dài vàng (Heptophylla picea), bọ châu Âu (Rhizotrogus majalis), Tomarus gibbosus, Holotrichia spp., Phyllophaga spp. (như là bọ tháng sáu (Phyllophaga crinita)) và Diloboderus spp. (như là Diloboderus abderus);

từ họ Bọ vòi voi Curculionidae, ví dụ như, mọt hạt cà phê (Araecerus coffeae), mọt khoai lang (Cylas formicarius), mọt khoai lang Tây Ấn (Euscepes postfasciatus), mọt cỏ linh lăng (Hypera postica), mọt ngô (Sitophilus zeamais), mọt lúa (Echinocnemus squameus), mọt lúa nước (Lissorhoptrus oryzophilus), Rhabdoscelus lineaticollis, mọt quả nang (Anthonomus grandis), bọ săn mồi (Sphenophorus venatus), bọ cánh cứng ngô phương nam (Sphenophorus callosus), mọt thân cây đậu tương (Sternechus subsignatus), mọt cây mía đường (Sphenophorus levis), mọt hình quả bầu gỉ (Scepticus griseus), mọt hình quả bầu nâu (Scepticus uniformis), mọt đậu Mexico (Zabrotes subfasciatus), bọ dứa (Tomicus piniperda), sâu đục hạt cà phê (Hypothenemus hampei), Aracanthus spp. (như là Aracanthus mourei) và sâu đục rễ bông (Eutinobothrus brasiliensis);

từ họ Tenebrionidae, ví dụ như, bọ bột đỏ (Tribolium castaneum) và bọ cánh cứng (Tribolium confusum);

từ họ Bọ rùa Coccinellidae, ví dụ như, bọ rùa 28 chấm (Epilachna vigintioctopunctata);

từ họ Bostrychidae, ví dụ như, mọt gỗ thông thường (Lyctus brunneus);

từ họ Ptinidae;

từ họ Xén tóc Cerambycidae, ví dụ như, bọ sừng dài họ cam quýt (Anoplophora malasiaca) và Migdolus fryanus;

từ họ Bổ củi Elateridae, ví dụ như, Melanotus okinawensis, barley wireworm (Agriotes fuscicollis), Melanotus legatus, Anchastus spp., Conoderus spp., Ctenicera

spp., Limonius spp. và Aeolus spp.;

từ họ Cánh cộc Staphylinidae, ví dụ như, Paederus fuscipes;

từ họ Dermestidae, ví dụ như, bọ thảm nhiều loại (Anthrenus verbasci) và bọ lẩn trốn (Dermestes maculates);

từ họ Anobiidae, ví dụ như, bọ thuốc lá (Lasioderma serricorne) và bọ bánh quy (Stegobium paniceum);

và các họ khác.

[0104]

Các loài gây hại Bộ Cánh thẳng Orthoptera:

từ họ Acrididae, ví dụ như, châu chấu di cư phương đông (Locusta migratoria), châu chấu Ma-rốc (Dociostaurus maroccanus), châu chấu dịch Úc (Chortoicetes terminifera), châu chấu đỏ (Nomadacris septemfasciata), châu chấu nâu (Locustana pardalina), châu chấu cây (Anacridium melanorhodon), châu chấu Ý (Calliptamus italicus), châu chấu differential (Melanoplus differentialis), châu chấu hai sọc (Melanoplus bivittatus), châu chấu hai sọc di cư (Melanoplus sanguinipes), châu chấu hai sọc chân đỏ (Melanoplus femurrubrum), châu chấu hai sọc cánh trong (Camnula pellucida), châu chấu sa mạc (Schistocerca gregaria), châu chấu cánh vàng (Gastrimargus musicus), châu chấu cổ cựa (Austracris guttulosa), châu chấu hai sọc Nhật Bản (Oxya yezoensis), châu chấu hai sọc hại lúa (Oxya japonica) và châu chấu Bombay (Patanga succincta);

từ họ Dế trũi Gryllotalpidae, ví dụ như, dễ trũi phương đông (Gryllotalpa orientalis);

từ họ Dế mèn Gryllidae, ví dụ như, dế nhà (Acheta domestica) và dế đồng (Teleogryllus emma);

từ họ Muỗm Tettigoniidae, ví dụ như, dế mormon (Anabrus simplex);

và các họ khác.

[0105]

Các loài gây hại Bộ Cánh màng Hymenoptera:

từ họ Ong ăn lá Tenthredinidae, ví dụ như, ong cắn lá củ cải (Athalia rosae) và ong cắn lá cải bắp nippon (Athalia japonica);

từ họ Kiến Formicidae, ví dụ như, Solenopsis spp. (như là kiến lửa đỏ nhập khẩu (Solenopsis invicta) và kiến lửa nhiệt đới (Solenopsis geminata)), Atta spp. (như là kiến nâu xén lá (Atta capiguara)), Acromyrmex spp., Paraponera clavata, kiến nhà đen (Ochetellus glaber), kiến đỏ nhỏ (Monomorium pharaonis), kiến Ác-gen-ti-na (Linepithema humile), Formica japonica, Pristomyrmex punctutus, Pheidole noda, kiến đầu to (Pheidole megacephala), Camponotus spp. (như là Camponotus japonicus và Camponotus obscuripes), Pogonomyrmex spp. (như là kiến gặt phía tây (Pogonomyrmex occidentalis)), Wasmania spp. (như là Wasmania auropunctata) và kiến chân dài (Anoplolepis gracilipes);

từ họ Ong Vespidae, ví dụ như, ong bắp cày khổng lồ châu Á (Vespa mandarinia japonica), Vespa simillima, Vespa analis Fabriciusi, ong bắp cày châu Á (Vespa velutina) và Polistes jokahamae;

từ họ Ong rừng Siricidae, ví dụ như, ong bắp cày gỗ thông (Urocerus gigas);

từ họ Betylidae;

và các họ khác.

[0106]

Blattodea pests:

từ họ Gián Blattellidae, ví dụ như, gián Đức (Blattella germanica);

từ họ Gián Blattidae, ví dụ như, gián nâu khói (Periplaneta fuliginosa), gián Mỹ (Periplaneta americana), gián nâu (Periplaneta brunnea) và gián đen (Blatta orientalis);

từ họ Mối Termitidae, ví dụ như, mối Nhật Bản (Reticulitermes speratus), mối Formosan (Coptotermes formosanus), mối gỗ khô phương tây (Incisitermes minor), Cryptotermes domesticus, Odontotermes formosanus, Neotermes koshunensis, Glyptotermes satsumensis, Glyptotermes nakajimai, Glyptotermes fuscus, Hodotermopsis sjostedti, Coptotermes guangzhouensis, Reticulitermes amamianus, Reticulitermes miyatakei, Reticulitermes kanmonensis, Nasutitermes takasagoensis,

Pericapritermes nitobei, Sinocapritermes mushae và Cornitermes cumulans;

và các họ khác.

[0107]

Các loài gây hại Bộ Bọ chét Siphonaptera:

Ví dụ như, bọ chét mèo (Ctenocephalides felis), bọ chét chó (Ctenocephalides canis), bọ chét người (Pulex irritans), bọ chét chuột phương đông (Xenopsylla cheopis), bọ chét chigoe (Tunga penetrans), bọ chét gà (Echidnophaga gallinacea) và bọ chét chuột châu Âu (Nosopsyllus fasciatus);

và các họ khác.

[0108]

Các loài gây hại Phân bộ Chấy rận hút máu Anoplura:

Ví dụ như, rận lợn (Haematopinus suis), rận gia súc mũi ngắn (Haematopinus eurysternus), rận cắn cừu (Dalmalinia ovis), Linognathus seypsus, Pediculus humanis, Pediculuc humanus corporis, Pediculus humanus humanus và Phthirus pubis;

và các họ khác.

[0109]

Các loài gây hại Phân bộ Chấy rận cắn đốt Mallophagida:

Ví dụ như, Bovicola spp. (như là rận cắn gia súc (Dalmalinia bovis) và rận cắn cừu (Dalmalinia ovis)), Trichodestes spp. (như là rận cắn chó (Trichodectes canis)), Felicola spp. (như là rận mèo (Felicola subrostrata)), Lipeurus spp. (như là rận lông gà (Lipeurus caponis)) và họ Menoponidae (như là Trimenopon spp. và Menopon spp.);

và các họ khác.

[0110]

Các loài gây hại Bộ Acari:

từ họ Nhện chăng tơ Tetranychidae, ví dụ như, ve nhện đỏ thông thường (Tetranychus urticae), ve nhện kanzawa (Tetranychus kanzawai), ve nhện đỏ (Tetranychus evansi), ve đỏ cam quýt (Panonychus citri), ve nhện đỏ cây ăn quả (Panonychus ulmi) và Oligonychus spp.;

từ họ Nhện u sần Eriophyidae, ví dụ như, ve gỉ cam quýt Nhật Bản (Aculops pelekassi), Phyllocoptruta citri, ve cà chua (Aculops lycopersici), ve tím (Calacarus carinatus), ve gỉ chè (Acaphylla theavagrans), Eriophyes chibaensis, ve chồi táo (Aculus schlechtendali), Aceria diospyri, Aceria tosichella và Shevtchenkella sp.;

từ họ Nhện trắng Tarsonemidae, ví dụ như, nhện rộng (Polyphagotarsonemus latus);

từ họ Ve phẳng Tenuipalpidae, ví dụ như, Brevipalpus phoenicis;

từ họ Ve công Tuckerellidae;

từ họ Bọ ve cứng Ixodidae, ví dụ như, Haemaphysalis longicornis, Haemaphysalis flava, Dermacentor taiwanensis, ve chó Mỹ (Dermacentor variabilis), Dermacentor andersoni, Ixodes ovatus, Ixodes persulcatus, Ixodes ricinus, ve chân đen (Ixodes scapularis), bọ ngôi sao đơn độc (Amblyomma americanum), Amblyomma maculatum, ve gia súc (Boophilus microplus), Boophilus annulatus và ve chó nâu (Rhipicephalus sanguineus);

từ họ Ve Acaridae, ví dụ như, ve ngũ cốc (Tyrophagus putrescentiae) và ve đồng cỏ (Tyrophagus similis);

từ họ Ve không ký sinh Pyroglyphidae, ví dụ như, mạt bụi nhà Mỹ (Dermatophagoides farinae) và mạt bụi nhà châu Âu (Dermatophagoides pteronyssinus);

từ họ Ve Cheyletidae, ví dụ như, Cheyletus eruditus, Cheyletus malaccensis, Cheyletus moorei và Cheyletiella yasguri;

từ họ Ve Sarcoptidae, ví dụ như, ve gây bệnh ghẻ tai (Otodectes cynotis) và ve ngứa (Sarcoptes scabiei);

từ họ Demodicidae, ví dụ như, ve nang lông chó (Demodex canis);

từ họ Ve Listrophoridae;

từ họ Ve Haplochthoniidae;

từ họ Ve Macronyssidae, ví dụ như, ve chuột nhiệt đới (Ornithonyssus bacoti) và ve lông (Ornithonyssus sylviarum);

từ họ Ve Dermanyssidae, ví dụ như, ve chim (Dermanyssus gallinae);

từ họ Ve mò Trombiculidae, ví dụ như, Leptotrombidium akamushi;

và các họ khác.

[0111]

Các loài gây hại Bộ Nhện Araneae:

từ họ Nhện Eutichuridae, ví dụ như, Cheiracanthium japonicum;

từ họ Nhện Theridiidae, ví dụ như, nhện lưng đỏ (Latrodectus hasseltii);

và các họ khác.

Các loài gây hại Bộ Cuốn chiếu mai Polydesmida:

từ họ Paradoxosomatidae, ví dụ như, cuốn chiếu lưng phẳng (Oxidus gracilis) và Nedyopus tambanus;

và các họ khác.

Bộ Chân đều Isopoda:

từ họ Armadillidiidae, ví dụ như, bọ cuộn tròn thông thường (Armadillidium vulgare);

và các họ khác.

[0112]

Các loài gây hại Lớp Chân môi Chilopoda:

từ họ Scutigeridae, ví dụ như, Thereuonema hilgendorfi;

từ họ Scolopendridae, ví dụ như, rết nhiệt đới khổng lồ (Scolopendra subspinipes);

từ họ Ethopolidae, ví dụ như, Bothropolys rugosus;

và các họ khác.

Lớp Chân bụng Gastropoda:

từ họ Limacidae, ví dụ như, sên cây (Limax marginatus) và sên vườn vàng nâu (Limax flavus);

từ họ Philomycidae, ví dụ như, Meghimatium bilineatum;

từ họ Ampullariidae, ví dụ như, sên táo vàng (Pomacea canaliculata);

từ họ Lymnaeidae, ví dụ như, Austropeplea ollula;

và các họ khác.

[0113]

Các loài gây hại Ngành Tuyến trùng (Giun tròn) Nematoda:

từ họ Aphelenchoididae, ví dụ như, tuyến trùng đầu trắng hại lúa (Aphelenchoides besseyi);

từ họ Pratylenchidae, ví dụ như, tuyến trùng hại rễ (Pratylenchus coffeae), Pratylenchus brachyurus, tuyến trùng đồng cỏ California (Pratylenchus neglectus) và Radopholus similis;

từ họ Heteroderidae, ví dụ như, tuyến trùng sần rễ javanese (Meloidogyne javanica), tuyến trùng sần rễ phía nam (Meloidogyne incognita), tuyến trùng sần rễ phía bắc (Meloidogyne hapla), tuyến trùng nang đậu tương (Heterodera glycines), tuyến trùng nang khoai tây (Globodera rostochiensis) và tuyến trùng nang khoai tây trắng (Globodera pallida);

từ họ Hoplolaimidae, ví dụ như, Rotylenchulus reniformis;

từ họ Anguinidae, ví dụ như, tuyến trùng chồi dâu tây (Nothotylenchus acris) và tuyến trùng thân cây (Ditylenchus dipsaci);

từ họ Tylenchulidae, ví dụ như, tuyến trùng cây cam quýt (Tylenchulus semipenetrans);

từ họ Longidoridae, ví dụ như, tuyến trùng dao găm (Xiphinema index);

từ họ Trichodoridae;

từ họ Parasitaphelenchidae, ví dụ như, bệnh héo thông (Bursaphelenchus xylophilus);

và các họ khác.

[0114]

Về đối tượng, các động vật chân đốt gây hại như là côn trùng gây hại, ve gây hại, động vật thân mềm gây hại và tuyến trùng gây hại có thể là các động vật chân đốt như là côn trùng gây hại, ve gây hại, động vật thân mềm gây hại và tuyến trùng gây

hại, mỗi trong số đó có độ nhạy thuốc giảm hoặc tính kháng thuốc tăng tương ứng với thuốc trừ sâu, thuốc diệt ve, thuốc diệt nhuyễn thể và thuốc diệt giun.

[0115]

Phương pháp kiểm soát động vật chân đốt gây hại theo sáng chế được thực hiện bằng cách sử dụng lượng hữu hiệu hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A trực tiếp cho động vật chân đốt gây hại và/hoặc môi trường sống của chúng (ví dụ như, các thân cây, đất, trong nhà, cơ thể động vật). Các ví dụ về phương pháp kiểm soát động vật chân đốt gây hại theo sáng chế bao gồm xử lý lá, xử lý đất, xử lý rễ, xử lý phun bằng vòi sen, xử lý hun khói, xử lý bề mặt nước và xử lý hạt giống.

[0116]

Hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A thường được trộn với chất mang trơ như là chất mang rắn, chất mang lỏng hoặc chất mang khí và nếu cần, bổ sung thêm các chất hoạt động bề mặt và các chất phụ trợ khác vào chế phẩm, để bào chế thành các nhũ tương đậm đặc, các dung dịch dầu, các chế phẩm bột rắc, hạt, bột hòa nước, các hạt phân tán trong nước, huyền phù, bột khô hòa nước, vi nang, son khí, mồi độc, chế phẩm nhựa, chế phẩm dầu gội, chế phẩm dạng hồ, bọt, chế phẩm cacbon đioxit, viên nén và các chế phẩm khác. Các chế phẩm này có thể được xử lý thành hương vòng đuổi muỗi, thảm đuổi muỗi bằng điện, chế phẩm diệt muỗi dạng lỏng, chất tạo khói, thuốc xông, các chế phẩm dạng tấm, chế phẩm bôi hoặc chế phẩm dùng đường miệng. Các chế phẩm này thường bao gồm từ 0,0001 đến 95% trọng lượng hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế A hoặc chế phẩm A.

[0117]

Các ví dụ về chất mang rắn được sử dụng trong chế phẩm bao gồm các bột mịn hoặc các hạt đất sét (ví dụ như, đất sét cao lanh, đất tảo silic, bentonit hoặc đất sét trắng axit), silic đioxit khô, silic đioxit ướt, bột tan, gốm, khoáng vô cơ khác (ví dụ như, serixit, thạch anh, lưu huỳnh, cacbon hoạt tính, hoặc canxi cacbonat) hoặc phân bón hóa học (ví dụ như, amoni sulfat, amoni phosphat, amoni nitrat, ure, hoặc amoni clorua) và các chất khác; cũng như các nhựa tổng hợp (ví dụ như, các nhựa polyeste

như là polypropylen, polyacrylonitril, polymetyl metacrylat hoặc polyetylen terephthalat; các nhựa nylon (ví dụ như, nylon-6, nylon-11 hoặc nylon-66); các nhựa polyamit; polyvinyl clorua, polyvinyliden clorua, các copolymer vinyl clorua-propylen và các nhựa khác).

[0118]

Các ví dụ về các chất mang lỏng bao gồm nước; các rượu (ví dụ như, metanol, etanol, rượu isopropyl, butanol, hexanol, rượu benzyl, etylen glycol, propylen glycol hoặc phenoxy etanol); các xeton (ví dụ như, axeton, metyl etyl xeton hoặc xyclohexanon); các hyđrocacbon thơm (ví dụ như, toluen, xylen, etyl benzen, dodecyl benzen, phenyl xylyl etan hoặc metylnaphthalen); các hyđrocacbon béo (ví dụ như, hexan, xyclohexan, dầu hỏa (kerosene) hoặc dầu nhẹ); các este (ví dụ như, etyl axetat, butyl axetat, isopropyl myristat, etyl oleat, điisopropyl adipat, diisobutyl adipat hoặc propylen glycol monometyl ete axetat); các nitril (ví dụ như, axetonitril hoặc isobutyronitril); các ete (ví dụ như, điisopropyl etheR14-dioxane, 1,2-đimethoxyetan, đietylenglycol đimetyl ete, đietylen glycol monometyl ete, propylen glycol monometyl ete, đipropylen glycol monometyl ete hoặc 3-methoxy-3-metyl-1-butanol); các amit (ví dụ như, DMF hoặc N,N-đimetylacetamit); các sulfoxit (ví dụ như, đimetyl sulfoxit); propylen cacbonat; và dầu thực vật (ví dụ như, dầu đậu nành hoặc dầu hạt bông).

[0119]

Các ví dụ về chất mang khí bao gồm flocarbon, khí butan, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG), đimetyl ete và khí cacbon đioxit.

[0120]

Các ví dụ về các chất hoạt động bề mặt bao gồm các chất hoạt động bề mặt không ion như là các ete alkyl polyoxyetylen hóa, các ete aryl alkyl polyoxyetylen hóa và các este axit béo polyetylen glycol; và các chất hoạt động bề mặt anion như là các alkyl sulfonat, các alkylbenzen sulfonat và các alkyl sulfat.

[0121]

Các ví dụ về các chất phụ trợ khác dùng cho chế phẩm bao gồm chất gắn kết,

chất phân tán, chất tạo màu và chất ổn định. Các ví dụ cụ thể bao gồm casein, gelatin, các polysaccarit (ví dụ như, gôm arabic, dẫn xuất xenluloza và axit alginic), dẫn xuất lignin, bentonit, polyme tổng hợp tan trong nước (ví dụ như, rượu polyvinyl, polyvinyl pyrrolidon và các axit polyacrylic), isopropyl phosphat axit, 2,6-di-tert-butyl-4-metylphenol và hỗn hợp chứa 2-tert-butyl-4-methoxyphenol và 3-tert-butyl-4-methoxyphenol.

[0122]

Các ví dụ về nguyên liệu cơ bản của chế phẩm nhựa bao gồm các polyme polyvinyl clorua, polyuretan và các loại khác và chất làm dẻo như là este phthalat (ví dụ như, đimetyl phthalat, đioctyl phthalat), các este adipic axit và stearic axit có thể được bổ sung vào các nguyên liệu cơ bản này nếu cần. Chế phẩm nhựa có thể được điều chế bằng cách trộn hợp chất của sáng chế với nguyên liệu cơ bản nêu trên, nhào hỗn hợp này, sau đó ép khuôn bằng cách ép phun, ép đùn, hoặc ép áp lực và tương tự. Chế phẩm nhựa thu được có thể được áp dụng quy trình cắt hoặc ép khuôn thêm và tương tự, nếu cần, để xử lý thành các hình dạng như là tấm, màng, băng, lưới hoặc dạng vòng. Chế phẩm nhựa có thể được xử lý thành vòng đeo cổ động vật, thẻ đeo tai động vật, sản phẩm tấm, vòng bẫy, vật hỗ trợ làm vườn, và các sản phẩm khác.

Các ví dụ về nguyên liệu cơ bản đối với mồi độc bao gồm các thành phần mồi như là bột ngũ cốc, dầu thực vật, saccarit và xenluloza tinh thể và nếu cần, bổ sung các chất chống oxy hóa như là đibutylhyđroxytoluen và norđihyđroguaiaretic axit, các chất bảo quản như là dehydroaxetic axit, các chất ngăn ngừa tình cờ nuốt vào đối với trẻ em và thú cưng như là bột ớt, mùi hương thu hút côn trùng như là vị phô mai, vị hành tây và dầu đậu phộng.

[0123]

Thực vật khi được sử dụng ở đây bao gồm toàn bộ thực vật, tán lá, hoa, tai, quả, thân cây, cành cây, vòm cây, hạt, các cơ quan sinh sản sinh dưỡng và cây giống.

[0124]

Các cơ quan sinh sản sinh dưỡng là phần của cây mà có khả năng lớn lên khi phần này được tách ra khỏi thân và đặt vào trong đất, trong số rễ, thân, lá và tương tự của cây. Các ví dụ về các cơ quan sinh sản sinh dưỡng bao gồm rễ củ, rễ leo, củ, thân hành hoặc củ rắn, thân củ, thân rễ, thân bò lan, bầu rễ, cành giâm mía, trụ mầm và cành giâm cây bò. Ở đây, thân bò lan còn được gọi là thực vật thân bò, trụ mầm còn được gọi là chồi con, mà được chia thành chồi rộng và hành con. Các cây bò là các chồi (tên chung cho lá và thân) của khoai lang và khoai mỡ Nhật Bản. Thân hình đĩa, thân hành, thân củ, thân rễ, các đoạn thân, bầu rễ và rễ củ còn được gọi chung là củ. Ví dụ như, cho dù canh tác khoai tây bằng cách trồng củ trong đất, nhưng củ này được gọi là khoai tây giống.

[0125]

Các ví dụ về phương pháp kiểm soát động vật chân đốt gây hại bằng cách sử dụng lượng hữu hiệu hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A cho đất bao gồm phương pháp sử dụng lượng hữu hiệu hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A cho đất trước khi trồng hoặc sau khi trồng cây, phương pháp sử dụng lượng hữu hiệu hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A cho phần rễ của cây trồng để được bảo vệ khỏi hư hỏng như là do bị các động vật chân đốt gây hại ăn và phương pháp kiểm soát động vật chân đốt gây hại ăn cây bằng cách thẩm thấu và chuyển lượng hữu hiệu hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A từ rễ và tương tự vào trong cây. Các ví dụ cụ thể hơn về phương pháp kiểm soát các động vật chân đốt gây hại bao gồm xử lý hố trồng (phun vào hố trồng, trộn đất sau khi xử lý hố trồng), xử lý gốc cây (phun gốc cây, trộn đất sau khi xử lý gốc cây, tưới gốc cây, xử lý gốc cây ở giai đoạn gieo hạt sau này), xử lý luống trồng (phun luống trồng, trộn đất sau khi xử lý luống trồng), xử lý hàng trồng (phun hàng trồng, trộn đất sau khi xử lý hàng trồng, phun hàng trồng ở giai đoạn tăng trưởng), xử lý hàng trồng ở thời điểm gieo hạt (phun hàng trồng ở thời điểm gieo hạt, trộn đất sau khi xử lý hàng trồng ở thời điểm gieo hạt), xử lý gieo rắc (phun toàn bộ bề mặt đất, trộn đất sau khi xử lý gieo rắc), xử lý hàng bên, xử lý bề mặt nước (sử dụng cho bề mặt nước, sử dụng cho bề mặt

nước sau khi ngập nước), xử lý phun đất khác (phun chế phẩm dạng hạt lên lá ở giai đoạn tăng trưởng, phun dưới tán hoặc xung quanh thân cây, phun lên bề mặt đất, trộn với đất bề mặt đất, phun vào lỗ gieo hạt, phun vào bề mặt đất của luống, phun vào giữa các cây), xử lý tưới khác (tưới đất, tưới ở giai đoạn trồng cây giống, xử lý phun dung dịch thuốc, tưới bộ phận của cây ở ngay phía trên mặt đất, tưới nhỏ giọt dung dịch thuốc, tưới hóa chất), xử lý hộp trồng cây giống (phun vào hộp trồng cây giống, tưới hộp trồng cây giống, ngâm ngập hộp trồng cây giống trong dung dịch thuốc), xử lý khay trồng cây giống (phun vào khay trồng cây giống, tưới khay trồng cây giống, ngâm khay trồng cây giống trong dung dịch thuốc), xử lý luống gieo hạt (phun vào luống gieo hạt, tưới luống gieo hạt, phun ruộng mạ vùng trũng, ngâm các cây giống), xử lý kết hợp đất luống gieo hạt (trộn với đất luống gieo hạt, trộn với đất luống gieo hạt trước khi gieo, phun khi gieo hạt trước khi lấp đất, phun khi gieo hạt sau khi lấp đất, trộn với đất lấp và xử lý khác (trộn với đất trồng, cày xới, trộn với đất bề mặt, trộn với đất tại nơi mưa rơi xuống từ tán cây, xử lý tại vị trí trồng, phun chế phẩm dạng hạt lên cụm hoa, trộn với phân bón dạng hồ).

[0126]

Khi được sử dụng ở đây, các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng mang hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A có nghĩa là các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng ở trạng thái mà hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A bám dính vào bề mặt của các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng. Cũng như vậy, hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A mà có thể bám dính trên bề mặt của các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng có thể thấm được từ bề mặt vào trong cây.

Cũng như vậy, khi chế phẩm A bám dính trên bề mặt của các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng này, lớp chứa thành phần hoạt tính riêng rẽ có thể được chồng lên nhiều lần, nhiều thành phần hoạt tính có thể được trộn để hình thành lớp đơn, lớp chứa thành phần hoạt tính riêng rẽ và lớp chứa nhiều thành phần hoạt tính có thể được chồng lên nhiều lần hoặc lớp chứa nhiều thành phần hoạt tính có thể được

chồng nhiều lần.

Các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng được dùng để xử lý hạt giống có thể được dùng là chính chúng hoặc nguyên liệu bất kỳ ngoài hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế A hoặc chế phẩm A có thể bám dính trước hoặc sau khi được xử lý với hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế A hoặc chế phẩm A.

[0127]

Các ví dụ về sử dụng hạt (hoặc xử lý hạt) bao gồm sử dụng hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A X cho các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng và các ví dụ cụ thể của chúng bao gồm xử lý phun trong đó huyền phù của hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A được phun lên bề mặt hạt giống hoặc bề mặt cơ quan sinh sản sinh dưỡng ở dạng sương mù; xử lý phết trong đó hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A được phủ lên bề mặt các hạt giống hoặc cơ quan sinh sản sinh dưỡng; xử lý ngâm trong đó các hạt giống được ngâm trong dung dịch chứa hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A trong thời gian nhất định; và phương pháp phủ các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng bằng chất mang chứa hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A (xử lý phủ màng, xử lý phủ viên). Các ví dụ về cơ quan sinh sản sinh dưỡng nêu trên bao gồm cụ thể là khoai tây giống.

Khi chế phẩm A được dùng cho các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng, chế phẩm A cũng có thể được dùng cho các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng là chế phẩm riêng rẽ, hoặc chế phẩm A có thể được dùng cho các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng là nhiều chế phẩm được chia thành nhiều lần. Các ví dụ về phương pháp trong đó chế phẩm A được dùng là nhiều chế phẩm được chia thành nhiều lần bao gồm, ví dụ như, phương pháp trong đó các chế phẩm bao gồm là thành phần hoạt tính chỉ hợp chất sáng chế X được sử dụng và các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng được làm khô trong không khí, sau đó sử dụng các chế phẩm chứa thành phần sáng chế, và phương pháp trong đó các chế phẩm bao gồm là thành phần hoạt tính hợp chất sáng chế X và các thành phần sáng chế được sử dụng và các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng được làm khô trong

không khí, sau đó sử dụng các chế phẩm chứa các thành phần sáng chế ngoài các thành phần sáng chế đã sử dụng, được bao gồm.

Khi được sử dụng ở đây, các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng mang hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A có nghĩa là các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng ở trạng thái trong đó hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A bám dính trên bề mặt của các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng. Các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng nêu trên mang hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A có thể bám dính các nguyên liệu khác bất kỳ ngoài hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A trước hoặc sau khi cho bám dính hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A vào các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng.

Cũng vật, khi chế phẩm A bám dính ở dạng (các) lớp vào bề mặt của các hạt giống hoặc cơ quan sinh sản sinh dưỡng, (các) lớp này bao gồm một hoặc nhiều lớp. Cũng như vậy, khi nhiều lớp được hình thành, mỗi lớp này có thể bao gồm lớp chứa một hoặc nhiều thành phần hoạt tính hoặc hỗn hợp của lớp chứa một hoặc nhiều thành phần hoạt tính và lớp không chứa thành phần hoạt tính.

Các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng mang hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A có thể thu được, ví dụ như, bằng cách sử dụng chế phẩm chứa hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A bằng phương pháp sử dụng nêu trên cho các hạt giống các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng.

[0128]

Khi hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế A hoặc chế phẩm A được sử dụng để kiểm soát các động vật chân đốt gây hại trong lĩnh vực nông nghiệp, liều sử dụng của chúng thường nằm trong khoảng từ 1 đến 10.000g hợp chất sáng chế hoặc hợp chất sáng chế X trên 10.000m^2. Trong trường hợp sử dụng cho các hạt giống hoặc các cơ quan sinh sản sinh dưỡng, liều sử dụng của chúng thường nằm trong khoảng từ 0,001 đến 100g hợp chất sáng chế X trên 1kg hạt giống. Khi hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A được bào chế thành nhũ tương đậm đặc, bột hòa nước hoặc huyền phù v.v, chúng thường được sử dụng bằng cách pha loãng với nước để thu

được nồng độ hiệu quả của các thành phần hoạt tính là từ 0,01 đến 10.000ppm và chế phẩm dạng bột rắc hoặc dạng hạt, v.v, thường được sử dụng nguyên dạng mà không cần pha loãng.

[0129]

Cũng vậy, chế phẩm nhựa mà được xử lý thành tấm hoặc dải có thể được sử dụng bằng cách quấn cây bằng tấm hoặc dải chế phẩm nhựa này, đặt dải chế phẩm nhựa xung quanh sao cho cây được bao quanh bởi dải hoặc đặt tấm chế phẩm nhựa trên bề mặt đất gần gốc cây.

[0130]

Khi hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế A hoặc chế phẩm A được sử dụng để kiểm soát các động vật chân đốt gây hại sống trong nhà, liều sử dụng là lượng hợp chất sáng chế hoặc hợp chất sáng chế X thường nằm trong khoảng từ 0,01 đến 1.000mg trên $1m^2$ diện tích cần xử lý, trong trường hợp sử dụng trên diện tích phẳng. Trong trường hợp sử dụng theo không gian, liều sử dụng là lượng hợp chất sáng chế hoặc hợp chất sáng chế X thường nằm trong khoảng từ 0,01 đến 500mg trên $1m^3$ không gian cần xử lý. Khi hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A được bào chế thành các nhũ tương đậm đặc, các bột hòa nước, huyền phù hoặc các dạng khác, thì các chế phẩm này thường được sử dụng sau khi pha loãng với nước sao cho nồng độ của thành phần hoạt tính nằm trong khoảng từ 0,1 đến 10.000ppm. Trong trường hợp được bào chế thành các dung dịch dầu, son khí, chất tạo khí, mồi độc và dạng khác, thì chế phẩm này được sử dụng nguyên dạng mà không cần pha loãng.

[0131]

Khi hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm được sử dụng để kiểm soát ký sinh trùng bên ngoài gia súc như là bò, ngựa, lợn, cừu, dê và gà, và các động vật nhỏ như là chó, mèo, chuột và chuột nhắt, chế phẩm theo sáng chế có thể được sử dụng cho động vật bằng các phương pháp đã được biết đến trong lĩnh vực thú y. Cụ thể là, khi kiểm soát toàn thân thì chế phẩm theo sáng chế được sử dụng cho động vật ở dạng viên nén, hỗn hợp với thức ăn hoặc viên đạn hoặc bằng cách tiêm

(bao gồm tiêm bắp, tiêm dưới da, tiêm tĩnh mạch và tiêm trong màng bụng). Mặt khác, khi kiểm soát không toàn thân, thì chế phẩm theo sáng chế được sử dụng cho động vật bằng cách phun dung dịch dầu hoặc dung dịch nước, xử lý tại chỗ hoặc rót vào, hoặc tắm động vật bằng chế phẩm dầu gội, hoặc bằng cách đeo vòng cổ hoặc thẻ tai làm bằng chế phẩm nhựa cho động vật. Trong trường hợp sử dụng cho cơ thể động vật, liều hợp chất của hợp chất sáng chế hoặc hợp chất sáng chế X thường nằm trong khoảng từ 0,1 đến 1.000mg trên 1kg trọng lượng cơ thể động vật.

[0132]

Ngoài ra, chế phẩm của hợp chất sáng chế, hợp chất sáng chế X hoặc chế phẩm A có thể được sử dụng là chất kiểm soát động vật chân đốt gây hại trong đất nông nghiệp như là ruộng lúa, cánh đồng, bãi cỏ và vườn cây ăn quả. Các ví dụ về các cây được sử dụng bao gồm sau đây.

ngô, gạo, lúa mì, lúa mạch, lúa mạch đen, yến mạch, cao lương, bông, đậu tương, đậu phộng, kiều mạch, củ cải đường, cải dầu, hướng dương, mía, thuốc lá,

rau họ cà (ví dụ như, cà tím, cà chua, ớt ngọt (pimento), ớt chuông hoặc khoai tây),

rau họ bầu bí (ví dụ như, dưa chuột, bí ngô, bí ngòi, dưa hấu hoặc dưa),

rau họ cải (ví dụ như, *củ cải Nhật Bản*, củ cải trắng, củ cải ngựa, su hào, cải bắp Trung Quốc, cải bắp, cải bẹ xanh, súp lơ xanh hoặc súp lơ trắng),

rau họ cúc (ví dụ như, ngưu bàng, cải cúc, atiso hoặc xà lách),

rau họ huệ tây (ví dụ như, hành lá, hành tây, tỏi hoặc măng tây),

rau họ hoa tán (ví dụ như, cà rốt, mùi tây, cần tây hoặc củ cải vàng),

rau họ rau muối (ví dụ như, cải bó xôi hoặc *cải cầu vồng Thụy Sĩ*),

rau họ hoa môi (ví dụ như, *tía tô xanh*, bạc hà hoặc húng quế),

dâu tây, khoai lan, củ nâu *Dioscorea japonica*, khoai colocasia,

cây ăn quả họ táo (ví dụ như, táo, lê, lê Nhật Bản, mộc qua Trung Quốc *hoặc* mộc qua),

cây ăn quả thịt hạch (ví dụ như, đào, mận, xuân đào, *mơ xanh*, quả anh đào, mơ

hoặc mận),

cây ăn quả họ cam quýt (ví dụ như, cam Nhật Bản, cam, chanh vàng, chanh xanh hoặc bưởi),

quả hạch (ví dụ như, hạt dẻ, óc chó, hạt phỉ, hạnh nhân, quả hồ trăn, hạt điều hoặc hạt macadamia),

quả mọng (ví dụ như, quả việt quất, nam việt quất, dâu đen hoặc quả mâm xôi),

nho, hồng, oliu, mận Nhật Bản, chuối, cà phê, cây chà là, dừa, chè, dâu tằm, cây cảnh lá, cây rừng, bãi cỏ, đồng cỏ.

[0133]

Các cây trên không bị giới hạn cụ thể chỉ cần chúng là các giống được trồng phổ biến. Các cây nêu trên có thể bao gồm các cây được tạo ra bằng cách lai tạo tự nhiên, các cây được phát triển bằng cách đột biến, các cây lai F1 và các cây trồng biến đổi gen. Các ví dụ về cây trồng biến đổi gen bao gồm cây được đưa vào tính kháng thuốc diệt cỏ bao gồm các chất ức chế HPPD (tức là, 4-hydroxyphenylpyruvate đioxygenaza) như là isoxaflutole; các chất ức chế ALS (tức là, axetoaxetat synthaza) như là imazethapyr và thifensulfuron metyl; các chất ức chế EPSP (tức là, 5-enolpyruvoylshikimate-3-phosphat synthaza); các chất ức chế glutamin synthetaza; các chất ức chế PPO (tức là, protoporphyrinogen oxidaza); bromoxynil; dicamba và tương tự; các cây có khả năng tổng hợp các độc tố chọn lọc và tương tự (ví dụ như, giống Bacillus như là vi khuẩn Gram dương Bacillus thuringiensis); và các cây này có khả năng tổng hợp đoạn gen mà phù hợp một phần với gen nội sinh có nguồn gốc từ côn trùng gây hại và cũng đưa vào hoạt tính trừ sâu cụ thể bằng cách gây sự im lặng gen (RNAi; RNA can thiệp) ở côn trùng gây hại mục tiêu.

Ví dụ thực hiện sáng chế

[0134]

Sau đây, sáng chế được giải thích chi tiết bằng cách sử dụng các ví dụ điều chế, các ví dụ điều chế tham khảo và các ví dụ thử nghiệm, tuy nhiên, sáng chế không chỉ giới hạn ở các ví dụ này.

Khi được sử dụng ở đây, "Me" là nhóm metyl, "Et" là nhóm etyl, "Pr" là nhóm propyl, "i-Pr" là nhóm isopropyl, "c-Pr" là nhóm xyclopropyl, "c-Bu" là nhóm xyclobutyl, "c-Pen" là nhóm xyclopentyl, "c-Hex" là nhóm xyclohexyl, "Ph" là nhóm phenyl, "Py2" là nhóm 2-pyridyl, "Py3" là nhóm 3-pyridyl, "Py4" là nhóm 4-pyridyl, "Bn" là nhóm benzyl. "Boc" là nhóm tert-butoxycacbonyl. Khi c-Pr, c-Bu, c-Pen, c-Hex, Ph, Py2, Py3 và Py4 có nhóm thế, thì nhóm thế này được viết với vị trí thế của nó trước ký hiệu. Ví dụ như, "1-CN-c-Pr" là nhóm 1-xyanoxyclopropyl, "3,4-F_2-Ph" là nhóm 3,4-điflophenyl, "4-CF_3-Py2" là nhóm 4-(triflometyl)-2-pyridyl và "5-$OCH_2CF_2CF_3$-Py2" là nhóm 5-(2,2,3,3,3-pentaflopropoxy)-2-pyridyl.

Ở đây, khi "hợp chất sáng chế X" được nhắc đến thì nó bao hàm "hợp chất sáng chế" trừ khi được quy định khác. Cũng ở đây, khi "hợp chất sáng chế P" được nhắc đến thì nó bao hàm "hợp chất sáng chế N" trừ khi được quy định khác.

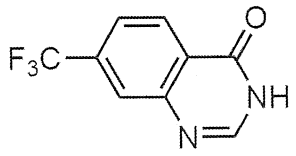
[0135]

Đầu tiên, các ví dụ về hợp chất sáng chế X và quy trình hợp chất trung gian của chúng được mô tả.

[0136]

Ví dụ điều chế tham khảo 1

Khuấy hỗn hợp chứa axit 4-(triflometyl)antranilic 3,00g và focmamit 6mL ở 140°C trong 11 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và bổ sung thêm nước vào đó và lọc hỗn hợp này. Làm khô các chất rắn thu được dưới áp suất giảm để thu được 2,90g hợp chất trung gian 1 có công thức sau đây.

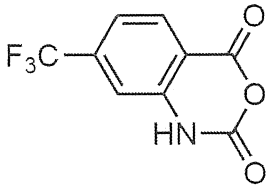


Hợp chất trung gian 1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 10,46 (1H, br s), 8,43 (1H, d), 8,14 (1H, s), 8,05 (1H, d), 7,75 (1H, dd).

[0137]

Ví dụ điều chế tham khảo 2

Hỗn hợp chứa 4-(triflometyl)antranilic axit 3,00g và THF 22ml được bổ sung nhỏ giọt hỗn hợp chứa triphosgen 1,52g và THF 15ml trong điều kiện làm lạnh bằng đá. Khuấy hỗn hợp thu được ở nhiệt độ phòng trong 4 giờ. Bổ sung nước vào hỗn hợp thu được và chiết hỗn hợp này bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm để thu được 3,30g hợp chất trung gian 2 có công thức sau đây.

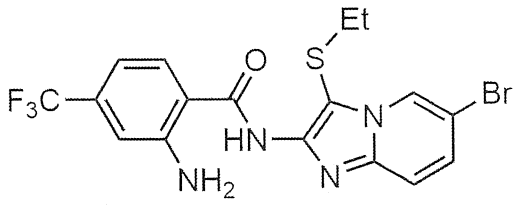


Hợp chất trung gian 2: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 11,98 (1H, br s), 8,10 (1H, d), 7,54 (1H, d), 7,37 (1H, s).

[0138]

Ví dụ điều chế tham khảo 3

Hỗn hợp chứa 6-bromo-3-(etylthio)imidazo[1,2-a]pyridin-2-amin 300mg (được điều chế như được mô tả ở WO/2018052136) và THF 4ml được bổ sung nhỏ giọt dung dịch chứa kali bis(trimetylsilyl)amit (1mol/L dung dịch THF) 2,2ml ở -78°C trong khí quyển nitơ và khuấy hỗn hợp này trong 30 phút. Hỗn hợp của hợp chất trung gian 2 và THF 4ml được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 30 phút. Dung dịch bão hòa amoni clorua chứa nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Hỗn hợp thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Bổ sung hexan vào phần còn lại thu được và lọc các chất rắn thu được. Rửa các chất đã lọc bằng hexan để thu được 491mg hợp chất trung gian 3 có công thức sau đây.



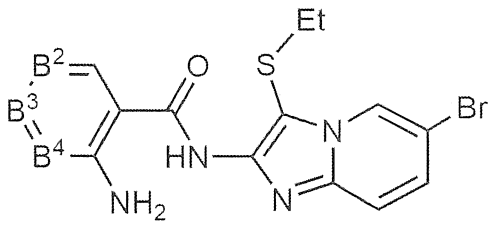
Hợp chất trung gian 3-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,54 (1H, dd), 8,35 (1H, s), 7,67 (1H,

d), 7,60 (1H, dd), 7,41 (1H, dd), 7,00 (1H, s), 6,98 (1H, d), 5,95 (2H, br s), 2,75 (2H, q), 1,27 (3H, t).

[0139]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 3 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.

Hợp chất có công thức (B-1):



(B-1)

, trong đó hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp bất kỳ được thể hiện ở [Bảng B1].

[0140]

[Bảng B1]

Hợp chất trung gian	B^2	B^3	B^4
3-2	CCF_3	CH	CH
3-3	CH	CH	CCF_3
3-4	CH	CCF_3	N
3-5	CH	CCl	CH
3-6	CH	CI	CH
3-7	$COCF_3$	CH	CH

Hợp chất trung gian 3-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,53-8,53 (1H, m), 8,33 (1H, s), 7,80 (1H, s), 7,57 (1H, d), 7,50 (1H, dd), 7,39 (1H, dd), 6,78 (1H, d), 6,14 (2H, s), 2,74 (2H, q), 1,26 (3H, t).

Hợp chất trung gian 3-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,51 (1H, dd), 8,25 (1H, br s), 7,73 (1H, d), 7,62 (1H, d), 7,57 (1H, dd), 7,38 (1H, dd), 6,77 (1H, t), 6,39 (2H, br s), 2,72 (2H, q), 1,24 (3H, t).

Hợp chất trung gian 3-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,52 (1H, d), 8,35 (1H, br s), 7,98 (1H, d), 7,56 (1H, d), 7,40 (1H, dd), 7,03 (1H, d), 6,69 (2H, br s), 2,73 (2H, q), 1,24 (3H, t).

Hợp chất trung gian 3-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,50 (1H, dd), 8,29 (1H, s), 7,56 (1H, dd), 7,47 (1H, d), 7,37 (1H, dd), 6,73 (1H, d), 6,68 (1H, dd), 5,87 (2H, s), 2,71 (2H, q), 1,23 (3H, t).

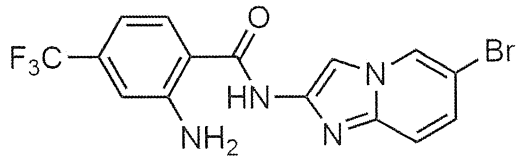
Hợp chất trung gian 3-6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,49 (1H, d), 8,28 (1H, br s), 7,56 (1H, d), 7,36 (1H, dd), 7,23 (1H, d), 7,13 (1H, d), 7,04 (1H, dd), 5,79 (2H, br s), 2,71 (2H, q), 1,22 (3H, t).

Hợp chất trung gian 3-7: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,51 (1H, s), 8,26 (1H, s), 7,56 (1H, d), 7,39-7,36 (2H, m), 7,18 (1H, d), 6,72 (1H, d), 5,77 (2H, s), 2,73 (2H, q), 1,24 (3H, t).

[0141]

Ví dụ điều chế tham khảo 4

Hỗn hợp chứa 6-brom-imidazo[1,2-a]pyridin-2-amin 0,47g (được điều chế như được mô tả ở WO2012/173412) và THF 5ml được bổ sung nhỏ giọt dung dịch của kali bis(trimetylsilyl)amit (1 mol/L dung dịch THF) 4,4ml ở -78°C trong khí quyển nitơ và khuấy hỗn hợp này trong 30 phút. Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 2 0,61g và THF 5ml được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 30 phút. Dung dịch bão hòa amoni clorua chứa nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Bổ sung hexan vào phần còn lại thu được và lọc các chất rắn thu được. Rửa các chất đã lọc bằng hexan để thu được 0,66g hợp chất trung gian 4 có công thức sau đây.



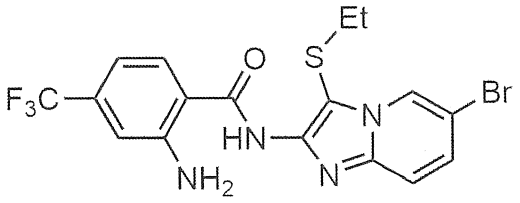
Hợp chất trung gian 4: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 11,20 (1H, s), 8,95 (1H, dd), 8,29 (1H, s), 7,94 (1H, d), 7,46 (1H, d), 7,36 (1H, dd), 7,11 (1H, d), 6,82 (1H, d), 6,81 (2H, br s).

[0142]

Ví dụ điều chế tham khảo 5

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 4 0,66g và trietyl orthoformat 20ml được khuấy ở 100°C trong 4 giờ. Trietyl orthoformat 10ml được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được khuấy ở 100°C trong 2 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên

cho nguội về nhiệt độ phòng và được cô dưới áp suất giảm. Rửa các chất rắn thu được bằng hexan để thu được 0,54g hợp chất trung gian 5 có công thức sau đây.

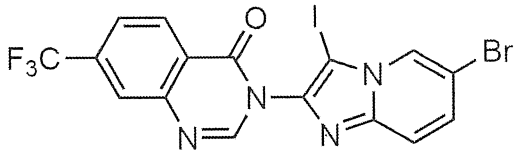


Hợp chất trung gian 5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,50 (1H, s), 8,53-8,52 (1H, m), 8,54 (1H, d), 8,36 (1H, dd), 8,10 (1H, d), 7,77 (1H, dd), 7,53 (1H, d), 7,38 (1H, dd).

[0143]

Ví dụ điều chế tham khảo 6

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 5 0,54g và DMF 26ml được bổ sung thêm N-iotsucxinimit 0,44g trong điều kiện làm lạnh bằng đá và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 10 giờ. N-iotsucxinimit 0,30g được bổ sung vào hỗn hợp thu được trong điều kiện làm lạnh bằng đá và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 6 giờ. Nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và các chất rắn thu được được hòa tan trong clorofom và được rửa bằng dung dịch bão hòa natri thiosulfat chứa nước. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm để thu được 0,32g hợp chất trung gian 6 có công thức sau đây.



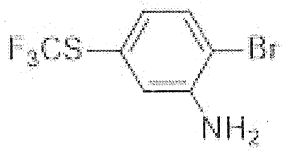
Hợp chất trung gian 6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,53 (1H, d), 8,37 (1H, d), 8,26 (1H, s), 8,10-8,07 (1H, m), 7,79 (1H, dd), 7,57 (1H, d), 7,47 (1H, dd).

[0144]

Ví dụ điều chế tham khảo 7

Hỗn hợp chứa 3-(triflometylthio)aniline 5,00g và toluen 150ml được bổ sung thêm N-bromsucxinimit 4,83g ở nhiệt độ phòng và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 1 giờ. Bổ sung nước vào hỗn hợp thu được và chiết hỗn hợp này bằng etyl

axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 2,99g hợp chất trung gian 7-1 có công thức sau đây.

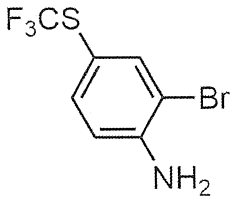


Hợp chất trung gian 7-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 7,44 (1H, d), 7,03 (1H, d), 6,87 (1H, dd), 4,23 (2H, s).

[0145]

Ví dụ điều chế tham khảo 8

Hợp chất trung gian 7-2 thu được bằng cách sử dụng 4-(triflometylthio)anilin thay cho 3-(triflometylthio)anilin theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 7.

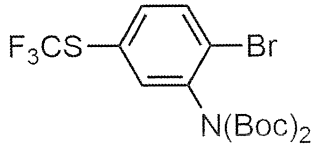


Hợp chất trung gian 7-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 7,71 (1H, d), 7,37 (1H, dd), 6,75 (1H, d), 4,41 (2H, s).

[0146]

Ví dụ điều chế tham khảo 9

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 7-1 2,99g, di-tert-butyl đicacbonat 2,88g và THF 22ml được khuấy ở 70°C trong 4 giờ. Bổ sung nước vào hỗn hợp thu được và chiết hỗn hợp này bằng etyl axetat. Hỗn hợp thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 4,64g hợp chất trung gian 8-1 có công thức sau đây.

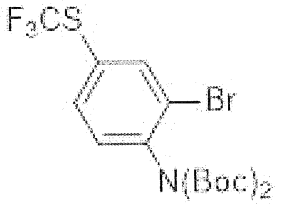


Hợp chất trung gian 8-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 7,68 (1H, d), 7,53 (1H, d), 7,46 (1H, dd), 1,39 (18H, s).

[0147]

Ví dụ điều chế tham khảo 10

Hợp chất trung gian 8-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 7-2 thay cho hợp chất trung gian 7-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 9.

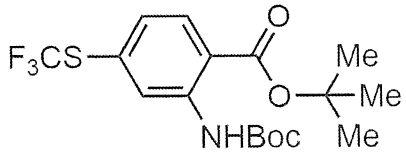


Hợp chất trung gian 8-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 7,92 (1H, d), 7,61 (1H, dd), 7,28 (1H, d), 1,39 (18H, s).

[0148]

Ví dụ điều chế tham khảo 11

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 8-1 2,0g và THF 42ml được bổ sung nhỏ giọt butyl liti 3ml ở -78°C trong khí quyển nitơ và khuấy hỗn hợp này trong 15 phút. Dung dịch bão hòa amoni clorua chứa nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 0,93g hợp chất trung gian 9-1 có công thức sau đây.

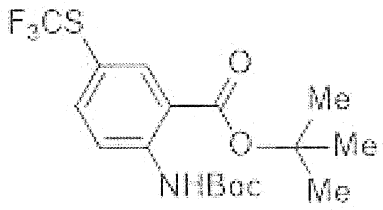


Hợp chất trung gian 9-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 10,36 (1H, s), 8,77 (1H, s), 7,96 (1H, d), 7,22 (1H, d), 1,61 (9H, s), 1,54 (9H, s).

[0149]

Ví dụ điều chế tham khảo 12

Hợp chất trung gian 9-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 8-2 thay cho hợp chất trung gian 8-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 11.

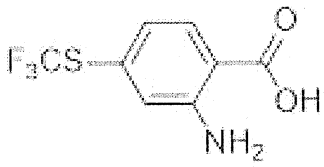


Hợp chất trung gian 9-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 10,50 (1H, s), 8,53 (1H, d), 8,20 (1H, d), 7,71 (1H, dd), 1,62 (9H, s), 1,54 (9H, s).

[0150]

Ví dụ điều chế tham khảo 13

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 9-1 0,93g, trifloaxetic axit 6ml và clorofom 23ml được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 20 giờ. Cô hỗn hợp thu được và rửa các chất rắn thu được bằng hexan để thu được 0,57g hợp chất trung gian 10-1 có công thức sau đây.

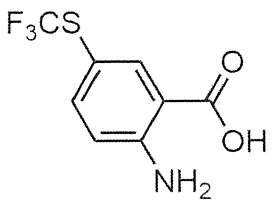


Hợp chất trung gian 10-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 7,93 (1H, d), 6,96 (1H, s), 6,89 (1H, d).

[0151]

Ví dụ điều chế tham khảo 14

Hợp chất trung gian 10-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 9-2 thay cho hợp chất trung gian 9-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 13.



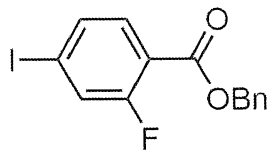
Hợp chất trung gian 10-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,23 (1H, d), 7,53 (1H, dd), 6,70 (1H,

d).

[0152]

Ví dụ điều chế tham khảo 15

Hỗn hợp chứa 2-flo-4-iodobenzoic axit 3,00g và clorofom 28ml được bổ sung thêm oxalyl clorua 2,2ml và DMF 0,1ml liên tục ở nhiệt độ phòng và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 1 giờ. Cô hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được hoà tan trong THF 28ml và hỗn hợp thu được được bổ sung nhỏ giọt thêm rượu benzyl 1,8ml và trietylamin 4,7ml liên tục trong điều kiện làm lạnh bằng đá và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 1 giờ. Dung dịch bão hòa natri bicacbonat chứa nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Hỗn hợp thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được hợp chất trung gian 11 có công thức sau đây 3,78g.

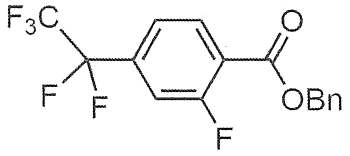


Hợp chất trung gian 11: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 7,68-7,64 (1H, m), 7,57-7,54 (2H, m), 7,45-7,44 (2H, m), 7,41-7,33 (3H, m), 5,37 (2H, s).

[0153]

Ví dụ điều chế tham khảo 16

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 11 2,45g, kali florua 0,76g, đồng(I) iođua 3,14g, trimetyl(pentafloetyl)silan 2,4ml và DMF 15ml được khuấy ở 80°C ở điều kiện chiếu xạ sóng cực ngắn trong 6 giờ. Dung dịch ammoniac bão hòa chứa nước và MTBE được bổ sung liên tục vào hỗn hợp thu được và lọc hỗn hợp này qua Celite (nhãn hiệu đã được đăng ký). Các dịch lọc thu được được chiết bằng MTBE. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 1,97g hợp chất trung gian 12 có công thức sau đây.

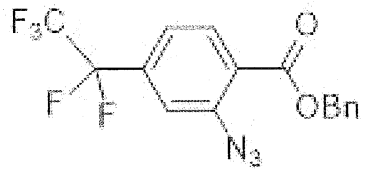


Hợp chất trung gian 12: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,11-8,09 (1H, m), 7,47-7,33 (7H, m), 5,39 (2H, s).

[0154]

Ví dụ điều chế tham khảo 17

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 12 0,80g và DMSO 5ml được bổ sung thêm natri azit 194mg ở nhiệt độ phòng và hỗn hợp này được khuấy ở 80°C trong 1 giờ. Natri azit 75mg được bổ sung vào hỗn hợp thu được ở nhiệt độ phòng và hỗn hợp này được khuấy ở 80°C trong 3 giờ. Làm nguội hỗn hợp thu được trong điều kiện làm lạnh bằng đá và bổ sung thêm nước vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng MTBE. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 0,85g hợp chất trung gian 13 có công thức sau đây 13.

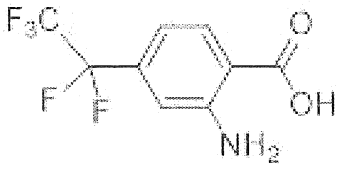


Hợp chất trung gian 13: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 7,98 (1H, d), 7,47-7,31 (7H, m), 5,38 (2H, s).

[0155]

Ví dụ điều chế tham khảo 18

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 13 0,85g, 10% paladi cacbon 0,21g và metanol 5ml được khuấy trong 8 giờ trong khí quyển hyđro. Lọc hỗn hợp thu được qua Celite (nhãn hiệu đã được đăng ký) và phần dịch lọc được cô dưới áp suất giảm để thu được 0,64g hợp chất trung gian 14 có công thức sau đây.

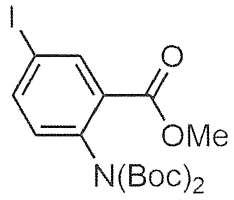


Hợp chất trung gian 14: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,01 (1H, d), 6,89 (1H, s), 6,85 (1H, d).

[0156]

Ví dụ điều chế tham khảo 19

Hợp chất trung gian 15 thu được bằng cách sử dụng 2-amino-5-iodobenzoic axit thay cho hợp chất trung gian 7-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 9.

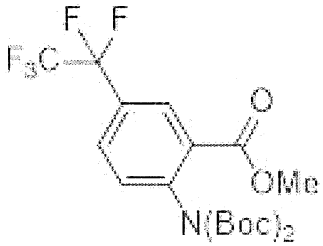


Hợp chất trung gian 15: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,32 (1H, d), 7,84 (1H, dd), 6,93 (1H, d), 3,87 (3H, s), 1,38 (18H, s).

[0157]

Ví dụ điều chế tham khảo 20

Hợp chất trung gian 16 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 15 thay cho hợp chất trung gian 11 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 16.



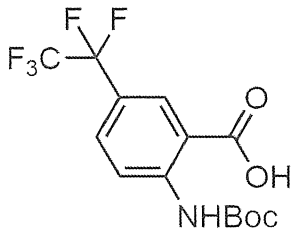
Hợp chất trung gian 16: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,25 (1H, s), 7,76 (1H, d), 7,37 (1H, d), 3,90 (3H, s), 1,38 (18H, s).

[0158]

Ví dụ điều chế tham khảo 21

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 16 2,44g và etanol 13ml được bổ sung nhỏ

giọt dung dịch natri hydroxit 15% chứa nước trong điều kiện làm lạnh bằng đá. Khuấy hỗn hợp thu được ở nhiệt độ phòng trong 6 giờ và được cô dưới áp suất giảm và được trung hòa bằng axit clohyđric 2N. Hỗn hợp thu được được chiết bằng etyl axetat và lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm để thu được 1,80g hợp chất trung gian 17 có công thức sau đây.

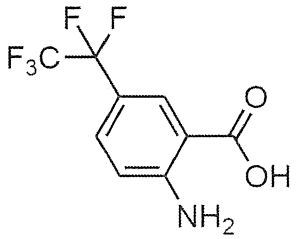


Hợp chất trung gian 17: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 8,13 (1H, s), 7,94-7,93 (1H, m), 7,62-7,61 (1H, m), 7,53 (1H, d), 1,48 (9H, s).

[0159]

Ví dụ điều chế tham khảo 22

Hợp chất trung gian 18 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 17 thay cho hợp chất trung gian 9-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 13.



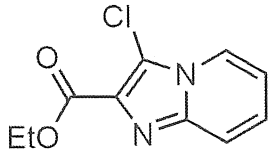
Hợp chất trung gian 18: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 7,91 (1H, d), 7,45 (1H, dd), 6,92 (1H, d).

[0160]

Ví dụ điều chế tham khảo 23

Hỗn hợp chứa etyl imidazo[1,2-a]pyridin-2-carboxylat 5,66g và DMF 40ml được bổ sung thêm N-closucxinimit 4,37g trong điều kiện làm lạnh bằng đá và hỗn hợp này được khuấy ở 60°C trong 6 giờ. Nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và các chất rắn đã kết tủa được lọc. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và làm khô dưới

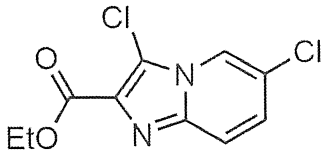
áp suất giảm để thu được 6,60g hợp chất trung gian 19-1 có công thức sau đây.



Hợp chất trung gian 19-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,16-8,15 (1H, m), 7,71-7,69 (1H, m), 7,36-7,31 (1H, m), 7,05-7,01 (1H, m), 4,50 (2H, q), 1,47 (3H, t).

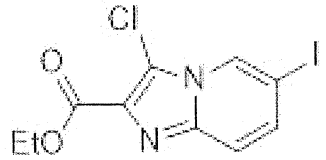
[0161]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 23 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



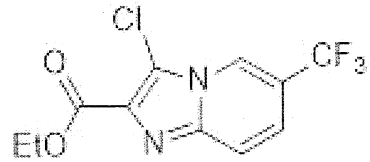
Hợp chất trung gian 19-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,19 (1H, d), 7,65 (1H, d), 7,29 (1H, dd), 4,49 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0162]



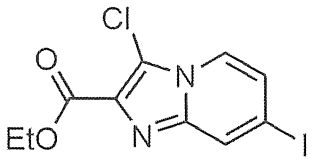
Hợp chất trung gian 1 19-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,41 (1H, dd), 7,51-7,45 (2H, m), 4,49 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0163]



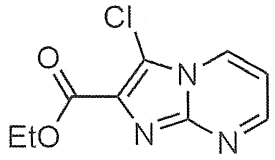
Hợp chất trung gian 1 19-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,52 (1H, dd), 7,82 (1H, dd), 7,47 (1H, dd), 4,52 (2H, q), 1,48 (3H, t).

[0164]



Hợp chất trung gian 19-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,10 (1H, dd), 7,89 (1H, dd), 7,25 (1H, dd), 4,49 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0165]

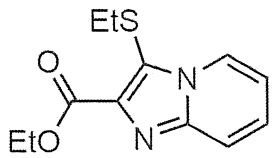


Hợp chất trung gian 19-6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,74 (1H, dd), 8,47 (1H, dd), 7,10 (1H, dd), 4,51 (2H, q), 1,47 (3H, t).

[0166]

Ví dụ điều chế tham khảo 24

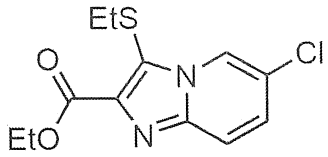
Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 19-1 6,60g, xesi cacbonat 24,2g và DMF 45ml được bổ sung thêm etanthiol 2,4ml ở nhiệt độ phòng và khuấy hỗn hợp này trong 4 giờ. Nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và các chất rắn kết tủa được lọc. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và làm khô dưới áp suất giảm để thu được 6,76g hợp chất trung gian 20-1 có công thức sau đây.



Hợp chất trung gian 20-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,57-8,55 (1H, m), 7,73-7,70 (1H, m), 7,36-7,32 (1H, m), 7,01-6,98 (1H, m), 4,51 (2H, q), 2,94 (2H, q), 1,48 (3H, t), 1,19 (3H, t).

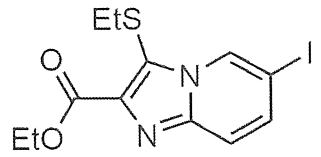
[0167]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 24 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



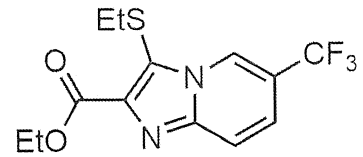
Hợp chất trung gian 20-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,59 (1H, s), 7,66 (1H, d), 7,30 (1H, d), 4,50 (2H, q), 2,95 (2H, q), 1,47 (3H, t), 1,21 (3H, t).

[0168]



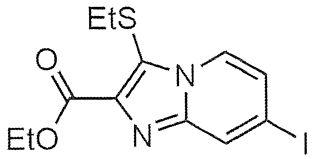
Hợp chất trung gian 20-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,80 (1H, dd), 7,52-7,48 (2H, m), 4,50 (2H, q), 2,95 (2H, q), 1,47 (3H, t), 1,21 (3H, t).

[0169]



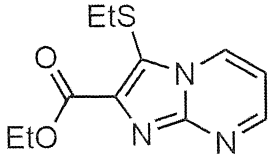
Hợp chất trung gian 20-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,92 (1H, s), 7,82 (1H, d), 7,47 (1H, d), 4,52 (2H, q), 2,99 (2H, q), 1,48 (3H, t), 1,22 (3H, t).

[0170]



Hợp chất trung gian 20-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,29 (1H, dd), 8,12 (1H, dd), 7,22 (1H, dd), 4,50 (2H, q), 2,93 (2H, q), 1,47 (3H, t), 1,18 (3H, t).

[0171]

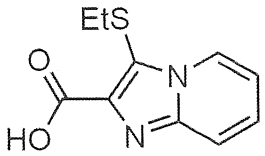


Hợp chất trung gian 20-6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,84 (1H, dd), 8,73 (1H, dd), 7,06 (1H, dd), 4,51 (2H, q), 2,97 (2H, q), 1,47 (3H, t), 1,19 (3H, t).

[0172]

Ví dụ điều chế tham khảo 25

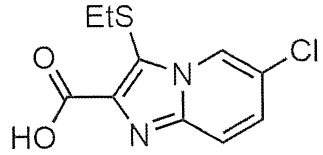
Hợp chất trung gian 21-1 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 20-1 thay cho hợp chất trung gian 16 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 21.



Hợp chất trung gian 21-1: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 8,67-8,65 (1H, m), 7,71-7,69 (1H, m), 7,49-7,45 (1H, m), 7,18-7,14 (1H, m), 2,87 (2H, q), 1,05 (3H, t).

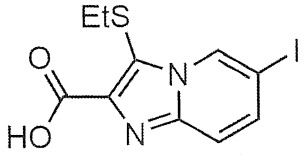
[0173]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 25 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



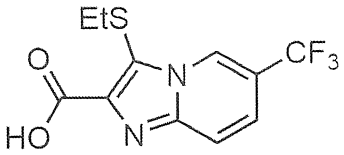
Hợp chất trung gian 21-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,74 (1H, s), 7,76 (1H, d), 7,52 (1H, d), 2,89 (2H, q), 1,07 (3H, t).

[0174]



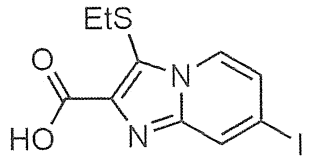
Hợp chất trung gian 21-3: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 8,77 (1H, dd), 7,61 (1H, dd), 7,50 (1H, dd), 2,86 (2H, q), 1,03 (3H, t).

[0175]



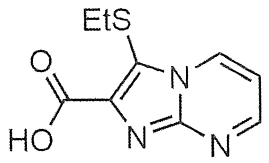
Hợp chất trung gian 21-4: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 8,89 (1H, s), 7,82 (1H, d), 7,62 (1H, d), 2,92 (2H, q), 1,03 (3H, t).

[0176]



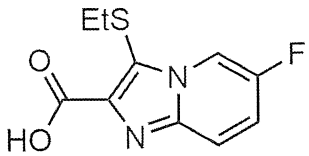
Hợp chất trung gian 21-5: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 8,40 (1H, dd), 8,15-8,13 (1H, m), 7,34 (1H, dd), 2,85 (2H, q), 1,01 (3H, t).

[0177]



Hợp chất trung gian 21-6: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 9,46 (1H, dd), 8,66 (1H, dd), 7,26 (1H, dd), 3,23 (2H, q), 1,37 (3H, t).

[0178]



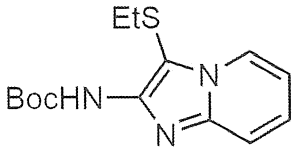
Hợp chất trung gian 44: ^{1}H-NMR (CDCl$_3$) δ: 8,51-8,50 (1H, m), 8,18-8,15 (1H, m), 7,39-7,33 (1H, m), 3,01 (2H, q), 1,23 (3H, t).

[0179]

Ví dụ điều chế tham khảo 26

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 21-1 5,45g, trietylamin 8,5ml và rượu tert-butyl 50ml được bổ sung thêm điphenyl phosphoryladize 9,2ml và hỗn hợp này được khuấy ở 90°C trong 5 giờ. Cô hỗn hợp thu được và dung dịch bão hòa natri bicacbonat

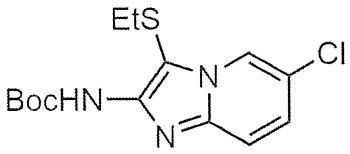
chứa nước được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 4,96g hợp chất trung gian 22-1 có công thức sau đây.



Hợp chất trung gian 22-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,34-8,32 (1H, m), 7,63-7,61 (1H, m), 7,25-7,23 (1H, m), 7,00 (1H, s), 6,92-6,88 (1H, m), 2,64 (2H, q), 1,54 (9H, s), 1,19 (3H, t).

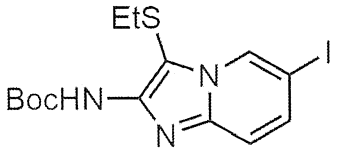
[0180]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 26 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



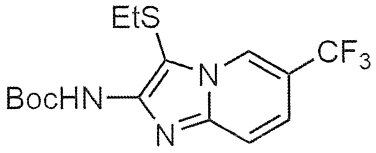
Hợp chất trung gian 22-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,34 (1H, dd), 7,56 (1H, dd), 7,20 (1H, dd), 7,02 (1H, s), 2,66 (2H, q), 1,55 (9H, s), 1,21 (3H, t).

[0181]



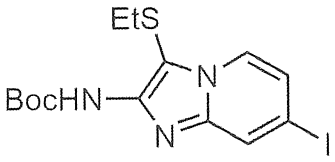
Hợp chất trung gian 22-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,54 (1H, dd), 7,44-7,39 (2H, m), 7,01 (1H, s), 2,65 (2H, q), 1,55 (9H, s), 1,20 (3H, t).

[0182]



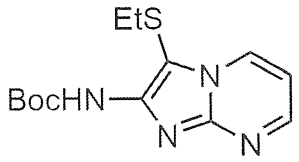
Hợp chất trung gian 22-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,67 (1H, s), 7,72 (1H, d), 7,41 (1H, d), 7,08 (1H, s), 2,69 (2H, q), 1,57 (9H, s), 1,22 (3H, t).

[0183]



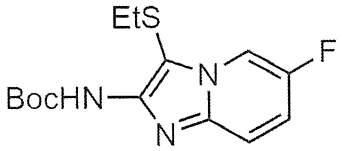
Hợp chất trung gian 22-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,07 (1H, d), 8,01 (1H, s), 7,15 (1H, d), 6,99 (1H, s), 2,64 (2H, q), 1,58 (9H, s), 1,19 (3H, t).

[0184]



Hợp chất trung gian 22-6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,50 (1H, dd), 8,15 (1H, dd), 6,89 (1H, dd), 6,30 (1H, s), 3,22 (2H, q), 1,53 (9H, s), 1,36 (3H, t).

[0185]

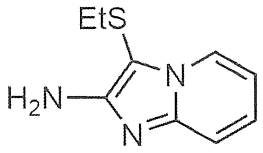


Hợp chất trung gian 22-7: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,26-8,25 (1H, m), 7,60-7,58 (1H, m), 7,16-7,14 (1H, m), 7,00 (1H, s), 2,65 (2H, q), 1,55 (9H, s), 1,20 (3H, t).

[0186]

Ví dụ điều chế tham khảo 27

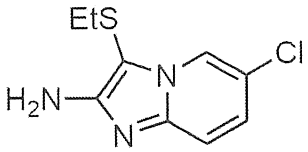
Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 22-1 4,96g và 4 mol/L hyđro clorua trong dung dịch 1,4-dioxan 40ml được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 10 giờ. Cô hỗn hợp thu được và bổ sung thêm nước vào đó và hỗn hợp này được trung hòa bằng dung dịch natri hydroxit chứa nước 10N. Hỗn hợp thu được được chiết bằng clorofom và lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm để thu được 3,20g hợp chất trung gian 23-1 có công thức sau đây.



Hợp chất trung gian 23-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,25-8,23 (1H, m), 7,35-7,33 (1H, m), 7,19-7,15 (1H, m), 6,82-6,79 (1H, m), 4,30 (2H, s), 2,60 (2H, q), 1,20 (3H, t).

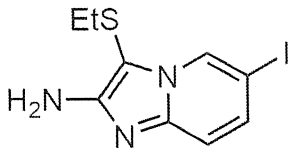
[0187]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 27 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



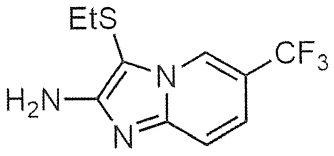
Hợp chất trung gian 23-2: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 8,34 (1H, dd), 7,26 (1H, dd), 7,20 (1H, dd), 5,57 (2H, s), 2,61 (2H, q), 1,09 (3H, t).

[0188]



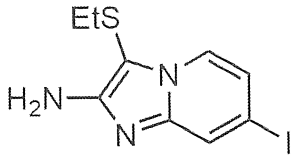
Hợp chất trung gian 23-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,43 (1H, dd), 7,34 (1H, dd), 7,13 (1H, dd), 4,31 (2H, s), 2,61 (2H, q), 1,21 (3H, t).

[0189]



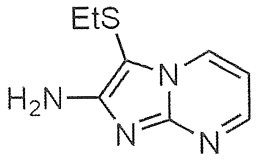
Hợp chất trung gian 23-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,56 (1H, dd), 7,41 (1H, dd), 7,32 (1H, dd), 4,43 (2H, s), 2,64 (2H, q), 1,23 (3H, t).

[0190]



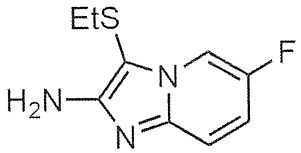
Hợp chất trung gian 23-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 7,97 (1H, dd), 7,71 (1H, dd), 7,05 (1H, dd), 4,32 (2H, s), 2,59 (2H, q), 1,19 (3H, t).

[0191]



Hợp chất trung gian 23-6: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 8,44 (1H, dd), 8,27 (1H, dd), 6,93 (1H, dd), 5,23 (2H, s), 2,87 (2H, q), 1,18 (3H, t).

[0192]

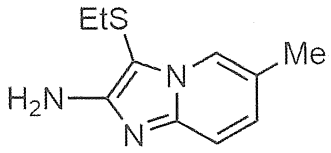


Hợp chất trung gian 23-7: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,17-8,17 (1H, m), 7,31-7,27 (1H, m), 7,08-7,04 (1H, m), 4,29 (2H, s), 2,61 (2H, q), 1,22 (3H, t).

[0193]

Ví dụ điều chế tham khảo 28

Hỗn hợp chứa 6-bromo-3-(etylthio)imidazo[1,2-b]pyridin-2-amin 1,00g, mà được điều chế theo phương pháp được mô tả ở WO 2018/052136, trimetylboroxin 507mg, phức chất [1,1'-bis(điphenylphosphino)ferrocen]điclopalađi(II) điclometan 340mg, kali cacbonat 1,52g và 1,4-dioxan 36ml được khuấy ở 100°C trong 8 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và sau đó nước được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 0,19g hợp chất trung gian 24 có công thức sau đây.

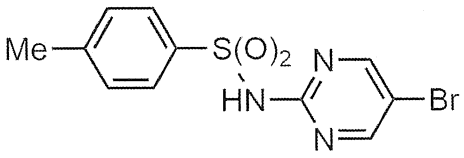


Hợp chất trung gian 24: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,03-8,02 (1H, m), 7,26-7,23 (1H, m), 7,02 (1H, dd), 4,22 (2H, s), 2,59 (2H, q), 2,34 (3H, s), 1,21 (3H, t).

[0194]

Ví dụ điều chế tham khảo 29

Hỗn hợp chứa 2-amino-5-bromopyrimidin 50,0g và pyridin 280ml được bổ sung nhỏ giọt hỗn hợp chứa p-toluensulfonyl clorua 164g và pyridin 280ml trong 40 phút ở nhiệt độ phòng. Hỗn hợp thu được được khuấy ở 80°C trong 15 giờ và để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và bổ sung thêm nước vào đó. Các chất rắn kết tủa được lọc. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và etanol liên tục và làm khô dưới áp suất giảm để thu được 70,6g hợp chất trung gian 25-1 có công thức sau đây.

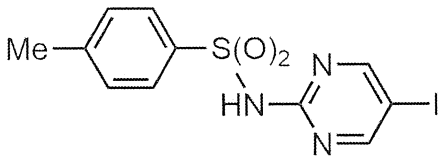


Hợp chất trung gian 25-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,69 (1H, s), 8,58 (2H, s), 7,99 (2H, d), 7,31 (2H, d), 2,42 (3H, s).

[0195]

Ví dụ điều chế tham khảo 30

Hợp chất trung gian 25-2 thu được bằng cách sử dụng 2-amino-5-iotpyrimidin thay cho 2-amino-5-brompyrimidie theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 29.



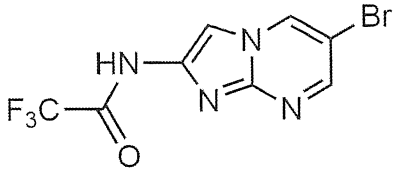
Hợp chất trung gian 25-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,56 (1H, s), 8,68 (2H, s), 7,99 (2H, d), 7,31 (2H, d), 2,42 (3H, s).

[0196]

Ví dụ điều chế tham khảo 31

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 25-1 60,8g và DMF 370ml được bổ sung nhỏ giọt điisopropyletylamin 39ml ở nhiệt độ phòng và khuấy hỗn hợp này trong 50 phút. 2-Iotacetoamit 41,1g được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 8,5 giờ. Nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và các chất rắn kết tủa được lọc. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và làm khô dưới áp suất giảm.

Các chất rắn thu được được hòa tan trong clorofom 500ml và trifloaxetic anhyđrit 500ml được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp được khuấy ở 40°C trong 6 giờ. Hỗn hợp thu được được cô dưới áp suất giảm và bổ sung liên tục etyl axetat và dung dịch bão hòa natri bicacbonat chứa nước vào phần còn lại thu được và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm để thu được 16,4g hợp chất trung gian 26-1 có công thức sau đây.

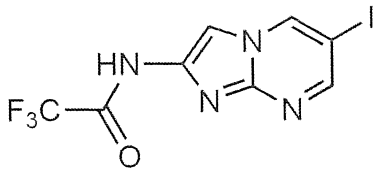


Hợp chất trung gian 26-1: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 12,76 (1H, s), 9,33 (1H, d), 8,56 (1H, d), 8,17 (1H, s).

[0197]

Ví dụ điều chế tham khảo 32

Hợp chất trung gian 26-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 25-2 thay cho hợp chất trung gian 25-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 31.



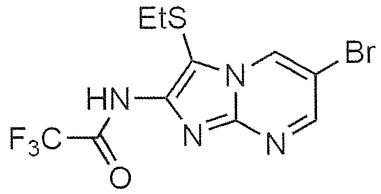
Hợp chất trung gian 26-2: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 12,73 (1H, s), 9,35 (1H, d), 8,60 (1H, d), 8,13 (1H, s).

[0198]

Ví dụ điều chế tham khảo 33

Hỗn hợp của hợp chất trung gian 26-1 8,20g và NMP 88ml được bổ sung thêm đietyl đisulfua 6,5ml và iot 12,1g liên tục ở nhiệt độ phòng và hỗn hợp này được khuấy ở 110°C trong 2,5 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và etyl axetat, nước và dung dịch bão hòa natri thiosulfat chứa nước được bổ sung liên tục vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 3,84g hợp chất trung gian 27-1 có công thức sau đây.

[0199]



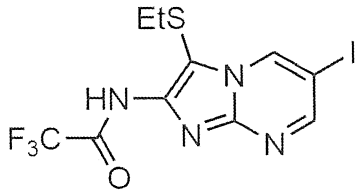
Hợp chất trung gian 27-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,81 (1H, d), 8,63 (1H, d), 2,82 (2H, q), 1,25 (3H, t).

[0200]

Ví dụ điều chế tham khảo 34

Hợp chất trung gian 27-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 26-2 thay cho hợp chất trung gian 26-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 33.

[0201]



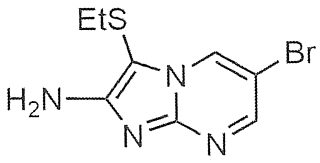
Hợp chất trung gian 27-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,90 (1H, d), 8,69 (1H, d), 2,84-2,81

(2H, m), 1,25 (3H, t).

[0202]

Ví dụ điều chế tham khảo 35

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 27-1 3,84g, kali cacbonat 7,19g, nước 100ml và metanol 200ml được khuấy ở 80°C trong 1 giờ. Cô hỗn hợp thu được và bổ sung thêm nước vào đó và các chất rắn kết tủa được lọc. Các chất rắn thu được được làm khô dưới áp suất giảm để thu được 2,00g hợp chất trung gian 28-1 có công thức sau đây.

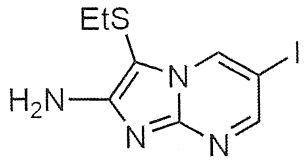


Hợp chất trung gian 2-81: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,52 (1H, d), 8,34 (1H, d), 4,60 (2H, s), 2,63 (2H, q), 1,23 (3H, t).

[0203]

Ví dụ điều chế tham khảo 36

Hợp chất trung gian 28-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 27-2 thay cho hợp chất trung gian 27-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 35.



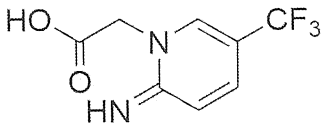
Hợp chất trung gian 28-2: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 8,75 (1H, d), 8,33 (1H, d), 6,02 (2H, s), 2,64 (2H, d), 1,09 (3H, t).

[0204]

Ví dụ điều chế tham khảo 37

Hỗn hợp chứa axit cloaxetic 9,49g và nước 15ml được bổ sung thêm trietylamin 16,7ml ở 0°C trong 30 phút. 2-Amino-5-(triflometyl)pyridin 16,1g được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được khuấy ở điều kiện hồi lưu trong 2 giờ. Hỗn

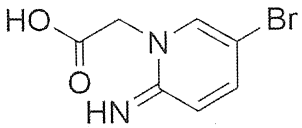
hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và các chất rắn kết tủa được lọc. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và làm khô dưới áp suất giảm để thu được 11,0g hợp chất trung gian 29-1 có công thức sau đây.



Hợp chất trung gian 29-1: LCMS: 219 $[M-H]^-$, RT = 0,42 phút

[0205]

Hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 37 và giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.

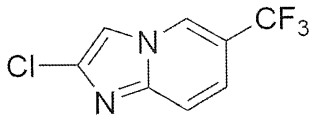


Hợp chất trung gian 29-2: LCMS: 229 $[M-H]^-$, RT = 0,34 phút

[0206]

Ví dụ điều chế tham khảo 38

Hỗn hợp chứa sản phẩm thô của hợp chất trung gian 29-1 13,21g, mà được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 37, phospho oxyclorua 18ml và toluen 150ml được khuấy ở điều kiện hồi lưu trong 6 giờ. Hỗn hợp thu được được bổ sung nhỏ giọt vào dung dịch natri hydroxit chứa nước và hỗn hợp này được chiết bằng toluen. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm để thu được 13,2g hợp chất trung gian 30-1 có công thức sau đây.



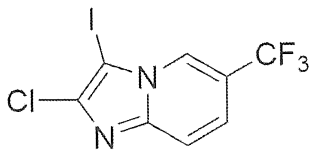
Hợp chất trung gian 30-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,44 (1H, s), 7,65 (1H, d), 7,62 (1H, s), 7,38 (1H, d).

[0207]

Ví dụ điều chế tham khảo 39

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 30-1 15,44g và DMF 75ml được bổ sung thêm N-iotsucxinimit 17,32g trong điều kiện làm lạnh bằng đá và hỗn hợp này được

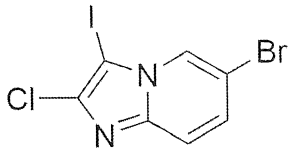
khuấy ở 70°C trong 5 giờ. Dung dịch natri thiosulfat chứa nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và các chất rắn kết tủa thu được bằng cách lọc. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và làm khô dưới áp suất giảm để thu được hợp chất trung gian 31-1 có công thức sau đây 18,0g.



Hợp chất trung gian 31-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,41 (1H, s), 7,65 (1H, d), 7,44 (1H, d).

[0208]

Hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 39 và giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.

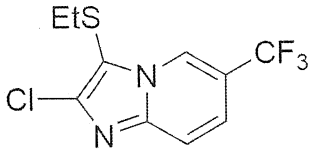


Hợp chất trung gian 31-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,20 (1H, s), 7,43 (1H, d), 7,35 (1H, d).

[0209]

Ví dụ điều chế tham khảo 40

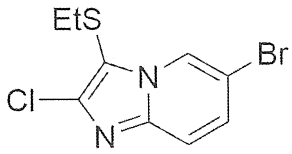
Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 31-1 18,0g, 1,4-dioxan 140 mL, tris(đibenzylidenaxeton)đipalađi(0) 2,38g, Xantphos 3,01g, điisopropyletylamin 27,2ml và etanthiol 3,75ml được khuấy ở điều kiện hồi lưu trong 3 giờ. Hỗn hợp thu được được làm nguội về nhiệt độ phòng và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được hợp chất trung gian 32-1 có công thức sau đây 13,39g.



Hợp chất trung gian 32-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,74 (1H, s), 7,67 (1H, d), 7,48 (1H, d), 2,78 (2H, d), 1,24 (3H, t).

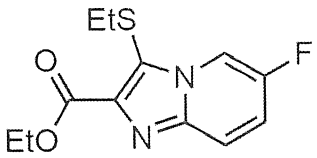
[0210]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 40 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



Hợp chất trung gian 32-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,51 (1H, s), 7,46 (1H, d), 7,38 (1H, d), 2,73 (2H, d), 1,23 (3H, t).

[0211]

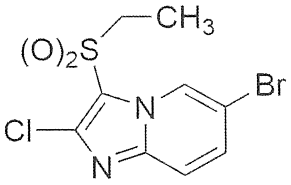


Hợp chất trung gian 32-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,49-8,48 (1H, m), 7,70 (1H, dd), 7,29-7,24 (1H, m), 4,50 (2H, q), 2,95 (2H, q), 1,47 (3H, t), 1,20 (3H, t).

[0212]

Ví dụ điều chế tham khảo 41

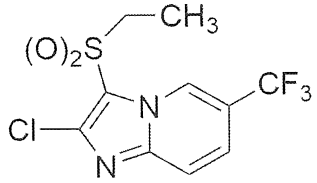
Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 32-2 2,66g và clorofom 10ml được bổ sung thêm mCPBA (độ tinh khiết 70%, hàm lượng nước 30%) 5,16g trong điều kiện làm lạnh bằng đá và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 2 giờ. Dung dịch bão hòa chứa nước của natri hyđro cacbonat và dung dịch chứa nước của natri thiosulfat được bổ sung liên tục vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được 1,79g hợp chất trung gian 33-1 có công thức sau đây.



Hợp chất trung gian 33-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,15 (1H, s), 7,60 (1H, d), 7,57 (1H, d), 3,36 (2H, q), 1,36 (3H, t).

[0213]

Hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 41 và giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.

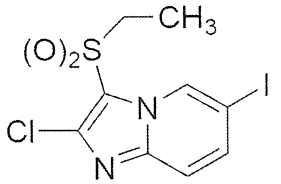


Hợp chất trung gian 33-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,39 (1H, s), 7,81 (1H, d), 7,67 (1H, d), 3,39 (2H, q), 1,37 (3H, t).

[0214]

Ví dụ điều chế tham khảo 42

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 33-1 324mg, trans-N,N'-đimetylxyclohexan-1,2-điamin 0,32 mL, natri iođua 225mg, đồng(I) iođua 190mg và toluen 4ml được khuấy ở 120°C trong 21 giờ. Hỗn hợp thu được được làm nguội về nhiệt độ phòng và sau đó được lọc. Nước được bổ sung vào dịch lọc thu được và hỗn hợp này được chiết bằng clorofom. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được hợp chất trung gian 34 có công thức sau đây 70mg.

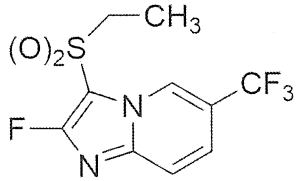


Hợp chất trung gian 34: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,23 (1H, s), 7,70 (1H, d), 7,46 (1H, d), 3,35 (2H, m), 1,35 (3H, t).

[0215]

Ví dụ điều chế tham khảo 43

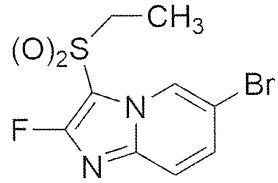
Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 33-2 936mg, xesi florua 4,56g và DMSO 10ml được khuấy ở 95°C trong 2 giờ. Hỗn hợp thu được được làm nguội về nhiệt độ phòng và etyl axetat và sau đó nước được bổ sung liên tục vào hỗn hợp thu được và lọc hỗn hợp này qua Celite (Nhãn hiệu đã được đăng ký). Các dịch lọc thu được được tách bằng phễu tách và lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại thu được được đưa vào sắc ký cột silica gel để thu được sản phẩm thô của hợp chất trung gian 35-1 có công thức sau đây (chứa 22% hợp chất trung gian 27) 330mg.



Hợp chất trung gian 35-1: LCMS: 297 $[M+H]^+$, RT = 1,76 phút

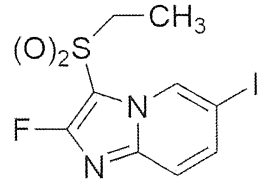
[0216]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 43 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



Hợp chất trung gian 35-2: LCMS: 307 $[M+H]^+$, RT = 1,64 phút

[0217]



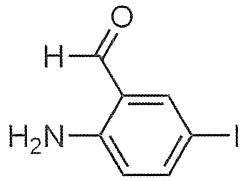
Hợp chất trung gian 35-3: LCMS: 355 $[M+H]^+$, RT = 1,72 phút

[0218]

Ví dụ điều chế tham khảo 44

Hỗn hợp chứa 2-aminobenzaldehyt 12,1g và DMF 100ml được bổ sung thêm

N-iotsucxinimit 22,5g từng phần cho đến khi đủ ở nhiệt độ phòng và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 4 giờ. Dung dịch chứa nước của natri bicacbonat và dung dịch chứa nước của natri thiosulfat được bổ sung vào hỗn hợp thu được liên tục trong điều kiện làm lạnh bằng đá và các chất rắn kết tủa được lọc. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và làm khô dưới áp suất giảm để thu được hợp chất trung gian 36-1 có công thức sau đây 23,6g.

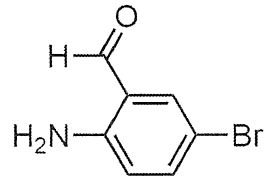


Hợp chất trung gian 36-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) 9,79 (1H, s), 7,75 (1H, d), 7,52 (1H, dd), 6,47 (1H, d), 6,15 (2H, s).

[0219]

Ví dụ điều chế tham khảo 45

Hợp chất trung gian 36-2 thu được bằng cách sử dụng N-bromsucxinimit thay cho N-iotsucxinimit theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 44.



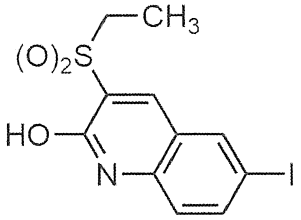
Hợp chất trung gian 36-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,80 (1H, s), 7,58 (1H, d), 7,37 (1H, dd), 6,57 (1H, d), 6,15 (2H, s).

[0220]

Ví dụ điều chế tham khảo 46

Hỗn hợp chứa 2-(ethansulfonyl)axetic axit 15,23g, DMF 0,1ml và clorofom 60ml được bổ sung nhỏ giọt oxalyl clorua 12,9ml trong điều kiện làm lạnh bằng đá. Khuấy hỗn hợp thu được ở nhiệt độ phòng trong 1 giờ và sau đó được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại thu được được hòa tan trong axetonitril 20ml và hỗn hợp thu được được bổ sung nhỏ giọt vào hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 36- 1 23,6g và axetonitril 100ml trong điều kiện làm lạnh bằng đá. Khuấy hỗn hợp thu được ở nhiệt độ phòng

trong 4 giờ và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại thu được được hòa tan trong axetonitril 100ml và trietylamin 19,9ml được bổ sung nhỏ giọt vào đó trong điều kiện làm lạnh bằng đá và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 1 giờ. Nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được trong điều kiện làm lạnh bằng đá. Các chất rắn kết tủa được lọc và rửa các chất rắn thu được bằng nước. Rửa các chất rắn thu được bằng dung dịch chứa MTBE : etyl axetat = 1 : 1 và được cô dưới áp suất giảm để thu được hợp chất trung gian 37-1 có công thức sau đây 13,12g.

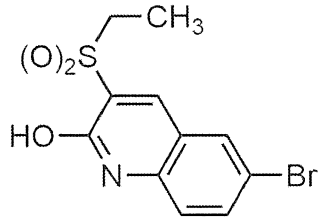


Hợp chất trung gian 37-1: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 8,69 (1H, s), 8,43 (1H, d), 7,97 (1H, dd), 7,20 (1H, d), 3,51 (2H, q), 1,15 (3H, t).

[0221]

Ví dụ điều chế tham khảo 47

Hợp chất trung gian 37-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 36-2 thay cho hợp chất trung gian 36-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 46.



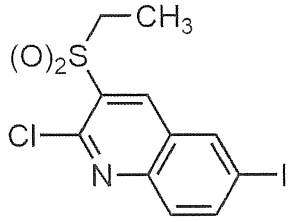
Hợp chất trung gian 37-2: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 8,71 (1H, s), 8,28 (1H, d), 7,84 (1H, dd), 7,34 (1H, d), 3,52 (2H, q), 1,15 (3H, t).

[0222]

Ví dụ điều chế tham khảo 48

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 37-1 13,1g và toluen 100ml được bổ sung thêm phospho oxyclorua 16,9ml và hỗn hợp này được khuấy ở 110°C trong 11 giờ. Cô

hỗn hợp thu được và rửa các chất rắn thu được bằng nước và sau đó được rửa bằng các dung môi hỗn hợp của MTBE : hexan = 1 : 4 và được cô dưới áp suất giảm để thu được hợp chất trung gian 38-1 13,35g.

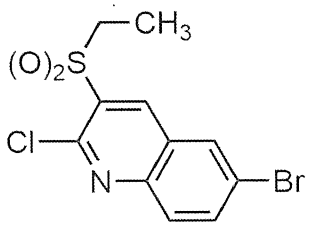


Hợp chất trung gian 38-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,88 (1H, s), 8,40 (1H, d), 8,17 (1H, dd), 7,83 (1H, d), 3,58 (2H, q), 1,33 (3H, t).

[0223]

Ví dụ điều chế tham khảo 49

Hợp chất trung gian 38-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 37-2 thay cho hợp chất trung gian 37-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 48.

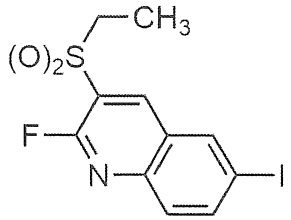


Hợp chất trung gian 38-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,91 (1H, s), 8,17 (1H, d), 8,01-7,98 (2H, m), 3,59 (2H, q), 1,34 (3H, t).

[0224]

Ví dụ điều chế tham khảo 50

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 38-1 5,0g và DMSO 30ml được bổ sung thêm xesi florua 3,63g ở nhiệt độ phòng và hỗn hợp này được khuấy ở 50°C trong 4 giờ. Nước đá được bổ sung vào hỗn hợp thu được và các chất rắn kết tủa được lọc. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và hexan liên tục và làm khô dưới áp suất giảm để thu được hợp chất trung gian 39-1 có công thức sau đây 4,83g.

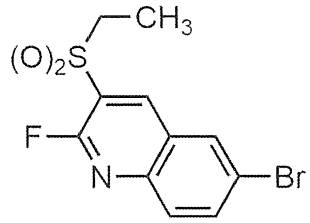


Hợp chất trung gian 39-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,82 (1H, s), 8,40 (1H, d), 8,15 (1H, dd), 7,76 (1H, d), 3,44 (2H, q), 1,36 (3H, t).

[0225]

Ví dụ điều chế tham khảo 50-1

Hợp chất trung gian 39-2 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 38-2 thay cho hợp chất trung gian 38-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 50.

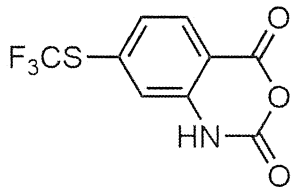


Hợp chất trung gian 39-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,85 (1H, s), 8,18 (1H, d), 8,00 (1H, dd), 7,91 (1H, d), 3,45 (2H, q), 1,36 (3H, t).

[0226]

Ví dụ điều chế tham khảo 51

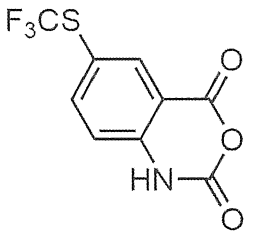
Hợp chất trung gian 40-1 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 10-1 thay cho 4-(trifloetyl)antranilic axit theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 2.



Hợp chất trung gian 40-1: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 11,90 (1H, s), 8,03 (1H, d), 7,50 (1H, dd), 7,42 (1H, d).

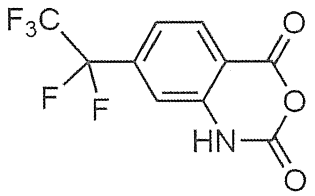
[0227]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 51 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



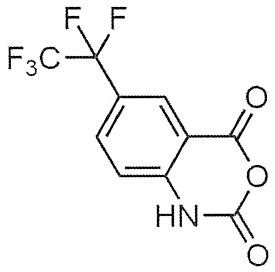
Hợp chất trung gian 40-2: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 12,06 (1H, s), 8,15 (1H, d), 8,03 (1H, dd), 7,28 (1H, d).

[0228]



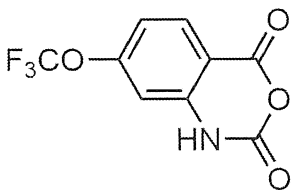
Hợp chất trung gian 40-3: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 11,96 (1H, s), 8,15 (1H, d), 7,53 (1H, d), 7,39 (1H, s).

[0229]



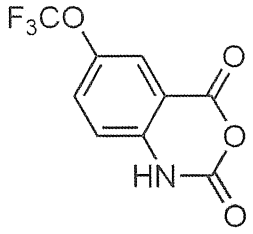
Hợp chất trung gian 40-4: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 12,14 (1H, s), 8,08 (1H, d), 8,04 (1H, dd), 7,37 (1H, d).

[0230]



Hợp chất trung gian 40-5: ^{1}H-NMR (DMSO-D$_6$) δ: 11,88 (1H, s), 8,05 (1H, d), 7,21 (1H, dd), 7,04 (1H, d).

[0231]

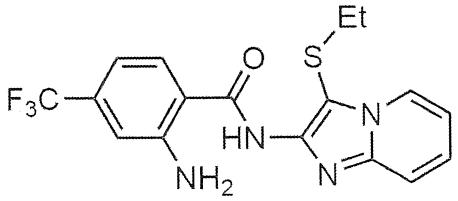


Hợp chất trung gian 40-6: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 9,92 (1H, s), 5,83 (1H, d), 5,80-5,77 (1H, m), 5,26 (1H, d).

[0232]

Ví dụ điều chế tham khảo 52

Hợp chất trung gian 41-1 thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 23-1 thay cho 6-bromo-3-(etylthio)imidazo[1,2-a]pyridin-2-amin theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 3.

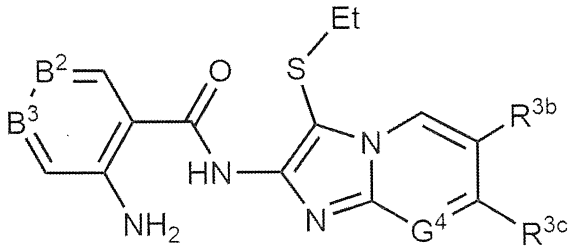


Hợp chất trung gian 41-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,40-8,39 (2H, m), 7,67 (1H, s), 7,65 (1H, s), 7,34-7,29 (1H, m), 6,99-6,92 (3H, m), 5,91 (2H, s), 2,70 (2H, q), 1,22 (3H, t).

[0233]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế tham khảo 52 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.

Hợp chất có công thức (C-1):



(C-1)

, trong đó hỗn hợp của B^2, B^3, G^4, R^{3b} và R^{3c} là các hỗn hợp bất kỳ được thể hiện ở [Bảng C-1].

[0234]

[Bảng C-1]

Hợp chất trung gian	B^2	B^3	G^4	R^{3b}	R^{3c}
41-2	CH	CCF_3	CH	F	H
41-3	CH	CCF_3	CH	Cl	H
41-4	CH	CCF_3	CH	I	H
41-5	CH	CCF_3	CH	CF_3	H
41-6	CH	CCF_3	CH	Me	H
41-7	CH	CCF_3	CH	H	I
41-8	CCF_3	CH	CH	H	H
41-9	CCF_3	CH	CH	Cl	H
41-10	CCF_3	CH	CH	I	H
41-11	CCF_3	CH	CH	CF_3	H
41-12	CCF_3	CH	CH	H	I
41-13	CCF_3	CH	CH	H	CF_3
41-14	CH	$CSCF_3$	CH	I	H
41-15	$CSCF_3$	CH	CH	I	H
41-16	$COCF_3$	CH	CH	H	H
41-17	CH	$COCF_3$	CH	I	H
41-18	$COCF_3$	CH	CH	I	H
41-19	CH	CC_2F_5	CH	I	H
41-20	CC_2F_5	CH	CH	I	H
41-21	CH	CCF_3	N	Br	H
41-22	CCF_3	CH	N	Br	H
41-23	CH	CCF_3	N	I	H
41-24	CCF_3	CH	N	I	H
41-25	$COCF_3$	CH	N	Br	H
41-26	$COCF_3$	CH	N	I	H
41-27	$COCF_3$	CH	N	H	H

Hợp chất trung gian 41-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,34-8,31 (2H, m), 7,66-7,64 (2H, m), 7,25-7,20 (1H, m), 6,98-6,93 (2H, m), 5,92 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,23 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,41-8,40 (1H, m), 8,29 (1H, s), 7,64-7,62 (2H, m), 7,30-7,28 (1H, m), 6,96-6,92 (2H, m), 5,92 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,23 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,62-8,60 (1H, m), 8,35 (1H, s), 7,64 (1H, d), 7,50 (1H, dd), 7,47-7,44 (1H, m), 6,98-6,95 (1H, m), 6,95-6,93 (1H, m), 5,92 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,24 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,88-8,87 (1H, m), 8,52 (1H, d), 8,22 (1H, s), 8,09 (1H, s), 7,83 (1H, d), 7,79 (1H, dd), 7,59 (1H, dd), 2,80 (2H, q), 1,20 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-6: ^{1}H-NMR (DMSO-D_6) δ: 10,31 (1H, s), 8,39-8,38 (1H, m), 7,89 (1H, d), 7,52-7,51 (1H, m), 7,27 (1H, dd), 7,11-7,10 (1H, m), 6,85 (1H, dd), 6,75 (2H, s), 2,72 (2H, q), 2,38 (3H, s), 1,07 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-7: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,60 (1H, s), 8,18 (1H, dd), 8,07-8,06 (1H, m), 7,86-7,84 (1H, m), 7,50 (1H, dd), 7,25-7,23 (1H, m), 6,78 (1H, d), 6,14 (2H, s), 2,74 (2H, q), 1,25 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-8: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,41-8,40 (1H, m), 8,31 (1H, s), 7,82-7,79 (1H, m), 7,67 (1H, d), 7,48 (1H, dd), 7,34-7,30 (1H, m), 6,98-6,96 (1H, m), 6,77 (1H, d), 6,12 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,26 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-9: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,43-8,41 (1H, m), 8,28 (1H, s), 7,80-7,77 (1H, m), 7,61 (1H, d), 7,49 (1H, dd), 7,30-7,27 (1H, m), 6,77 (1H, d), 6,12 (2H, s), 2,73 (2H, q), 1,26 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-10: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,64-8,61 (1H, m), 8,46-8,43 (1H, m), 7,81 (1H, s), 7,50-7,48 (3H, m), 6,77 (1H, d), 6,13 (2H, s), 2,74 (2H, q), 1,26 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-11: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,74 (1H, s), 8,46 (1H, s), 7,80 (1H, s), 7,76 (1H, d), 7,50-7,45 (2H, m), 6,77 (1H, d), 6,14 (2H, s), 2,76 (2H, q), 1,26 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-12: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,39 (1H, s), 8,14-8,12 (1H, m), 8,06-8,05 (1H, m), 7,65 (1H, d), 7,21 (1H, dd), 6,95-6,93 (2H, m), 5,91 (2H, s), 2,70 (2H, q), 1,21 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-13: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,50 (1H, d), 8,48 (1H, s), 7,95 (1H, s), 7,82-7,79 (1H, m), 7,48 (1H, dd), 7,14 (1H, dd), 6,76 (1H, d), 6,13 (2H, s), 2,75 (2H, q), 1,25 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-14: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,61-8,60 (1H, m), 8,42 (1H, s), 7,56 (1H, d), 7,50-7,44 (2H, m), 7,00 (1H, s), 6,95 (1H, d), 5,87 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,23 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-15: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,60 (1H, s), 8,37 (1H, s), 7,80 (1H, s), 7,47-7,42 (3H, m), 6,71 (1H, d), 6,09 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,25 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-16: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,41-8,39 (1H, m), 8,27 (1H, s), 7,67 (1H, d), 7,42-7,41 (1H, m), 7,34-7,29 (1H, m), 7,18-7,15 (1H, m), 6,98-6,94 (1H, m), 6,72 (1H, d), 5,77 (2H, s), 2,71 (2H, q), 1,23 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-17: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,61-8,60 (1H, m), 8,28 (1H, s), 7,56 (1H, d), 7,50-7,44 (2H, m), 6,57-6,54 (2H, m), 5,96 (2H, s), 2,71 (2H, q), 1,23 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-18: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,62-8,61 (1H, m), 8,30 (1H, s), 7,49-7,45 (2H, m), 7,40-7,39 (1H, m), 7,19-7,16 (1H, m), 6,72 (1H, d), 5,78 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,24 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-19: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,61-8,60 (1H, m), 8,32 (1H, s), 7,64 (1H, d), 7,50-7,45 (2H, m), 6,94-6,91 (2H, m), 5,92 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,24 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-20: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,62 (1H, s), 8,27 (1H, s), 7,73 (1H, s), 7,51-7,45 (3H, m), 6,79 (1H, d), 6,14 (2H, s), 2,72 (2H, q), 1,25 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-21: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,90 (1H, s), 8,80 (1H, d), 8,59 (1H, d), 7,79 (1H, d), 6,96-6,90 (2H, m), 5,90 (2H, s), 2,80 (2H, q), 1,23 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-22: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,80 (1H, d), 8,58 (1H, d), 8,51 (1H, s), 7,84 (1H, s), 7,49 (1H, d), 6,77 (1H, d), 6,10 (2H, s), 2,80 (2H, q), 1,26 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-23: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,93 (1H, s), 8,88 (1H, d), 8,66 (1H, d), 7,82 (1H, d), 6,95 (1H, s), 6,91 (1H, d), 5,90 (2H, s), 2,79 (2H, q), 1,27 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-24: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,89 (1H, d), 8,66 (1H, d), 8,45 (1H, s), 7,83 (1H, s), 7,49 (1H, d), 6,77 (1H, d), 6,10 (2H, s), 2,79 (2H, q), 1,26 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-25: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,79 (1H, d), 8,65 (1H, s), 8,57 (1H, d), 7,51 (1H, s), 7,17 (1H, d), 6,71 (1H, d), 5,77 (2H, s), 2,79 (2H, q), 1,25 (3H, t).

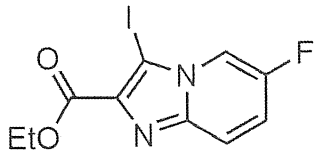
Hợp chất trung gian 41-26: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,88 (1H, d), 8,68 (1H, s), 8,65 (1H, d), 7,51 (1H, s), 7,17 (1H, d), 6,71 (1H, d), 5,78 (2H, s), 2,79 (2H, q), 1,26 (3H, t).

Hợp chất trung gian 41-27: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,54 (1H, dd), 8,12 (1H, dd), 7,78 (1H, s), 7,49 (1H, s), 7,31-7,21 (1H, m), 6,91 (1H, dd), 6,76 (1H, d), 5,72 (2H, s), 3,25 (2H, q), 1,38 (3H, t).

[0235]

Ví dụ điều chế tham khảo 53

Hợp chất trung gian 42 thu được bằng cách sử dụng etyl 6-floimidazo[1,2-a]pyridin-2-cacboxylat thay cho hợp chất trung gian 5 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế tham khảo 6.

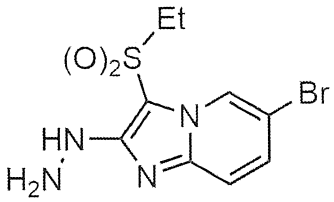


Hợp chất trung gian 42: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,24-8,23 (1H, m), 7,71-7,68 (1H, m), 7,28-7,25 (1H, m), 4,50 (2H, q), 1,48 (3H, t).

[0236]

Ví dụ điều chế tham khảo 54

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 35-2 1,00g, hyđrazin monohyđrat 0,48ml và etanol 5ml được khuấy ở 80°C trong 15 phút. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và bổ sung thêm nước vào đó và các chất rắn thu được lọc và rửa bằng nước và làm khô dưới áp suất giảm để thu được 0,73g hợp chất trung gian 43 có công thức sau đây.



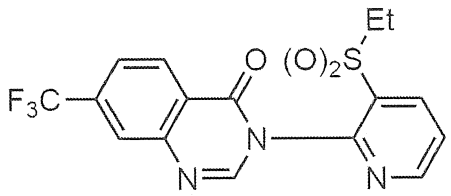
Hợp chất trung gian 43: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,69 (1H, dd), 7,46 (1H, dd), 7,36 (1H, dd), 6,74 (1H, s), 3,98 (2H, s), 3,19 (2H, q), 1,32 (3H, t).

[0237]

Ví dụ điều chế 1

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 1 0,50g, 3-(etansulfonyl)-2-flopyridin 0,49g và NMP 5ml được bổ sung thêm natri hyđrua (60%, phân tán trong dầu khoáng) 103mg trong khí quyển nitơ và hỗn hợp này được khuấy ở 110°C trong 1 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và bổ sung thêm nước vào đó và lọc hỗn hợp này. Rửa các chất rắn thu được bằng nước và làm khô dưới áp suất giảm

để thu được hợp chất sáng chế 1-1 có công thức sau đây 0,54g.

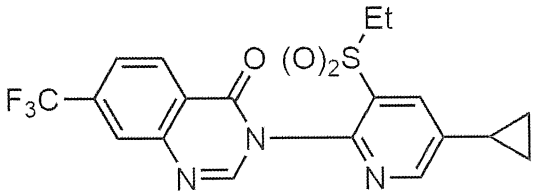


Hợp chất sáng chế 1-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,94-8,93 (1H, m), 8,54-8,52 (1H, m), 8,45 (1H, d), 8,13 (1H, s), 8,11 (1H, s), 7,80-7,77 (2H, m), 3,36-3,34 (2H, m), 1,34 (3H, t).

[0238]

Ví dụ điều chế 2

Hợp chất sáng chế 1-2 thu được bằng cách sử dụng 5-xyclopropyl-3-(etansulfonyl)-2-flopyridin thay cho 3-(etansulfonyl)-2-flopyridn theo ví dụ điều chế 1.

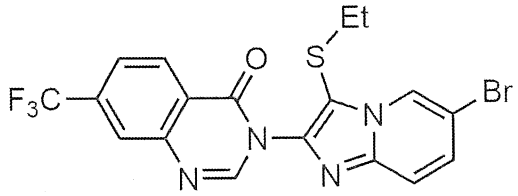


Hợp chất sáng chế 1-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,65 (1H, d), 8,44 (1H, d), 8,09 (1H, d), 8,08 (1H, s), 8,05 (1H, d), 7,76 (1H, dd), 3,30-3,28 (2H, m), 2,14-2,09 (1H, m), 1,31 (3H, t), 1,29-1,24 (2H, m), 0,98-0,92 (2H, m).

[0239]

Ví dụ điều chế 3

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 3-1 491mg và trietyl orthoformat 11ml được khuấy ở 100°C trong 1 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và được cô. Rửa các chất rắn thu được bằng hexan để thu được hợp chất sáng chế 2-1 có công thức sau đây 447mg.



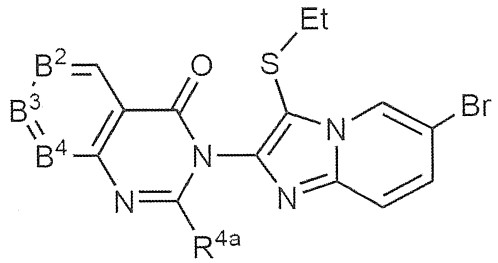
Hợp chất sáng chế 2-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,65 (1H, dd), 8,51 (1H, d), 8,20 (1H, s), 8,08 (1H, d), 7,77 (1H, dd), 7,61 (1H, dd), 7,50 (1H, dd), 2,77 (2H, q), 1,18 (3H, t).

[0240]

Ví dụ điều chế 4

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế 3 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.

Hợp chất có công thức (A-1):



(A-1)

, trong đó hỗn hợp của R^{4a}, B^2, B^3 và B^4 là các hỗn hợp bất kỳ được thể hiện ở [Bảng A-1].

[0241]

[Bảng A-1]

Hợp chất sáng chế	R^{4a}	B^2	B^3	B^4
2-2	H	CCF_3	CH	CH
2-3	H	CH	CH	CCF_3
2-4	H	CH	CCF_3	N
2-5	H	CH	CCl	CH
2-6	H	CH	CI	CH
2-7	H	$COCF_3$	CH	CH

Hợp chất sáng chế 2-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,69-8,67 (1H, m), 8,65-8,64 (1H, m), 8,22 (1H, s), 8,03 (1H, dd), 7,92-7,90 (1H, m), 7,61 (1H, dd), 7,52-7,49 (1H, m), 2,78 (2H, q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,64 (1H, d), 8,60 (1H, d), 8,25 (1H, s), 8,15 (1H, d), 7,63 (1H, t), 7,61 (1H, d), 7,50 (1H, dd), 2,77 (2H, q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,93 (1H, d), 8,66 (1H, d), 8,46 (1H, s), 7,89 (1H, d), 7,63 (1H, d), 7,53 (1H, dd), 2,77 (2H, q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,65-8,63 (1H, m), 8,32 (1H, d), 8,14 (1H, s), 7,79 (1H, d), 7,60 (1H, dd), 7,52 (1H, dd), 7,49 (1H, dd), 2,76 (2H, q), 1,18 (3H, t,).

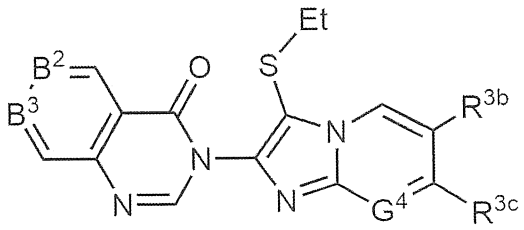
Hợp chất sáng chế 2-6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,64 (1H, dd), 8,21 (1H, d), 8,11 (1H, s),

8,06 (1H, d), 7,88 (1H, dd), 7,60 (1H, dd), 7,49 (1H, dd), 2,75 (2H, q), 1,17 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-7: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,67-8,64 (1H, m), 8,23-8,20 (1H, m), 8,16 (1H, s), 7,87-7,85 (1H, m), 7,67-7,59 (2H, m), 7,51-7,49 (1H, m), 2,77 (2H, q,), 1,19 (3H, t).

[0242]

Hợp chất có công thức (A-1-2):



(A-1-2)

, trong đó hỗn hợp của B^2, B^3, G^4, R^{3b} và R^{3c} là các hỗn hợp bất kỳ được thể hiện ở [Bảng A-1-2].

[0243]

[Bảng A-1-2]

Hợp chất sáng chế	B^2	B^3	G^4	R^{3b}	R^{3c}
2-8	CH	CCF_3	CH	H	H
2-9	CH	CCF_3	CH	F	H
2-10	CH	CCF_3	CH	Cl	H
2-11	CH	CCF_3	CH	I	H
2-12	CH	CCF_3	CH	CF_3	H
2-13	CH	CCF_3	CH	Me	H
2-14	CH	CCF_3	CH	H	I
2-16	CCF_3	CH	CH	H	H
2-17	CCF_3	CH	CH	Cl	H
2-18	CCF_3	CH	CH	I	H
2-19	CCF_3	CH	CH	CF_3	H
2-20	CCF_3	CH	CH	H	I
2-21	CCF_3	CH	CH	H	CF_3
2-22	CH	$CSCF_3$	CH	I	H
2-23	$CSCF_3$	CH	CH	I	H
2-24	$COCF_3$	CH	CH	H	H
2-25	CH	$COCF_3$	CH	I	H
2-26	$COCF_3$	CH	CH	I	H
2-27	CH	CC_2F_5	CH	I	H
2-28	CC_2F_5	CH	CH	I	H
2-29	CH	CCF_3	N	Br	H
2-30	CCF_3	CH	N	Br	H

2-31	CH	CCF_3	N	I	H
2-32	CCF_3	CH	N	I	H
2-33	$COCF_3$	CH	N	Br	H
2-34	$COCF_3$	CH	N	I	H
2-37	$COCF_3$	CH	N	H	H

Hợp chất sáng chế 2-8: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,53-8,52 (2H, m), 8,23 (1H, s), 8,08 (1H, s), 7,77 (1H, dd), 7,73-7,70 (1H, m), 7,45-7,43 (1H, m), 7,10-7,09 (1H, m), 2,75 (2H, q,), 1,17 (3H, t,).

Hợp chất sáng chế 2-9: ^{1}H NMR ($CDCl_3$) δ: 8,51 (1H, d), 8,46-8,45 (1H, m), 8,21 (1H, s), 8,08-8,08 (1H, m), 7,77 (1H, dd), 7,72-7,68 (1H, m), 7,39-7,34 (1H, m), 2,76 (2H, q), 1,18 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-10: ^{1}H NMR ($CDCl_3$) δ: 8,56-8,53 (1H, m), 8,51 (1H, d), 8,20 (1H, s), 8,08 (1H, s), 7,79-7,77 (1H, m), 7,68-7,65 (1H, m), 7,41 (1H, dd), 2,77 (2H, q), 1,18 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-11: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,75-8,74 (1H, m), 8,51 (1H, d), 8,20 (1H, s), 8,08 (1H, s), 7,77 (1H, dd), 7,61 (1H, dd), 7,50 (1H, dd), 2,76 (2H, q), 1,18 (3H, dd).

Hợp chất sáng chế 2-12: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,89-8,87 (1H, m), 8,51 (1H, d), 8,21 (1H, s), 8,10-8,08 (1H, m), 7,83 (1H, d), 7,79 (1H, dd), 7,59 (1H, dd), 2,80 (2H, q), 1,20 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-13: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,51 (1H, d), 8,30-8,28 (1H, m), 8,21 (1H, s), 8,07 (1H, s), 7,76 (1H, dd), 7,61 (1H, d), 7,28 (1H, dd), 2,73 (2H, q), 2,45 (3H, s), 1,17 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-14: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,51 (1H, d), 8,26 (1H, dd), 8,20 (1H, s), 8,12-8,11 (1H, m), 8,08 (1H, s), 7,77 (1H, dd), 7,33 (1H, dd), 2,74 (2H, q), 1,17 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-16: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,69-8,68 (1H, m), 8,54-8,52 (1H, m), 8,25 (1H, s), 8,03 (1H, dd), 7,91 (1H, d), 7,71 (1H, d), 7,45-7,43 (1H, m), 7,10-7,09 (1H, m), 2,76 (2H, q), 1,18 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-17: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,69-8,67 (1H, m), 8,56-8,55 (1H, m), 8,22 (1H, s), 8,03 (1H, dd), 7,92-7,90 (1H, m), 7,66 (1H, dd), 7,41 (1H, dd), 2,78 (2H,

q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-18: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,76-8,74 (1H, m), 8,69-8,67 (1H, m), 8,22 (1H, s), 8,03 (1H, dd), 7,91 (1H, d), 7,62 (1H, dd), 7,50 (1H, d), 2,77 (2H, q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-19: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,89-8,87 (1H, m), 8,69-8,68 (1H, m), 8,24 (1H, s), 8,04 (1H, dd), 7,93 (1H, d), 7,83 (1H, d), 7,59 (1H, dd), 2,81 (2H, q), 1,21 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-20: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,69-8,66 (1H, m), 8,27-8,25 (1H, m), 8,22 (1H, s), 8,13-8,12 (1H, m), 8,03 (1H, dd), 7,92-7,90 (1H, m), 7,33 (1H, dd), 2,76 (2H, q), 1,18 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-21: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,69-8,68 (1H, m), 8,65 (1H, d), 8,24 (1H, s), 8,05-8,04 (2H, m), 7,93 (1H, d), 7,28-7,26 (1H, m), 2,81 (2H, q), 1,20 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-22: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,76-8,74 (1H, m), 8,41 (1H, d), 8,17 (1H, s), 8,09 (1H, d), 7,77 (1H, dd), 7,61 (1H, dd), 7,49 (1H, dd), 2,76 (2H, q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-23: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,76-8,74 (1H, m), 8,68 (1H, d), 8,20 (1H, s), 8,05 (1H, dd), 7,84 (1H, d), 7,61 (1H, dd), 7,49 (1H, dd), 2,78 (2H, q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-24: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,54-8,52 (1H, m), 8,23-8,21 (1H, m), 8,18 (1H, s), 7,85 (1H, d), 7,72-7,70 (1H, m), 7,66 (1H, dd), 7,46-7,41 (1H, m), 7,10-7,08 (1H, m), 2,76 (2H, q), 1,18 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-25: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,76-8,74 (1H, m), 8,43 (1H, d), 8,16 (1H, s), 7,62-7,59 (2H, m), 7,49 (1H, dd), 7,39-7,37 (1H, m), 2,76 (2H, q), 1,18 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-26: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,76-8,74 (1H, m), 8,22-8,20 (1H, m), 8,14 (1H, s), 7,85 (1H, d), 7,66 (1H, dd), 7,61 (1H, dd), 7,49 (1H, d), 2,77 (2H, q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-27: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,76-8,74 (1H, m), 8,52 (1H, d), 8,20 (1H, s), 8,08-8,07 (1H, m), 7,76-7,74 (1H, m), 7,61 (1H, dd), 7,50 (1H, dd), 2,76 (2H,

q), 1,18 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-28: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,77-8,75 (1H, m), 8,66-8,65 (1H, m), 8,23 (1H, s), 8,00 (1H, dd), 7,92 (1H, d), 7,61 (1H, dd), 7,50 (1H, d), 2,78 (2H, q), 1,19 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-29: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,90 (1H, d), 8,73 (1H, d), 8,51 (1H, d), 8,28 (1H, s), 8,10-8,07 (1H, m), 7,79 (1H, dd), 2,82 (2H, q), 1,21 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-30: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,91 (1H, d), 8,73 (1H, d), 8,70-8,69 (1H, m), 8,31 (1H, s), 8,04 (1H, dd), 7,92 (1H, d), 2,84 (2H, q), 1,22 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-31: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,00 (1H, d), 8,81 (1H, d), 8,51 (1H, d,), 8,28 (1H, s), 8,10-8,07 (1H, m), 7,78 (1H, dd), 2,81 (2H, q), 1,20 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-32: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,00 (1H, d), 8,81 (1H, d), 8,69-8,68 (1H, m), 8,31 (1H, s), 8,04 (1H, dd), 7,92 (1H, d), 2,83 (2H, q), 1,21 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-33: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,90 (1H, d), 8,73 (1H, d), 8,23 (1H, s), 8,22-8,21 (1H, m), 7,86 (1H, d), 7,68-7,65 (1H, m), 2,83 (2H, q), 1,22 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 2-34: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,00 (1H, d), 8,80 (1H, d), 8,23 (1H, s), 8,22-8,21 (1H, m), 7,86 (1H, d), 7,67-7,66 (1H, m), 2,83 (2H, q), 1,21 (3H, t).

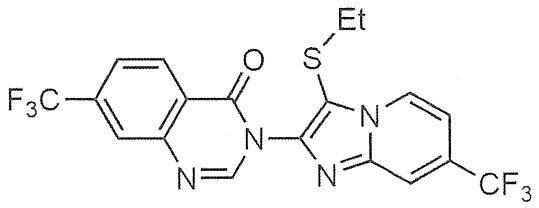
Hợp chất sáng chế 2-37: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,65 (1H, dd), 8,19 (1H, d), 8,08 (1H, s), 7,97 (1H, dd), 7,91 (1H, d), 7,72 (1H, dd), 6,98 (1H, dd), 3,30 (2H, q), 1,38 (3H, t).

[0244]

Ví dụ điều chế 4-1

Hỗn hợp chứa 7-(triflometyl)-3-(etylthio)-imidazo[1,2-a]pyridin-2-amin 310mg được điều chế theo phương pháp được mô tả ở WO 2016/129684 và THF 2ml được bổ sung nhỏ giọt vào dung dịch chứa kali bis(trimetylsilyl)amit (1 mol/L dung dịch THF) 2,2ml ở -78°C trong khí quyển nitơ và khuấy hỗn hợp này trong 30 phút. hợp chất trung gian 2 350mg được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 30 phút. Dung dịch bão hòa amoni clorua chứa nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được làm khô dưới áp suất giảm.

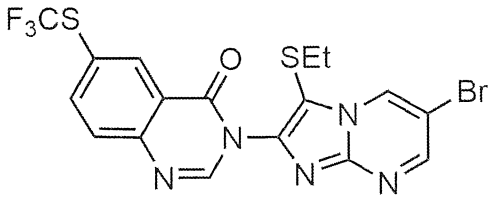
Trietyl orthoformat 13ml được bổ sung vào phần còn lại thu được và hỗn hợp này được khuấy ở 100°C trong 1 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và cô. Rửa các chất rắn thu được bằng hexan để thu được hợp chất sáng chế 2-15 có công thức sau đây 525mg.



Hợp chất sáng chế 2-15: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,65 (1H, d), 8,51 (1H, d), 8,22 (1H, s), 8,09 (1H, s), 8,03-8,02 (1H, m), 7,79 (1H, dd), 7,27 (1H, dd), 2,79 (2H, q), 1,19 (3H, t,).

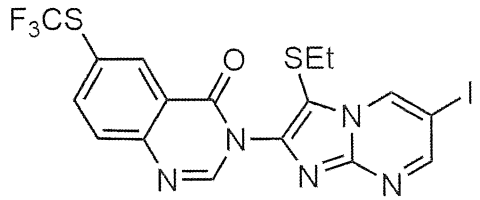
[0245]

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế 4-1 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



Hợp chất sáng chế 2-35: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,90 (1H, d), 8,73 (1H, d), 8,69 (1H, d), 8,29 (1H, s), 8,06 (1H, dd), 7,85 (1H, d), 2,84 (2H, q), 1,22 (3H, t).

[0246]



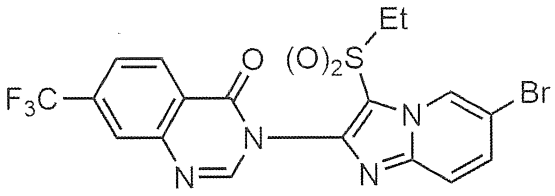
Hợp chất sáng chế 2-36: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,00 (1H, d), 8,80 (1H, d), 8,69 (1H, d), 8,28 (1H, s), 8,06 (1H, dd), 7,85 (1H, d), 2,83 (2H, q), 1,23 (3H, d).

[0247]

Ví dụ điều chế 5

Hỗn hợp chứa hợp chất sáng chế 2-1 252mg và clorofom 11ml được bổ sung

thêm mCPBA (độ tinh khiết 70 %, hàm lượng nước 30%) 296mg trong điều kiện làm lạnh bằng đá và hỗn hợp này được khuấy trong điều kiện làm lạnh bằng đá trong 8 giờ. Dung dịch bão hòa chứa nước của natri hyđro cacbonat và dung dịch natri thiosulfat chứa nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được liên tục và hỗn hợp này được chiết bằng clorofom. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (hexan : etyl axetat = 1 : 2) để thu được hợp chất sáng chế 3-1 178mg.



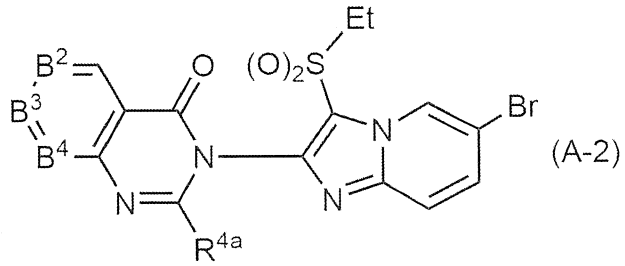
Hợp chất sáng chế 3-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,06 (1H, dd), 8,47 (1H, d), 8,26 (1H, s), 8,09 (1H, d), 7,78 (1H, dd), 7,73 (1H, dd), 7,68 (1H, dd), 3,56 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0248]

Ví dụ điều chế 6

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế 5 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.

Hợp chất có công thức (A-2):



(A-2)

, trong đó hỗn hợp của R^{4a}, B^2, B^3 và B^4 là các hỗn hợp bất kỳ được thể hiện ở [Bảng A-2].

[0249]

[Bảng A-2]

Hợp chất sáng chế	R^{4a}	B^2	B^3	B^4
3-2	H	CCF_3	CH	CH
3-3	H	CH	CH	CCF_3
3-4	H	CH	CCF_3	N
3-5	H	CH	CCl	CH

3-6	H	CH	Cl	CH
3-7	H	$COCF_3$	CH	CH

Hợp chất sáng chế 3-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,06-9,05 (1H, m), 8,64-8,63 (1H, m), 8,28 (1H, s), 8,04 (1H, dd), 7,93-7,91 (1H, m), 7,73 (1H, dd), 7,69 (1H, dd), 3,59 (2H, q), 1,47 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,06 (1H, dd), 8,55 (1H, dd), 8,31 (1H, s), 8,16 (1H, dd), 7,73 (1H, dd), 7,68 (1H, dd), 7,64 (1H, t), 3,58 (2H, q), 1,46 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,04 (1H, dd), 8,88 (1H, d), 8,52 (1H, s), 7,88 (1H, d), 7,74 (1H, dd), 7,70 (1H, dd), 3,56 (2H, q), 1,47 (3H, t).

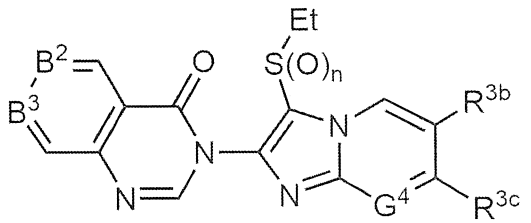
Hợp chất sáng chế 3-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,05 (1H, dd), 8,27 (1H, d), 8,19 (1H, s), 7,80 (1H, d), 7,72 (1H, dd), 7,67 (1H, dd), 7,52 (1H, dd), 3,56 (2H, q), 1,45 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,05 (1H, dd), 8,22 (1H, d), 8,17 (1H, s), 8,01 (1H, d), 7,88 (1H, dd), 7,72 (1H, dd), 7,67 (1H, dd), 3,56 (2H, q), 1,44 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-7: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,07-9,05 (1H, m), 8,20 (1H, s), 8,17-8,15 (1H, m), 7,86 (1H, d), 7,72 (1H, dd), 7,68-7,66 (2H, m), 3,58 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0250]

Hợp chất có công thức (A-2-2):



(A-2-2)

, trong đó hỗn hợp của n, B^2, B^3, G^4, R^{3b} và R^{3c} là các hỗn hợp bất kỳ được thể hiện ở [Bảng A-2-2].

[0251]

[Bảng A-2-2]

Hợp chất sáng chế	n	B^2	B^3	G^4	R^{3b}	R^{3c}
3-8	2	CH	CCF_3	CH	H	H
3-9	2	CH	CCF_3	CH	F	H
3-10	2	CH	CCF_3	CH	Cl	H
3-11	1	CH	CCF_3	CH	I	H
3-12	2	CH	CCF_3	CH	I	H

3-13	2	CH	CCF_3	CH	CF_3	H
3-14	2	CH	CCF_3	CH	Me	H
3-15	2	CH	CCF_3	CH	H	I
3-16	2	CH	CCF_3	CH	H	CF_3
3-17	2	CCF_3	CH	CH	H	H
3-18	2	CCF_3	CH	CH	Cl	H
3-19	1	CCF_3	CH	CH	I	H
3-20	2	CCF_3	CH	CH	I	H
3-21	2	CCF_3	CH	CH	CF_3	H
3-22	2	CCF_3	CH	CH	H	I
3-23	2	CCF_3	CH	CH	H	CF_3
3-24	2	CH	$CSCF_3$	CH	I	H
3-25	2	$CSCF_3$	CH	CH	I	H
3-26	2	$COCF_3$	CH	CH	H	H
3-27	2	CH	$COCF_3$	CH	I	H
3-28	2	$COCF_3$	CH	CH	I	H
3-29	2	CH	CC_2F_5	CH	I	H
3-30	2	CC_2F_5	CH	CH	I	H
3-31	2	CH	CCF_3	N	Br	H
3-32	2	CCF_3	CH	N	Br	H
3-33	2	CH	CCF_3	N	I	H
3-34	2	CCF_3	CH	N	I	H
3-35	2	$COCF_3$	CH	N	Br	H
3-36	2	$COCF_3$	CH	N	I	H
3-37	2	$CSCF_3$	CH	N	Br	H
3-38	2	$CSCF_3$	CH	N	I	H
3-39	2	$COCF_3$	CH	N	H	H

Hợp chất sáng chế 3-8: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,93 (1H, d), 8,47 (1H, d), 8,28 (1H, s), 8,08 (1H, s), 7,85-7,83 (1H, m), 7,77 (1H, dd), 7,64-7,61 (1H, m), 7,24-7,22 (1H, m), 3,57-3,52 (2H, m), 1,44 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-9: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,91-8,90 (1H, m), 8,47 (1H, d), 8,26 (1H, s), 8,09 (1H, s), 7,83 (1H, dd), 7,79-7,77 (1H, m), 7,56-7,51 (1H, m), 3,56 (2H, q), 1,45 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-10: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,97 (1H, dd), 8,47 (1H, d), 8,26 (1H, s), 8,09-8,08 (1H, m), 7,80-7,77 (2H, m), 7,59 (1H, dd), 3,56 (2H, q), 1,46 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-11: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,28 (1H, dd), 8,58 (1H, s), 8,45 (1H, d), 8,09 (1H, s), 7,78 (1H, dd), 7,69 (1H, dd), 7,55 (1H, dd), 3,71-3,61 (2H, m), 1,60 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-12: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,14-9,13 (1H, m), 8,46 (1H, d), 8,25

(1H, s), 8,10-8,07 (1H, m), 7,80-7,77 (2H, m), 7,61 (1H, dd), 3,56 (2H, q), 1,45 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-13: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,30-9,27 (1H, m), 8,47 (1H, d), 8,28 (1H, s), 8,10 (1H, s), 7,96 (1H, d), 7,80-7,75 (2H, m), 3,61 (2H, q), 1,47 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-14: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,69-8,67 (1H, m), 8,47 (1H, d), 8,26 (1H, s), 8,08 (1H, s), 7,77 (1H, dd), 7,72 (1H, d), 7,46 (1H, dd), 3,52 (2H, q), 2,48 (3H, s), 1,44 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-15: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,65 (1H, dd), 8,47-8,45 (1H, m), 8,26-8,24 (2H, m), 8,09-8,07 (1H, m), 7,78 (1H, dd), 7,46 (1H, dd), 3,58-3,53 (2H, m), 1,43 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-16: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,07 (1H, d), 8,47 (1H, d), 8,28 (1H, s), 8,16-8,13 (1H, m), 8,10 (1H, s), 7,79 (1H, dd), 7,39 (1H, dd), 3,63-3,59 (2H, m), 1,47 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-17: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,95-8,93 (1H, m), 8,65-8,64 (1H, m), 8,31 (1H, s), 8,04 (1H, dd), 7,93 (1H, d), 7,86-7,83 (1H, m), 7,64-7,62 (1H, m), 7,24-7,23 (1H, m), 3,60-3,56 (2H, m), 1,46 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-18: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,97 (1H, dd), 8,64 (1H, d), 8,28 (1H, s), 8,04 (1H, dd), 7,92 (1H, d), 7,78 (1H, dd), 7,59 (1H, dd), 3,59 (2H, q), 1,47 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-19: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,28 (1H, dd), 8,62 (1H, d), 8,60 (1H, s), 8,05 (1H, dd), 7,93 (1H, d), 7,69 (1H, dd), 7,55 (1H, dd), 3,72-3,63 (2H, m), 1,62 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-20: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,14 (1H, dd), 8,63 (1H, d), 8,28 (1H, s), 8,04 (1H, dd), 7,92 (1H, d), 7,80 (1H, dd), 7,61 (1H, dd), 3,58 (2H, q), 1,47 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-21: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,29-9,27 (1H, m), 8,66-8,63 (1H, m), 8,30 (1H, s), 8,05 (1H, dd), 7,98-7,92 (2H, m), 7,77 (1H, dd), 3,64 (2H, q), 1,49 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-22: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,65 (1H, dd), 8,64-8,62 (1H, m), 8,27 (1H, s), 8,26-8,25 (1H, m), 8,04 (1H, dd), 7,92 (1H, d), 7,46 (1H, dd), 3,58-3,56 (2H, m), 1,45 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-23: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,08-9,06 (1H, m), 8,65-8,63 (1H, m),

8,30 (1H, s), 8,15-8,13 (1H, m), 8,05 (1H, dd), 7,93 (1H, d), 7,39 (1H, dd), 3,64-3,60 (2H, m), 1,48 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-24: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,14 (1H, dd), 8,37 (1H, d), 8,23 (1H, s), 8,10 (1H, d), 7,80-7,76 (2H, m), 7,60 (1H, dd), 3,56 (2H, q), 1,45 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-25: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,15-9,14 (1H, m), 8,63 (1H, d), 8,25 (1H, s), 8,05 (1H, dd), 7,84 (1H, d), 7,79 (1H, dd), 7,60 (1H, dd), 3,57 (2H, q), 1,46 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-26: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,94-8,93 (1H, m), 8,23 (1H, s), 8,18-8,17 (1H, m), 7,86 (1H, d), 7,84-7,82 (1H, m), 7,66 (1H, dd), 7,64-7,59 (1H, m), 7,23-7,21 (1H, m), 3,59-3,55 (2H, m), 1,45 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-27: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,15-9,13 (1H, m), 8,38 (1H, d), 8,21 (1H, s), 7,79 (1H, dd), 7,64-7,62 (1H, m), 7,60 (1H, dd), 7,38 (1H, dd), 3,56 (2H, q), 1,45 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-28: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,14 (1H, dd), 8,20 (1H, s), 8,17-8,15 (1H, m), 7,85 (1H, d), 7,79 (1H, dd), 7,67-7,65 (1H, m), 7,60 (1H, dd), 3,57 (2H, q), 1,46 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-29: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,15-9,13 (1H, m), 8,47 (1H, d), 8,26 (1H, d), 8,07 (1H, s), 7,81-7,78 (1H, m), 7,76-7,74 (1H, m), 7,61 (1H, d), 3,56 (2H, q), 1,47-1,44 (3H, m).

Hợp chất sáng chế 3-30: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,14 (1H, dd), 8,61 (1H, d), 8,28 (1H, s), 8,01 (1H, dd), 7,93 (1H, d), 7,80 (1H, dd), 7,61 (1H, dd), 3,58 (2H, q), 1,47 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-31: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,33 (1H, d), 8,88 (1H, d), 8,47 (1H, d), 8,35 (1H, s), 8,10-8,09 (1H, m), 7,79 (1H, dd), 3,67 (2H, q), 1,49 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-32: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,33 (1H, d), 8,88 (1H, d), 8,65-8,63 (1H, m), 8,37 (1H, s), 8,05 (1H, dd), 7,93 (1H, d), 3,69 (2H, q), 1,51 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-33: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,41 (1H, d), 8,95 (1H, d), 8,47 (1H, d), 8,35 (1H, s), 8,10-8,08 (1H, m), 7,79 (1H, dd), 3,67 (2H, q), 1,49 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-34: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,41 (1H, d), 8,95 (1H, d), 8,64-8,63

(1H, m), 8,37 (1H, s), 8,05 (1H, dd), 7,93 (1H, d), 3,69 (2H, q), 1,50 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-35: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,33 (1H, d), 8,87 (1H, d), 8,30 (1H, s), 8,17-8,16 (1H, m), 7,87 (1H, d), 7,69-7,67 (1H, m), 3,69 (2H, q), 1,50 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-36: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,41 (1H, d), 8,95 (1H, d), 8,29 (1H, s), 8,17-8,16 (1H, m), 7,86 (1H, d), 7,68-7,67 (1H, m), 3,68 (2H, q), 1,49 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-37: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,33 (1H, d), 8,88 (1H, d), 8,64 (1H, d), 8,35 (1H, s), 8,07 (1H, dd), 7,86 (1H, d), 3,69 (2H, q), 1,50 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-38: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,41 (1H, d), 8,95 (1H, d), 8,64 (1H, d), 8,35 (1H, s), 8,06 (1H, dd), 7,85 (1H, d), 3,68 (2H, q), 1,50 (3H, t).

Hợp chất sáng chế 3-39: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,91 (1H, dd), 8,18 (1H, s), 8,16-8,12 (2H, m), 7,92 (1H, d), 7,73 (1H, d), 7,18 (1H, dd), 3,60-3,39 (2H, m), 1,33 (3H, t).

[0252]

Ví dụ điều chế 7

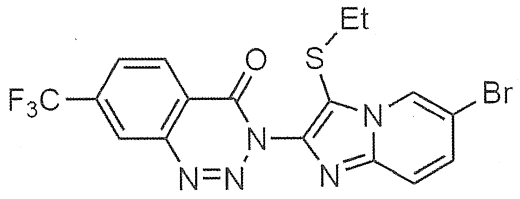
Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 6 318mg, 1,4-dioxan 12 mL, tris(đibenzylidenaxeton)đipaladi (0) 55mg và Xantphos 69mg, điisopropyletylamin 0,31ml và etanthiol 0,043ml được khuấy ở 50°C trong 2 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và etanthiol 0,021ml được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp này được khuấy ở 50°C trong 2 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và etanthiol 0,021ml được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp này được khuấy ở 50°C trong 1,5 giờ và tiếp theo hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và bổ sung thêm nước vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (hexan : etyl axetat : 1 : 1) để thu được hợp chất sáng chế 2-1 191mg.

[0253]

Ví dụ điều chế 8

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 3-1 300mg và axetonitril 4,4ml được bổ sung thêm natri sulfit 135mg và iot 166mg và hỗn hợp được khuấy ở nhiệt độ phòng trong 4

giờ. Bổ sung nước vào hỗn hợp thu được và chiết hỗn hợp này bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (hexan : etyl axetat = 1 : 1) để thu được hợp chất sáng chế 4-1 có công thức sau đây 174mg.

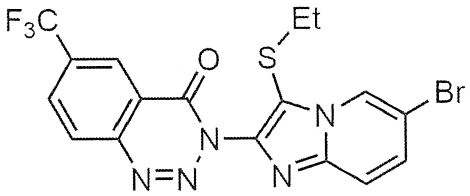


Hợp chất sáng chế 4-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,67 (1H, dd), 8,60 (1H, d), 8,56-8,53 (1H, m), 8,09 (1H, dd), 7,64 (1H, dd), 7,50 (1H, dd), 2,78 (2H, q), 1,20 (3H, t).

[0254]

Ví dụ điều chế 9

Hợp chất sáng chế 4-2 có công thức sau đây thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 3-2 thay cho hợp chất trung gian 3-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế 8.

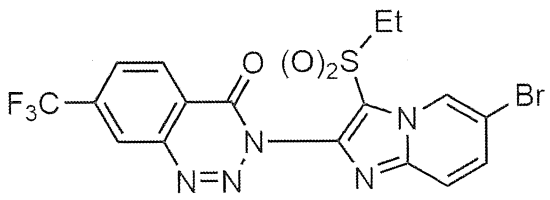


Hợp chất sáng chế 4-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,75-8,74 (1H, m), 8,67 (1H, d), 8,41 (1H, d), 8,24 (1H, dd), 7,65 (1H, d), 7,50 (1H, dd), 2,78 (2H, q), 1,20 (3H, t).

[0255]

Ví dụ điều chế 10

Hợp chất sáng chế có công thức sau đây 5-1 thu được bằng cách sử dụng hợp chất sáng chế 4-1 thay cho hợp chất sáng chế 2-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế 5.



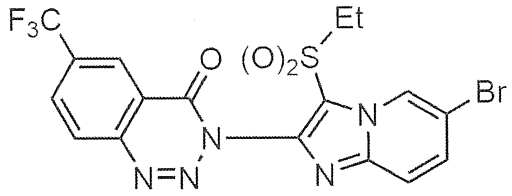
Hợp chất sáng chế 5-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,07 (1H, dd), 8,58 (1H, d), 8,56-8,53

(1H, m), 8,09 (1H, dd), 7,78 (1H, dd), 7,69 (1H, dd), 3,48 (2H, q), 1,44 (3H, t).

[0256]

Ví dụ điều chế 11

Hợp chất sáng chế 5-2 có công thức sau đây thu được bằng cách sử dụng hợp chất sáng chế 4-2 thay cho hợp chất sáng chế 2-1 theo phương pháp được mô tả ở ví dụ điều chế 5.

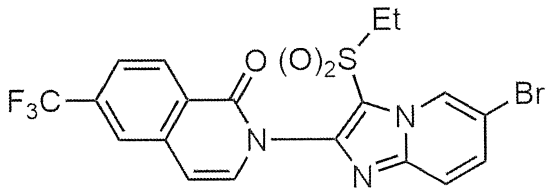


Hợp chất sáng chế 5-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,07-9,06 (1H, m), 8,72-8,71 (1H, m), 8,41 (1H, d), 8,25 (1H, dd), 7,78 (1H, dd), 7,69 (1H, dd), 3,49 (2H, q), 1,45 (3H, t).

[0257]

Ví dụ điều chế 12

Hợp chất sáng chế 6-1 có công thức sau đây thu được bằng cách sử dụng 6-(triflometyl)isoquinolin-1(2H)-on thay cho hợp chất trung gian 1 và sử dụng hợp chất trung gian 35-2 thay cho 3-(etansulfonyl)-2-flopyridin .

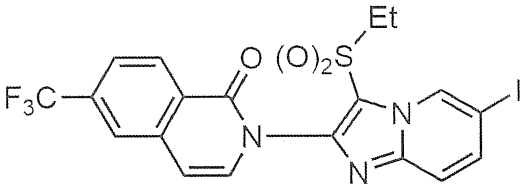


Hợp chất sáng chế 6-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,07 (1H, dd), 8,55 (1H, d), 7,87-7,84 (1H, m), 7,73 (1H, dd), 7,69 (1H, dd), 7,64 (1H, dd), 7,37 (1H, d), 6,69 (1H, d), 3,63 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0258]

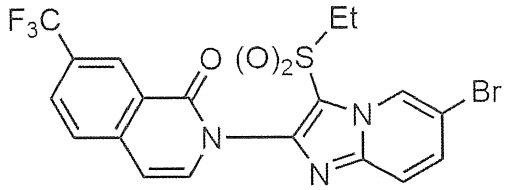
Ví dụ điều chế 13

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế 12 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



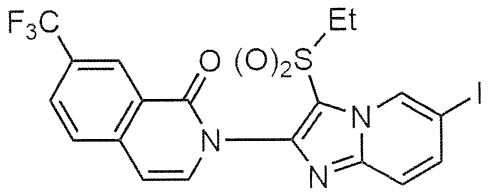
Hợp chất sáng chế 6-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,15 (1H, dd), 8,55 (1H, d), 7,87-7,84 (1H, m), 7,76-7,73 (2H, m), 7,57 (1H, dd), 7,36 (1H, d), 6,69 (1H, d), 3,62 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0259]



Hợp chất sáng chế 6-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,06 (1H, dd), 8,73-8,70 (1H, m), 7,90 (1H, dd), 7,71-7,67 (2H, m), 7,64 (1H, dd), 7,39 (1H, d), 6,68 (1H, d), 3,68-3,62 (2H, m), 1,48 (3H, t).

[0260]

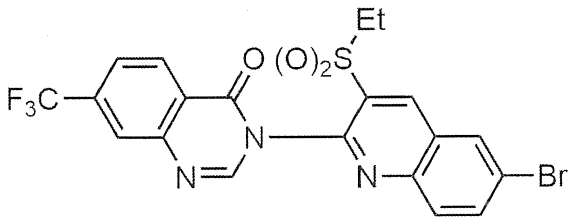


Hợp chất sáng chế 6-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,16-9,15 (1H, m), 8,72-8,70 (1H, m), 7,91-7,89 (1H, m), 7,75 (1H, dd), 7,69 (1H, d), 7,58-7,55 (1H, m), 7,39 (1H, d), 6,68 (1H, d), 3,68-3,61 (2H, q), 1,47 (3H, t).

[0261]

Ví dụ điều chế 14

Hợp chất sáng chế 6-5 có công thức sau đây thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 38-2 thay cho 3-(etansulfonyl)-2-flopyridin.

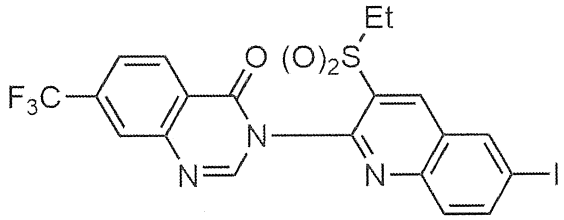


Hợp chất sáng chế 6-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,97 (1H, s), 8,46 (1H, d), 8,31-8,30 (1H, m), 8,20 (1H, s), 8,14-8,13 (1H, m), 8,10-8,09 (2H, m), 7,79 (1H, dd), 3,48-3,34 (2H, m), 1,37 (3H, t).

[0262]

Ví dụ điều chế 15

Hợp chất sáng chế 6-6 có công thức sau đây thu được bằng cách sử dụng hợp chất trung gian 38-1 thay cho 3-(etansulfonyl)-2-flopyridin.

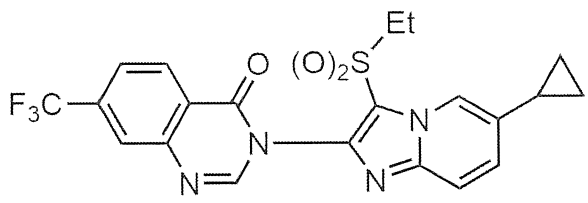


Hợp chất sáng chế 6-6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,94 (1H, s), 8,54 (1H, d), 8,46 (1H, d), 8,25 (1H, dd), 8,19 (1H, s), 8,14-8,12 (1H, m), 7,94 (1H, d), 7,79 (1H, dd), 3,47-3,33 (2H, m), 1,36 (3H, t).

[0263]

Ví dụ điều chế 16

Hỗn hợp chứa hợp chất sáng chế 3-1 0,18g, xyclopropyl boronic axit 92mg, sản phẩm cộng [1,1'-bix(điphenylphosphino)ferrocen]điclopalađi (II) điclometan 52mg, trikali phosphat 377mg, toluen 2,5ml và nước 0,7ml được khuấy ở 100°C trong 6 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và bổ sung thêm nước vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (etyl axetat: hexan : 2 : 1) để thu được hợp chất sáng chế 7-1 có công thức sau đây 90mg.



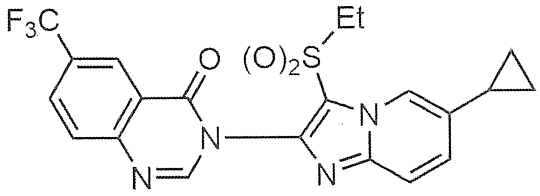
Hợp chất sáng chế 7-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,69 (1H, dd), 8,46 (1H, d), 8,25 (1H, s),

8,09-8,06 (1H, m), 7,76 (1H, dd), 7,71 (1H, dd), 7,29 (1H, dd), 3,52 (2H, q), 2,07-1,99 (1H, m), 1,44 (3H, t), 1,13-1,10 (2H, m), 0,82-0,77 (2H, m).

[0264]

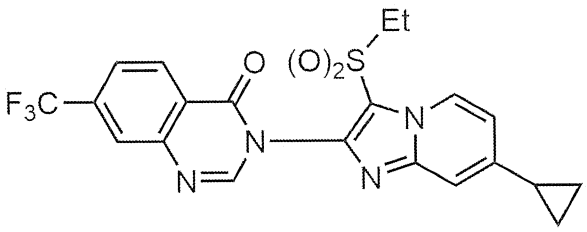
Ví dụ điều chế 17

Các hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế 16 và các giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.



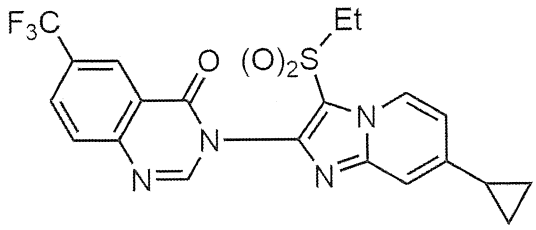
Hợp chất sáng chế 7-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,70-8,69 (1H, m), 8,64-8,62 (1H, m), 8,27 (1H, s), 8,02 (1H, dd), 7,91 (1H, d), 7,71 (1H, dd), 7,29 (1H, dd), 3,57-3,52 (2H, m), 2,05-2,03 (1H, m), 1,45 (3H, t), 1,14-1,09 (2H, m), 0,81-0,78 (2H, m).

[0265]



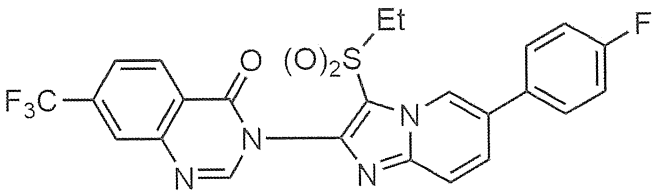
Hợp chất sáng chế 7-3: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,75 (1H, dd), 8,46 (1H, d), 8,26 (1H, s), 8,09-8,06 (1H, m), 7,76 (1H, dd), 7,46-7,43 (1H, m), 6,88 (1H, dd), 3,54-3,47 (2H, m), 2,07-2,03 (1H, m), 1,41 (3H, t), 1,24-1,19 (2H, m), 0,91-0,87 (2H, m).

[0266]



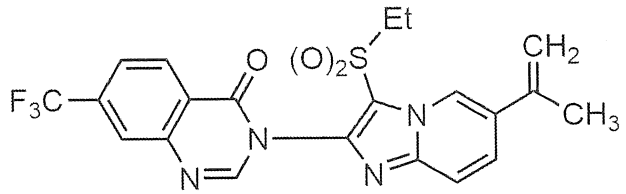
Hợp chất sáng chế 7-4: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,75 (1H, d), 8,65-8,62 (1H, m), 8,28 (1H, s), 8,02 (1H, dd), 7,91 (1H, d), 7,46-7,44 (1H, m), 6,89 (1H, dd), 3,58-3,48 (2H, m), 2,07-2,02 (1H, m), 1,43 (3H, t), 1,22-1,19 (2H, m), 0,90-0,88 (2H, m).

[0267]



Hợp chất sáng chế 7-5: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,02 (1H, s), 8,48 (1H, d), 8,29 (1H, s), 8,09 (1H, s), 7,89 (1H, d), 7,81-7,77 (2H, m), 7,60-7,56 (2H, m), 7,25-7,21 (2H, m), 3,57 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0268]

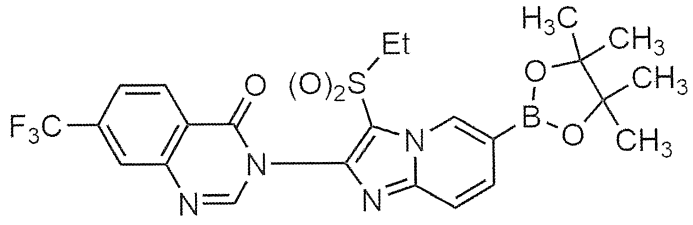


Hợp chất sáng chế 7-6: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,90 (1H, s), 8,47 (1H, d), 8,27 (1H, s), 8,08 (1H, s), 7,81-7,74 (3H, m), 5,55 (1H, s), 5,34 (1H, s), 3,58-3,52 (2H, m), 2,23 (3H, s), 1,45 (3H, t).

[0269]

Ví dụ điều chế tham khảo 55

Hỗn hợp chứa hợp chất sáng chế 3-1 2,0g, bis(pinacolato)diboron 1,1g, sản phẩm cộng [1,1'-bis(điphenylphosphino)ferrocen]điclopalađi(II) điclometan 0,086g, kali axetat 1,17g và toluen 20ml được khuấy ở 120°C trong 8 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và bổ sung thêm nước vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng clorofom. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên magie sulfat khan và làm khô dưới áp suất giảm để thu được 1,9g hợp chất trung gian 47 có công thức sau đây.



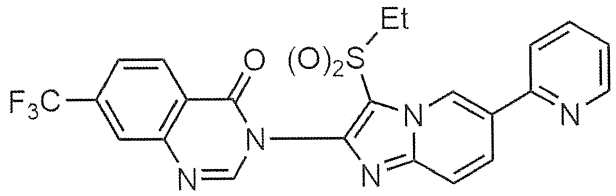
Hợp chất trung gian 47: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,17 (1H, s), 8,47 (1H, d), 8,28 (1H, s),

8,08 (1H, s), 7,89 (1H, dd), 7,80-7,75 (2H, m), 3,55 (2H, q), 1,45 (3H, t), 1,38 (12H, s).

[0270]

Ví dụ điều chế 19

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 47 300mg, 2-brompyridin 130mg, sản phẩm cộng [1,1'-bis(điphenylphosphino)ferrocen]điclopalađi(II) điclometan 8,0mg, trikali phosphat 350mg, đimethoxyetan 3,0ml và nước 0,3ml được khuấy ở 80°C trong 4 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và sau đó nước được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (etyl axetat: hexan : 4 : 1) để thu được hợp chất sáng chế 8-1 có công thức sau đây 190mg.

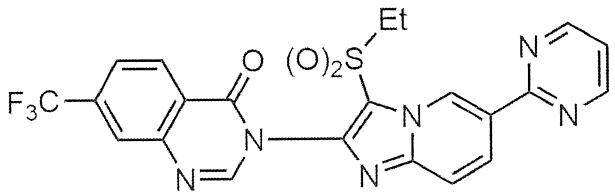


Hợp chất sáng chế 8-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,55 (1H, s), 8,77 (1H, d), 8,48 (1H, d), 8,31-8,27 (2H, m), 8,09 (1H, s), 7,93-7,84 (2H, m), 7,82-7,76 (2H, m), 7,40-7,35 (1H, m), 3,60 (2H, q), 1,48 (3H, t).

[0271]

Ví dụ điều chế 20

Hợp chất sáng chế 8-2 có công thức sau đây thu được bằng cách sử dụng 2-brompyrimidin thay cho 2-brompyridin.

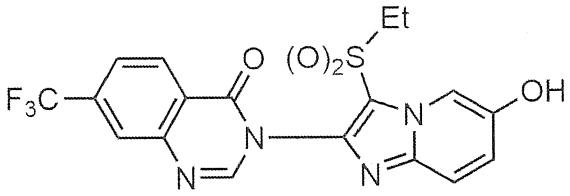


Hợp chất sáng chế 8-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 10,02 (1H, s), 8,87 (2H, d), 8,69 (1H, dd), 8,48 (1H, d), 8,32 (1H, s), 8,10 (1H, s), 7,90 (1H, dd), 7,78 (1H, dd), 7,33 (1H, t), 3,62 (2H, q), 1,50 (3H, t).

[0272]

Ví dụ điều chế 21

Hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 47 1,1g, natri axetat 1,2g, THF 4ml và nước 2ml được bổ sung thêm dung dịch hyđro peroxit chứa nước 30% 1,1ml và hỗn hợp này được khuấy ở 0°C trong 4 giờ. Dung dịch bão hòa chứa nước của natri thiosulfat 20ml được bổ sung vào hỗn hợp thu được và khuấy hỗn hợp này trong 1 giờ. Dung dịch bão hòa chứa nước của natri hyđro cacbonat được bổ sung vào hỗn hợp thu được và hỗn hợp này được chiết bằng clorofom. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm để thu được hợp chất sáng chế 9 có công thức sau đây 0,63g.

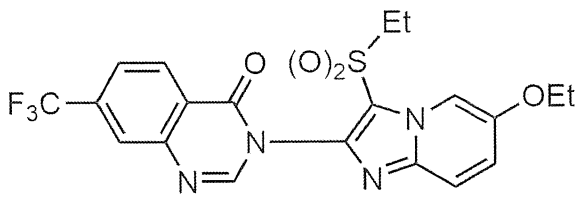


Hợp chất sáng chế 9: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,56-8,47 (2H, m), 8,33-8,27 (1H, m), 8,11 (1H, s), 7,80 (1H, d), 7,71-7,64 (1H, m), 7,40-7,32 (1H, m), 3,50 (2H, q), 1,42 (3H, t).

[0273]

Ví dụ điều chế 22

Hỗn hợp chứa hợp chất sáng chế 9 30mg, xesi cacbonat 443mg, etyl p-toluen sulfonat 136mg và NMP 3ml được khuấy ở 80°C trong 1 giờ. Dung dịch bão hòa chứa nước của natri thiosulfat 20ml được bổ sung vào hỗn hợp thu được và khuấy hỗn hợp này trong 1 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và sau đó nước được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (etyl axetat : hexan = 1 : 1) để thu được hợp chất sáng chế 10-1 có công thức sau đây 100mg.



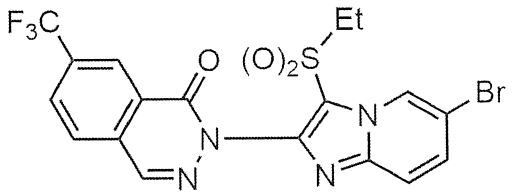
Hợp chất sáng chế 10-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 8,51-8,46 (2H, m), 8,28 (1H, s), 8,11

(1H, s), 7,80 (1H, d), 7,72 (1H, d), 7,41-7,38 (1H, m), 4,14 (2H, q), 3,54 (2H, q), 1,54 (3H, t), 1,46 (3H, t).

[0274]

Ví dụ điều chế 23

Bổ sung vào hỗn hợp chứa hợp chất trung gian 43 150mg và etanol 5ml là metyl 2-formyl-5-(triflometyl)benzoat mà được điều chế theo phương pháp được mô tả ở Tạp chí Tetrahedron Letters, 2018, 59, 1564 164mg và axit clohyđric đậm đặc 18µL trong điều kiện làm lạnh bằng đá và khuấy hỗn hợp này trong 30 phút trong điều kiện làm lạnh bằng đá. Hỗn hợp thu được được cô dưới áp suất giảm và toluen 20ml và axit para-toluensulfonic 24mg được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp này được khuấy ở 110°C trong 6 giờ. Hỗn hợp thu được được để yên cho nguội về nhiệt độ phòng và dung dịch bão hòa chứa nước của hyđro bicacbonat được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (hexan : etyl axetat = 1 : 2) để thu được hợp chất sáng chế 11 có công thức sau đây 155mg.



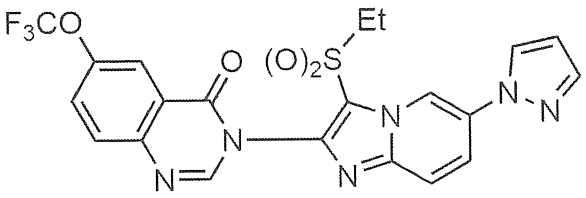
Hợp chất sáng chế 11: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,05 (1H, d), 8,76 (1H, d), 8,40 (1H, s), 8,11 (1H, dd), 7,93 (1H, d), 7,72 (1H, d), 7,63 (1H, dd), 3,58 (2H, q), 1,46 (3H, t).

[0275]

Ví dụ điều chế 24

Hỗn hợp chứa hợp chất sáng chế 3-7 500mg, pyrazol 73mg, đồng(I) iođua 19mg và N,N'-đimetyletylen điamin 19mg, xesi cacbonat 63mg và DMF 1ml được khuấy ở 150°C trong 9 giờ. Bổ sung nước vào hỗn hợp thu được và chiết hỗn hợp này bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (hexan : etyl axetat :

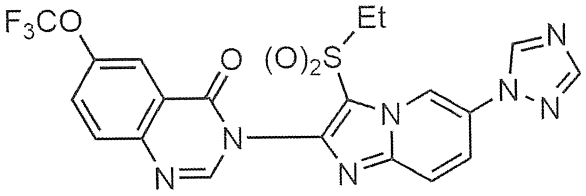
1 : 2) để thu được hợp chất sáng chế 12-1 có công thức sau đây 40mg.



Hợp chất sáng chế 12-1: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,33 (1H, d), 8,24 (1H, s), 8,17 (1H, d), 8,05 (1H, dd), 7,98 (1H, d), 7,91 (1H, d), 7,86 (1H, d), 7,83 (1H, d), 7,67 (1H, dd), 6,60 (1H, t), 3,61 (2H, q), 1,48 (3H, t).

[0276]

Hợp chất được điều chế theo ví dụ điều chế 24 và giá trị tính chất vật lý của chúng được thể hiện dưới đây.

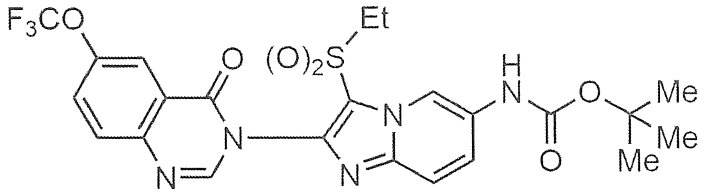


Hợp chất sáng chế 12-2: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,40 (1H, s), 8,68 (1H, s), 8,26 (1H, s), 8,22 (1H, s), 8,18 (1H, d), 7,99-7,96 (2H, m), 7,87 (1H, d), 7,68 (1H, dd), 3,63 (2H, q), 1,49 (3H, t).

[0277]

Ví dụ điều chế 25

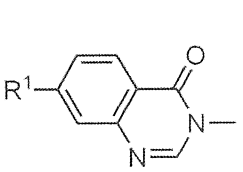
Hỗn hợp chứa hợp chất sáng chế 3-7 1,00g, tert-butyl cacbamat 272mg, 2—đixyclohexylphosphino-2',4',6'-triisopropylbiphenyl 184mg, palađi(II) axetat 69mg, xesi cacbonat 880mg và dioxan 15ml được khuấy ở 100°C trong khí quyển nitơ trong 18 giờ. Nước được bổ sung vào hỗn hợp thu được ở nhiệt độ phòng và hỗn hợp này được chiết bằng etyl axetat. Lớp hữu cơ thu được được rửa bằng nước muối bão hòa, làm khô trên natri sulfat khan và được cô dưới áp suất giảm. Phần còn lại được đưa vào sắc ký cột silica gel (etyl axetat : hexan = 1 : 1) để thu được hợp chất sáng chế 13 có công thức sau đây 173mg.

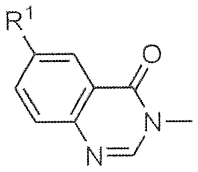


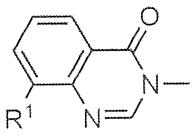
Hợp chất sáng chế 13: ^{1}H-NMR ($CDCl_3$) δ: 9,31 (1H, s), 8,21 (1H, s), 8,17-8,15 (1H, m), 7,85 (1H, d), 7,72-7,70 (1H, m), 7,68-7,63 (2H, m), 6,64 (1H, s), 3,59-3,50 (2H, m), 1,58 (9H, s), 1,46 (3H, t).

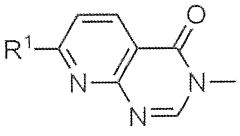
[0278]

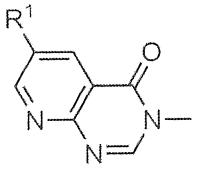
Tiếp theo, các ví dụ về hợp chất sáng chế X được điều chế theo phương pháp bất kỳ của các ví dụ điều chế được mô tả ở các ví dụ hoặc quy trình mô tả ở đây được mô tả dưới. Ở đây, T1 đến T36 là nhóm bất kỳ được thể hiện dưới đây.

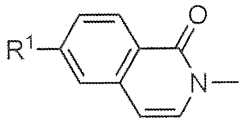

T1

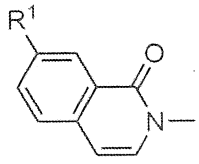

T2

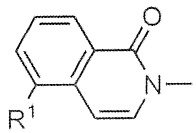

T3

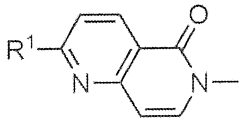

T4

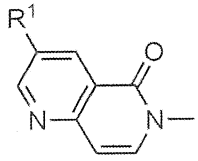

T5

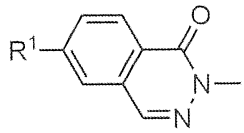

T6

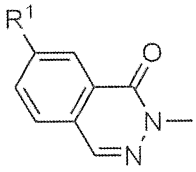

T7

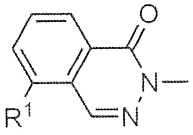

T8

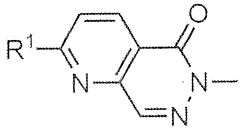

T9

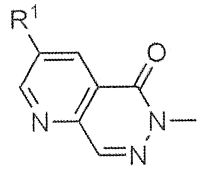

T10

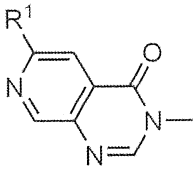

T11

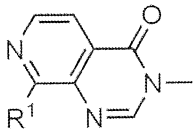

T12

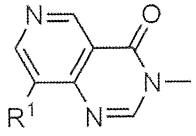

T13

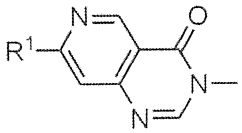

T14

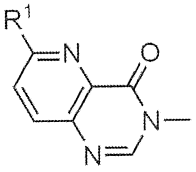

T15

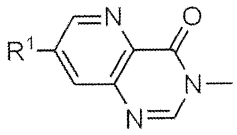

T16

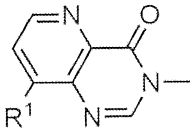

T17

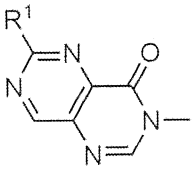

T18

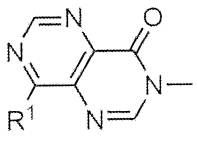

T19

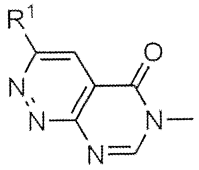

T20

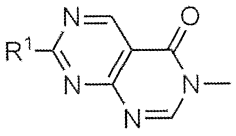

T21

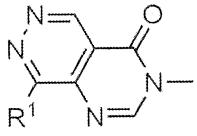

T22

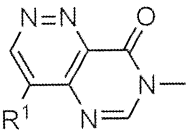

T23

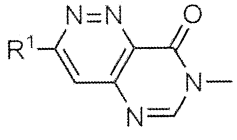

T24

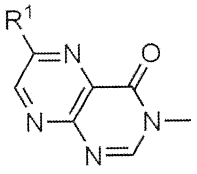

T25

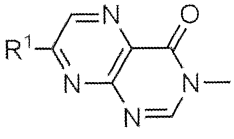

T26

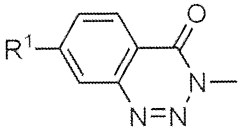

T27

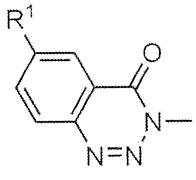

T28

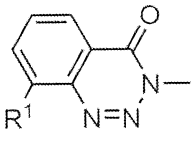

T29

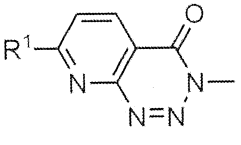

T30

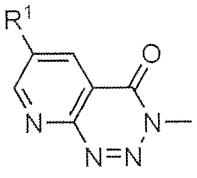

T31


T32


T33

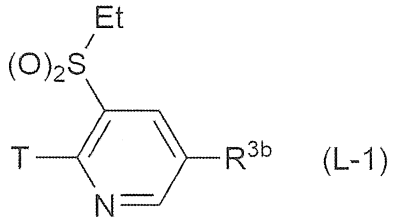

T34


T35


T36

[0279]

Hợp chất có công thức (L-1):



(L-1)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-1)), trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hydro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_1).

[0280]

[Bảng L1]

CF_3
CHF_2
CH_2CF_3
CF_2CF_3
$CH_2CF_2CF_3$
$CF_2CF_2CF_3$
$CF_2CF_2CF_2CF_3$
$CF_2CF_2CF_2CF_2CF_3$
$CF(CF_3)_2$
$C(Me)_2CN$
$CH_2C(Me)_2CN$
$CH_2CH_2C(Me)_2CN$
c-Pr
c-Bu
1-CN-c-Pr
2,2-F_2-c-Pr
Oc-Pr
Oc-Bu
O(1-CN-c-Pr)
O(2,2-F_2-c-Pr)

[Bảng L2]

SCF_3
SCH_2CF_3
SCF_2CF_3
$SCH_2CF_2CF_3$
$SCF_2CF_2CF_3$
$SCH_2CF_2CF_2CF_3$
$SCF_2CF_2CF_2CF_3$
$S(O)CF_3$
$S(O)CH_2CF_3$
$S(O)CF_2CF_3$
$S(O)CH_2CF_2CF_3$
$S(O)CF_2CF_2CF_3$
$S(O)CH_2CF_2CF_2CF_3$
$S(O)CF_2CF_2CF_2CF_3$
$S(O)_2CF_3$
$S(O)_2CH_2CF_3$
$S(O)_2CF_2CF_3$
$S(O)_2CH_2CF_2CF_3$
$S(O)_2CF_2CF_2CF_3$
$S(O)_2CH_2CF_2CF_2CF_3$
$S(O)_2CF_2CF_2CF_2CF_3$

[Bảng L3]

OCF_3
$OCHF_2$
OCH_2CF_3
OCH_2CHF_2
OCF_2CF_3
$OCH(CH_3)CF_3$
$OCH_2CF_2CHF_2$
$OCH_2CF_2CF_3$
$OCF_2CF_2CF_3$
$OCH_2CF_2CHFCF_3$
$OCH_2CF_2CF_2CF_3$
$OCF_2CF_2CF_2CF_3$
$OCH_2CF_2CF_2CF_2CF_3$
$OCH_2C(Me)_2CN$
$OCH_2CH_2C(Me)_2CN$
$OS(O)_2CF_3$
$OS(O)_2CF_2CF_3$
$OS(O)_2CF_2CF_2CF_3$
F
Cl
Br
I

[0281]

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_2).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_3).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_4).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_5).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_6).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_7).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_8).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nhóm xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_9).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{10}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{11}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{12}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{13}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{14}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{15}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{16}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{17}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{18}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{19}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{20}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{21}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{22}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{23}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{24}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{25}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{26}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{27}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{28}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{29}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{30}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{31}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{32}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{33}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{34}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{35}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{36}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{37}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{38}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{39}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm

thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{40}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{41}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{42}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{43}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{44}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{45}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{46}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{47}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{48}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{49}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{50}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{51}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{52}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{53}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{54}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{55}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{56}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{57}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{58}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{59}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{60}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{62}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{62}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{63}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{64}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{65}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{66}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{67}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nhóm xyclopropyl

và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{68}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{69}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{70}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{71}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{72}).

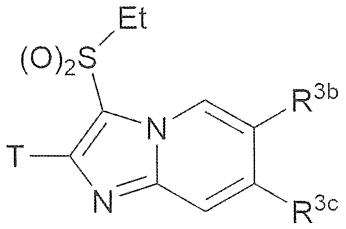
Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{73}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{74}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{75}).

[0282]

Hợp chất có công thức (L-2):



(L-2)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-2)), trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{76}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{77}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{78}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{79}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{80}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{81}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{82}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{83}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{84}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{85}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{86}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{87}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{88}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{89}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{90}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{91}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{92}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{93}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{94}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{95}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{96}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{97}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{98}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{99}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{100}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{101}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{102}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{103}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{104}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{105}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{106}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{107}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{108}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{109}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{110}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{111}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{112}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{113}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{114}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{115}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{116}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{117}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{118}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{119}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{120}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{121}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{122}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{123}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{124}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{125}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{126}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{127}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{128}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{129}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{130}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{131}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{132}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{133}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{134}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{135}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{136}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{137}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{138}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{139}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{140}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{141}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{142}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{143}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{144}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{145}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{146}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{147}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{148}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên

tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{149}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{150}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{151}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{152}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{153}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{154}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{155}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{156}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{157}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{158}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{159}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{160}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{161}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{162}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{163}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{164}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{165}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{166}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{167}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{168}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{169}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{170}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{171}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{172}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{173}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{174}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{175}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{176}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c}

là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{177}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{178}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{179}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{180}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{181}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{182}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{183}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{184}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{185}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{186}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{187}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{188}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{189}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{190}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{191}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{192}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{193}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{194}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{195}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{196}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{197}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{198}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{199}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{200}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{201}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{202}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{203}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{204}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử brom,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{205}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{206}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{207}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{208}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{209}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{210}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{211}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{212}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{213}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{214}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{215}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{216}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{217}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{218}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{219}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{220}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{221}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{222}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{223}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{224}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{225}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{226}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{227}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{228}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{229}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{230}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{231}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{232}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c}

là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{233}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{234}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{235}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{236}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{237}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{238}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{239}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{240}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{241}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{242}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{243}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{244}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{245}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{246}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{247}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{248}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{249}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{250}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{251}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{252}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{253}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{254}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{255}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{256}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{257}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{258}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{259}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{260}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{261}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{262}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{263}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{264}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{265}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{266}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{267}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{268}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{269}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{270}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{271}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{272}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{273}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{274}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{275}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{276}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{277}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{278}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{279}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{280}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{281}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{282}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{283}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{284}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{285}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{286}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{287}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{288}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{289}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{290}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{291}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{292}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{293}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{294}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{295}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{296}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{297}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{298}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{299}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{300}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{301}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{302}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{303}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{304}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{305}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{306}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{307}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{308}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{309}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{310}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{311}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{312}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{313}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{314}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{315}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{316}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{317}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{318}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{319}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{320}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{321}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{322}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{323}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{324}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{325}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{326}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{327}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{328}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{329}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{330}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{331}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{332}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{333}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{334}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{335}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{336}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{337}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{338}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{339}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{340}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{341}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{342}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{343}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{344}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{345}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{346}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{347}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{348}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{349}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{350}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{351}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{352}).

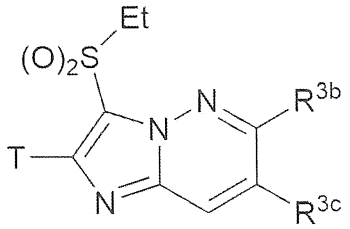
Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{353}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{354}).

[0283]

Hợp chất có công thức (L-3):



(L-3)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-3)), trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{355}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{356}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{357}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{358}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{359}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{360}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{361}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{362}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{363}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{364}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{365}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{366}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{367}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{368}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{369}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{370}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{371}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{372}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{373}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{374}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{375}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{376}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{377}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{378}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{379}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{380}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{381}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{382}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{383}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{384}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{385}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{386}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{387}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{388}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{389}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{390}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{391}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{392}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{393}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{394}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{395}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{396}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{397}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{398}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{399}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{400}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{401}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{402}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{403}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{404}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{405}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{406}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{407}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{408}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{409}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{410}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{411}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{412}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{413}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{414}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{415}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{416}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{417}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{418}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{419}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{420}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{421}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{422}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{423}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{424}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{425}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{426}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{427}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{428}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{429}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{430}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{431}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{432}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{433}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{434}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{435}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{436}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{437}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{438}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{439}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{440}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{441}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{442}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{443}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{444}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{445}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{446}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{447}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{448}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{449}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{450}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{451}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{452}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{453}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{454}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên

tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{455}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{456}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{457}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{458}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{459}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{460}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{461}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{462}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{463}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{464}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{465}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{466}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{467}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{468}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{469}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{470}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{471}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{472}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{473}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{474}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{475}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{476}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{477}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{478}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{479}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{480}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{481}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{482}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c}

là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{483}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{484}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{485}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{486}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{487}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{488}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{489}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{490}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{491}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{492}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{493}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{494}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{495}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{496}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{497}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{498}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{499}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{500}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{501}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{502}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{503}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{504}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{505}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{506}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{507}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{508}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{509}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{510}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử brom,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{511}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{512}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{513}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{514}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{515}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{516}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{517}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{518}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{519}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{520}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{521}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{522}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{523}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{524}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{525}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{526}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{527}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{528}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{529}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{530}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{531}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{532}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{533}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{534}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{535}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{536}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{537}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{538}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c}

là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{539}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{540}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{541}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{542}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{543}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{544}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{545}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{546}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{547}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{548}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{549}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{550}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{551}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{552}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{553}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{554}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{555}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{556}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{557}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{558}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{559}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{560}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{561}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{562}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{563}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{564}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{565}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{566}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{567}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{568}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{569}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{570}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{571}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{572}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{573}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{574}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{575}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{576}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{577}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{578}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{579}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{580}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{581}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{582}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{583}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{584}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{585}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{586}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{587}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{588}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{589}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{590}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{591}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{592}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{593}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{594}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{595}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{596}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{597}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{598}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{599}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{600}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{601}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{602}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{603}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{604}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{605}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{606}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{607}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{608}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{609}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{610}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{611}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{612}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{613}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{614}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{615}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{616}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{617}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{618}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{619}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{620}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{621}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{622}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{623}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{624}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{625}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{626}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{627}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{628}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{629}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{630}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{631}).

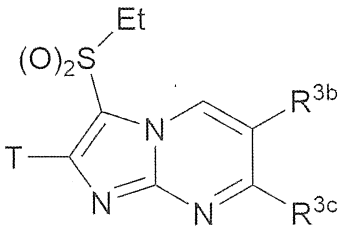
Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{632}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{633}).

[0284]

Hợp chất có công thức (L-4):



(L-4)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-4)), trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{634}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{635}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{636}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{637}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{638}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{639}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{640}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{641}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{642}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{643}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{644}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{645}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{646}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{647}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{648}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{649}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{650}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{651}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{652}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{653}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{654}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{655}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{656}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{657}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{658}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{659}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{660}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{661}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{662}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{663}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{664}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{665}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{666}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{667}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{668}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{669}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{670}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{671}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{672}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{673}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{674}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{675}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{676}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{677}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{678}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{679}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{680}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{681}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{682}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{683}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{684}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{685}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{686}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{687}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{688}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{689}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{690}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{691}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{692}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{692}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{693}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{694}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{695}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{696}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{697}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{699}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{700}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{701}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{702}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{703}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{704}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{705}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{706}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{707}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{708}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{709}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{710}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{711}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{712}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{713}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{714}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{715}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{716}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{717}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{718}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{719}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{720}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{721}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{722}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{723}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{724}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{725}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{726}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{727}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{728}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{729}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{730}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{731}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{732}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{733}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{734}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{735}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{736}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{737}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{738}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{739}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{740}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{741}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{742}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{743}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{744}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{745}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{746}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{747}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{748}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{749}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{750}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{751}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{752}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{753}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{754}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{755}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{756}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{757}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{758}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{759}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{760}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên

tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{761}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{762}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{763}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{764}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{765}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{766}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{767}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{768}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{769}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{770}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{771}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{772}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{773}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{774}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{775}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{776}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{777}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{778}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{779}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{780}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{781}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{782}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{783}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{784}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{785}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{786}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{787}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{788}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c}

là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{789}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{790}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{791}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{792}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{793}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{794}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{795}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{796}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{797}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{798}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{799}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{800}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{801}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{802}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{803}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{804}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{805}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{806}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{807}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{808}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{809}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{810}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{811}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{812}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{813}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{814}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{815}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{816}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử brom,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{817}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{818}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{819}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{820}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{821}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{822}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{823}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{824}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{825}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{826}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{827}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{828}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{829}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{830}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{831}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{832}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{833}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{834}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{835}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{836}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{837}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{838}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{839}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{840}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{841}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{842}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{843}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{844}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c}

là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{845}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{846}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{847}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{848}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{849}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{850}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{851}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{852}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{853}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{854}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{855}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{856}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{857}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{858}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{859}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{860}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{861}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{862}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{863}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{864}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{865}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{866}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{867}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{868}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{869}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{870}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{871}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{872}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{873}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{874}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{875}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{876}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{877}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{878}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{879}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{880}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{881}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{882}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{883}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{884}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{885}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{886}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{887}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{888}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{889}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{890}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{891}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{892}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{893}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{894}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{895}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{896}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{897}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{898}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{899}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{900}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{901}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{902}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{903}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{904}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{905}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{906}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{907}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{908}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{909}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

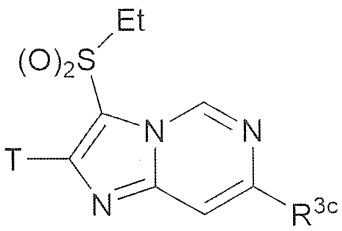
L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{910}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{911}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{912}).

[0285]

Hợp chất có công thức (L-5):



(L-5)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-5)), trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{913}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{914}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{915}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{916}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{917}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{918}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{919}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{920}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{921}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{922}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{923}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{924}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{925}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{926}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{927}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{928}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{929}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{930}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{931}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{932}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{933}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{934}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{935}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{936}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{937}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{938}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{939}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{940}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{941}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{942}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{943}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{944}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{945}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{946}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{947}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{948}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{949}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{950}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{951}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{952}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{953}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{954}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{955}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{956}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{957}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{958}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{959}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{960}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{961}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{962}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{963}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{964}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{965}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{966}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{967}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{968}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{969}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{970}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{971}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{972}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{973}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{974}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{975}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{976}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{977}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{978}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{979}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{980}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{981}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{982}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3c} là nguyên tử hyđro và

R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{983}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{984}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{985}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{986}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{987}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{988}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{989}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{990}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{991}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{992}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{993}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{994}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{995}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{996}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{997}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{998}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{999}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1000}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1001}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1002}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1003}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1004}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1005}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1006}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1007}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1008}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1009}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1010}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3c} là nguyên tử brom và

R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1011}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1012}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1013}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1014}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1015}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1016}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1017}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1018}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1019}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{1020}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1021}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1022}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1023}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1024}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1025}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1026}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1027}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1028}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1029}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1030}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1031}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1032}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1033}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1034}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1035}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1036}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1037}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1038}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm

thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1039}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1040}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1041}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1042}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1043}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1044}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1045}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1046}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1047}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{1048}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1049}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1050}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1051}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1052}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1053}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1054}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1055}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1056}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1057}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1058}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1059}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1060}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1061}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1062}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1063}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1064}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1065}).

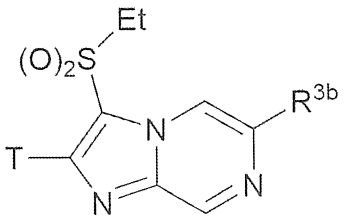
Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1066}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1067}).

[0286]

Hợp chất có công thức (L-6):



(L-6)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-6)), trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1068}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1069}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1070}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1071}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1072}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1073}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{1074}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1075}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1076}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1077}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1078}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1079}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1080}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1081}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1082}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1083}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1084}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1085}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1086}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1087}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1088}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1089}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1090}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1091}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1092}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử hyđro và

R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1093}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1094}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1095}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1096}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1097}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1098}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1099}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1100}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1101}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{1102}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1103}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1104}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1105}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1106}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1107}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1108}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1109}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1110}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1111}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1112}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1113}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1114}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1115}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1116}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T10, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1117}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1118}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1119}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1120}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử brom và

R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1121}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1122}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1123}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1124}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1125}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1126}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1127}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1128}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1129}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{1130}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1131}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1132}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1133}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1134}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1135}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1136}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T14, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1137}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1138}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1139}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1140}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1141}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T15, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1142}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1143}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1144}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1145}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1146}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T16, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1147}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1148}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm

thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1149}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1150}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1151}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T17, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1152}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1153}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1154}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1155}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1156}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T18, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1157}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi

là nhóm hợp chất SX_{1158}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1159}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1160}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1161}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T19, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1162}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1163}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1164}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1165}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1166}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T20, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1167}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1168}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1169}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1170}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1171}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T21, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1172}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1173}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1174}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1175}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1176}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T22, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1177}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1178}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1179}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1180}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1181}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T23, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1182}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1183}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1184}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1185}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{1186}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T24, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1187}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1188}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1189}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1190}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1191}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T25, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1192}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1193}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1194}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1195}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1196}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T26, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1197}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1198}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1199}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1200}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1201}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T27, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1202}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1203}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1204}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử clo và

R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1205}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1206}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T28, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1207}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1208}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1209}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1210}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1211}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T29, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1212}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1213}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{1214}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1215}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1216}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T30, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1217}).

Hợp chất (L-6), trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1218}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1219}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1220}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1221}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T31, R^{3b} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1222}).

[0287]

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{1223}).

[0288]

[Bảng L4]

F
Br
I
Me
Et
Pr
i-Pr
CHF_2
$CH=CH_2$
$CMe=CH_2$
c-Pr
c-Bu
c-Pen
c-Hex
1-F-c-Pr
2,2-F_2-c-Pr
1-CN-c-Pr
1-CN-c-Bu
1-CN-c-Pen
1-CN-c-Hex
CHO
C(O)Me
C(O)c-Pr
C(O)OEt
C(O)NHc-Pr
CH=N-OH
CH=N-OMe
CH=N-OEt
$CH=N-OCH_2CF_3$
CMe=N-OH
CMe=N-OMe
CMe=N-OEt
$CMe=N-OCH_2CF_3$
$C(NH_2)=N-OCH_2CF_3$
NO_2
CN

[Bảng L5]

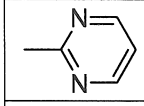
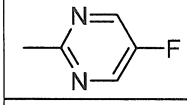
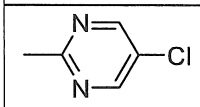
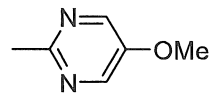
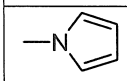
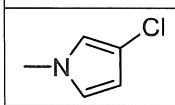
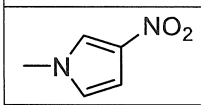
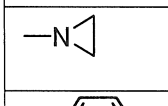
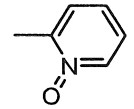
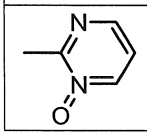
Ph
3-F-Ph
4-F-Ph
3-Cl-Ph
4-Cl-Ph
3-CF_3-Ph
4-CF_3-Ph
3-NMe_2-Ph
4-NMe_2-Ph
3-CN-Ph
4-CN-Ph
4-$C(O)NMe_2$-Ph
4-NHC(O)Me-Ph
3,4-F_2-Ph
3,5-F_2-Ph
2,4-F_2-Ph
3,4,5-F_3-Ph
3,4-Cl_2-Ph
3,5-Cl_2-Ph
3,5-Cl_2-4-F-Ph
OPh
O-2-F-Ph
O-3-CF_3-Ph
O-4-CF_3-Ph
NH_2
$NHCH_2CF_3$
NHc-Pr
NH(1-CN-c-Pr)
NHOMe
NMe_2
NHC(O)Me
NHC(O)c-Pr
NMeC(O)c-Pr
SEt
S(O)Et
$S(O)_2Et$

[Bảng L6]

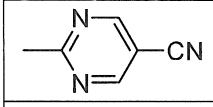
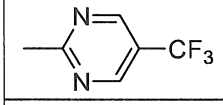
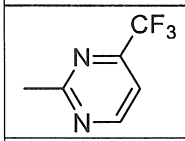
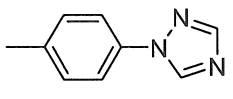
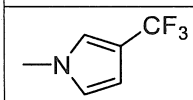
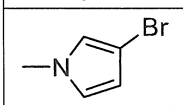
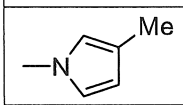
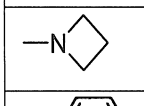
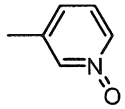
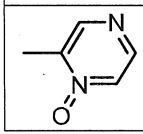
Py2
4-F-Py2
5-F-Py2
4-Cl-Py2
5-Cl-Py2
4-CF_3-Py2
5-CF_3-Py2
6-CF_3-Py2
3-Me-Py2
4-Me-Py2
5-Me-Py2
6-Me-Py2
4-CN-Py2
5-CN-Py2
5-$OCH_2CF_2CF_3$-Py2
3,5-F_2-Py2
Py3
6-CF_3-Py3
5-CF_3-Py3
6-F-Py3
6-Cl-Py3
Py4
OPy2
OPy3
OPy4
O-5-CF_3-Py2
O-6-CF_3-Py2
OMe
OEt
OPr
Oi-Pr
Oc-Pr
$OCMe_2CN$
CMe_2CN
$CMeCN_2$
CH_2CMe_2CN

[0289]

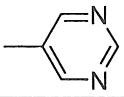
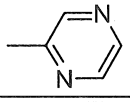
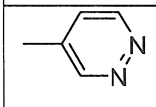
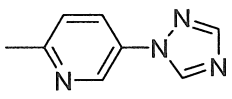
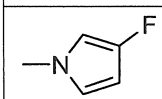
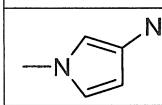
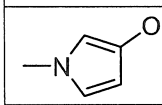
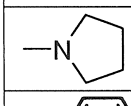
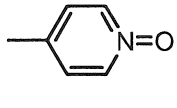
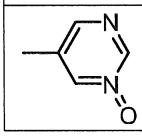
[Bảng L7]

[Bảng L8]

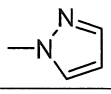
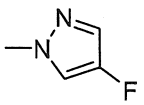
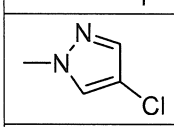
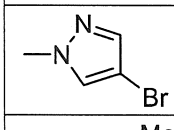
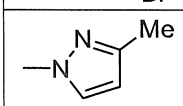
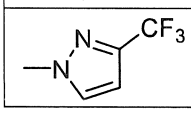











[Bảng L9]

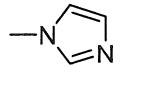
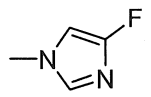
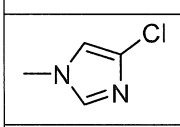
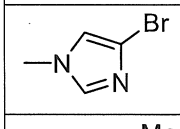
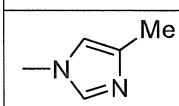
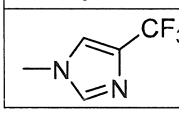











[0290]

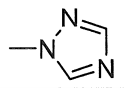
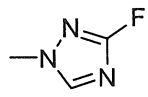
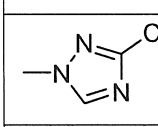
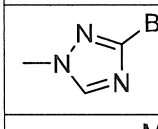
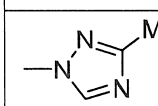
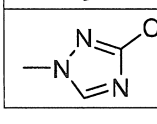
[Bảng L10]

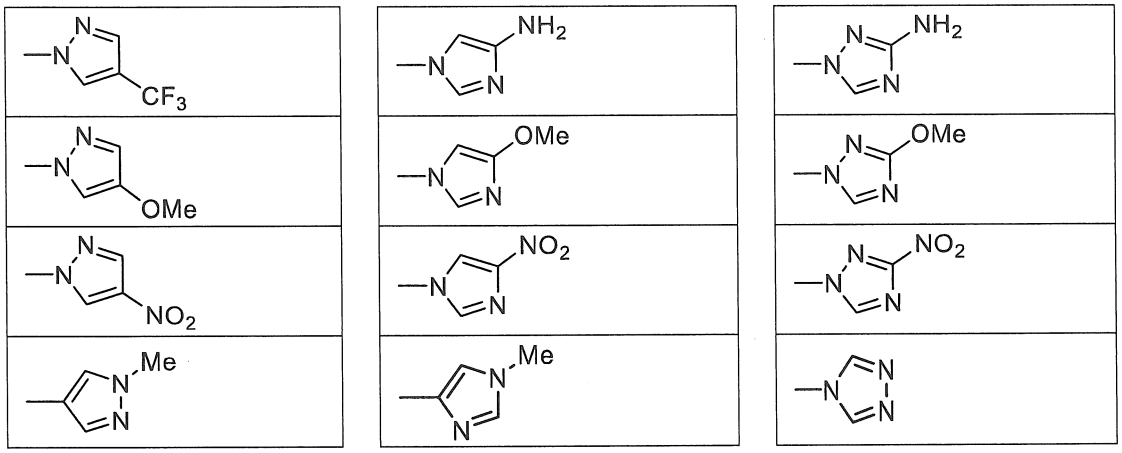







[Bảng L11]

[Bảng L12]



[0291]

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1224}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1225}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1226}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1227}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1228}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1229}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1230}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1231}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1232}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1233}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1234}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1235}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1236}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1237}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1238}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1239}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm

thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1240}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1241}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1242}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1243}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1244}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1245}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1246}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1247}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1248}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{1249}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1250}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1251}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1252}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1253}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1254}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1255}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1256}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1257}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1258}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1259}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1260}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1261}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1262}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1263}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1264}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1265}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1266}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1267}).

[0292]

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1268}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1269}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1270}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1271}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1272}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1273}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1274}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1275}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1276}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là

nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1277}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1278}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1279}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1280}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1281}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1282}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1283}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1284}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1285}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1286}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1287}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1288}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1289}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1290}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1291}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1292}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1293}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1294}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1295}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1296}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1297}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1298}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1299}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1300}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1301}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1302}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1303}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1304}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên

tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1305}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1306}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1307}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1308}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1309}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1310}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1311}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1312}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1313}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{1314}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1315}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1316}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1317}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1318}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1319}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1320}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1321}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1322}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1323}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1324}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1325}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1326}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1327}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1328}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1329}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1330}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1331}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1332}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên

tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1333}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1334}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1335}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1336}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1337}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1338}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1339}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1340}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1341}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1342}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1343}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1344}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1345}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1346}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1347}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1348}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1349}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1350}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1351}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1352}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1353}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1354}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1355}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1356}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1357}).

[0293]

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1358}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1359}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1360}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1361}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1362}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1363}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1364}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1365}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1366}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1367}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1368}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1369}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên

tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1370}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1371}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1372}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1373}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1374}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1375}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1376}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1377}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1378}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau

đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1379}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1380}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1381}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1382}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1383}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1384}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1385}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1386}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1387}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1388}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1389}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1390}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1391}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1392}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1393}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1394}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1395}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1396}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1397}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử

hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1398}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1399}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1400}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1401}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1402}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1403}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1404}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1405}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1406}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1407}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1408}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1409}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1410}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1411}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1412}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1413}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1414}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1415}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1416}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1417}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1418}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1419}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1420}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1421}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1422}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1423}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1424}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1425}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là

nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1426}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1427}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1428}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1429}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1430}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1431}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1432}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1433}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1434}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{1435}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1436}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1437}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1438}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1439}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1440}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1441}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1442}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1443}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1444}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1445}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1446}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1447}).

[0294]

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1448}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1449}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1450}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1451}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1452}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1453}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1454}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1455}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1456}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1457}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1458}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1459}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1460}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1461}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1462}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử

hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1463}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1464}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1465}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1466}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1467}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1468}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1469}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1470}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1471}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1472}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1473}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1474}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1475}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1476}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1477}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1478}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1479}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1480}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1481}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1482}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1483}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1484}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1485}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1486}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1487}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1488}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1489}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1490}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là

nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1491}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1492}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1493}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1494}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1495}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1496}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1497}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1498}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1499}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau

đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1500}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1501}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1502}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1503}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1504}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1505}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1506}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1507}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1508}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1509}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1510}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1511}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1512}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1513}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1514}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1515}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1516}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1517}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1518}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên

tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1519}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1520}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1521}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1522}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1523}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1524}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1525}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1526}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1527}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau

đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1528}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1529}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1530}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1531}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1532}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1533}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1534}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1535}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1536}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1537}).

[0295]

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1538}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1539}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1540}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1541}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1542}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1543}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1544}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1545}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1546}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1547}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1548}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1549}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1550}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1551}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1552}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1553}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1554}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1555}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là

nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1556}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1557}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1558}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1559}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1560}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1561}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1562}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1563}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1564}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{1565}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1566}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1567}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1568}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1569}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1570}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1571}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1572}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1573}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1574}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1575}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1576}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1577}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1578}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1579}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3 và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1580}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1581}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3c} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1582}).

[0296]

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1583}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1584}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1585}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1586}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1587}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1588}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1589}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1590}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1591}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1592}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm

thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1593}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1594}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1595}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1596}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1597}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1598}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1599}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1600}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1601}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{1602}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1603}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1604}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1605}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1606}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1607}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1608}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1609}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1610}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1611}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1612}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T9, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1613}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1614}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1615}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1616}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1617}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1618}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1619}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1620}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là

nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1621}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1622}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1623}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1624}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1625}).

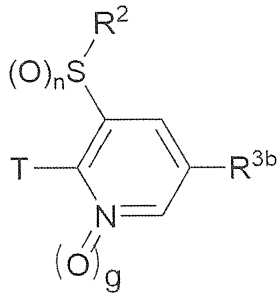
Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1626}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1627}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1628}).

[0297]

Hợp chất có công thức (L-7):



(L-7)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-7), trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1629}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1630}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1631}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1632}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1633}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1634}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1635}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1636}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1637}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1638}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1639}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1640}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1641}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1642}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1643}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1644}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1645}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1646}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1647}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1648}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1649}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1650}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1651}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1652}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1653}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1654}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1655}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1656}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1657}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1658}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1659}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1660}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1661}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1662}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1663}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1664}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1665}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1666}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1667}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1668}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1669}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1670}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1671}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1672}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1673}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1674}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1675}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1676}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1677}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1678}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1679}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1680}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1681}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1682}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1683}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1684}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1685}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1686}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1687}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1688}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1689}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1690}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1691}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1692}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1693}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1694}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1695}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1696}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1697}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1698}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1699}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1700}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1701}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1702}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1703}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1704}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1705}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1706}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1707}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1708}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1709}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1710}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1711}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1712}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1713}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1714}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1715}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1716}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1717}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1718}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1719}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1720}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1721}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1722}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1723}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1724}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1725}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1726}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1727}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1728}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1729}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1730}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1731}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1732}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1733}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1734}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1735}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1736}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1737}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1738}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1739}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1740}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1741}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1742}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1743}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1744}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1745}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1746}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1747}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1748}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1749}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1750}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1751}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1752}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1753}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1754}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1755}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1756}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1757}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1758}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1759}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1760}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1761}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1762}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1763}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1764}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1765}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1766}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1767}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1768}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1769}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1770}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1771}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1772}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1773}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1774}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1775}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1776}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1777}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1778}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1779}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1780}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1781}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1782}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1783}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1784}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1785}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1786}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1787}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1788}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1789}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1790}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1791}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1792}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1793}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1794}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1795}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1796}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1797}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1798}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1799}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1800}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1801}).

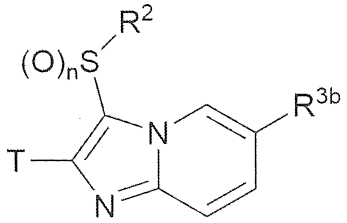
Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, g là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất

SX_{1802}).

Hợp chất (L-7) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, g là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1803}).

[0298]

Hợp chất có công thức (L-8):



(L-8)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-8), trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1804}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1805}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1806}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1807}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là

nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1808}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1809}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1810}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1811}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1812}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1813}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1814}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1815}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1816}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1817}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1818}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1819}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1820}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1821}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là

nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1822}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1823}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1824}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1825}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1826}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1827}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1828}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1829}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1830}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1831}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1832}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1833}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1834}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1835}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 2, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1836}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1837}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1838}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1839}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1840}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1841}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1842}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là

nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1843}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1844}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1845}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1846}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1847}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1848}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1849}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1850}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1851}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1852}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1853}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1854}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1855}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1856}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là

nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1857}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1858}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1859}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1860}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1861}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1862}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1863}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1864}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1865}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1866}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1867}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1868}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1869}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1870}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 2, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1871}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1872}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1873}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1874}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1875}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1876}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1877}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là

nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1878}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1879}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1880}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1881}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1882}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1883}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1884}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2

là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1885}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1886}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1887}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1888}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1889}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1890}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1891}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2

là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1892}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1893}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1894}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1895}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1896}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1897}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1898}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2

là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1899}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1900}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1901}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1902}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1903}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1904}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1905}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, R^2

là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1906}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1907}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1908}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1909}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1910}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1911}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1912}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2

là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1913}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1914}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1915}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1916}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1917}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1918}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1919}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2

là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1920}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1921}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1922}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1923}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1924}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1925}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1926}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2

là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1927}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1928}).

[0299]

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1929}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1930}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1931}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1932}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1933}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1934}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{1935}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1936}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1937}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1938}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1939}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1940}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1941}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1942}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1943}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1944}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1945}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1946}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1947}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1948}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1949}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1950}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nhóm xyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1951}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nhóm 1-xyanoxyclopropyl và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1952}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1953}).

[0300]

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1954}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1955}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1956}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1957}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1958}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1959}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1960}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1961}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1962}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1963}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1964}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1965}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1966}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1967}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1968}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1969}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1970}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1971}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1972}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1973}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1974}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1975}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1976}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1977}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1978}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1979}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1980}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1981}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1982}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1983}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1984}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1985}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1986}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1987}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1988}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1989}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1990}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên

tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1991}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1992}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1993}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1994}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1995}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1996}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1997}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1998}).

[0301]

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{1999}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên

tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2000}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2001}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2002}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2003}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2004}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2005}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2006}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2007}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2008}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây,

được gọi là nhóm hợp chất SX_{2009}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2010}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2011}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2012}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2013}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2014}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2015}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2016}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2017}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2018}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2019}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2020}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2021}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2022}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2023}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2024}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2025}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2026}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2027}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c}

là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2028}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2029}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2030}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2031}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2032}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2033}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2034}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2035}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2036}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2037}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2038}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2039}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2040}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2041}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2042}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2043}).

[0302]

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2045}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2046}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2047}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2048}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2049}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2050}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2051}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2052}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2053}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2054}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2055}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2056}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2057}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2058}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2059}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2060}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2061}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2062}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2063}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2064}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2065}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử brom,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2066}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2067}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2068}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2069}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2070}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2071}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2072}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2073}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2074}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng

L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2075}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2076}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2077}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2078}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2079}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2080}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2081}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2082}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2083}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2084}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2085}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2086}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2087}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2088}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2089}).

[0303]

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2090}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2091}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2092}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2093}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3c} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2095}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2095}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2096}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2097}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2098}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3c} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2099}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2100}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2101}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2102}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3c} là nguyên tử brom và

R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2103}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3c} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2104}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2105}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2106}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2107}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2108}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3c} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2109}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2110}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2111}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2112}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2113}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3c} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2114}).

[0304]

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2115}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2116}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2117}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2118}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2119}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2120}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{2121}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2122}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2123}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2124}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2125}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2126}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2127}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2128}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2129}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2130}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2131}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2132}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2133}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2134}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2135}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2136}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2137}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2138}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2139}).

[0305]

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2140}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2141}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2142}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2143}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2144}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2145}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2146}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2147}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2148}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2149}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2150}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2151}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2152}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2153}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất $SX_{2153\text{-}1}$).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2154}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2155}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2156}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử brom và

R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2157}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2158}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2159}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2160}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2161}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2162}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2163}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2164}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2165}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi

là nhóm hợp chất SX_{2166}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2167}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2168}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2169}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2170}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2171}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2172}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2173}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2174}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2175}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2176}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2177}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2178}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2179}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2180}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2181}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2182}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2183}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2184}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b}

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2185}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2186}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2187}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2188}).

[0306]

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2189}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2190}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2191}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2192}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2193}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là

nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2194}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2195}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2196}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2197}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2198}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2199}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2200}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2201}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2202}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2203}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2204}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2205}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2206}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2207}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2208}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2209}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2210}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2211}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2212}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2213}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2214}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2215}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2216}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2217}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2218}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2219}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2220}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2221}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là

nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2222}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2223}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2224}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2225}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2226}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2227}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2228}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2229}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2230}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2231}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2232}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2233}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2234}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2235}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2236}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2237}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2238}).

[0307]

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2239}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{2240}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2241}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2242}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2243}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2244}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2245}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2246}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2247}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2248}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2249}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2250}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2251}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2252}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2253}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2254}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2255}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2256}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2257}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2258}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm

thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2259}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2260}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2261}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2262}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2263}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2264}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2265}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2266}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2267}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2268}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2269}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2270}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2271}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2272}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2273}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2274}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2275}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2276}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2277}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2278}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2279}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2280}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2281}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2282}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2283}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2284}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2285}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2286}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử brom và

R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2287}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2288}).

[0308]

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2289}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2290}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2291}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2292}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2293}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2294}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2295}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử clo và

R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2296}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2297}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2298}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2299}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2300}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2301}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2302}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2303}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2304}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2305}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2306}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2307}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2308}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2309}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2310}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2311}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2312}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2313}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2314}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2315}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2316}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2317}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2318}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2319}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2320}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2321}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2322}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2323}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là

nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2324}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2325}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2326}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2327}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2328}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2329}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2330}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2331}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2332}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2333}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2334}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2335}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2336}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2337}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2338}).

[0309]

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2339}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2340}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2341}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2342}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2343}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2344}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2345}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2346}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2347}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2348}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2349}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2350}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2351}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2352}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2353}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2354}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2355}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2356}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2357}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2358}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2359}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2360}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là

nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2361}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2362}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2363}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2364}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2365}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2366}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2367}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2368}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2369}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{2370}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2371}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2372}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2373}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2374}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2375}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2376}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2377}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2378}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2379}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2380}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2381}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2382}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2383}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2384}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2385}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2386}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2387}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2388}).

[0310]

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2389}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2390}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2391}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2392}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32 R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2393}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2394}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2395}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2396}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2397}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T32, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b}

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2398}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2399}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2400}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2401}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2402}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33 R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2403}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2404}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2405}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2406}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi

là nhóm hợp chất SX_{2407}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T33, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2408}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2409}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2410}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2411}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2412}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34 R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2413}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2414}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2415}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2416}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2417}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T34, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2418}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2419}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2420}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2421}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2422}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2423}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2424}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2425}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử clo và

R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2426}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2427}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T35, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2428}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là CF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2429}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là C_2F_5 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2430}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2431}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là SCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2432}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2433}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là $S(O)_2CF_3$ và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2434}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2435}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2436}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2437}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T36, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2438}).

[0311]

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2439}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2440}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2441}).

[0312]

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2442}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2443}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm

thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2444}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2445}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2446}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2447}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2448}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2449}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2450}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2451}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2452}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2453}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2454}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2455}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2456}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2457}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2458}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2459}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2460}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2461}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2462}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2463}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2464}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2465}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2466}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2467}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2468}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2469}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2470}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2471}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử brom và

R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2472}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2473}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2474}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2475}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2476}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2477}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2478}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2479}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2480}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi

là nhóm hợp chất SX_{2481}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2482}).

Hợp chất (L-1) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2483}).

[0313]

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2484}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2485}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2486}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2487}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2488}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2489}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2490}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2491}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2492}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2493}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2494}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2495}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2496}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2497}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2498}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2499}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2500}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2501}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2502}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2503}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2504}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2505}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2506}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2507}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2508}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm

thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2509}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2510}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2511}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2512}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2513}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2514}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2515}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2516}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2517}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2518}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2519}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2520}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2521}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2522}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2523}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2524}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2525}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2526}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2527}).

Hợp chất (L-2) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2528}).

[0314]

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2529}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2530}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2531}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2532}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2533}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2534}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2535}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2536}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2537}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2538}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2539}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2540}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2541}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2542}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2543}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2544}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2545}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b}

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2546}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2547}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2548}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2549}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2550}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2551}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2552}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2553}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2554}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2555}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2556}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2557}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2558}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2559}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2560}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2561}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2562}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2563}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2564}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2565}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2566}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2567}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2568}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2569}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2570}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2571}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2572}).

Hợp chất (L-3) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2573}).

[0315]

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2574}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2575}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2576}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2577}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2578}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2579}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2580}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2581}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2582}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b}

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2583}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2584}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2585}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2586}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2587}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2588}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2589}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2590}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2591}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi

là nhóm hợp chất SX_{2592}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2593}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2594}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2595}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2596}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2597}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2598}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2599}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2600}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2601}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2602}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2603}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2604}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2605}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2606}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2607}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2608}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2609}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2610}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử clo và

R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2611}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2612}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2613}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2614}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2615}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2616}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2617}).

Hợp chất (L-4) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2618}).

[0316]

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2619}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b}

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2620}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2621}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2622}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2623}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2624}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2625}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2626}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2627}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2628}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp

chất SX_{2629}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2630}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2631}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2632}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2633}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2634}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2635}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2636}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2637}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2638}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2639}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2640}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2641}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2642}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2643}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2644}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2645}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2646}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2647}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b}

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2648}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2649}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2650}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2651}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2652}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2653}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2654}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2655}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2656}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi

là nhóm hợp chất SX_{2657}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2658}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2659}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2660}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2661}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2662}).

Hợp chất (L-5) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2663}).

[0317]

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2664}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2665}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2666}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2667}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2668}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2669}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2670}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2671}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2672}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2673}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2674}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2675}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2676}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2677}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2678}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2679}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2680}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2681}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2682}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T6, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2683}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2684}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b}

là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2685}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2686}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2687}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T7, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2688}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2689}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2690}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2691}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2692}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T8, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2693}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là

nhóm hợp chất SX_{2694}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2695}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2696}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2697}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T11, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2698}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2699}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2700}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2701}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2702}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T12, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2703}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là OCF_3 và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2704}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử flo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2705}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử clo và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2706}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử brom và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2707}).

Hợp chất (L-6) trong đó T là nhóm có công thức T13, R^1 là nguyên tử iot và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2708}).

[0318]

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất $SX_{2709\text{-}1}$).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất $SX_{2709\text{-}2}$).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2710}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2711}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2712}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2713}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2714}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2715}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2716}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2717}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2718}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2719}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2720}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2721}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2722}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2723}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2724}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử flo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2725}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2726}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2727}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2728}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2729}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử flo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2730}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử flo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2731}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử flo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2732}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2733}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2734}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2735}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2736}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2737}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2738}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2739}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2740}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2741}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2742}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2743}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2744}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2745}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2746}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2747}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2748}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2749}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử clo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2750}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2751}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2752}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2753}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2754}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử clo, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2755}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử clo, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2756}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử clo, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2757}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2758}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2759}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2760}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2761}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2762}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2763}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2764}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2765}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2766}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2767}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2768}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2769}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2770}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2771}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2772}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2773}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2774}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử brom, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2775}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2776}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2777}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2778}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2779}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử brom, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2780}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử brom, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2781}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử brom, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2782}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2783}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2784}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2785}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2786}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2787}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2788}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2789}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2790}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2791}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2792}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2793}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2794}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2795}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2796}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2797}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2798}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2799}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử iot, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2800}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2801}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2802}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2803}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2804}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử iot, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2805}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử iot, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2806}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là nguyên tử iot, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2807}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2808}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2809}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2810}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2811}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2812}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2813}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2814}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2815}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2816}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2817}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2818}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2819}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2820}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2821}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2822}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2823}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2824}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là OCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2825}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2826}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T4, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2827}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2828}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2829}).

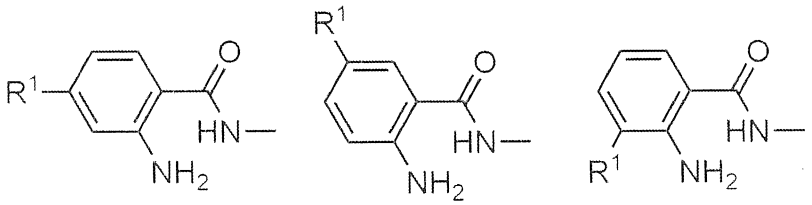
Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là OCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2830}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T5, R^1 là OCF_3, n là 0, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2831}).

Hợp chất (L-8) trong đó T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, n là 1, R^2 là nhóm etyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2832}).

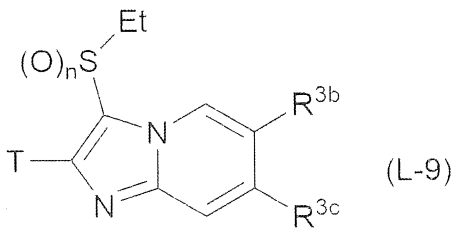
[0319]

Tiếp theo, các ví dụ về hợp chất trung gian mà được điều chế theo các ví dụ điều chế tham khảo được mô tả ở các ví dụ hoặc phương pháp điều chế tham khảo mô tả ở đây được mô tả dưới đây. Ở đây, T37 đến T39 là các nhóm bất kỳ được thể hiện dưới đây.



[0320]

Hợp chất có công thức (L-9):



(L-9)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-9)),

trong đó: n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2833}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2834}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2835}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2836}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2837}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2838}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2839}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2840}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2841}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là

nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2842}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2843}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2844}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2845}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2846}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2847}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2848}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2849}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2850}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến

[Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2851}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2852}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2853}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2854}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2855}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2856}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2857}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2858}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2859}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2860}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2861}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2862}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2863}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2864}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2865}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2866}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2867}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2868}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2869}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử

hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2870}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2871}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2872}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2873}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2874}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2875}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2876}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2877}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2878}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến

[Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2879}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2880}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2881}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2882}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2883}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2884}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2885}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2886}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2887}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2888}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2889}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2890}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2891}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2892}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2893}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2894}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2895}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2896}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2897}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là

nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2898}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2899}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2900}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2901}).

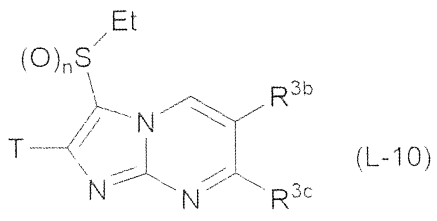
Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2902}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2903}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2904}).

[0321]

Hợp chất có công thức (L-10):



(L-10)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-10)),

trong đó n là 0, T là T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là

nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2905}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2906}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2907}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2908}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2909}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2910}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2911}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2912}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2913}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2914}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2915}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2916}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2917}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2918}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2919}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2920}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2921}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2922}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2923}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2924}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2925}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2926}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2927}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2928}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2929}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2930}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2931}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2932}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử

iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2933}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2934}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2935}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2936}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2937}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2938}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2939}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2940}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2941}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2942}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2943}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2944}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2945}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2946}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2947}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2948}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2949}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2950}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2951}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2952}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2953}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2954}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2955}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2956}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2957}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2958}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2959}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2960}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử

hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2961}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2962}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2963}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2964}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2965}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2966}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2967}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2968}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2969}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2970}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2971}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2972}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2973}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2974}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2975}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2976}).

[0322]

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2977}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2978}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2979}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2980}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2981}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2982}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2983}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2984}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2985}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2986}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2987}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2988}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2989}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2990}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2991}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2992}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2993}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2994}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2995}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2996}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2997}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, R^{3c} là

nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2998}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{2999}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3000}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3001}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3002}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3003}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3004}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3005}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3006}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3007}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3008}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3009}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3010}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3011}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3012}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3013}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3014}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3015}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3016}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3017}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3018}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3019}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3020}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3021}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3022}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3023}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3024}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3025}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là

nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3026}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3027}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3028}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3029}).

Hợp chất (L-9) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3030}).

[0323]

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3031}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3032}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3033}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3034}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$,

R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3035}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3036}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3037}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3038}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3039}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3040}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3041}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3042}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3043}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12]

(sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3044}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3045}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3046}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3047}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3048}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3049}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3050}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3051}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3052}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3053}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3054}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3055}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3056}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3057}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3058}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3059}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3060}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3061}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3062}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là OCF_3, R^{3c}

là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3063}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3064}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3065}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3066}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3067}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3068}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3069}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3070}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3071}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 0, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng

L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3072}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3073}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3074}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3075}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1 T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3076}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3077}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 1, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3078}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3079}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3080}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3081}).

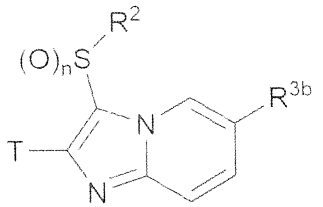
Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3082}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3083}).

Hợp chất (L-10) trong đó n là 2, T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3084}).

[0324]

Hợp chất có công thức (L-11):



(L-11)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-11)),

trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3085}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3086}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là CF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3087}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3088}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3089}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là CF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3090}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3091}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3092}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là CF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3093}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3094}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3095}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là C_2F_5, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3096}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3097}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3098}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là C_2F_5, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3099}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3100}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3101}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là C_2F_5, n là 2, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3102}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3103}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3104}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là SCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3105}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3106}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3107}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là SCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3108}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, n là 0, R^2 là

nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3109}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3110}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là SCF_3, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3111}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3112}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3113}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3114}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3115}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1,

R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3116}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3117}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3118}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3119}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3120}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3121}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3122}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T37, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2,

R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3123}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3124}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3125}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T38, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3126}).

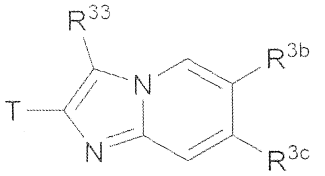
Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 0, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3127}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 1, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3128}).

Hợp chất (L-11) trong đó T là nhóm có công thức T39, R^1 là $S(O)_2CF_3$, n là 2, R^2 là nhóm metyl và R^{3b} là nguyên tử hyđro, nguyên tử clo, CF_3 hoặc các nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3129}).

[0325]

Hợp chất có công thức (L-12):



(L-12)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-12))

, trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3130}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3131}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3132}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3133}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3134}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3135}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3136}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện

ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3137}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3138}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3139}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3140}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3141}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3142}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3143}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3144}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3145}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3146}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3147}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3148}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3149}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3150}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3151}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3152}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3153}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3154}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3155}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1,

R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3156}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3157}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3158}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3159}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3160}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3161}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3162}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3163}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3164}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến

[Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3165}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3166}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3167}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3168}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3169}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3170}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3171}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3172}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3173}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3174}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3175}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3176}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3177}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3178}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3179}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3180}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3181}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3182}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3183}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b}

là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3184}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3185}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3186}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3187}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3188}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3189}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3190}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3191}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3192}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở

[Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3193}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3194}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3195}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3196}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3197}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3198}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3199}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3200}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3201}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3202}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3203}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3204}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3205}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3206}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3207}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3208}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3209}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3210}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3211}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3,

R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3212}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3213}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3214}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3215}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3216}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3217}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3218}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3219}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3220}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến

[Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3221}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3222}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3223}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3224}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3225}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3226}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3227}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3228}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3229}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3230}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3231}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3232}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3233}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro,R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3234}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3235}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3236}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3237}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3238}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3239}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3,

R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3240}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3241}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro,R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3242}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3243}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3244}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3245}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử iot và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3246}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3247}).

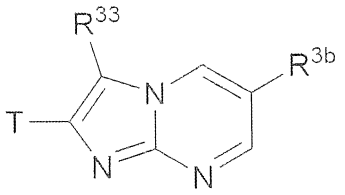
Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử chorin và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3248}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở

[Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3249}).

[0326]

Hợp chất có công thức (L-13):



(L-13)

(sau đây, được gọi là hợp chất (L-13))

, trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3250}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3251}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3252}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3253}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3254}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3255}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3256}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3257}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3258}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3259}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3260}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3261}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3262}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3263}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3264}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3265}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b}

là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3266}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3267}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3268}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3269}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3270}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3271}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3272}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3273}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3274}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1]

đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3275}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3276}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3277}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3278}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3279}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3280}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3281}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3282}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3283}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3284}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3285}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3286}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3287}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3288}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3289}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3290}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3291}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3292}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3293}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2,

R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3294}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3295}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3296}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3297}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3298}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3299}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3300}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3301}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3302}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến

[Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3303}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3304}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3305}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3306}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3307}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3308}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3309}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3310}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3311}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3312}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3313}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3314}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3315}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3316}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3317}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3318}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3319}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3320}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3321}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b}

là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3322}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3323}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3324}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3325}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3326}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3327}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3328}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3329}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3330}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1]

đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3331}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3332}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3333}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3334}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3335}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3336}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3337}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3338}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3339}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3340}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3341}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3342}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3343}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3344}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3345}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3346}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3347}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3348}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3349}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b}

là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3350}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3351}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3352}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3353}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3354}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3355}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3356}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3357}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3358}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1]

đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3359}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3360}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3361}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3362}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3363}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử clo, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3364}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử brom, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3365}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử iot, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3366}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là CF_3 và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3367}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử clo và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3368}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^{3b} là nguyên tử hyđro, R^{3c} là nguyên tử brom và R^1 là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L1] đến [Bảng L3] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3369}).

[0327]

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3370}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3371}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3372}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3373}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3374}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3375}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3376}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3377}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3378}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3379}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3380}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3381}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3382}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3383}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3384}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3385}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3386}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1

là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3387}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3388}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3389}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3390}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3391}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3392}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3393}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3394}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3395}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4]

đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3396}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3397}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3398}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3399}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3400}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3401}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3402}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3403}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3404}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3405}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3406}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3407}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3408}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3409}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3410}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3411}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3412}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3413}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3414}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1

là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3415}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3416}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3417}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3418}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3419}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3420}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3421}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3422}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3423}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến

[Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3424}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3425}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3426}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3427}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3428}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3429}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3430}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3431}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3432}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3433}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3434}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3435}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3436}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3437}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3438}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3439}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3440}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3441}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3442}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1

là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3443}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3444}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3445}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3446}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3447}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3448}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3449}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3450}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3451}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở

[Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3452}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3453}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3454}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3455}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3456}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3457}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3458}).

Hợp chất (L-12) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3459}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3460}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3461}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3462}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3463}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3464}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3465}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3466}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3467}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3468}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3469}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3470}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T1, R^1

là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3471}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3472}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3473}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3474}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3475}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3476}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3477}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3478}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3479}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng

L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3480}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3481}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3482}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3483}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3484}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3485}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3486}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3487}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3488}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T1, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3489}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3490}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3491}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3492}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3469}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3494}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3495}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3496}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3497}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3498}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1

là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3499}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3500}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3501}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3502}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3503}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3504}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3505}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3506}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3507}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4]

đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3508}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3509}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3510}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3511}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3512}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3513}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3514}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3515}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3516}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3517}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3518}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T2, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3519}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3520}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3521}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3522}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3523}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3524}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử hyđro, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3525}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3526}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1

là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3527}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3528}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3529}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3530}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử flo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3531}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo,
T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3532}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3533}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3534}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3535}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1

là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3536}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử clo, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3537}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3538}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3539}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3540}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3541}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3542}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử brom, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3543}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là CF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3544}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là C_2F_5, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến

[Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3545}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là OCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3546}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là SCF_3, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3547}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3548}).

Hợp chất (L-13) trong đó R^{33} là nguyên tử iot, T là nhóm có công thức T3, R^1 là $S(O)_2CF_3$, R^{3c} là nguyên tử hyđro và R^{3b} là nhóm thế bất kỳ được thể hiện ở [Bảng L4] đến [Bảng L12] (sau đây, được gọi là nhóm hợp chất SX_{3549}).

[0328]

Tiếp theo, các ví dụ bào chế của hợp chất sáng chế X được thể hiện dưới đây. "Phần" là "phần trọng lượng". Ngoài ra, hợp chất sáng chế S là các hợp chất được mô tả là các nhóm hợp chất từ SX1 đến SX2832.

[0329]

Ví dụ bào chế 1

Bổ sung vào hỗn hợp chứa 10 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 35 phần xylen và 35 phần DMF và bổ sung tiếp 14 phần polyoxyetylen styryl phenyl ete và 6 phần canxi dodecylbenzen sulfonat, sau đó trộn chúng để thu được từng chế phẩm.

[0330]

Ví dụ bào chế 2

Trộn bốn (4) phần natri lauryl sulfat, 2 phần canxi lignin sulfonat, 20 phần silica xử lý ướt và 54 phần đất tảo silic (diatomaceous earth) với nhau và bổ sung thêm 20 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S vào đó, sau đó trộn chúng để

thu được từng chế phẩm.

[0331]

Ví dụ bào chế 3

Bổ sung vào 2 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 1 phần silica xử lý ướt, 2 phần canxi lignin sulfonat, 30 phần bentonit và 65 phần đất sét cao lanh, sau đó trộn lẫn. Sau đó, bổ sung vào hỗn hợp này lượng nước thích hợp, và hỗn hợp được khuấy tiếp, được tạo hạt bằng máy tạo hạt và làm khô bằng không khí cưỡng bức để thu được từng chế phẩm.

[0332]

Ví dụ bào chế 4

Trộn vào lượng axeton thích hợp, 1 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, và bổ sung tiếp 5 phần silica xử lý ướt, 0,3 phần axit isopropyl phosphat và 93,7 phần đất sét cao lanh, sau đó trộn chúng bằng cách khuấy kỹ và loại bỏ axeton ra khỏi hỗn hợp bằng cách làm bay hơi để thu được từng chế phẩm.

[0333]

Ví dụ bào chế 5

Hỗn hợp chứa 35 phần muối polyoxyetylen alkyl ete sulfat ammoni và silica xử lý ướt (tỷ lệ trọng lượng là 1:1), 20 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S và 45 phần nước được trộn vừa đủ để thu được từng chế phẩm.

[0334]

Ví dụ bào chế 6

Trộn mười (10) phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 18 phần rượu benzyl và 9 phần DMSO với nhau và bổ sung thêm 6,3 phần GERONOL (nhãn hiệu đã được đăng ký) TE250, 2,7 phần Etylan (nhãn hiệu đã được đăng ký) NS-500LQ và 54 phần solventnaphtha vào đó, và sau đó trộn lẫn để thu được từng chế phẩm.

[0335]

Ví dụ bào chế 7

Trộn vào hỗn hợp chứa 5 phần xylen và 5 phần tricloetan, 0,1 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, và sau đó trộn hỗn hợp thu được với 89,9 phần dầu hỏa (kerosene) để thu được từng dung dịch.

[0336]

Ví dụ bào chế 8

Trộn vào 0,5ml axeton, 10mg hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, và dung dịch được bổ sung nhỏ giọt vào 5g bột thức ăn rắn cho động vật (bột thức ăn rắn để chăn nuôi và nhân giống CE-2, được sản xuất bởi CLEA Japan, Inc.), sau đó trộn đều hỗn hợp thu được và tiếp theo làm khô chúng bằng cách làm bay hơi axeton để thu được từng mồi độc.

[0337]

Ví dụ bào chế 9

Cho 0,1 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S và 49,9 phần Neothiozole (được sản xuất bởi Chuo Kasei Co., Ltd.) vào bình sol khí. Sau khi lắp van sol khí, làm đầy bình với 25 phần đimetyl ete và 25 phần LPG, sau đó lắc bình và lắp thêm cơ cấu dẫn động để thu được từng bình sol khí có dầu.

[0338]

Ví dụ bào chế 10

Hỗn hợp chứa 0,6 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 0,01 phần 2,6-di-tert-butyl-4-metylphenol, 5 phần xylen, 3,39 phần dầu hỏa (kerosene) và 1 phần Rheodol (nhãn hiệu đã được đăng ký) MO-60 (được sản xuất bởi Kao Corporation) và 50 phần nước cất được làm đầy vào bình chứa sol khí và phần van của bình chứa được gắn vào. Sau đó, 40 phần LPG được nạp vào trong thông qua van dưới áp suất để thu được từng bình sol khí có nước.

[0339]

Ví dụ bào chế 11

Trộn 0,1g hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S vào 2ml propylen glycol và tẩm dung dịch thu được vào đĩa gốm có kích cỡ là 4,0cm × 4,0cm và độ dày

là 1,2cm để thu được từng thuốc hun nhiệt.

[0340]

Ví dụ bào chế 12

Năm (5) phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S và 95 phần etylen-metyl metacrylat copolyme (tỷ lệ của metyl metacrylat trong copolyme: 10% trọng lượng) được nung chảy và nhào, và sản phẩm đã nhào thu được được ép đùn từ máy đúc ép đùn để thu được từng sản phẩm đúc dạng que có độ dài là 15cm và đường kính là 3mm.

[0341]

Ví dụ bào chế 13

Năm (5) phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S và 95 phần nhựa polyvinyl clorua dẻo được nung chảy và nhào, và sản phẩm đã nhào thu được được ép đùn từ máy đúc ép đùn để thu được từng sản phẩm đúc dạng que có độ dài là 15cm và đường kính là 3mm.

[0342]

Ví dụ bào chế 14

Trộn một trăm (100)mg hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 68,75mg lactoza, 237,5mg tinh bột ngô, 43,75mg xenluloza vi tinh thể, 18,75mg polyvinylpyrrolidon, 28,75mg tinh bột natri carboxymetyl và 2,5mg magiê stearat với nhau và hỗn hợp thu được được nén thành kích cỡ thích hợp để thu được từng viên nén.

[0343]

Ví dụ bào chế 15

Trộn hai mươi lăm (25)mg hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 60mg lactoza, 25mg tinh bột ngô, 6mg carmelloza canxi và lượng thích hợp dung dịch hyđroxypropyl metylxenluloza 5% có nước với nhau và các hỗn hợp thu được làm đầy vào viên nang vỏ cứng gelatin hoặc viên nang hyđroxypropyl metylxenluloza để thu được từng viên nang.

[0344]

Ví dụ bào chế 16

100mg hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 500mg axit fumaric, 2000mg natri clorua, 150mg metyl paraben, 50mg propyl paraben, 25.000mg đường hạt, 13.000mg socbitol (70% dung dịch), 100mg Veegum (nhãn hiệu đã được đăng ký) K (được sản xuất bởi Vanderbilt Co.), 35mg hương liệu và 500mg chất tạo màu, nước cất được bổ sung thêm sao cho thể tích cuối cùng là 100mL, tiếp theo trộn các hỗn hợp này để thu được từng huyền phù dùng cho đường miệng.

[0345]

Ví dụ bào chế 17

Trộn vào hỗn hợp chứa 5 phần chất nhũ hóa, 3 phần rượu benzyl và 30 phần propylen glycol, 5 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S và chất đệm phosphat được bổ sung vào đó sao cho độ pH của dung dịch là 6,0 đến 6,5 và nước được bổ sung cho các phần còn lại để thu được từng dung dịch dùng cho đường miệng.

[0346]

Ví dụ bào chế 18

Bổ sung 5 phần nhôm đistearat vào hỗn hợp chứa 57 phần dầu cọ chưng cất phân đoạn và 3 phần polysorbate 85, và đun nóng để phân tán chúng. Hỗn hợp thu được được làm nguội về nhiệt độ phòng và 25 phần sacarin được phân tán trong chất dẫn dầu. Mười (10) phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S được chia thêm vào để thu được từng bột nhão dùng cho đường miệng.

[0347]

Ví dụ bào chế 19

Năm (5) phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S được trộn với 95 phần chất độn đá vôi, sau đó bằng cách tạo hạt ướt hỗn hợp thu được để thu được từng hạt dùng cho đường miệng.

[0348]

Ví dụ bào chế 20

Trộn vào 80 phần đietylen glycol monoetyl ete, 5 phần hợp chất bất kỳ trong số

các hợp chất sáng chế S, và 15 phần propylen cacbonat được bổ sung vào đó và hỗn hợp thu được được trộn để thu được từng dung dịch dùng tại điểm.

[0349]

Ví dụ bào chế 21

Trộn vào 70 phần đietylen glycol monoetyl ete, 10 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S và 20 phần 2-octyldodecanol được bổ sung thêm vào đó và hỗn hợp thu được được trộn để thu được từng dung dịch dạng rót.

[0350]

Ví dụ bào chế 22

Bổ sung vào 0,1 phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 40 phần natri polyoxyetylen laurylete sulfat (dung dịch 25%), 5 phần lauramidopropyl betain, 5 phần monoetanolamit axit béo từ dừa, 0,5 phần cacboxy vinyl polyme và 49,4 phần nước tinh khiết và hỗn hợp thu được được trộn vừa đủ để thu được từng chế phẩm dầu gội.

[0351]

Ví dụ bào chế 23

Không phẩy mười lăm (0,15) phần hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S, 95 phần thức ăn gia súc, cũng như 4,85 phần hỗn hợp chứa đibazơ canxi phosphat, đất tảo silic, Aerosil (nhãn hiệu đã được đăng ký) và cacbonat (hoặc đá phấn) được trộn vừa đủ để thu được từng hỗn hợp trộn sẵn dành cho thức ăn gia súc.

[0352]

Ví dụ bào chế 24

Bảy phẩy hai (7,2)g hợp chất bất kỳ trong số các hợp chất sáng chế S và 92,8g Hosco (nhãn hiệu đã được đăng ký) S-55 được trộn ở 100°C và hỗn hợp thu được được rót vào khuôn thuốc đạn, tiếp theo thực hiện hóa rắn nguội để thu được từng thuốc đạn.

[0353]

Tiếp theo, các ví dụ thử nghiệm được sử dụng để thể hiện hiệu quả của hợp chất sáng chế X trong việc kiểm soát các động vật chân đốt gây hại.

Các ví dụ thử nghiệm sau đây được thực hiện ở 25°C.

[0354]

Phương pháp thử nghiệm 1

Các hợp chất thử nghiệm được làm thành chế phẩm theo phương pháp tương tự với phương pháp được mô tả ở ví dụ bào chế 6 và còn được bổ sung thêm nước chứa 0,03% thể tích/thể tích của máy rải để điều chế dung dịch pha loãng chứa nồng độ quy định của hợp chất thử nghiệm này.

Cây giống dưa chuột (*Cucumis sativus*) (vào giai đoạn phát triển của lá thật thứ hai) được trồng trong vật chứa và khoảng 30 con rệp bông (*Aphis gossypii*) (tất cả các giai đoạn sống) được thả lên các lá của cây dưa chuột này. Sau 1 ngày, xịt các dung dịch pha loãng này lên cây giống theo tỷ lệ 10mL/cây giống. Ngoài ra, sau 5 ngày, kiểm tra số lượng côn trùng sống sót và tính giá trị kiểm soát theo phương trình sau đây.

Giá trị kiểm soát (%) = {1-(Cb×Tai)/(Cai×Tb)}×100

trong đó, các ký hiệu trong công thức là các mô tả sau đây.

Cb: Số lượng côn trùng thử nghiệm trong nhóm không được xử lý;

Cai: Số lượng côn trùng sống sót tại thời điểm khảo sát trong nhóm không được xử lý;

Tb: Số lượng côn trùng thử nghiệm trong nhóm được xử lý;

Tai: Số lượng côn trùng sống sót tại thời điểm khảo sát trong nhóm được xử lý;

Ở đây, "nhóm không được xử lý" là nhóm có quy trình xử lý tương tự quy trình xử lý của nhóm được xử lý ngoại trừ việc không sử dụng hợp chất thử nghiệm đã hoàn thành.

[0355]

Ví dụ thử nghiệm 1-1

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 500ppm và sử

dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 1. Kết quả của thử nghiệm là, các hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện giá trị kiểm soát là 90% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế : 1-1, 1-2, 2-1, 2-5, 2-7, 2-11, 2-12, 2-15, 2-18, 2-19, 2-21, 2-25, 2-26, 2-36, 3-1, 3-2, 3-4, 3-5, 3-6, 3-7, 3-8, 3-9, 3-10, 3-11, 3-12, 3-13, 3-14, 3-15, 3-16, 3-17, 3-18, 3-19, 3-20, 3-21, 3-22, 3-23, 3-24, 3-25, 3-26, 3-27, 3-28, 3-29, 3-30, 3-31, 3-32, 3-33, 3-34, 3-35, 3-36, 3-38, 4-2, 5-1, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-4, 6-5, 6-6, 7-1, 7-2, 7-3, 7-4, 7-6, 8-1, 8-2, 9, 11, 12-1, 12-2 và 13

[0356]

Ví dụ thử nghiệm 1-2

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 200ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 1. Kết quả của thử nghiệm là, các hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện giá trị kiểm soát là 90% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 1-1, 1-2, 2-1, 2-5, 2-7, 2-11, 2-12, 2-15, 2-18, 2-19, 2-21, 2-25, 2-26, 2-36, 3-1, 3-2, 3-4, 3-5, 3-6, 3-7, 3-8, 3-9, 3-10, 3-11, 3-12, 3-13, 3-14, 3-15, 3-16, 3-17, 3-18, 3-19, 3-20, 3-21, 3-22, 3-23, 3-24, 3-25, 3-26, 3-27, 3-28, 3-29, 3-30, 3-31, 3-32, 3-33, 3-34, 3-35, 3-36, 3-38, 4-2, 5-1, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-4, 6-5, 6-6, 7-1, 7-2, 7-3, 7-4, 7-6, 8-1, 8-2, 9, 11, 12-1, 12-2 và 13

[0357]

Phương pháp thử nghiệm 2

Các hợp chất thử nghiệm được làm thành chế phẩm theo phương pháp tương tự như phương pháp được mô tả ở ví dụ bào chế 6 và còn được bổ sung thêm nước chứa 0,03% thể tích/thể tích của máy rải để điều chế dung dịch pha loãng chứa nồng độ quy định của hợp chất thử nghiệm này.

Cây giống lúa (Oryza sativa) (vào giai đoạn phát triển của lá thật thứ hai) được trồng trong vật chứa và các dung dịch pha loãng này được phun lên cây giống này theo tỷ lệ là 10ml/cây giống. Sau đó, 20 ấu trùng tuổi 3 của rầy nâu (*Nilaparvata lugens*)

được thả lên các lá lúa. Sau 6 ngày, tỷ lệ chết được tính theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = {1- số lượng côn trùng sống sót/20} × 100

[0358]

Ví dụ thử nghiệm 2-1

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 500ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 2. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện giá trị kiểm soát là 90% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 7-3

[0359]

Ví dụ thử nghiệm 2-2

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 200ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 2. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện giá trị kiểm soát là 90% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 7-3

[0360]

Phương pháp thử nghiệm 3

Các hợp chất thử nghiệm được tạo thành chế phẩm theo phương pháp tương tự như phương pháp được mô tả ở ví dụ bào chế 6 và còn được bổ sung thêm nước chứa 0,03% thể tích/thể tích của máy rải để điều chế dung dịch pha loãng chứa nồng độ quy định của hợp chất thử nghiệm này.

Các con bọ phấn thuốc lá (Bemisia tabaci) được thả lên cây giống cà chua (Lycopersicon esculentum) mà được trồng trong vật chứa và sau đó đẻ trứng trong khoảng 24 giờ. Cây giống này được bảo quản trong 8 ngày và ấu trùng của các con bọ phấn thuốc lá nở ra từ những trứng đã đẻ. Các dung dịch pha loãng này được phun lên cây giống này theo tỷ lệ là 10ml/cây giống. Sau 7 ngày, kiểm tra số lượng côn trùng sống sót và tính giá trị kiểm soát theo phương trình sau đây.

Giá trị kiểm soát (%) = {1-(Cb×Tai)/(Cai×Tb)}×100

trong đó, các ký hiệu trong công thức là các mô tả sau đây.

Cb: Số lượng côn trùng ngay trước khi xử lý trong nhóm không được xử lý;

Cai: Số lượng côn trùng sống sót tại thời điểm khảo sát trong nhóm không được xử lý;

Tb: Số lượng côn trùng ngay trước khi xử lý trong nhóm được xử lý;

Tai: Số lượng côn trùng sống sót tại thời điểm khảo sát trong nhóm được xử lý;

Ở đây, "nhóm không được xử lý" là nhóm mà quy trình xử lý tương tự quy trình xử lý của nhóm được xử lý ngoại trừ việc không sử dụng hợp chất thử nghiệm đã hoàn thành.

[0361]

Ví dụ thử nghiệm 3-1

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 500ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 3. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện giá trị kiểm soát là 90% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 3-28 và 3-30

[0362]

Ví dụ thử nghiệm 3-2

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 200ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 3. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện giá trị kiểm soát là 90% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 3-28 và 3-30

[0363]

Phương pháp thử nghiệm 4

Các hợp chất thử nghiệm được tạo thành chế phẩm theo phương pháp tương tự như phương pháp được mô tả ở ví dụ bào chế 6 và còn được bổ sung thêm nước chứa

0,03% thể tích/thể tích Shindain (nhãn hiệu đã được đăng ký) để điều chế dung dịch pha loãng chứa nồng độ quy định của hợp chất thử nghiệm này.

Cây giống cải bắp (*Brassicae oleracea*) (vào giai đoạn phát triển của lá thật thứ 2 đến thứ 3) được trồng trong cốc và các dung dịch pha loãng này được phun vào cây giống theo tỷ lệ là 20ml/cây giống. Sau đó, thân và lá của nó được cắt ra và sau đó được đặt vào cốc đã được phủ giấy lọc ở đáy cốc. Năm (5) sâu tơ (*Plutella xylostella*) ở giai đoạn ấu trùng tuổi 2 được thả vào trong cốc. Sau 5 ngày, đếm số lượng côn trùng sống sót và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (1 - Số lượng côn trùng sống sót/5) × 100

[0364]

Ví dụ thử nghiệm 4-1

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 500ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 4. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện tỷ lệ chết của côn trùng là 80% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 1-1, 1-2, 2-1, 2-5, 2-6, 2-11, 2-12, 2-15, 2-18, 2-19, 2-21, 2-25, 2-26, 2-36, 3-1, 3-2, 3-4, 3-5, 3-6, 3-7, 3-8, 3-9, 3-10, 3-11, 3-12, 3-13, 3-14, 3-15, 3-16, 3-17, 3-18, 3-19, 3-20, 3-21, 3-22, 3-23, 3-24, 3-25, 3-26, 3-27, 3-28, 3-29, 3-30, 3-31, 3-32, 3-33, 3-34, 3-35, 3-36, 3-38, 4-2, 5-1, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-4, 6-5, 6-6, 7-1, 7-2, 7-3, 7-4, 7-5, 7-6, 8-1, 8-2, 9, 11, 12-1, 12-2 và 13

[0365]

Ví dụ thử nghiệm 4-2

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 200ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 4. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện tỷ lệ chết của côn trùng là 80% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 1-1, 1-2, 2-1, 2-5, 2-6, 2-11, 2-12, 2-15, 2-18, 2—19, 2-21, 2-25, 2-26, 2-36, 3-1, 3-2, 3-4, 3-5, 3-6, 3-7, 3-8, 3-9, 3-10, 3-11, 3-12, 3-13, 3-14, 3-

15, 3-16, 3-17, 3-18, 3-19, 3-20, 3-21, 3-22, 3-23, 3-24, 3-25, 3-26, 3-27, 3-28, 3-29, 3-30, 3-31, 3-32, 3-33, 3-34, 3-35, 3-36, 3-38, 4-2, 5-1, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-4, 6-5, 6-6, 7-1, 7-2, 7-3, 7-4, 7-5, 7-6, 8-1, 8-2, 9, 11, 12-1, 12-2 và 13

[0366]

Phương pháp thử nghiệm 5

Các hợp chất thử nghiệm được tạo thành chế phẩm theo phương pháp tương tự như phương pháp được mô tả ở ví dụ bào chế 6 và còn được bổ sung thêm nước chứa 0,03% thể tích/thể tích Shindain (nhãn hiệu đã được đăng ký) để điều chế dung dịch pha loãng chứa nồng độ quy định của hợp chất thử nghiệm này.

Cây giống cải bắp (*Brassicae oleracea*) (vào giai đoạn phát triển của lá thật thứ ba đến thứ tư) được trồng trong cốc và các dung dịch pha loãng này được phun vào cây giống theo tỷ lệ là 20ml/cây giống. Sau đó, 10 sâu bông (*Spodoptera litura*) ở giai đoạn ấu trùng tuổi 3 được thả vào. Sau 6 ngày, đếm số lượng côn trùng sống sót và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (1 - Số lượng côn trùng sống sót/10) × 100

[0367]

Ví dụ thử nghiệm 5-1

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 500ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 5. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện tỷ lệ chết của côn trùng là 80% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 1-1, 1-2, 2-1, 2-5, 2-11, 2-12, 2-15, 2-18, 2-19, 2-21, 2-25, 2-26, 2-36, 3-1, 3-2, 3-4, 3-5, 3-6, 3-7, 3-8, 3-9, 3-10, 3-11, 3-12, 3-13, 3-14, 3-15, 3-16, 3-17, 3-18, 3-19, 3-20, 3-21, 3-22, 3-23, 3-24, 3-25, 3-26, 3-27, 3-28, 3-29, 3-30, 3-31, 3-32, 3-33, 3-34, 3-35, 3-36, 4-2, 5-1, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-4, 6-5, 6-6, 7-1, 7-2, 7-3, 7-4, 7-6, 8-1, 8-2, 9, 11, 12-1, 12-2 và 13.

[0368]

Ví dụ thử nghiệm 5-2

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 200ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 5. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện tỷ lệ chết của côn trùng là 80% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 1-1, 1-2, 2-1, 2-5, 2-11, 2-12, 2-15, 2-18, 2-19, 2-21, 2-25, 2-26, 2-36, 3-1, 3-2, 3-4, 3-5, 3-6, 3-7, 3-8, 3-9, 3-10, 3-11, 3-12, 3-13, 3-14, 3-15, 3-16, 3-17, 3-18, 3-19, 3-20, 3-21, 3-22, 3-23, 3-24, 3-25, 3-26, 3-27, 3-28, 3-29, 3-30, 3-31, 3-32, 3-33, 3-34, 3-35, 3-36, 4-2, 5-1, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-4, 6-5, 6-6, 7-1, 7-2, 7-3, 7-4, 7-6, 8-1, 8-2, 9, 11, 12-1, 12-2 và 13.

[0369]

Phương pháp thử nghiệm 6

Các hợp chất thử nghiệm được tạo thành chế phẩm theo phương pháp tương tự như phương pháp được mô tả ở ví dụ bào chế 5 và bổ sung thêm nước vào đó để điều chế dung dịch pha loãng chứa nồng độ quy định của hợp chất thử nghiệm này.

Giấy lọc có đường kính là 5,5cm được trải dưới đáy cốc và sau đó 0,7ml các dung dịch pha loãng này được bổ sung nhỏ giọt vào giấy lọc và 30mg sucroza được đặt đều trên giấy lọc là mồi nhử. Mười (10) ruồi nhà (*Musca domestica*) cái trưởng thành được thả vào trong cốc và sau đó che cốc lại bằng nắp. Sau 24 giờ, kiểm tra số lượng côn trùng đã chết và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (Số lượng côn trùng chết/Số lượng côn trùng được thử nghiệm) × 100

[0370]

Ví dụ thử nghiệm 6

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 500ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 6. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện tỷ lệ chết của côn trùng là 70% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 2-2, 2-6, 2-11, 2-12, 2-15, 3-1, 3-2, 3-6, 3-12, 3-13, 3-20, 3-

24, 6-1

[0371]

Phương pháp thử nghiệm 7

Dung dịch axeton được điều chỉnh đến 800ppm của hợp chất thử nghiệm được rót vào vật chứa có 20ml hàm lượng và hợp chất sáng chế được phủ đều lên mặt trong của vật chứa để tạo ra 40mg/m^2 và tiếp đó, vật chứa được làm khô.

Trong vật chứa, năm (5) con ruồi nhà (*Musca domestica*) cái trưởng thành được thả vào trong vật chứa và sau đó vật chứa này được che lại bằng nắp. Sau khi kết thúc thời gian quy định, kiểm tra trạng thái của ruồi nhà và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (Số lượng côn trùng chết/Số lượng côn trùng được thử nghiệm) × 100

[0372]

Ví dụ thử nghiệm 7-1

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách thực hiện thời gian quy định trôi qua là 1 giờ và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 7. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện tỷ lệ chết của côn trùng là 80% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 2-5, 3-5, 4-2, 6-2, 6-3, 8-1, 8-2

[0373]

Ví dụ thử nghiệm 7-2

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách thực hiện thời gian quy định trôi qua là 1 ngày và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 7 và hiệu quả của sáng chế được xác nhận.

[0374]

Phương pháp thử nghiệm 8

Các hợp chất thử nghiệm được tạo thành chế phẩm theo phương pháp tương tự như phương pháp được mô tả ở ví dụ bào chế 5 và bổ sung thêm nước vào đó để điều

chế dung dịch pha loãng chứa nồng độ quy định của hợp chất thử nghiệm này.

Trong dung dịch pha loãng, 30 muỗi nhà thông thường (*Culex pipiens pallens*) ở giai đoạn ấu trùng tuổi cuối được thả ra, và sau 1 ngày, kiểm tra tình trạng của ấu trùng muỗi nhà và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (Số lượng côn trùng chết/Số lượng côn trùng được thử nghiệm) × 100

[0375]

Ví dụ thử nghiệm 8

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 3,5ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 8. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện tỷ lệ chết của côn trùng là 91% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế: 1-2, 2-1, 2-2, 2-3, 2-5, 2-6, 2-11, 2-12, 2-15, 3-1, 3-2, 3-3, 3-5, 3-6, 3-8, 3-12, 3-13, 3-16, 3-17, 3-20, 3-24, 3-26, 4-2, 5-1, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-5, 6-6, 8-1, 8-2 và 11

[0376]

Phương pháp thử nghiệm 9

Mỗi 1mg các hợp chất thử nghiệm được hòa tan vào 50μL dung dịch hỗn hợp chứa polyoxyetylen sorbitan mono-cocoat và axeton (polyoxyetylen sorbitan mono-cocoat : axeton = 5 : 95 (tỷ lệ thể tích/thể tích)). Bổ sung thêm nước chứa 0,03% theo thể tích Shindain (nhãn hiệu đã được đăng ký) để điều chế dung dịch pha loãng chứa nồng độ quy định của hợp chất thử nghiệm này.

Toàn bộ cây giống ngô non (*Zea mays*) được ngâm trong dung dịch pha loãng trong 30 giây. Sau đó, mỗi hai hạt của các cây giống được đặt vào đĩa petri bằng chất dẻo (bán kính 90mm) và 10 con sâu đục rễ ngô (*Diabrotica virgifera virgifera*) ở giai đoạn ấu trùng tuổi 2 được thả vào trong đĩa. Sau 5 ngày, đếm số lượng côn trùng đã chết và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (Số lượng côn trùng chết/10} × 100

[0377]

Ví dụ thử nghiệm 9-1

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 500ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 9. Kết quả của thử nghiệm là, hợp chất sáng chế X được nhắc đến dưới đây thể hiện tỷ lệ chết của côn trùng là 80% hoặc lớn hơn.

Hợp chất sáng chế X: 1-2, 2-1, 2-11, 2-18, 2-19, 2-21, 2-25, 2-26, 3-1, 3-9, 3-10, 3-11, 3-12, 3-13, 3-15, 3-16, 3-19, 3-2 0 , 3-21, 3-22, 3-23, 3-24, 3-25, 3-27, 3-28, 3-29, 3-30, 4-2, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-4, 6-5, 6-6, 7-2, 7-6, 8-1, 11, 12-1 và 13

[0378]

Ví dụ thử nghiệm 9-2

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách tạo ra nồng độ quy định 200ppm và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 9 và hiệu quả của sáng chế được xác nhận.

[0379]

Phương pháp thử nghiệm 10

Dung dịch axeton mà được điều chỉnh đến 800ppm của hợp chất sáng chế được rót vào vật chứa có 50ml hàm lượng và hợp chất sáng chế được phủ đều trên mặt trong của vật chứa để tạo ra 40mg/m^2 và sau đó vật chứa này được làm khô.

Trong vật chứa, 5 con gián Đức (*Blattella germanica*) đực trưởng thành được thả vào trong vật chứa và sau đó che vật chứa lại bằng nắp. Sau khi kết thúc thời gian quy định, kiểm tra tình trạng của gián Đức và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (Số lượng côn trùng chết/Số lượng côn trùng được thử nghiệm) × 100

[0380]

Ví dụ thử nghiệm 10-1

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách thực hiện thời gian quy định trôi qua là 1

giờ và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 10 và hiệu quả của sáng chế được xác nhận.

[0381]

Ví dụ thử nghiệm 10-2

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách thực hiện thời gian quy định trôi qua là 1 ngày và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 10 và hiệu quả của sáng chế được xác nhận.

[0382]

Ví dụ thử nghiệm 10-3

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách thực hiện thời gian quy định trôi qua là 3 ngày và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 10 và hiệu quả của sáng chế được xác nhận.

[0383]

Phương pháp thử nghiệm 11

Dung dịch axeton mà được điều chỉnh đến 50ppm của hợp chất sáng chế được rót vào vật chứa có 20ml hàm lượng và hợp chất sáng chế được phủ đều lên mặt trong của vật chứa để tạo ra 2,5mg/m^2 và sau đó vật chứa được để khô.

Trong vật chứa, 5 con nhộng của ve Đông Á *Haemaphysalis longicornis* được thả vào trong vật chứa và sau đó che vật chứa lại bằng nắp. Sau khi kết thúc thời gian quy định, kiểm tra tình trạng của ve Đông Á *Haemaphysalis longicornis* và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (Số lượng côn trùng chết/Số lượng côn trùng được thử nghiệm) × 100

[0384]

Ví dụ thử nghiệm 11

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách thực hiện thời gian quy định trôi qua là 2 ngày và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 11 và hiệu quả của sáng chế được xác nhận.

[0385]

Phương pháp thử nghiệm 12

Dung dịch axeton mà được điều chỉnh đến 50ppm hợp chất sáng chế được rót vào vật chứa có 20ml hàm lượng và hợp chất sáng chế được phủ đều lên mặt trong của vật chứa để tạo ra 2,5 mg/m^2 và sau đó vật chứa được để khô.

Trong vật chứa, 10 con kiến thợ của loài kiến *Monomorium pharaonis* được thả vào trong vật chứa và sau đó che vật chứa lại bằng nắp. Sau khi kết thúc thời gian quy định, kiểm tra tình trạng của kiến *Monomorium pharaonis* và tính tỷ lệ chết của côn trùng theo phương trình sau.

Tỷ lệ chết (%) = (Số lượng côn trùng chết/Số lượng côn trùng được thử nghiệm) × 100

[0386]

Ví dụ thử nghiệm 12

Thử nghiệm được tiến hành bằng cách thực hiện thời gian quy định trôi qua là 1 giờ và sử dụng các hợp chất sáng chế X nhắc đến dưới đây là hợp chất thử nghiệm theo phương pháp thử nghiệm 12 và hiệu quả của sáng chế được xác nhận.

[0387]

Phương pháp thử nghiệm 13

Mỗi 1mg hợp chất sáng chế X được hòa tan trong 10μL của dung dịch hỗn hợp chứa xylen, DMF và chất hoạt động bề mặt (xylen : DMF : chất hoạt động bề mặt = 4 : 4: 1 (tỷ lệ thể tích/thể tích)). Còn bổ sung thêm nước chứa 0,02% theo thể tích của máy rải để điều chế dung dịch pha loãng A chứa nồng độ quy định của hợp chất sáng chế.

Mỗi 1mg của các thành phần sáng chế được hòa tan trong 10μL của dung dịch hỗn hợp chứa xylen, DMF và chất hoạt động bề mặt (xylen : DMF: chất hoạt động bề mặt = 4 : 4: 1 (tỷ lệ thể tích/thể tích)). Còn được bổ sung thêm nước chứa 0,02% theo thể tích của máy rải để điều chế dung dịch pha loãng B chứa nồng độ quy định của thành phần sáng chế.

Trộn dung dịch pha loãng A với dung dịch pha loãng B để điều chế dung dịch

pha loãng C.

Các đĩa lá của lá mầm dưa chuột (*cucumber sativus*) (độ dài là 1,5cm) được đặt trong từng giếng của đĩa 24 giếng. Hai (2) con trưởng thành không cánh và 8 con ấu trùng rệp bông (*Aphis gossypii*) cho mỗi giếng được thả vào và dung dịch pha loãng C được phun theo tỷ lệ 20µL/một giếng. Nhóm này được xác định là "nhóm được xử lý". Nhóm mà được phun 20µL nước chứa 0,02% theo thể tích của máy rải thay vì phun dung dịch pha loãng C được xác định là "nhóm không được xử lý".

Sau khi làm khô dung dịch pha loãng C, tấm vi giếng trên được phủ bằng tấm màng. Sau 5 ngày, kiểm tra số lượng côn trùng sống sót ở mỗi giếng.

Tính giá trị kiểm soát theo phương trình sau đây.

Giá trị kiểm soát (%) = {1 - (Tai)/(Cai)} × 100

trong đó, các ký hiệu trong phương trình được mô tả như sau.

Cai: Số lượng côn trùng sống sót tại thời điểm kiểm tra ở nhóm không được xử lý;

Tai: Số lượng côn trùng sống sót tại thời điểm kiểm tra ở nhóm được xử lý.

[0388]

Các dung dịch pha loãng C cụ thể, mà có thể xác nhận hiệu quả của nó theo phương pháp thử nghiệm 13, được mô tả từ 1) đến 5) sau đây.

[0389]

1) Dung dịch pha loãng C bao gồm hỗn hợp được nhắc đến trong danh sách A trong đó nồng độ của hợp chất sáng chế X là 200ppm và nồng độ của thành phần sáng chế là 2000ppm. Theo danh sách A, hợp chất X là một hợp chất bất kỳ được chọn từ hợp chất sáng chế 1-1, 1-2, 2-1, 2-2, 2-3, 2-4, 2-5, 2-6, 2-7, 2-8, 2-9, 2-10, 2-11, 2-12, 2-13, 2-14, 2-15, 2-16, 2-17, 2-18, 2-19, 2-20, 2-21, 2-22, 2-23, 2-24, 2-25, 2-26, 2-27, 2-28, 2-29, 2-30, 2-31, 2-32, 2-33, 2-34, 2-35, 2-36, 2-37, 3-1, 3-2, 3-3, 3-4, 3-5, 3-6, 3-7, 3-8, 3-9, 3-10, 3-11, 3-12, 3-13, 3-14, 3-15, 3-16, 3-17, 3-18, 3-19, 3-20, 3-21, 3-22, 3-23, 3-24, 3-25, 3-26, 3-27, 3-28, 3-29, 3-30, 3-31, 3-32, 3-33, 3-34, 3-35, 3-36, 3-37, 3-38, 3-39, 4-1, 4-2, 5-1, 5-2, 6-1, 6-2, 6-3, 6-4, 6-5, 6-6, 7-1, 7-2, 7-3, 7-4, 7-5,

7-6, 8-1, 8-2, 9, 10-1, 11, 12-1, 12-2 và 13.

Danh sách A:

Hợp chất X + Clothianidin; hợp chất X + thiamethoxam; hợp chất X + imidacloprid; hợp chất X + thiacloprid; hợp chất X + flupyradifuron; hợp chất X + sulfoxaflor; hợp chất X + triflumezopyrim; hợp chất X + dicloromezotiaz; hợp chất X + beta-xyfluthrin; hợp chất X + tefluthrin; hợp chất X + fipronil; hợp chất X + clorantraniliprol; hợp chất X + xyantraniliprol; hợp chất X + tetraniliprol; hợp chất X + thiodicarb; hợp chất X + carbofuran; hợp chất X + fluxametamit; hợp chất X + afoxolaner; hợp chất X + fluralaner; hợp chất X + broflanilide; hợp chất X + abamectin; hợp chất X + fluopyram; hợp chất X + fluensulfon; hợp chất X + fluazaindolizin; hợp chất X + tioxazafen; hợp chất X + flupyrimin; hợp chất X + Mycorrhizal Fungi; hợp chất X + Bradyrhizobium japonicum TA-11; hợp chất X + Bacillus firmus; hợp chất X + Bacillus firmus I-1582; hợp chất X + Bacillus amyloliquefaciens; hợp chất X + Bacillus amyloliquefaciens FZB42; hợp chất X + Pasteuria nishizawae; hợp chất X + Pasteuria nishizawae Pn1; hợp chất X + Pasteuria penetrans; hợp chất X + tebuconazol; hợp chất X + prothioconazol; hợp chất X + metconazol; hợp chất X + ipconazol; hợp chất X + triticonazol; hợp chất X + difenoconazol; hợp chất X + imazalil; hợp chất X + triadimenol; hợp chất X + tetraconazol; hợp chất X + flutriafol; hợp chất X + mandestrobin; hợp chất X + azoxystrobin; hợp chất X + pyraclostrobin; hợp chất X + trifloxystrobin; hợp chất X + fluoxastrobin; hợp chất X + picoxystrobin; hợp chất X + fenamidon; hợp chất X + metalaxyl; hợp chất X + metalaxyl-M; hợp chất X + fludioxonil; hợp chất X + sedaxan; hợp chất X + penflufen; hợp chất X + fluxapyroxad; hợp chất X + benzovindiflupyr; hợp chất X + boscalid; hợp chất X + carboxin; hợp chất X + penthiopyrad; hợp chất X + flutolanil; hợp chất X + captan; hợp chất X + thiram; hợp chất X + tolclofos-metyl; hợp chất X + thiabendazol; hợp chất X + ethaboxam; hợp chất X + mancozeb; hợp chất X + picarbutrazox; hợp chất X + oxathiapiprolin; hợp chất X + silthiofam; hợp chất X + inpyrfluxam.

[0390]

2) Dung dịch pha loãng C bao gồm hỗn hợp được nhắc đến trong danh sách A trong đó nồng độ của hợp chất sáng chế là 200ppm và nồng độ của thành phần sáng chế là 200ppm.

[0391]

3) Dung dịch pha loãng C bao gồm hỗn hợp được nhắc đến trong danh sách A trong đó nồng độ của hợp chất sáng chế X là 500ppm và nồng độ của thành phần sáng chế là 50ppm.

[0392]

4) Dung dịch pha loãng C bao gồm hỗn hợp được nhắc đến trong danh sách A trong đó nồng độ của hợp chất sáng chế X là 500ppm và nồng độ của thành phần sáng chế là 5ppm.

[0393]

5) Dung dịch pha loãng C bao gồm hỗn hợp được nhắc đến trong danh sách A trong đó nồng độ của hợp chất sáng chế X là 500ppm và nồng độ của thành phần sáng chế là 0,5ppm.

Khả năng ứng dụng trong công nghiệp

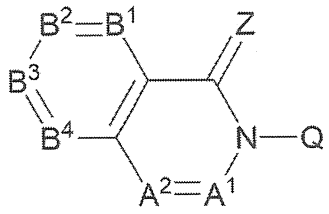
[0394]

Hợp chất sáng chế X (bao gồm hợp chất sáng chế) thể hiện hiệu quả kiểm soát vượt trội để chống lại động vật chân đốt gây hại.

Đơn này yêu cầu hưởng quyền ưu tiên và lợi ích từ đơn xin cấp bằng sáng chế Nhật Bản số 2019-066002 nộp ngày 29 tháng 3 năm 2019, và đơn xin cấp bằng sáng chế Nhật Bản số 2019-235932 nộp ngày 26 tháng 12 năm 2019, toàn bộ nội dung của chúng được kết hợp nhất vào đây nhằm mục đích viện dẫn.

YÊU CẦU BẢO HỘ

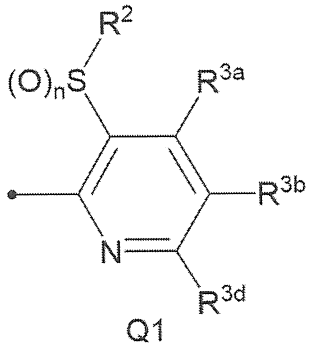
1. Hợp chất có công thức (I):



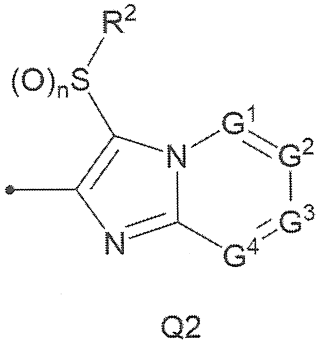
(I)

[trong đó:

Q là nhóm có công thức Q1 hoặc nhóm có công thức Q2,



Q1



Q2

Z là nguyên tử oxy hoặc nguyên tử lưu huỳnh,

hỗn hợp của A^1 và A^2 là:

hỗn hợp trong đó A^1 là CR^{4a} và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{4b}; hoặc

hỗn hợp trong đó A^1 là nguyên tử nitơ và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{4b},

hỗn hợp của B^1, B^2, B^3 và B^4 là,

hỗn hợp trong đó B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a}, B^2 là CR^1, B^3 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6c} và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d};

hỗn hợp trong đó B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a}, B^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6b}, B^3 là CR^1 và B^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6d};

hỗn hợp trong đó B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a}, B^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6b}, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^1;

hỗn hợp trong đó B^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6a}, B^2 là CR^{6b}, B^3 là nguyên tử nitơ và B^4 là CR^1; hoặc

hỗn hợp trong đó B^1 là CR^{6a}, B^2 là nguyên tử nitơ, B^3 là nguyên tử nitơ

và B^4 là CR^1,

R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8, nguyên tử halogen hoặc $OS(O)_2R^8$,

m là 0, 1 hoặc 2,

R^8 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; hoặc nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen,

R^{4a}, R^{4b}, R^{6a}, R^{6b}, R^{6c} và R^{6d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, NR^9R^{10}, $C(O)R^7$, $C(O)NR^{19}R^{20}$, $NR^9C(O)R^{18}$, $NR^9C(O)OR^{18}$, $NR^9C(O)NR^{19}R^{20}$, nhóm xyano, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^9 và R^{19} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^{10} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm C3-C7 xycloalkenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nguyên tử hyđro hoặc $S(O)_2R^{21}$,

R^{21} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D,

R^7, R^{18} và R^{20} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon

C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J hoặc nguyên tử hyđro,

n là 0, 1 hoặc 2,

R^2 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl hoặc nhóm xyclopropylmetyl,

G^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3a},

G^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3b},

G^3 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3c},

G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d},

R^{3a}, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm B, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm E, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H, OR^{12}, $NR^{11}R^{12}$, $NR^{11a}R^{12a}$, $NR^{24}NR^{11}R^{12}$, $NR^{24}OR^{11}$, $NR^{11}C(O)R^{13}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)R^{13}$, $NR^{11}C(O)OR^{14}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)OR^{14}$, $NR^{11}C(O)NR^{31}R^{32}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)NR^{31}R^{32}$, $N=CHNR^{31}R^{32}$, $N=S(O)_pR^{15}R^{16}$, $C(O)R^{13}$, $C(O)OR^{17}$, $C(O)NR^{31}R^{32}$, $C(O)NR^{11}S(O)_2R^{23}$, $CR^{30}=NOR^{17}$, $NR^{11}CR^{24}=NOR^{17}$, $S(O)_qR^{23}$, nhóm xyano, nhóm nitro, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen,

p là 0 hoặc 1,

q là 0 hoặc 1,

R^{30} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen OR^{35}, $NR^{36}R^{37}$ hoặc nguyên tử hyđro,

R^{35} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

R^{17} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D hoặc

nguyên tử hyđro,

R^{11}, R^{24}, R^{36} và R^{37} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^{12} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm C3-C7 xycloalkenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nguyên tử hyđro hoặc $S(O)_2R^{23}$,

R^{23} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D,

R^{11a} và R^{12a} kết hợp cùng với nguyên tử nitơ mà chúng gắn vào là nhóm dị vòng không thơm có từ 3 đến 7 cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm E,

R^{13} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D hoặc nguyên tử hyđro,

R^{14} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl C1-C3 alkyl {gốc phenyl trong nhóm phenyl C1-C3 alkyl có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D},

R^{15} và R^{16} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

R^{31} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, hoặc

nguyên tử hyđro,

R^{32} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J hoặc nguyên tử hyđro,

khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào là vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng oxadiazol, vòng thiadiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin, vòng pyrazin (vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin và vòng pyrazin đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H} hoặc vòng triazol tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm I,

Nhóm B: nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfanyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfinyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm D: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfanyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfinyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm E: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc

nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy, nhóm oxo và nguyên tử halogen,

Nhóm F: nhóm bao gồm nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm H: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm (C1-C6 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm I: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C2-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử

halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm (C1-C6 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

Nhóm J: nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm amino, nhóm xyano và nguyên tử halogen],

hoặc N-oxit của nó.

2. Hợp chất theo điểm 1, trong đó:

hỗn hợp của A^1 và A^2 là:

hỗn hợp trong đó A^1 là CR^{4a} và A^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{4b}; hoặc

hỗn hợp trong đó A^1 là nguyên tử nitơ và A^2 là CR^{4b},

R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8 hoặc $OS(O)_2R^8$,

hoặc N-oxit của nó.

3. Hợp chất theo điểm 1 hoặc 2 hoặc N-oxit của nó, trong đó:

R^{3a} là nguyên tử hyđro, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl, nhóm C3-C7 xycloalkyl {nhóm C1-C6 alkyl, nhóm C2-C6 alkenyl và nhóm C3-C7 xycloalkyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano}, nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl, nhóm pyrimidinyl {nhóm phenyl, nhóm triazolyl, nhóm pyridyl và nhóm pyrimidinyl đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm

thế được chọn từ nhóm J}, OR^{12}, $CR^{30}=NOR^{17}$, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, và khi Q là nhóm có công thức Q1, và R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nguyên tử halogen).

4. Hợp chất theo điểm 1 hoặc 2 hoặc N-oxit của nó, trong đó:

R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro, R^{3b} và R^{3c} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen, và khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào có thể tạo thành vòng benzen (vòng benzen có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, và nguyên tử halogen).

5. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4 hoặc N-oxit của nó, trong đó Q là nhóm có công thức Q1.

6. Hợp chất theo điểm 1 hoặc 2 hoặc N-oxit của nó, trong đó Q là nhóm có công thức Q1 và R^{3a} và R^{3d} là nguyên tử hyđro.

7. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4 hoặc N-oxit của nó, trong đó Q là nhóm có công thức Q2.

8. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 7 hoặc N-oxit của nó, trong đó B^1 là CH, hỗn hợp của B^2, B^3 và B^4 là hỗn hợp trong đó B^2 là CR^1, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^{6d}; hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^1 và B^4 là CR^{6d}; hoặc hỗn hợp trong đó B^2 là CR^{6b}, B^3 là CR^{6c} và B^4 là CR^1.

9. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4, 7 hoặc 8 hoặc N-oxit của nó, trong đó G^1 là nguyên tử nitơ hoặc CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CH.

10. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 4, 6 hoặc 7 hoặc N-oxit của nó, trong đó G^1 là CH, G^2 là CR^{3b}, G^3 là CR^{3c} và G^4 là CH.

11. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 10 hoặc N-oxit của nó, trong

đó R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; nguyên tử halogen; hoặc OR^8.

12. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 10 hoặc N-oxit của nó, trong đó R^1 là nhóm C1-C6 alkyl có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nguyên tử halogen và nhóm xyano; nhóm xyclopropyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; $S(O)_mR^8$; hoặc OR^8.

13. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 12 hoặc N-oxit của nó, trong đó R^2 là nhóm etyl.

14. Hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 13 hoặc N-oxit của nó, trong đó Z là nguyên tử oxy.

15. Chế phẩm kiểm soát động vật chân đốt gây hại, chế phẩm này bao gồm hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 14 hoặc N-oxit của nó.

16. Chế phẩm bao gồm một hoặc nhiều thành phần được chọn từ nhóm bao gồm nhóm (a), nhóm (b), nhóm (c) và nhóm (d) sau đây và hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 14 hoặc N-oxit của nó (sau đây, được gọi là "chế phẩm sáng chế" hoặc "chế phẩm theo sáng chế"):

Nhóm (a): nhóm bao gồm các thành phần trừ sâu, các thành phần trừ nhện và các thành phần trừ tuyến trùng;

Nhóm (b): các thành phần diệt nấm,

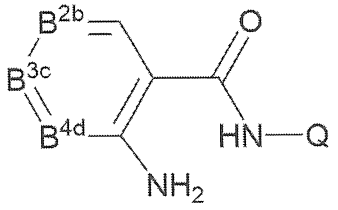
Nhóm (c): các thành phần điều biến tăng trưởng thực vật; và

Nhóm (d): các thành phần trừ rệp.

17. Phương pháp kiểm soát động vật chân đốt gây hại, phương pháp này bao gồm sử dụng lượng hữu hiệu hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 14 hoặc N-oxit của nó hoặc lượng hữu hiệu chế phẩm theo điểm 16 cho động vật chân đốt gây hại hoặc môi trường sống nơi mà động vật chân đốt gây hại sống.

18. Hạt giống hoặc cơ quan sinh sản sinh dưỡng mang lượng hữu hiệu hợp chất theo điểm bất kỳ trong số các điểm từ 1 đến 14 hoặc N-oxit của nó hoặc lượng hữu hiệu chế phẩm theo điểm 16.

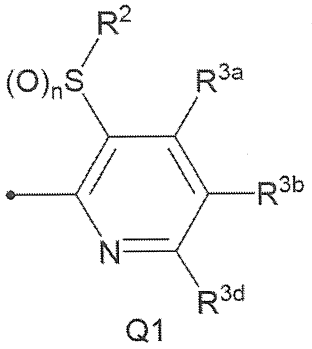
19. Hợp chất có công thức (II):



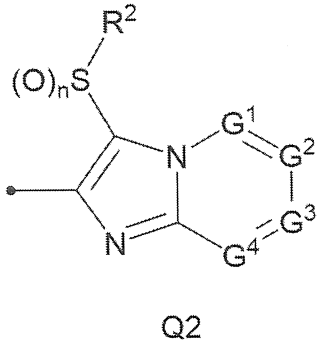
(II)

[trong đó,

Q là nhóm có công thức Q1 hoặc nhóm có công thức Q2,



Q1



Q2

[trong đó,

hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là:

hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd};

hỗn hợp trong đó B^{2b} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc

hỗn hợp trong đó B^{2b} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6bb}, B^{3c} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1,

R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8, nguyên tử halogen hoặc $OS(O)_2R^8$,

m là 0, 1 hoặc 2,

R^8 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; hoặc nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen,

R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

n là 0, 1 hoặc 2,

R^2 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyclopropyl hoặc nhóm xyclopropylmetyl,

G^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3a},

G^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3b},

G^3 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3c},

G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d},

R^{3a}, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm B, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm E, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H, OR^{12}, $NR^{11}R^{12}$, $NR^{11a}R^{12a}$, $NR^{24}NR^{11}R^{12}$, $NR^{24}OR^{11}$, $NR^{11}C(O)R^{13}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)R^{13}$, $NR^{11}C(O)OR^{14}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)OR^{14}$, $NR^{11}C(O)NR^{31}R^{32}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)NR^{31}R^{32}$, $N=CHNR^{31}R^{32}$, $N=S(O)_pR^{15}R^{16}$, $C(O)R^{13}$, $C(O)R^{17}$, $C(O)NR^{31}R^{32}$, $C(O)NR^{11}S(O)_2R^{23}$, $CR^{30}=NOR^{17}$, $NR^{11}CR^{24}=NOR^{17}$, $S(O)_qR^{23}$, nhóm xyano, nhóm nitro, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen,

p là 0 hoặc 1,

q là 0 hoặc 1,

R^{30} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử

halogen, nguyên tử halogen OR^{35}, $NR^{36}R^{37}$ hoặc nguyên tử hyđro,

R^{35} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

R^{17} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D hoặc nguyên tử hyđro,

R^{11}, R^{24}, R^{36} và R^{37} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^{12} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm C3-C7 xycloalkenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nguyên tử hyđro hoặc $S(O)_2R^{23}$,

R^{23} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D,

R^{11a} và R^{12a} kết hợp cùng với nguyên tử nitơ mà chúng gắn vào là nhóm dị vòng không thơm có từ 3 đến 7 cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm E,

R^{13} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D hoặc nguyên tử hyđro,

R^{14} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc

nhóm phenyl C1-C3 alkyl {gốc phenyl trong nhóm phenyl C1-C3 alkyl có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D},

R^{15} và R^{16} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

R^{31} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^{32} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J hoặc nguyên tử hyđro,

khi Q là nhóm có công thức Q1, R^{3b} và R^{3d} kết hợp với hai nguyên tử cacbon mà chúng gắn vào là vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng oxadiazol, vòng thiadiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin, vòng pyrazin (vòng benzen, vòng pyrol, vòng furan, vòng thiophen, vòng pyrazol, vòng imidazol, vòng oxazol, vòng isoxazol, vòng thiazol, vòng isothiazol, vòng pyridin, vòng pyridazin, vòng pyrimidin và vòng pyrazin đều có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H} hoặc vòng triazol tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm I,

Nhóm B: nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfanyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfinyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6

alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm D: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfanyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfinyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm E: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino

tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy, nhóm oxo và nguyên tử halogen,

Nhóm F: nhóm bao gồm nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm H: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm (C1-C6 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có

một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm I: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C2-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm (C1-C6 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen và nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

Nhóm J: nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm amino, nhóm xyano và nguyên tử halogen],

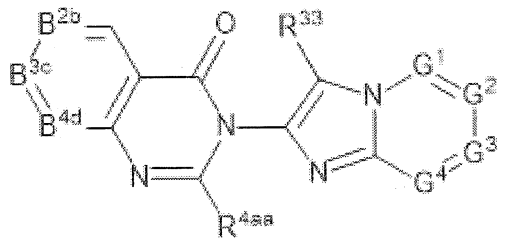
hoặc N-oxit của nó.

20. Hợp chất theo điểm 19, trong đó:

R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8 hoặc $OS(O)_2R^8$,

hoặc các muối của nó.

21. Hợp chất có công thức (III):



(III)

[trong đó:

R^{33} là nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen,

hỗn hợp của B^{2b}, B^{3c} và B^{4d} là:

hỗn hợp trong đó B^{2b} là CR^1, B^{3c} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6cc} và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd};

hỗn hợp trong đó B^{2b} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6bb}, B^{3c} là CR^1 và B^{4d} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6dd}; hoặc

hỗn hợp trong đó B^{2b} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6bb}, B^{3c} là nguyên tử nitơ hoặc CR^{6cc} và B^{4d} là CR^1,

R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8, nguyên tử halogen hoặc $OS(O)_2R^8$,

m là 0, 1 hoặc 2,

R^8 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen; hoặc nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen,

R^{4aa}, R^{6bb}, R^{6cc} và R^{6dd} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

G^1 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3a},

G^2 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3b},

G^3 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3c},

G^4 là nguyên tử nitơ hoặc CR^{3d},

R^{3a}, R^{3b}, R^{3c} và R^{3d} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm B, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm E, nhóm

phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm H, OR^{12}, $NR^{11}R^{12}$, $NR^{11a}R^{12a}$, $NR^{24}NR^{11}R^{12}$, $NR^{24}OR^{11}$, $NR^{11}C(O)R^{13}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)R^{13}$, $NR^{11}C(O)OR^{14}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)OR^{14}$, $NR^{11}C(O)NR^{31}R^{32}$, $NR^{24}NR^{11}C(O)NR^{31}R^{32}$, $N=CHNR^{31}R^{32}$, $N=S(O)_pR^{15}R^{16}$, $C(O)R^{13}$, $C(O)R^{17}$, $C(O)NR^{31}R^{32}$, $C(O)NR^{11}S(O)_2R^{23}$, $CR^{30}=NOR^{17}$, $NR^{11}CR^{24}=NOR^{17}$, $S(O)_qR^{23}$, nhóm xyano, nhóm nitro, nguyên tử hyđro hoặc nguyên tử halogen,

p là 0 hoặc 1,

q là 0 hoặc 1,

R^{30} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nguyên tử halogen OR^{35}, $NR^{36}R^{37}$ hoặc nguyên tử hyđro,

R^{35} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

R^{17} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D hoặc nguyên tử hyđro,

R^{11}, R^{24}, R^{36} và R^{37} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^{12} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm C3-C7 xycloalkenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nguyên tử hyđro hoặc $S(O)_2R^{23}$,

R^{23} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, hoặc nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D,

R^{11a} và R^{12a} kết hợp cùng với nguyên tử nitơ mà chúng gắn vào là nhóm dị vòng không thơm có từ 3 đến 7 cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm

E,

R^{13} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D hoặc nguyên tử hyđro,

R^{14} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C3-C6 xycloalkyl)C1-C3 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nhóm phenyl C1-C3 alkyl {gốc phenyl trong nhóm phenyl C1-C3 alkyl có thể có tùy ý một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D},

R^{15} và R^{16} là giống nhau hoặc khác nhau và đều là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen,

R^{31} là nhóm C1-C6 alkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen hoặc nguyên tử hyđro,

R^{32} là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm F, nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm J hoặc nguyên tử hyđro,

Nhóm B: nhóm bao gồm nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfanyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfinyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6

alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm D: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfanyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfinyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylsulfonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm E: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkenyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 alkynyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6

alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm C1-C6 alkylaminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy, nhóm oxo và nguyên tử halogen,

Nhóm F: nhóm bao gồm nhóm C3-C7 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen,

Nhóm H: nhóm bao gồm nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C3-C6 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm phenyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm dị vòng thơm có năm (5) hoặc sáu (6) cạnh tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm D, nhóm C1-C6 alkoxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C1-C6 alkylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkylcacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonyloxy tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm aminocacbonyl, nhóm (C1-C6 alkyl)aminocacbonyl tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm đi(C1-C4 alkyl)aminocacbonyl tùy

ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm C2-C6 alkoxycacbonylamino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm (C2-C6 alkoxycacbonyl)(C1-C6 alkyl) amino tùy ý có một hoặc nhiều nguyên tử halogen, nhóm xyano, nhóm amino, nhóm nitro, nhóm hyđroxy và nguyên tử halogen],

hoặc N-oxit của nó.

22. Hợp chất theo điểm 21, trong đó R^1 là nhóm mạch hyđrocacbon C1-C6 có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, nhóm C3-C4 xycloalkyl tùy ý có một hoặc nhiều nhóm thế được chọn từ nhóm bao gồm nhóm xyano và nguyên tử halogen, $S(O)_mR^8$, OR^8 hoặc $OS(O)_2R^8$.